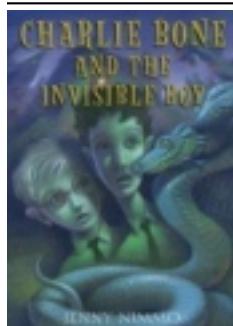


Charlie Bone và cậu bé vô hình (Tập 3)

Contents

Charlie Bone và cậu bé vô hình (Tập 3)	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	2
3. Chương 3	2
4. Chương 4	3
5. Chương 5	11
6. Chương 6	20
7. Chương 7	26
8. Chương 8	34
9. Chương 9	43
10. Phần 1	48
11. Phần 2	54
12. Chương 12	59
13. Chương 13	66
14. Chương 14	74
15. Chương 15	81
16. Chương 16	89
17. Phần 1	98
18. Phần 2	104
19. Chương 19	109
20. Chương 20	116
21. Chương 21	124
22. Chương 22	131

Charlie Bone và cậu bé vô hình (Tập 3)



Giới thiệu

Có một số thay đổi trong học kì này tại học viện Bloor: một thầy hội họa mới, thầy Boldova, cùng m

1. Chương 1

{Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - góc nhỏ cho người yêu sách}

Những kẻ được ban phép thuật

Chúng là hậu duệ từ mười người con của Vua Đỏ - một ông vua kiêm phù thủy đã rời châu Phi vào thế kỷ thứ mười hai, với ba con báo tháp tùng.

Vua Đỏ đã sống qua nhiều thế kỷ, và làm ra một quả cầu kỳ diệu bằng pha lê. Ông bỏ vào đó tất cả ký ức của mình về cuộc đời cùng những chuyến du hành quanh thế giới. Ông dùng quả cầu để xoăn xuyên thời gian, ngược về quá khứ và tới trước tương lai.

Khi ở trong tay người khác, quả cầu này trở nên nguy hiểm và không lường trước được.

2. Chương 2

Những hậu duệ của Vua Đỏ.

Còn gọi là những kẻ được ban phép thuật.

Manfred Bloor: Huynh trưởng của Học viện Bloor. Biết thôi miên.

Charlie Bone: Hậu duệ dòng họ Yewbeam, một dòng họ có nhiều người được ban phép thuật. Charlie có thể nghe được tiếng nói của những người trong hình chụp và hình vẽ.

Zelda Dobinski: hậu duệ một dòng họ phù thủy Ba Lan lâu đời, Zelda là người siêu năng, có thể di chuyển đồ vật bằng ý nghĩ.

Dorcas Loom: Cũng được ban phép thuật. Nhưng tài phép chưa bộc lộ.

Asa Pike: Hậu duệ một bộ lạc sống ở những khu rừng phía Bắc, có mối liên hệ với những loài thú hoang dã. Asa có thể biến thành thú vào lúc trời tối.

Billy Raven: Chắt của một người đàn ông có tài nói chuyện với lũ quạ hay đậu ở trên giá treo cổ, nơi treo thây những tử tội. Vì tài này mà ông bị đuổi khỏi ngôi làng của mình. Billy có thể nói chuyện với thú vật và hiểu được thú vật.

Lysander Sage: Hậu duệ một dòng họ những nhà thông thái châu Phi. Có phép gọi hồn tổ tiên mình.

Gabriel Silk: Thuộc một dòng họ gồm những nhà tâm linh học, Gabriel có thể cảm nhận được ý nghĩ và cảm xúc của người khác qua áo quần của họ.

Emma Tolly: Hậu duệ của một hiệp sĩ người Tây Ban Nha, là người từng đồng hành với Vua Đỏ trên những bước đường rong ruổi của ông. Emma có thể biến thành chim.

Tancred Torsson: Hậu duệ của một người gọi bão xứ Scandinavi được đặt tên theo thần sấm là Thor. Tancred có thể tạo nên gió, mưa, sấm và chớp.

3. Chương 3

Chuyện mở đầu bằng...

Khi Vua Đỏ rời châu Phi, ông mang theo một con rắn, chính xác là một con rắn Nam Mỹ quý hiếm, do một nhà thông thái du mục dâng tặng. Con rắn này có bộ da vừa đen nhầy vừa óng ánh bạc, mắt nó trông tựa hai giọt nước. Rất ít khi đôi mắt rừng rực ấy nhắm lại, mà có nhắm cũng chỉ là giả bộ. Khi nhà vua có mặt, con rắn luôn cảnh giác cao độ. Không một tên trộm hay kẻ ám sát nào dám vượt qua nó. Vị vua - người có thể nói được ngôn ngữ của loài rắn - quý con rắn như một người bạn, một vệ sĩ, và một cố vấn uyên bác. Ông yêu con rắn hết mực.

Một ngày nọ, trong khi Vua Đỏ vắng mặt vì đi săn dài ngày, người con cả của ông là Borlath đã giăng lưới bắt con rắn. Borlath có trái tim độc ác nhất loài người, và môn thể thao hắn mê thích nhất là tra tấn, hành hạ các sinh vật sống. Trong vòng một tuần, hắn đã biến con rắn thông thái và hiền lành thành một sinh vật khát máu, sống chỉ để giết chóc. Nó có thể quần nạn nhân chết tươi trong vòng một vài phút.

Con gái của nhà vua là Guanhamara, kinh sợ trước bản chất giết chóc mới xuất hiện của con rắn, liền ra tay cứu con vật và yếm bùa, hy vọng chữa trị được cho nó. Nhưng than ôi, bùa chú của Guanhamara tung ra quá trễ nên chỉ có thể làm yếu đi cú siết thần sầu của con rắn. Nạn nhân của con rắn sẽ không chết, mà trở nên vô hình.

Khi Guanhamara qua đời, con rắn rơi vào một giấc ngủ sâu. Nó teo quắt lại thành một vật không sống cũng không chết. Hy vọng một ngày nào đó sẽ lại đánh thức sinh vật này dậy, bảy người con gái của Guanhamara (người nào cũng đều là phù thủy) đem ngâm con rắn trong một hũ chất lỏng pha nhiều loại thảo mộc, nên nước có màu xanh da trời. Họ cũng cho vào hũ một con chim cánh mỏng, lông bóng mượt. Thế nhưng, xác những sinh vật ướp đó vẫn bị Borlath đánh cắp và truyền lại cho các hậu duệ của hắn, đến tận đời Ezekiel Bloor. Dùng phương pháp do ông nội mình truyền đạt lại, Ezekiel Bloor đã phục hồi được con rắn, mà lúc này da của nó đã chuyển thành màu xanh da trời óng ánh bạc. Nhưng với con chim thì lão không thành công.

Ezekiel Bloor giờ đã một trăm tuổi. Từ lâu lão vẫn hằng khao khát có được khả năng tàng hình, nhưng theo như lão biết rõ, thì tác dụng của cú quần con rắn là vĩnh viễn, và lão không dám để cho con vật quần mình. Lão già vẫn đang ráo riết tìm cho ra phương pháp đảo ngược được tình trạng vô hình, trong khi con rắn vẫn sống trên gác mái tối tăm của Học viện Bloor, chôn kín bí mật của nó trong lòng, cho đến khi ai đó có thể mang đến cho nó niềm an ủi của sự thấu hiểu - và lắng nghe câu chuyện của nó.

4. Chương 4

KỂ NGUY HIỂM

Một con cú xà xuống nóc căn nhà số 9, đường Filbert. Nó lượn bên trên một con chuột đang cuống quýt chạy, sau đó đậu lên một cành cây kế cửa sổ của Charlie Bone. Con cú hú lên, nhưng Charlie vẫn ngủ say sưa.

Bên kia đường, trong nhà số 12, Benjamin Brown đã thức giấc. Nó hé tấm rèm phòng mình ra ngó con cú, và tình cờ thấy ba bóng người hiện ra nơi ngưỡng cửa nhà số 9. Dưới ánh đèn đường nhợt nhạt, gương mặt của họ khuất chìm trong bóng tối, nhưng Benjamin có thể nhận ra họ ở bất cứ nơi đâu. Họ là những bà cô của Charlie Bone, bà Lucretia, bà Eustacia, và bà Venetia Yewbeam. Khi lén lút đi xuống những bậc cấp, một trong ba bà thành linh ngược lên ngó Benjamin. Nó vội thụt nép vô sau tấm rèm và nhìn họ hấp tấp đi khỏi con đường. Cả ba bà đều mặc áo khoác đen có mũ trùm, và đầu họ nghiêng nghiêng, chụm vô nhau như những kẻ đang âm mưu chuyện gì đó.

Bấy giờ là bốn rưỡi sáng. Tại sao những bà cô nhà Yewbeam lại ra đi sớm như vậy? Có phải họ đã ở nhà Charlie suốt đêm? Họ lại đang mưu tính một kế hoạch độc địa nào đó rồi, Benjamin nghĩ.

Phải chi Charlie đừng được thừa hưởng cái tài phép quái lạ như thế. Và phải chi những bà cô của Charlie đừng biết gì về cái tài đó, thì có lẽ nó đã được yên rồi. Thế nhưng, một khi người ta có tổ tiên là một phù thủy và một vị vua, thì chắc chắn bà con họ hàng sẽ phải mong chờ một cái gì đó ở ta thôi.

“Tội nghiệp Charlie,” Benjamin lẩm bẩm một mình.

Con chó vàng to đùng của Benjamin, con Hạt Đậu, từ trên giường tru lên đầy thương cảm. Benjamin nghĩ bụng, hay là nó đã đoán được việc gì sắp xảy ra với nó. Chắc chắn rồi! Suốt hai ngày qua, cô chú Brown bận bịu dọn dẹp nhà cửa và gói ghém đồ đạc. Loài chó luôn cảm biết được việc gì sẽ diễn ra khi người ta bắt đầu đóng gói hành lý.

“Ăn sáng, Benjamin!” Cô Brown gọi với lên từ nhà bếp.

Có tiếng chú Brown đang hát trong nhà tắm.

Benjamin và con Hạt Đậu chạy xuống lầu. Ba tô cháo bột yến mạch đã để sẵn trên bàn nhà bếp. Benjamin ngồi xuống. Má nó đang chiên xúch và cà chua, và nó rất vui khi thấy má nó không quên con chó của nó. Tô của Hạt Đậu cũng đã đầy xúch xích thái cục rồi.

Chú Brown vô nhà bếp, miệng vẫn hát ư ử và vẫn mặc áo choàng tắm. Cô Brown đã thay đồ chỉnh tề - một bộ vét xám gọn gàng, với mái tóc thẳng màu rơm cắt ngắn. Cô không diện một món nữ trang nào cả.

Ba mẹ của Benjamin là những thám tử tư, và họ luôn chú ý sao cho càng có vẻ mai danh ẩn tích càng tốt. Thỉnh thoảng, họ đeo ria mép giả hoặc đội tóc giả để cải trang. Thường thì chỉ có chú Brown mới dùng râu ria giả, nhưng có một lần (cái lần mà Benjamin muốn quên đi) cô Brown cũng thấy cần thiết phải đeo một bộ râu giả.

Mẹ của Benjamin đổi cái tô nó vừa chén sạch, lấy thêm một đĩa đầy cho nó và bảo:

“Con đem Hạt Đậu qua nhà Charlie gửi ngay khi đánh răng xong nhé. Nửa giờ nữa chúng ta sẽ đi.”

“Dạ!”

Benjamin tọng cho xong chỗ điểm tâm còn lại rồi chạy trở lên lầu. Nó không bảo với mẹ nó rằng Charlie chưa chính thức nhận lời chăm sóc con Hạt Đậu.

Phòng tắm của gia đình Brown nhìn xuống đường Filbert, và trong khi Benjamin đánh răng, nó thấy một người đàn ông cao lớn, trùm áo khoác đen đi xuống các bậc cấp nhà số 9. Benjamin ngừng chải răng và trở mắt dòm. Việc quái gì đang diễn ra trong nhà Charlie thế nhỉ?

Cái ông cao to đó là Paton Yewbeam, Ông cậu của Charlie. Ông đeo kính đen và cầm theo một cây gậy màu trắng. Benjamin tin chắc là cặp kính đen kia có liên quan tới khả năng kích nổ bóng đèn đầy xui xẻo của ông. Ông cậu Paton vốn không bao giờ xuất hiện vào ban ngày, nếu có thể tránh được; nhưng ra ngoài vào thời điểm tẻo ngoe như thế này thì thật là kỳ lạ, ngay cả đối với ông. Ông bước tới chiếc xe hơi màu xanh đậm, mở cốp xe ra và cẩn thận đặt cây gậy phép (và chỉ có thể là cây gậy phép) ngay phía sau.

Trước khi Benjamin chải răng tiếp thì Ông cậu của Charlie đã lái xe vù đi mất. Benjamin nhận xét, ông hướng về phía ngược lại với ba bà chị của mình. Điều này chẳng có gì ngạc nhiên, vì Ông cậu Paton và các bà chị là kẻ thù không đội trời chung của nhau.

“Con qua nhà Charlie lẹ đi,” cô Brown giục già từ nhà bếp.

Benjamin gói đồ ngủ và bàn chải đánh răng lại rồi đi xuống lầu.

Đuôi của con Hạt Đậu xuôi xị. Tai nó cụp xuống và mắt đảo tròn thật thảm thương. Benjamin cảm thấy có lỗi.

“Đi nào, Hạt Đậu,” nó nói với vẻ hờn hờ quá mức, nhưng chẳng lừa phỉnh được con chó tới một phút.

Thằng bé với con chó cùng rời nhà. Chúng là bạn thân nhất của nhau, và Hạt Đậu chắc không bao giờ mơ tới chuyện cãi lời Benjamin, nhưng hôm nay chú ta lết móng vuốt và miễn cưỡng bước lên những bậc cấp nhà số 9.

Benjamin nhấn chuông và Hạt Đậu rú lên. Chính tiếng rú đó đã đánh thức Charlie dậy. Tất cả mọi người trong nhà cũng bừng tỉnh, nhưng họ nghĩ mình vừa gặp ác mộng nên lại ngủ tiếp ngay.

Riêng Charlie, nhận ra tiếng rú, bèn lão đảo xuống cầu thang, ra mở cửa.

“Gì vậy?” Nó hỏi, nheo mắt vì chói đèn đường. “Vẫn còn đêm mà?”

“Ừ.” Benjamin nói. “Mình có một tin hấp dẫn vô cùng. Mình sắp đi Hồng Kông đây.”

Charlie dụi mắt.

“Cái gì, ngay bây giờ?”

“Ừ.”

Charlie bối rối, ngó bạn lom lom, sau đó mời bạn vô nhà xơi bánh mì nướng. Trong khi nướng bánh mì, Charlie hỏi Benjamin rằng con Hạt Đậu có cùng đi Hồng Kông với nó hay không.

“Ờ... không,” Benjamin ngập ngừng. “Nó mà đi thì sẽ phải cách ly để kiểm dịch. Nó ghét bị vậy lắm.”

“Vậy thì nó đi đâu?” Charlie liếc nhìn Hạt Đậu và con chó bự thấy cho nó một nụ cười héo úa.

“Chính vì vậy mà...” Benjamin vừa nói vừa ho nhẹ, “không có ai khác ngoài bồ, Charlie à.”

“Mình á? Mình không giữ chó ở đây được,” Charlie nói. “Nội Bone sẽ giết nó mất.”

“Đừng nói thế,” Benjamin hoảng hốt, lo lắng nhìn Hạt Đậu nằm sóng sượt dưới gầm bàn. “Nè, coi bồ làm gì kia, nó bực mình rồi kia.”

Charlie vừa mới bắt đầu ú ớ phản đối, Benjamin đã lẹ làng giải thích ngay rằng chuyến đi Hồng Kông hoàn toàn là bất ngờ. Một tỉ phú Trung Hoa yêu cầu ba má nó lần theo dấu vết của một chiếc vòng cổ vô giá, đã bị đánh cắp khỏi căn hộ ở Hồng Kông của ông ta. Gia đình Brown không thể khước từ một vụ đầy thách thức và được trả giá cao như thế này; nhưng vì vụ việc có thể mất nhiều tháng, nên họ không muốn bỏ Benjamin ở nhà một mình. Rủi thay, sự vụ không có phần cho Hạt Đậu.

Charlie ngồi thừ ra bên bàn bếp và gãi đầu. Mái tóc rối nùi của nó càng bù xù hơn thường ngày.

“Ồ,” nó chỉ nói được có nhiều đó.

“Cám ơn, Charlie,” Benjamin dứt một miếng bánh bự chẳng vô miệng. “Mình đi đây.”

Ra đến cửa nhà bếp, nó quay lại nhìn, vẻ tội lỗi:

“Mình xin lỗi. Hy vọng bồ sẽ thu xếp được, Charlie.”

Đoạn nó chuồn thẳng.

Benjamin phấn khích đến nỗi nó đã quên phéng không nói cho Charlie biết về Ông cậu Paton, về cây gậy phép hay về cuộc viếng thăm của ba bà cô.

Từ cửa sổ nhà bếp, Charlie nhìn bạn lao qua đường và nhảy vô chiếc xe hơi lớn màu xanh lá cây của gia đình Brown. Charlie giờ tay lên vẫy nhưng chiếc xe đã vụt đi khỏi, trước khi Benjamin kịp trông thấy nó.

“Giờ sao đây?” Charlie rên rỉ.

Như để trả lời, con Hạt Đậu rừ lên từ dưới gầm bàn. Benjamin không hề nghĩ đến chuyện để lại chút thức ăn chó nào cho Hạt Đậu, còn cô chú Brown thì quá bận đến nỗi chẳng thể nghĩ đến những việc tụn mủn.

“Ôi thám tử tư!” Charlie thốt lên.

Mất năm phút, Charlie phải vắt óc suy nghĩ xem làm sao để có thể giữ con Hạt Đậu mà nội Bone không biết. Nhưng suy nghĩ vào buổi sáng tờ mờ như thế này thì thật là hao tổn sức lực. Charlie gục đầu xuống bàn và ngủ mê đi.

Đen đủi làm sao, buổi sáng hôm đó, nội Bone là người đầu tiên xuống lầu.

“Gì thế này?” Tiếng rít của nội khiến Charlie giật thót mình choàng dậy.

“Ngủ trong bếp hả? May phước cho mày hôm nay là thứ Bảy, không thì mày lỡ xe buýt trường rồi.”

“Ừm.”

Charlie hấp háy nhìn lên người phụ nữ cao gầy trong chiếc áo choàng tằm màu xám. Một bím tóc màu tuyết thông thướt sau lưng bà, và đưng đưa từ bên này qua bên kia theo nhịp chân bước loanh quanh nhà bếp - đập ầm siêu, đóng mở tủ lạnh sầm sầm, dần mạnh tăng bơ cứng lên bệ bếp. Đột nhiên, bà quay ngoắt lại và nhìn Charlie chòng chọc.

“Tao ngửi thấy mùi chó,” nội Bone nói như tuyên án.

Charlie chợt nhớ ra con Hạt Đậu.

“Ch... chó?” Nó cà lăm.

May sao, tấm khăn trải bàn dày dài gần chấm đất, nên bà nội nó không trông thấy con Hạt Đậu.

“Thằng bạn mày vừa mới bén mảng tới hả? Thằng đó lúc nào cũng đầy mùi chó.”

“Benjamin? À... phải,” Charlie nói. “Nó tới để chào tạm biệt. Nó sắp đi Hồng Kông rồi.”

“Thoát nợ!” Nội Bone khịt mũi.

Khi nội Bone đi vô kho chứa thực phẩm, Charlie tóm lấy xích cổ Hạt Đậu và kéo con chó lên lầu.

“Tao không biết phải làm gì với mày đây,” Charlie thở dài. “Thứ Hai tao phải đi học rồi, tới thứ Sáu mới về. Mày biết đấy, tao phải ngủ lại trường mà.”

Con Hạt Đậu nhảy phóc lên giường Charlie, phe phẩy đuôi. Nó đã từng trải qua bao nhiêu giờ vui sướng trong phòng ngủ của Charlie rồi.

Charlie quyết định nhờ Ông cậu Paton giúp đỡ. Lướt ra khỏi phòng mình, nó rón rén đi qua chiếu nghỉ, tới cửa phòng Ông cậu. Tấm biển XIN ĐỪNG QUÁY RẦY treo ngay tầm mắt Charlie. Nó gõ cửa.

Không có tiếng trả lời.

Charlie thận trọng mở cửa ra và nhìn vô. Không có Ông cậu Paton trong phòng. Rồi khỏi nhà vào buổi sáng như thế này thật chẳng giống Ông cậu chút nào. Charlie tới bên chiếc bàn to chất đầy sách và giấy. Trên chồng sách cao nhất có một chiếc phong bì đề tên Charlie.

Charlie rút một tờ giấy ra khỏi phong bì và đọc những dòng chữ nguệch ngoạc, to sụ của Ông cậu.

Charlie thân yêu.

Các bà chị của ta vẫn chứng nào tật nấy. Nghe họ thì thăm toan tính từ sớm hoắc. Quyết định đi để ngăn chặn những việc xấu. Nếu ta không chặn thì có kẻ rất nguy hiểm sẽ tới. Không có thời gian giải thích. Vài ngày nữa sẽ trở về - Ta hy vọng thế!

Thương mến,

Ông cậu P.

Tái bút: Có mang theo cây gậy phép.

“Ôi trời,” Charlie rên rỉ. “Bữa nay chừng nào mọi thứ mới hết trật chĩa đây?”

Rủi thay, những rắc rối chỉ mới là bắt đầu.

Buông một tiếng thở dài thông thướt, Charlie rời phòng Ông cậu và húc thẳng vô một chồng khăn.

Bà ngoại của Charlie, ngoại Maisie, đang ôm chồng khăn, loạng choạng bật ngửa ra sau và ngồi đập xuống sàn cái phịch.

“Coi chừng, Charlie!” Ngoại hét.

Charlie đỡ bà ngoại dư ký lô của mình đứng lên, và trong khi giúp ngoại Maisie nhặt lại khăn, nó kể cho bà nghe về mẩu tin nhắn của Ông cậu Paton và vấn đề con Hạt Đậu.

“Đừng lo, Charlie,” ngoại Maisie bảo.

Giọng ngoại chìm xuống thành một tiếng thì ào ào khi nội Bone đi lên hết cầu thang:

“Để ta chăm sóc con vật tội nghiệp đó. Còn với Ông P... ta đảm bảo tất cả rồi sẽ kết thúc tốt đẹp thôi.”

Charlie trở lại phòng mình, thay đồ thật lẹ và bảo với Hạt Đậu là đồ ăn sẽ được mang lên ngay khi nội Bone đi khỏi, dù không phải do chính tay Charlie mang. Lúc đó có thể là bất cứ thời điểm nào trong ngày, hoặc cũng có thể là chẳng lúc nào cả, nhưng Hạt Đậu chẳng bận lòng. Nó nằm cuộn tròn trên giường và nhắm mắt lại. Charlie xuống lầu.

Ngoại Maisie đang cho quần áo vô máy giặt, và mẹ của Charlie, cô Amy Bone, đang uống vội tách cà phê thứ hai của mình. Cô chúc Charlie một ngày tốt lành, hôn nhẹ lên má nó rồi quây quả ra cửa hàng, nơi cô làm việc. Charlie nghĩ hôm nay có cân đong rau quả thôi mà mẹ nó diện hơi quá đà. Một sợi ruy băng bằng nhung cột mái tóc nâu vàng óng của mẹ ra sau, và mẹ mặc áo khoác mới toanh, màu bắp non. Charlie tự hỏi hay là mẹ có bạn trai. Nó hy vọng là không phải như vậy, khi nghĩ tới người cha đã biến mất.

Năm phút sau khi mẹ nó đi khỏi, nội Bone xuống lầu, trong chiếc áo khoác đen, và mái tóc trắng của bà giờ đã được búi cao thành một cục dưới chiếc nón đen. Bà la Charlie phải chải đầu đi, rồi biến khỏi cùng với nụ cười kỳ quặc trên gương mặt hốc hác.

Bà nội vừa đi khỏi, Charlie liền chạy bay ra tủ lạnh và lôi ra một tô đồ ăn thừa: thịt cừu hầm từ tối qua. Ngoại Maisie cười toét, lắc lắc đầu, nhưng vẫn để Charlie múc một ít vô cái nồi cho Hạt Đậu.

“Con nên đem con chó đó đi tập thể dục trước khi nội Bone trở về đi,” bà nói với theo.

Charlie làm theo lời khuyên của ngoại. Khi Hạt Đậu nghiêng ngấu xong chỗ thịt hầm, Charlie dắt chó ra sau vườn, tại đây chúng cùng chơi trò săn tìm dép lê tuyệt vời (chiếc dép mà Charlie tẩy chay vì trên quai dép có thêu tên của nó màu xanh da trời).

Hạt Đậu đang nhai nhồm nhoàm miếng dép lê cuối cùng thì ngoại Maisie bật mở một cánh cửa sổ trên lầu ra và gọi om lên:

“Coi chừng, Charlie. Máy bà Yewbeam tới đó!”

“Ở đây nghe, Hạt Đậu,” Charlie ra lệnh. “Ráng im lặng nhe.”

Nó phóng vù lên những bậc cấp cửa sau, chạy ù vô nhà bếp, và sà tới ngồi bên bàn, cầm đại một tờ tạp chí lên. Giọng các bà cô í ới vọng vô khi các bà leo lên những bậc cấp cửa trước. Một tiếng chìa khoá vặn trong ổ, và thế là, tiếng họ đã sang sảng trong hành lang. Nội Bone cùng ba bà em đang thi nhau nói cùng một lúc.

Các bà cô bước hùng dũng vô nhà bếp trong những bộ trang phục tươi trẻ hơn. Bà Lucretia và bà Eustacia đã thay những bộ đồ đen thường lệ của mình bằng màu xám xỉ than, còn bà cô Venetia thì thay bằng đồ tím. Bà này còn đi giày cao gót màu tím, với những chùm tua vàng óng đung đưa nơi đầu dây giày. Tất cả ba bà cô đều không giấu nụ cười ác nghiệt và vẻ đe dọa ánh lên trong những cặp mắt đen.

Bà cô Lucretia nói:

“Mày đấy à, Charlie!”

Bà ta lớn tuổi nhất, sau nội Bone, và là giám thị trong trường của Charlie.

“Vâng, cháu đây,” Charlie run run.

“Vẫn tóc đó, xời,” bà cô Eustacia trề môi, ngồi xuống đối diện Charlie.

“Dạ, vẫn tóc đó,” Charlie nói. “Cháu thấy tóc bà cũng vẫn vậy.”

“Đừng có tài khôn,” bà cô Eustacia vỗ vỗ cục búi tóc màu xám của mình. “Sao hôm nay mày không chải đầu?”

“Không có thời gian ạ,” Charlie đáp.

Nó chợt nhận thấy nội Bone vẫn còn đang nói chuyện với ai đó trong hành lang.

Bà cô Venetia đột nhiên ngân lên, “Lá la la...” và mở rộng cửa nhà bếp ra hết cỡ, như thể bà ta đang cung đón một nữ hoàng hay một ngôi sao màn bạc vậy. Nhưng chỉ có nội Bone xuất hiện, theo sau là một đứa con gái đẹp nhất mà Charlie từng thấy. Tóc nó màu vàng rực, mắt xanh thẳm và môi mọng như thiên thần.

“Chào, Charlie!”

Đứa con gái chìa bàn tay ra, theo kiểu cách như người ta chờ đợi một nụ hôn lên những ngón tay, từ một thằng bé quỳ gối thì càng thích.

“Tôi tên là Belle.”

Charlie đỏ mặt đến nỗi không biết phải làm gì.

Đứa con gái mỉm cười và ngồi xuống cạnh nó.

“Trời đất,” con bé thốt lên. “Tập chí đó dành cho phụ nữ.”

Charlie tá hỏa nhận ra, rằng nó đang cầm tờ tạp chí của mẹ. Ngoài bìa là một cô gái mặc đồ lót màu hồng đang ôm một con mèo con. Charlie cảm thấy nóng ran cả người. Nó biết, chắc chắn mặt nó phải đỏ bừng.

“Pha cà phê cho bọn ta, Charlie,” bà cô Lucretia gắt gỏng. “Sau đó bọn ta sẽ đi ngay.”

Charlie quăng tờ tạp chí xuống và chạy ra máy pha cà phê, trong khi nội Bone và mấy bà cô ngồi xì xầm xì xồ về nó. Belle sắp sửa vô học cùng trường với Charlie, Học viện Bloor, và Charlie phải kể cho con bé nghe tất cả về ngôi trường này.

Charlie thở dài. Nó muốn đi tới nhà bạn nó chơi – nhà thằng Fidelio. Tại sao mấy bà cô cứ luôn phải phá hỏng tất cả mọi thứ như vậy? Trong nửa giờ nó phải nghe tiếng lú lú cùng tiếng cười hình hích bên phin cà phê và bánh ngọt. Belle xử sự không giống một đứa trẻ chút nào, Charlie nghĩ bụng. Trông con nhỏ cỡ chừng mười hai tuổi, nhưng lại có vẻ rất ngang hàng phải lứa với mấy bà cô.

Khi giọt cà phê cuối cùng đã được rót ra khỏi bình, ba bà cô nhà Yewbeam rời nhà, thổi lại những nụ hôn gió cho Belle.

“Chăm sóc cho cô bé đấy, Charlie,” bà cô Venetia nói lớn.

Charlie tự hỏi mọi người mong chờ nó sẽ làm việc đó như thế nào đây.

“Cháu muốn rửa tay, được không Grizel... ề... bà Bone?” Belle giơ mấy ngón tay đánh bánh ngọt nhóp nhép lên.

“Bồn rửa kia kìa,” Charlie hất hàm về phía bồn rửa chén đĩa.

“Lên lầu, cưng,” nội Bone nói, rồi quay qua Charlie cau mặt. “Nhà tắm ở bên trái, phòng thứ nhất. Có xà bông oải hương và khăn sạch ở đó.”

“Cám ơn!” Belle búng phóc ra khỏi phòng.

Charlie thở gấp.

“Rửa ở nhà bếp thì làm sao?” Nó hỏi bà nội.

“Da của Belle rất mỏng,” nội Bone nói, “không thể dùng xà bông nhà bếp được. Tao muốn mày chuẩn bị bàn trong phòng ăn... cho năm người. Tao bảo đảm bà Maisie sẽ ăn cùng chúng ta.”

“Ở trong phòng ăn hả bà?” Charlie hỏi mà không tin nổi. “Chúng ta chỉ ăn ở đó vào những dịp đặc biệt thôi mà.”

“Để đón tiếp Belle,” nội Bone nạt.

“Đón một đứa con nít?” Charlie ngạc nhiên.

“Belle không phải là một đứa con nít như những đứa con nít.”

Hèn chi, Charlie nghĩ. Nó đi bày biện bàn phòng ăn, trong khi nội Bone vọng lên lầu, la to những chỉ dẫn cho ngoại Maisie nghe.

“Hôm nay chúng tôi muốn ăn xúp nhẹ thật ngon, Maisie. Rồi đến thịt cừu nguội và xà lách. Tiếp theo là bánh nhân táo nướng giòn, món ruột của bà ấy.”

“Chúng tôi ấy à, thưa Bà Hoàng?” Ngoại Maisie hét từ đầu đó trên lầu. “Hừm. Phải đợi đã. Tôi sợ vậy... Ồi! Cháu là ai thế này?”

Rõ ràng là ngoại vừa đụng phải Belle.

Charlie đóng cửa phòng ăn lại và chạy ra cửa sổ. Không thấy tăm hơi con Hạt Đậu ở trong vườn. Charlie thoáng thấy bóng một con chó nằm xuội lơ trong máng xối, bèn phóng vội ra cửa sau, nhưng ngay khi nó tính mở cửa ra thì có giọng thánh thót gọi:

“Charlee!”

Belle đang đứng ở hành lang, nhìn nó chăm chăm và Charlie dám thề rằng mắt con bé hồi nãy màu xanh da trời, bây giờ chúng lại là màu xanh lá cây.

“Bạn đi đâu đấy, Charlie?” Con bé hỏi.

“Ồ, tôi chỉ ra vườn để... để...”

“Cho tôi đi với?”

“Không. À, bởi vì tôi đã đổi ý rồi.”

“Tốt. Ra đây nói chuyện với tôi.”

Có thể thế không nhỉ? Mắt Belle giờ lại chuyển màu nâu xám. Charlie đi theo con bé vô phòng khách, tại đây Belle ngồi vắt vẻo trên trường kỷ, tay vỗ vỗ cái gối bên cạnh. Charlie ngồi mấp mé ở đầu ghế bên kia.

“Nào, kể cho tôi về Học viện Bloor đi,” Belle mỉm cười mời gọi.

Charlie háng giọng. Nó phải bắt đầu từ đâu đây?

“Ừm, có ba khoa. Khoa nhạc, khoa kịch và khoa hội họa. Tôi học trong khoa nhạc, cho nên tôi phải mặc áo chùng màu xanh da trời.”

“Tôi sẽ vô khoa hội họa.”

“Thế thì bạn sẽ mặc áo chùng màu xanh lá cây.” Charlie nhìn đứa con gái. “Ừa, mấy bà cô của tôi chưa kể điều này cho bạn nghe à? Ý tôi là, bạn đang sống với họ, hay là sao?”

“Tôi muốn nghe chính bạn nói kìa,” Belle nói, phớt lờ câu hỏi của Charlie.

Charlie tiếp:

“Học viện Bloor là một toà nhà lớn, màu xám, nằm ở đầu kia thành phố. Nó rất xưa, xưa rồi. Có ba phòng để áo khoác, ba hội trường để tập hợp, và ba căn-tin. Đi lên dãy cầu thang ở giữa hai ngọn tháp, qua một cái sân lát gạch, leo thêm mấy bậc thang nữa thì vô tiền sảnh. Ở trong tiền sảnh phải tuyệt đối im lặng, nếu không thì sẽ bị cấm túc. Học sinh khoa nhạc đi qua một cánh cửa bên dưới hai cây kèn trumpet bắt chéo nhau; cánh cửa vô khoa của bạn dưới tấm biển có cây bút chì và cây cọ vẽ.”

“Thế còn dấu hiệu của học sinh khoa kịch là gì?”

“Là hai mặt nạ, một mặt buồn một mặt vui.”

Không hiểu sao Charlie lại có cảm giác là Belle đã biết tất cả những điều ấy rồi. Mắt con bé lại trở về xanh da trời. Trông thật bực mình.

“Còn điều này,” Charlie hỏi. “Bạn có... à... giống tôi, là một trong những hậu duệ của Vua Đỏ không? Ý tôi là, ông ấy cũng là tổ tiên của bạn à?”

Belle quay đôi mắt xanh da trời rực rỡ sang nhìn nó.

“Phải. Tôi có phép thuật, nhưng tôi không thích nói ra nó như thế nào. Tôi có nghe kể là bạn có thể nghe được tiếng nói từ trong hình chụp, thậm chí cả hình vẽ.”

“Ừm.”

Charlie không chỉ có khả năng nghe được tiếng nói, nhưng nó sẽ chẳng hó hé gì cho đứa con gái lạ này.

“Những đứa trẻ có phép thuật phải làm bài tập về nhà trong phòng Nhà Vua,” nó nói. “Chúng ta có mười hai người. Một người tên là Emma Tolly, trong khoa hội hoạ, sẽ chỉ cho bạn biết khoa ấy ở đâu. Emma là bạn của tôi, nó cũng có phép thuật.”

“Emma? À, tôi đã nghe kể hết về nó.” Belle hơi nhích về phía Charlie trên chiếc trường kỷ. “Nè, kể cho tôi nghe về bạn đi, Charlie. Tôi tin rằng ba của bạn đã mất.”

“Không phải!” Charlie giận dữ nói. “Xe của ba tôi bị lao xuống hầm đá, nhưng họ không bao giờ tìm thấy xác của ông. Ông chỉ... mất tích thôi.”

“Thật à? Làm sao bạn biết?”

Không hề suy nghĩ, Charlie buột miệng.

“Bạn của tôi, Gabriel ấy, có tài phép kỳ lạ. Anh ấy có thể cảm nhận được sự thật từ quần áo cũ. Tôi đã đưa cho anh ấy chiếc cà vạt của ba tôi, và Gabriel nói ba tôi không chết.”

“Ồ, ồ!”

Belle nở với Charlie một nụ cười ngọt ngào, ra vẻ thấu hiểu, nhưng tác dụng của nụ cười bị tiêu tan bởi tia nhìn lạnh lùng trong đôi mắt con bé - giờ đã chuyển thành màu xám đậm. Và không biết là do hiệu ứng ánh sáng hay không, mà Charlie thoáng thấy một mảng những nếp nhăn ở ngay trên vành môi đỏ mọng của Belle.

Charlie tuột khỏi trường kỷ.

“Tôi đi giúp bà ngoại làm bữa trưa đây,” nó nói.

Nó gặp ngoại Maisie ở trong nhà bếp, đang thấy các thứ rau vô chào.

“Một đứa con nít ranh mà rình rang thế không biết,” bà lầm bầm. “Ta chưa nghe thấy cái gì trái khoáy như thế này cả.”

“Con cũng chưa nghe,” Charlie nói. “Con nhỏ lạ quá, phải không ngoại?”

“Thì rõ rành rành ra đấy, nó đẹp quá chừng!”

“Belle có nghĩa là đẹp mà,” Charlie nói, nhớ lại vốn tiếng Pháp của mình. “Nó rất đẹp.”

“Hứ!” Ngoại Maisie đáp.

Khi món xúp đã xong, Charlie giúp ngoại Maisie bưng xúp vô phòng ăn lạnh giá. Nội Bone đang ngồi sẵn ở đầu bàn, cùng với Belle ở bên phải.

“Paton đâu?” Nội Bone hặc hỏi.

“Ông cậu không xuống đâu,” Charlie nói.

“Sao không xuống?”

“Ông cậu vẫn thường không ăn chung với chúng ta mà?” Charlie nhắc bà nội.

“Bữa nay ta muốn hấn ở đây,” nội Bone dần giọng.

“Hà hà, bà sẽ chẳng gặp ông ấy đâu,” ngoại Maisie nói. “Ông ấy đi rồi.”

“Hà?” Nội Bone cứng hàm lại. “Sao bà biết?”

Nội trợn mắt lên, trước tiên nhìn ngoại Maisie rồi lại nhìn Charlie.

Ngoại Maisie ngó Charlie.

“Ông cậu có để lại tin nhắn,” Charlie nói.

“Nhấn cái gì?” Nội Bone vặn vẹo.

“Cháu không nhớ hết được,” Charlie lầu bầu.

“Đưa nó cho tao xem!” Bà ta chìa một bàn tay xương xẩu ra.

“Con xé rồi.” Charlie nói.

Đôi lông mày của nội Bone quặp xuống, cau có.

“Lẽ ra mày không nên làm thế. Tao muốn biết có chuyện gì. Tao phải biết em trai tao nói gì.”

“Ông cậu bảo ông đi thăm ông cố của con, tức là cha của bà, mặc dù bà không bao giờ đi thăm ông cố.”

Đôi mắt đen nhỏ tí của nội Bone gần như biến hẳn vô trong hốc mắt nhăn nhúm.

“Đó không phải là việc của mày! Paton vừa đi thăm cha của bọn ta hồi tuần trước rồi. Mỗi tháng nó chỉ đi một lần thôi.”

Charlie phải ráng kìm chế, đừng không buột nói ra chuyện đi thăm ông cố của nó. Do mối thù gia đình nên vẫn cần phải giữ bí mật điều đó. Nhưng Ông cậu Paton chưa bao giờ kể cho Charlie nghe về nguyên nhân gây nên nỗi thù hận đó, hay vì sao ông lại bị cấm không được nhắc tới nó. Charlie đành phải bịa thêm một câu nói dối nữa.

“Có chuyện khẩn cấp.”

Câu này có vẻ thỏa mãn nội Bone, nhưng Belle vẫn không thôi nhìn chăm chăm vô Charlie. Mắt con bé giờ là màu xanh lá cây đậm. Bỗng một ý nghĩ rợn óc nảy ra trong đầu Charlie. Ông cậu Paton đi để ngăn không cho một người nguy hiểm tới. Nhưng hình như kẻ đó đã ở đây rồi?

5. Chương 5

CẬU BÉ VÔ HÌNH

Thời gian còn lại của bữa trưa trôi qua trong thình lặng lạnh lùng. Ngay cả ngoại Maisie xem ra cũng bối rối chẳng biết nói gì. Nhưng khi Charlie đang thu dọn chén đĩa, thì một tràng sữa ông ổng nổi lên từ ngoài vườn, và cái đầu con Hạt Đậu hiện ra nơi bệ cửa sổ.

Nội Bone, đang đứng quay lưng ra vườn, ngoảnh ra đúng lúc cái đầu con chó thụt xuống.

“Gi đó?” Bà hỏi.

“Một con chó đấy mà, Grizelda,” Ngoại Maisie nói. “Chắc là một con chó lạc nhảy vô vườn.”

“Để con ra đuổi nó,” Charlie sốt sắng.

Khi rời khỏi phòng, Charlie để ý thấy Belle có vẻ bồn chồn.

Charlie chạy ra mở cửa sau và Hạt Đậu nhảy xô vô.

“Suyt!” Charlie hấp tấp. “Không được hó hé!” Nó đặt ngón tay lên miệng.

Hạt Đậu rõ ràng là hiểu câu này và ngoan ngoãn đi theo Charlie lên phòng.

“Mày phải im lặng nghe chưa, không thì đi tong,” Charlie làm điệu bộ một ngón tay chém xoẹt ngang cổ.

Hạt Đậu gừ gừ rồi nằm cuộn tròn trên giường.

“Bạn có bắt được nó không?” Belle hỏi khi Charlie quay trở lại phòng ăn.

“Không, tôi chỉ đuổi nó đi thôi,” Charlie nói.

Belle đứng lên.

“Cháu muốn về nhà ngay bây giờ,” con bé nói với nội Bone.

“Ừ được, cưng.”

Rồi với một tốc độ đáng kinh ngạc, nội Bone bước ra hành lang và mặc áo khoác, đội nón vô.

Charlie ngạc nhiên hết sức. Nội Bone luôn phải nghỉ ngơi sau bữa trưa, dù chỉ là chợp mắt chút xíu. Đứa con gái tóc vàng óng này hình như rất có uy với bà.

“Nhà bạn ở đâu?” Charlie hỏi Belle.

“Bạn không biết mấy bà cô của bạn sống ở đâu à?” Belle hỏi lại nó.

Charlie đành thú nhận là nó không biết. Mấy bà cô chưa bao giờ mời nó tới nhà họ, và cũng chưa bao giờ nói cho nó biết nhà họ ở đâu.

“Hy vọng là bạn sẽ sớm biết,” Belle nói một cách bí hiểm.

“Nó cần gì phải biết,” nội Bone vừa quạc vừa giúp Belle mặc vô chiếc áo khoác tao nhã màu xanh lá cây.

“Tạm biệt, tạm biệt Charlie!” Belle nói. “Hẹn gặp bạn tại Học viện Bloor vào thứ Hai. Tôi sẽ đi bằng xe buýt xanh lá cây. Nhớ chờ đón tôi nhé.”

“Tôi đi xe buýt xanh da trời. Nhưng tôi nghĩ sẽ có lúc gặp bạn.”

Đứa con gái lạ mỉm cười và kiêu hãnh hất những lọn tóc vàng óng ra sau. Mắt nó lại trở về xanh da trời.

Belle và nội Bone đi khỏi, Charlie ra giúp ngoại Maisie thu dọn chén đĩa.

“Mấy bà cô sống ở đâu vậy, ngoại?” Nó hỏi ngoại Maisie.

“Trong căn nhà lớn nào đó ở cuối một trong những con hẻm ghê rợn,” ngoại Maisie nói. “Hình như tên đường là Ngách Tối gì đó. Cái tên kỳ cục. Nghe chừng nó quanh co ngoắt ngoéo lắm.”

“Con chưa bao giờ tới đó.”

“Ngoại cũng chưa,” ngoại Maisie bảo. “Với lại ngoại cũng chẳng muốn tới đó làm gì.”

Rồi ngoại đưa cho nó một tô thức ăn thừa.

“Đây, đem cho Hạt Đậu đi. Ngoại không biết chúng ta giấu giếm kiểu thế này được bao lâu nữa. Nội Bone đánh hơi được cả chuột nữa mà, con biết đó.”

“Miễn là không đánh hơi được chó,” Charlie nói, cố làm cho chuyện đỡ trầm trọng.

Ngoại Maisie chỉ lắc đầu.

Chủ nhật, Charlie lén đem con Hạt Đậu ra ngoài và quay về nhà trước khi nội Bone thức giấc. Chúng chạy đua thoả thuê quanh công viên. Sau đó Charlie chiên trứng và thịt xông khói cho cả hai ăn sáng. Ngoài cử chạy ngắn trong vườn lúc trời tối, còn đâu Hạt Đậu phải ở tịt trên giường của Charlie suốt thời gian còn lại trong ngày.

Sáng thứ Hai, mẹ Charlie hứa sẽ đem con chó đi dạo khi cô đi làm về, và ngoại Maisie đồng ý lo chuyện ăn uống cho nó. Nhưng khi chuẩn bị đến trường, Charlie lại chột lo thấp thỏm.

“Mày phải im lặng,” nó dặn dò Hạt Đậu. “Không được sủa, hiểu không? Thứ Sáu tao sẽ gặp lại mày.”

Với đôi mắt buồn so, con chó to bự nhìn Charlie đóng cửa phòng lại.

Khi Charlie và Fidelio bước lên những bậc thang tới Học viện Bloor, Fidelio bảo:

“Có một con nhỏ rất đẹp đang cố ý làm cho em để ý tới nó kia.”

“Ồ,” Charlie quay lại và trông thấy Belle đang ngược nhìn nó từ dưới chân cầu thang.

“Chào Belle, đây là Fidelio,” nó nói.

Belle nhoẻn miệng cười hớp hồn với Fidelio.

“Em biết anh học khoa nhạc. Vĩ cầm phải không?” Con bé hất đầu về cái thùng đàn Fidelio đang xách.

“Phải,” Fidelio mấp máy, hình như nó lúng túng quá đâm ra á khẩu, coi hết sức bất thường.

“Hẹn gặp lại sau nhé,” Belle phóng vô tiền sảnh. “Tôi nhớ rồi,” nó thì thầm. “Cấm nói chuyện.”

Nói rồi nó đi khỏi, nhún nhảy những bước van về phía tấm biển có hình cây viết chì và cây cọ vẽ. Chiếc áo chùng xanh lá cây trôi bồng bềnh quanh người Belle một cách thật điệu dàng khi nó dập dùi đi vô phòng để áo khoác xanh lá cây.

“Chao!” Cuối cùng Fidelio thốt lên ngay khi chúng đi qua hai cây kèn trumpet bắt chéo nhau. “Nhỏ đó là ai vậy, Charlie?”

“Em không biết,” Charlie lúng búng. “Nó đang sống với mấy bà cô của em. Anh nói coi, mắt nó màu gì?”

“Xanh da trời.” Fidelio đáp. “Xanh thẳm.”

“Ừm, lần sau gặp lại nó, thế nào mắt nó cũng chuyển màu xanh lá cây hay màu nâu cho coi,” Charlie nói.

“VẬY HẢ?” Fidelio tỏ vẻ thích thú. “Khi nào mới được thấy đây!”

Chúng đi vô hội trường. Fidelio hòa vô dàn nhạc của trường, còn Charlie đến ngồi bên cạnh Billy Raven, thằng bé nhỏ tuổi nhất Học viện Bloor. Thằng bé bạch tạng này tóc trắng như tuyết và cặp mắt kính khiến cho đôi mắt to tròn của nó trông như lúc nào cũng kính ngạc.

Sau giờ tập hợp, Charlie tới lớp học kèn trumpet với thầy Paltry già. Do chẳng tập tành suốt kỳ nghỉ, cho nên nó bị mất hết cả hơi và lạc cả điệu. Thầy Paltry vừa khỏ mấy khớp ngón tay nó, vừa la:

“Ôi, không, không, không! Nhẹ thôi, không the thé vậy!”

Giọng thầy ken két gần như làm điếc cả tai Charlie, và khi chuông reo, nó nôn nóng thoát ra ngoài trời đến nỗi suýt tông ngã Olivia Vertigo khi nó lao ra cửa vườn.

Hôm nay tóc cô nàng nhuộm thành những sọc vàng với đen, mặt phủ đầy phấn trắng, còn đôi mắt thì viền đen thui. Trông nó giống hệt một con gấu trúc Nam Mỹ, tuy vậy, Charlie cố nín không nói ra.

Rủi quá, Fidelio thì không nhận nổi. Bước tới gần, nó hỏi:

“Chào Olivia! Học kỳ này em thủ vai gấu trúc à?”

“Ai mà biết?” Olivia nói. “Manfred đang viết một vở kịch kết-thúc-học-kỳ... tất nhiên là với sự giúp đỡ của Zelda.”

Nó hất đầu về phía một nhóm học trò lớp lớn ở đằng kia sân chơi. Manfred, huynh trưởng, đang trò chuyện hăng say với Zelda Dobinski, một nữ sinh cao, gầy gò, có cái mũi to sụ.

Charlie nhận ra thằng tay sai của Manfred, Asa Pike, đang dòm chăm chăm Belle, con bé này đang tay trong tay cùng Dorcas Loom bước đi. Asa bỗng tách khỏi nhóm các trò lớn và bước qua chỗ hai nữ sinh. Gương mặt tinh ranh, tái nhợt của nó cổ nặn ra một nụ cười méo xẹo; và khi tới gần hai đứa con gái, nó giơ mấy ngón tay lên cào cào mái tóc đỏ, cứ như cố chỉnh trang lại bản thân vậy.

Charlie giật giật cánh tay Fidelio.

“Coi kìa!” Nó nói. “Asa đang nói chuyện với một đứa lớp nhỏ. Cá là chưa từng có bao giờ.”

“Trừ phi là nó đang đuổi đám nhỏ đi,” Fidelio nói.

“Cái nhỏ đi cùng với Dorcas đẹp quá,” Olivia lẩm bẩm.

“Tên nó là Belle,” Charlie bảo Olivia. “Nó sống với mấy bà cô của mình.”

Olivia huýt sáo.

“Hú, tớ không thể tưởng tượng nổi lại có đứa con nít nào đến sống chung với họ. À mà này, mấy người có gặp Emma chưa?”

Bọn con trai lác đầu, và Olivia lững thững đi khỏi để ra kiếm bạn mình. Cuối cùng nó tìm thấy Emma đang ngồi trên một khúc cây, kế bên những bức tường lâu đài cổ. Emma cầm một thứ có vẻ như là một lá thư, viết theo lối chữ nhỏ, ngay ngắn.

“Gì vậy, Emma?” Olivia hỏi, đến ngồi kế Emma.

“Mình thấy cái này trên bàn của thầy Boldova,” Emma chìa lá thư ra. “Chắc là nó rớt khỏi túi thầy, nhưng rồi mình thấy có cái gì đó, và... Nè, coi đi.”

Olivia cầm lá thư và đọc.

Samuel yêu quý của ba mẹ,

Ba mẹ có bằng chứng đáng tin cậy rằng kẻ biến hình đang nhắm tới con. Có Chúa mới biết nó sẽ xuất hiện dưới lốt gì. Nhưng thể nào rồi nó cũng sẽ nhận ra con, vậy nên Samuel ơi, con hãy rời khỏi nơi đó ngay, càng lẹ càng tốt. Bản thân ba đành chịu chấp nhận chuyện mất Ollie, nhưng mẹ con thì vẫn ngày đêm than khóc. Mẹ vẫn không ngừng mua nút cho nó, đúng thứ nút nó vẫn ưa thích. Bây giờ nhà mình có hẳn một căn phòng chứa toàn nút là nút, nhìn vào là ba đau thắt cả tim. Ba biết, con cũng buồn vì mất em trai con không kém gì ba mẹ, nhưng con phải từ bỏ việc tìm kiếm đi. Ba mẹ không thể chịu nổi nếu mất cả con nữa. Hãy về nhà ngay.

Ba.

“Bồ nghĩ sao?” Emma hỏi.

“Thú vị thật,” Olivia nói. “Nhưng tớ nghĩ đằng ấy nên để lại lá thư lên bàn cho thầy Boldova đi. Thầy là ai hay thầy đang tìm kiếm cái gì cũng không phải là việc của tụi mình.”

“Nhưng mà...”

Emma vén mớ tóc dài, vàng rực xòa trước mặt. Nó rất dễ mùi lòng. Olivia biết bạn mình yêu mến thầy Boldova. Là giáo viên thì thầy trẻ quá, nhưng thầy rất giỏi hội họa, và hình như thầy hay bệnh vực bọn trẻ bất cứ khi nào chúng gặp rắc rối.

“Bồ còn nhớ khi Manfred nhốt mình trên gác mái không? Ừm, có ai đó đã mở cửa cho mình ra. Không biết người đó là ai, chỉ biết là rất mê nút. Mình nghe Manfred dọa sẽ cúp nút của người ấy trong một tuần. Mình biết là nói ra thì thật kỳ quặc, nhưng hình như anh ấy, hay chị ấy, vô hình. Rồi, sau đó lại có chuyện Ollie Sparks nào đó bị lạc trên gác mái cách đây nhiều năm. Cuối cùng cậu ấy biệt tích, và tất cả đều nghĩ là cậu ấy đã về nhà, nhưng có lẽ không phải vậy. Có thể cậu ấy bị trừng phạt. Cũng có thể hiện giờ cậu ấy vẫn còn sống ở trên đó.”

Nói rồi nó liếc lên cái mái lợp ngói của Học viện.

“Hừm, vậy bồ muốn làm gì bây giờ?” Olivia hỏi.

“Mình không biết.” Emma lác đầu.

Một hồi còi đi sẵn rống lên khắp khu vườn, và hai đứa hẹn sẽ nói chuyện lại vào giờ nghỉ giải lao buổi chiều.

Tiết học tiếp theo của Emma là tiếng Pháp, nhưng con bé lại chạy vô phòng vẽ trước. Căn phòng vắng tanh, và nó vừa lên trả lại bức thư lên bàn thầy Boldova thì thầy bước vô.

“Emma hả?” Thầy ngạc nhiên. “Trò học lớp khác mà?”

“Dạ, lớp tiếng Pháp ạ. Nhưng mà... em... em xin lỗi, em đã đọc lá thư của thầy và...”

Đột nhiên Emma kể tuốt tuồn tuột cho thấy Boldova nghe về một người vô hình ở trên gác mái, người ấy rất thích nút.

Thầy Boldova lắng nghe chăm chú, rồi thầy ngồi xuống bên bàn và bảo:

“Cám ơn, Emma. Cám ơn trò rất nhiều. Trò hứa sẽ không nói cho bất cứ ai về việc này, được không?”

“Nhưng em đã nói cho Olivia Vertigo biết rồi, và trò ấy có thể sẽ kể với mấy đứa bạn tụi này.”

“Trò có tin cậy họ không, Emma?”

“Tin bằng cả mạng sống ă,” Emma đáp.

Thầy Boldova mỉm cười. Trông thầy tựa như một người chuyên làm việc ngoài trời hơn là một họa sĩ. Gương mặt thầy rám nắng, mái tóc nâu đậm cột thành túm đuôi ngựa, giống như kiểu tóc của Manfred Bloor, có điều tóc của Manfred đen thui và xõa sợi.

“Chuyện gì xảy ra với Ollie vậy, thưa thầy?” Emma hỏi. “Tụi em tưởng cậu ấy đã về nhà sau khi trốn khỏi gác mái rồi chứ.”

“Không phải vậy,” thầy giáo thở dài. “Ba mẹ thầy sống ở rất xa nơi này. Giáo sư Bloor đồng ý đưa Ollie lên xe lửa, có sự hộ tống của một bà em của bà giám thị, một bà trong nhà Yewbeam. Bà ấy bảo với gia đình thầy rằng Ollie đi mua nước cam ép ở căn-tin nhà ga và không bao giờ trở lại nữa.”

“Em chắc chắn là anh ấy chưa bao giờ đi xa tới ga xe lửa,” Emma nóng nảy nói. “Mấy bà Yewbeam ấy rất độc ác. Họ là những bà cô của Charlie Bone, thầy biết đó, và họ luôn làm cho cuộc sống của Charlie phải khôn đồn.”

“À hử, Charlie Bone,” thầy tư lự.

“Em muốn giúp Ollie, thưa thầy,” Emma tiếp. “Bạn ấy đã từng giúp em, thầy ạ, chắc chắn em sẽ tìm ra nơi bạn ấy bị giam giữ.”

“Tốt hơn trò hãy để việc này cho tôi, Emma. Nguy hiểm lắm.”

“Vậy thì nó cũng có thể nguy hiểm cho thầy vậy, thưa thầy.”

“Thầy tự lo được mà,” thầy Boldova vui vẻ. “Nào, giờ chạy mau tới lớp tiếng Pháp đi.”

Emma đi, nhưng không hề vội vã. Đầu óc nó cứ miên man suy nghĩ về nhiều thứ. Nó vô lớp tiếng Pháp trễ mất mười phút, và cô Tessier nổi cơn lôi đình. Cô vốn dễ bị kích động và luôn căm ghét ngày đầu tiên của học kỳ. Cô nhớ thành phố rực nắng ở nước Pháp, nơi cô sinh ra, và không ngớt phàn nàn, ca cẩm về cái Học viện xám xịt, ảm đạm này, với những cái sàn gỗ cứ rung lên kèn kẹt, rồi đám lò sưởi thất thường, ánh sáng tù mù. Cô ở lại chỉ vì giáo sư Bloor đề nghị cô một mức lương mà cô không thể từ chối.

“Đi! Đi!” Cô hét lên đuổi Emma. “Trò không muốn học lớp của tôi thì đừng có vô nữa. Quá... ờ... quá trễ rồi. Allez... allez!”

Cô vẫy vẫy những ngón tay dài về phía Emma.

“Ra ngoài!”

Emma đi ra – ngay lập tức.

“Bồ cũng bị đuổi à?” Một giọng khàn khàn vang lên.

Emma nhìn xuống hành lang và thấy Charlie Bone đang đứng bên ngoài lớp lịch sử. Nó vừa mới phát biểu rằng Napoleon là Hoàng đế Nga. Thầy Pope, giáo viên môn sử, liền nổi tam bành và hét bảo Charlie là đồ dốt nát, và ông không muốn thấy Charlie trong lớp của ông thêm một phút nào nữa.

“Tại mình không nghe rõ câu hỏi,” tiếng thì thầm hơi lớn của Charlie âm vang tới tận chỗ Emma. “Mình đang nghĩ tới con chó.”

Emma dòm dáo dác khắp hành lang. Không có ai quanh đó cả.

“Con chó nào?” Nó thì thầm.

Cổ thì thảo nhỏ hết sức, Charlie kể với Emma về Benjamin và Hạt Đậu. Rồi nó hỏi:

“Sao bồ bị đuổi vậy?”

“Mình vô lớp trễ,” Emma nói.

Xong nó thuật lại cuộc trò chuyện với thầy Boldova.

Mắt Charlie ánh lên mối quan tâm. Lại thêm một câu chuyện nữa liên quan đến một kẻ nguy hiểm nào đó đang tới gần. Có khi nào họ chỉ là một người, cùng một người?

“Vây, bồ nghĩ Ollie Sparks ở trên gác mái?” Nó ngừng lại và nhìn đăm đăm lên trần nhà. “Tụi mình lên ngó một cái đi!”

Emma kinh hãi:

“Hả, ngay bây giờ?”

“Mình nghĩ chẳng còn lúc nào tốt hơn đâu,” Charlie nói. “Tụi mình còn nửa tiếng nữa thì hết giờ. Tất cả mọi người đều đang ở trong lớp, cho nên còn ai phát hiện ra tụi mình chứ? Mà phải bó căng quanh quần ở đây mình chán quá.”

Trước khi Emma kịp nghĩ ra một cơ thoái thác, Charlie đã chạy nước rút về hướng một cầu thang ở cuối hành lang. Emma nghĩ phải chi mình không nói gì với Charlie về cái gác mái. Thằng này rất hay đâm đầu vô mọi việc mà không suy nghĩ rất ráo. Nhưng Emma cảm thấy mình không có lựa chọn nào khác ngoài việc phải chạy theo thằng bé.

Chúng bò lên, hết cầu thang này tới cầu thang khác. Một lần chúng đụng phải giáo sư Saltweather, thầy liền ngưng hát ngâm nga để hỏi chúng đang đi đâu vậy.

“Thầy cô kêu tụi con lên thư viện mượn sách ạ,” Charlie trả lời.

Giáo sư Saltweather phẩy tay xua cho chúng đi, mặc dù chúng chẳng có chút nào là ở gần thư viện cả. Nhưng giáo sư Saltweather cũng vốn là người hay quên mọi thứ, ngoại trừ âm nhạc quý giá của ông.

Hai đứa chạy dọc theo những hành lang tối lơ mờ, qua những căn phòng trống rỗng, kêu cọt kẹt. Và khi chúng đến gần chái phía tây của toà nhà, Emma bỗng nhiên sợ bủn rủn. Nó vẫn còn hãi hùng về cái đêm nó thoát được là nhờ biến thành chim và bay đi.

Ký ức, hay bản năng, đã dẫn nó tới căn phòng trông giống như xà lim, nơi Manfred Bloor đã có lần nhốt nó. Ánh sáng từ một cửa sổ tí xíu soi thấy những bức tường đen xỉn, điểm một chiếc giường hẹp, mỏng manh màu xanh lá cây – trên giường có chăn mền bẩn thỉu – và ván lót sàn đen đúa, hư nát.

“Nơi gì mà gớm guốc,” Charlie lẩm bẩm.

“Hồi đó Manfred nhốt mình vô đây,” Emma nói. “Nhưng sau đó có ai đó đã mở khóa ở phía bên kia, và cửa mở. Mình chạy ngay ra để coi là ai nhưng chẳng thấy ai ở đó cả. Manfred bắt được mình và lôi mình trở lại, nhưng... mà phần này mới lạ nè... Hắn nói với ai đó là ‘Không được gây thêm rắc rối đấy, không thì mày phải nhịn mứt một tuần.’ Chính vì thế mà mình nghĩ đó có thể là cậu em trai Ollie của thầy Boldova. Bởi vì cậu ấy rất thích mứt.”

“Có lẽ trước giờ cậu ấy vẫn bị nhốt trong một phòng khác cũng ghê rợn như cái phòng này.”

Khi Charlie quay ra tới cửa thì đột nhiên cánh cửa sập mạnh vô. Charlie nâng chốt cửa lên và kéo. Không nhúc nhích. Cánh cửa hình như đã bị lên chốt lại.

“Chắc tại gió lùa,” Charlie lẩm bẩm.

“Đâu có gió gì đâu,” Emma nói.

“Chứ còn tại cái gì nữa? Không ai vô đây. Nếu có người vô thì tụi mình đã thấy rồi.”

“Hay là họ vô hình.”

“Ê!” Charlie gọi. “Có ai ở đó không?”

Không có tiếng trả lời.

“Tụi mình phải làm cái quái gì đây?” Emma kêu lên. Nó nhìn đồng hồ đeo tay. “Tụi mình chỉ còn hai mươi phút nữa thôi.”

“Khỉ thật!” Charlie rung cánh cửa càn cạch, trong khi Emma cố lôi cái chốt lên.

“Chắc là Ollie đó,” Emma nói. “Ollie! Ollie Sparks, bạn ở đó à?”

Im lặng.

“Ollie, bạn này tới để giúp bạn mà,” Charlie giải thích. “Nếu bạn ở đó thì hãy mở cửa ra cho tụi tôi, làm ơn đi!”

Emma và Charlie chờ. Có một tiếng két nhẹ. Tiếng chìa khóa xoay trong ổ. Charlie kéo cửa ra và cánh cửa đu đưa mở vô trong. Không có ai ở ngoài hành lang.

Hai đứa bước ra. Chúng dòm khắp hành lang tối om, kiểm coi có một cánh cửa, một lối thoát hay bất cứ xó xỉnh nào mà ai đó có thể đang trốn không. Chân Emma chạm phải một hũ mứt không và hũ mứt lăn đi mất, kêu lộc cộc khô khốc trong hành lang vắng tanh. Cuối cùng, khi hũ mứt ngừng lại, chúng nghe thấy có tiếng bước chân nhẹ hều đang dần lùi xa.

“Nó chạy mất rồi,” Emma thì thào.

Chúng rượt theo bước chân ấy đến hết hành lang, lên tiếp một dãy cầu thang xiêu vẹo, và bước vô một căn phòng dài có lỗ cửa trời hẹp. Dưới ván sàn, những hũ mứt không và những cuốn truyện tranh nằm vung vãi. Ở cuối phòng kê một chiếc giường, trên giường có gối và một cái chăn vá chằng vá đụp. Một ngọn đèn dầu đặt bên mép chiếc bàn nhỏ bên cạnh giường, và một chiếc tủ to dựng ngay sát bên trong cửa. Chẳng còn thứ gì khác trong phòng, ngoại trừ một cái ghế khangkhiu và một cái bàn học mòn vẹt được đặt thẳng ngay bên dưới ô cửa trời.

“Ollie,” Emma gọi nhỏ. “Ollie Sparks, bạn có ở đây không?”

“Nếu có thì sao?” Một giọng khá buồn thảm cất lên.

“Sao tụi này không trông thấy bạn?” Charlie hỏi.

Một khoảng ngừng trước khi giọng nói đó đáp.

“Vì tôi vô hình, được chưa?”

“Chuyện gì xảy ra với bạn vậy?” Emma hỏi.

“Một con trăn màu xanh da trời đã quấn tôi.”

“Con trăn?” Charlie và Emma cùng thốt lên.

“Rắn ấy mà,” giọng rầu rĩ đó tiếp. “Một con vật kinh khủng, tôi đã trông thấy nó, vậy đó. Không ai được phép thấy nó hết. Đó là bí mật. Một vũ khí bí mật.” Có tiếng cười khùng khục. “Một khi tôi đã trông thấy nó thì họ sẽ không đời nào để tôi tiết lộ về nó... Cho nên họ đưa tôi trở lại đây, và... hừ, tôi giống như một con chuột lang vậy... Họ để cho con trăn quấn tôi, tuy tôi không chết, nhưng tôi lại trở nên vô hình.”

“Trời!” Charlie sùng sốt.

“Nó không quấn hết người tôi.” Một tiếng cười khúc khích như nghẹt thở, run rẩy trong không khí, “Nó bỏ sót lại ngón chân tôi.”

Hãi hùng pha lẫn kích động, mắt Charlie bắt giác cụp nhìn xuống sàn nhà. Emma không thể không thét lên. Nó đã thấy rồi: một mẩu thịt nhỏ tròn, hồng hồng, đang nằm cách chân chúng chỉ vài bước.

“Xin lỗi,” giọng nói bảo. “Nó đã từng có vớ và giày che lên, nhưng giày dần dần trở nên quá nhỏ, còn vớ thì rách hết. Một ngón chân lòi ra vậy trông gớm guốc lắm há?”

“Không hề,” Charlie nói một cách vui vẻ.

“Họ cố làm cho tôi hiện nguyên hình trở lại,” giọng nói tiếp. “Thế là họ bắt tôi uống những liều thuốc ghê tởm, và tước lên người tôi thứ chất lỏng tanh rình. Có lần họ còn bao quanh giường tôi toàn mạng nhện là mạng nhện trong khi tôi đang ngủ.”

“Ghê quá,” Emma rụt cổ.

“Ollie, tại sao bạn không trốn?” Charlie hỏi. “Cửa không khoá mà. Bạn có thể dễ dàng trốn đi. Sẽ không ai thấy bạn đâu.”

“Giỏi thì thử đi,” giọng nói lộ vẻ ảo não. “Tôi đã thử ra một lần rồi. Người ta đâm đạp lên tôi, xô tôi té dúi dúì... Nhiều người thét lên kinh khiếp. Tôi không thể ra khỏi cổng chính. Không ai ra được. Tôi thấy không an toàn, cho nên tôi lại quay về đây.”

“Ở đây một mình kinh khủng quá,” Emma nói. “Thế bạn ăn gì?”

Thật ra Emma thắc mắc xem cậu bé ăn như thế nào, nhưng vì lịch sự nên không dám hỏi.

“Đồ ăn toàn thứ gói ghiec không à, nhưng Manfred cho tôi mút ngon lắm. Tôi nghĩ hẳn làm thế để tôi im lặng. Và nếu bạn hỏi thì, tôi cũng ăn như tất cả mọi người khác thôi. Nhưng vô trong người tôi rồi thì bạn sẽ không thấy đồ ăn nữa.”

Emma hy vọng thằng bé không nhận thấy mặt nó đang ửng đỏ lên.

Charlie nảy ra một ý.

“Nếu bạn xuống sảnh ăn vào giờ ăn tối, tất cả mọi người đều ngồi im. Không ai va phải bạn. Tôi sẽ chờ chỗ cho bạn ngồi giữa tôi với Fidelio, anh bạn tôi. Đồ ăn không đến nổi tệ hại trong ngày đầu tiên nhập trường.”

Im lặng. Có lẽ Ollie đang suy nghĩ.

Emma nhớ ra điều quan trọng nhất trong tất cả.

“Ollie, anh trai của bạn đang ở đây,” nó nói. “Thầy ấy đến để kiểm bạn.”

“Hả? Anh Samuel? Không thể tin nổi. Chao!”

“Vì vậy, nếu bạn xuống ăn tối, bạn có thể gặp thầy,” Charlie nói.

“Được. Được...” ngừng một lát. “Nhưng tôi đâu biết giờ giấc. Tôi không có đồng hồ.”

Charlie tháo đồng hồ của nó và chìa ra.

“Bạn cứ mượn cái này.”

Thật nổi da gà khi nhìn thấy chiếc đồng hồ từ từ biến mất vô làn không khí mỏng.

“Đừng lo, nó sẽ hiện hình trở lại khi tôi tháo nó ra. Tất cả mọi thứ tôi mặc, hay đeo vô, đều vô hình,” Ollie giải thích. “Cả những thứ tôi ăn, hay tôi cầm cũng vậy.”

Emma liếc nhìn đồng hồ của mình và hốt hoảng la lên:

“Tụi mình chỉ còn năm phút nữa. Không kịp đâu.”

Nó lao vút ra khỏi phòng và xuống cầu thang trong khi Charlie theo sau, vừa chạy vừa nói to:

“Xin lỗi, Ollie. Phải vô lớp. Hy vọng sẽ thấy... à... nghe bạn sau!”

Emma và Charlie lao như bay khắp những hành lang vắng ngắt, thường xuyên quẹo nhằm ngo hay đi lộn cầu thang, nhưng cuối cùng chúng cũng tới được chỗ chiếu nghỉ ở phía trên tiền sảnh. Sự nhẹ nhõm của chúng không kéo dài lâu. Đang đi về phía chúng từ đầu kia chiếu nghỉ là giáo sư Bloor.

Người đàn ông cao lớn sải bước về phía hai đứa:

“Tại sao hai đứa bay không vô lớp?” Ông ta gầm lên.

Emma và Charlie tê cứng người. Chúng chẳng thể nghĩ ra được một lời giải thích nào.

Giáo sư Bloor trợn đôi mắt xanh xám, lạnh lùng nhìn xuống chúng. Nét nghi ngờ choán hết gương mặt lạnh băng, với làn da xám xịt và đôi môi dày bệu ra.

“Ừm, ta đang chờ đây...”

“Dạ, tụi...” Charlie luống cuống.

“A, thì ra các trò ở đây,” một giọng nói cất lên và thầy Boldova xuất hiện sau lưng ông hiệu trưởng.

“Tôi kiểm hai trò này này giờ,” thầy giáo dạy vẽ nói. “Các trò đã kiểm ra chưa?”

Charlie nuốt khan.

“Dà...”

“Con chuột đó thật ranh ma,” thầy Boldova quay qua vị hiệu trưởng. “Tôi mang nó theo cho các học sinh làm mẫu vẽ, nhưng nó cứ sống hoài. Khi thấy hai trò này đi lang thang, tôi liền kêu chúng đi kiểm con chuột ấy. Có kết quả gì không, Charlie?”

“Dạ thưa thầy, không.”

“Và giờ tụi em trẻ luôn tiết học tiếp theo rồi,” Emma nói, đầy ngụ ý.

“Ôi trời ơi,” thầy Boldova ca thán. “Tốt hơn là tôi nên đích thân tới giải thích cho giáo viên của các trò. Tất cả là lỗi của tôi. Đi nào, mấy đứa. Xin lỗi về việc này nhé, giáo sư Bloor.”

Thầy Boldova đẩy hai đứa trẻ đi ngang qua giáo sư Bloor, về phía hành lang dẫn tới các lớp học.

Giáo sư Bloor quay hẳn người lại để dõi theo chúng.

“Phải kiểm cho ra con chuột đó,” ông ta hét lên. “Lo vụ đó đi, thầy Boldova.”

“Tất nhiên, thưa ông hiệu trưởng.”

Ngay khi họ ra khỏi tầm nghe, Charlie thì thào:

“Cám ơn thầy. Con đình ninh là tụi con bị cấm túc rồi chứ.”

“Đi tiếp đi,” thầy giáo dạy vẽ lặng lẽ nói.

Nhưng Emma không thể im lặng lâu hơn nữa.

“Tụi em đã tìm thấy Ollie,” nó nhỏ nhẹ.

Thầy Boldova suýt nữa thì trượt chân. Thầy túm lấy vai tụi trẻ và hấp tấp.

“Cái gì? Nói cho thầy biết như thế nào... ở đâu?”

Trong khi chúng gấp gáp đi về lớp, Charlie và Emma thay phiên nhau kể cho ông thầy nghe về Ollie tội nghiệp và tình cảnh vô hình của cậu ta.

“Ollie sẽ thử tới phòng ăn vào tối nay, thưa thầy,” Charlie nói. “VẬY, thầy có thể... à, bạn ấy có thể nói chuyện với thầy.”

“Không thể tin nổi,” thầy Boldova bần thần cả người. “Vô hình hay không thì Ollie ở ngay đây, và vẫn còn sống. Thế mà thầy cứ tưởng họ đưa thằng bé đến một trong mấy cái lâu đài ghê rợn của họ chứ. Thầy đã mất gần một năm trời để tìm hiểu coi toà lâu đài nào.”

“Họ có nhiều lâu đài lắm hả thầy?” Charlie hỏi.

“Ít nhất là có năm cái,” thầy Boldova bảo. “Chuyện này thật không thể tin nổi. Thầy sẽ đưa Ollie về nhà ngay khi có cơ hội. Gia đình thầy sẽ tìm cách chữa trị cho nó khi hai anh em thầy về nhà.”

Họ đã về tới lớp cô Tessier và thầy Pope, cả hai giáo viên này đang đứng bên ngoài cửa lớp, giận bưng bưng. Thầy Boldova giải thích ngay rằng thầy đã nhờ Emma và Charlie đi kiểm con chuột cho thầy, con Rembrandt, bị sống khỏi lồng. Hai giáo viên miễn cưỡng chấp nhận lời xin lỗi của thầy và giục bọn trẻ nhanh chóng đi ăn trưa.

“Thầy sẽ gặp các em vào bữa tối,” thầy Boldova nói, nở nụ cười tươi rói với bọn trẻ.

Rồi thầy bước đi khỏi, hân hoan huyết sáo.

Liệu kế hoạch của Charlie cho Ollie có thực hiện được? Nó tin chắc mọi việc sẽ không dễ dàng như thầy Boldova nghĩ.

6. Chương 6

HẠT ĐẬU BỊ PHÁT HIỆN

Trên đường tới nhà ăn lớn, Charlie phải đi qua những bức chân dung. Chúng treo ở hai bên hành lang dài có ánh sáng dịu. Đó là chân dung những phụ nữ kiêu kỳ mặc áo ren và lụa, những quý ông mặc áo chùng đen (hoặc áo khoác nhung) với quần chần trắng. Người ta nghĩ Charlie hẳn sẽ tò mò muốn biết xem họ đang nói gì, nhưng thành thật mà nói, nó bắt đầu thấy những lời gắt gỏng lão thành, những mệnh lệnh trịch thượng, và những lời bông đùa nhạt nhẽo của họ chỉ tổ gây một óc. Vả lại, nó sợ một kẻ nào đó trong số họ sẽ nhảy ra vỗ lấy nó. Cho nên nó thường cố tránh nhìn tới họ.

Ngoại trừ hôm nay, một cái gì đó gợi cho nó nhớ tới những bức chân dung.

“À, đây rồi!”

Nó dừng lại trước bức chân dung một phụ nữ trông quả cảm, mặc áo nhung đỏ. Mái tóc đen của bà quấn lượn sóng, và một chuỗi hạt trang sức màu đỏ sáng lấp lánh trên cổ bà. SELENA SPARKS, tấm thẻ bài nhỏ bằng đồng ở để khung tranh ghi.

“Selena Sparks,” Charlie lẩm bẩm.

“Bà ấy thì sao?” Fidelio hỏi nhóng qua vai Charlie.

“Suyt!” Charlie nhắc.

Nó chờ nghe tiếng nói, nhưng bà Selena chẳng có gì để nói với nó cả. Có lẽ bà e ngại.

“Em nhớ em có thấy cái tên này rồi,” Charlie lẩm bẩm. “Tất cả những người này là hậu duệ của Vua Đỏ. Như vậy, Ollie cũng là cháu chắt của ông.”

“Ollie là ai?” Fidelio hỏi. “Phải như em ăn nói dễ hiểu giùm chút, Charlie.”

“Emma và em...” Charlie bắt đầu.

Một tiếng thét từ Manfred, thằng huynh trưởng, cắt ngang lời nó.

“Tôi luôn đi, hai đứa, tụi bay làm tắc nghẽn hành lang rồi.”

Hai thằng bé vội vàng bước đi, nhưng Charlie liếc lại và thấy Manfred đã dừng lại và đang nhìn chằm chằm bà Selena Sparks. Charlie hy vọng Manfred không đoán ra tại sao nó lại chú ý đến bức chân dung này.

Khi chúng đã ngồi vô chỗ của mình trong căn-tin dài dưới lòng đất rồi, Charlie thì thầm:

“Anh ngồi chừa ra một khoảng được không, Fido? Có thể sẽ có người ngồi giữa hai đứa mình. Một người vô hình đang đối bụng hơn tụi mình.”

“Thật không?” Fidelio nhướn mày. “Kỳ này em sẽ không phải mất nhiều thời gian mà dính vô mấy vụ lùm xùm nữa chứ hả?”

Fidelio ngồi xích về một bên, chừa ra một khoảng trống nhỏ giữa nó và Charlie.

Tình cờ đây lại là một trong những bữa ăn ngon nhất mà Charlie từng ăn ở Học viện Bloor. Những miếng thịt gà và thịt heo muối trông hấp dẫn nổi lên trên mặt nước sốt kem, và Charlie muốn ăn không sót miếng nào, nhưng vẫn ráng chừa lại vài miếng vô cạnh đĩa để phần cho Ollie, nếu thằng bé tới.

“Để nó ăn hết phần thịt của anh,” Fidelio nói, cậu là người ăn chay.

“Đưa tớ ăn cho,” thằng bé phốp pháp ngồi cạnh Fidelio nói, nó tên là Morris, học kèn.

“Không được,” Fidelio phản đối. “Để dành cho con chó của bà bếp trưởng. Nó không được khỏe.”

Morris nhìn Fidelio với vẻ khó chịu, rồi cầm cái đĩa sắp hết của nó lên và liếm. Như vậy là vi phạm nội quy!

Charlie thấp thỏm không biết Ollie có lạc đường hay không. Nó nhìn lướt khắp ba chiếc bàn dài, kiểm coi khu nào có dấu hiệu lộn xộn. Nó không thấy được Emma, đang ngồi đầu đó bên bàn của khoa hội họa. Bàn khoa kịch ở chính giữa, ồn ào như ong vỡ tổ, bất chấp có Manfred ngồi ở đầu bàn. Ngoài Asa và Zelda, ngồi hai bên Manfred, tất cả mọi đứa trong khoa kịch đều cố ý quay mặt khỏi phía đầu bàn. Không đứa nào muốn lỡ nhìn trúng tia thôi miên của thằng huynh trưởng trong lúc đang mải ăn.

Ngoài những tư thế ngồi lạ lùng, còn thì Charlie không phát hiện ra được có gì khác thường trong số bọn áo chùng tím, cho nên nó hướng sự chú ý tới đầu đằng kia của căn phòng, nơi những giáo viên ngồi bên chiếc bàn kê trên một bục cao. Từ đây họ có thể phóng tầm mắt nhìn xuống đám học trò.

“Anh đang kiếm ai vậy?”

Billy Raven dòm Charlie lom lom qua mớ tóc trắng rủ trước mặt. Nó đang ngồi phía bàn đối diện, cách Charlie vài chỗ. Cặp kính khiến cho con mắt đỏ của nó trông như quá bị so với cái đầu.

“Chẳng tìm ai cả,” Charlie nói, “anh nghĩ anh trông thấy một con dơi.”

Câu này không quá sai sự thật. Có hàng trăm con dơi sống trong toà nhà cổ này.

Billy vừa quay đi, Charlie cảm thấy có cái gì đó đẩy vô hông mình. Fidelio nhìn nó một cái kinh ngạc, và rồi một miếng thịt gà biến mất khỏi góc đĩa của Charlie.

“Cám ơn,” tiếng thì thầm ma quái vang lên. “Ngon tuyệt.”

Thêm vài miếng thịt nữa biến mất, và không có ai nhận ra cho đến khi Gwyneth Howells, ngồi đối diện với Charlie, hộc lên.

“Ồ! Thịt của mày...”

Và rồi cái nĩa đang đỡ chừa đưa lên miệng con nhỏ rơi toẹt xuống sàn, đậu văng tung toé.

Gwyneth thụt lẹ xuống gầm bàn để nhặt cái nĩa lên, nhưng rồi lại thét lên một tiếng đinh tai. Nó trôi lên hộp không khí, đôi mắt nâu tròn như muốn nổ tung.

“Tôi thấy... thấy...” nhỏ hét ầm. “Có một cái... một cái... dưới gầm bàn. Có một...”

“Một cái gì?” Nữ sinh ngồi kế là Rosie Stubbs, hỏi.

“MỘT NGÓN CHÂN!”

Gwyneth ré lên, rồi nó xỉu lơ, oạt người ra sau băng ghế, xong rớt đánh phịch xuống sàn thành một đồng.

Nhiều nữ sinh, và cả nam sinh cùng thét lên. Một giọng nói khản đặc hỗn hển, dội vô tai Charlie:

“Chááááá!”

Đĩa của nó bay lơ lửng, ly của nó lặn xuống sàn, nước đổ ướt hết bàn.

“Tôi ra khỏi đây thì tốt hơn,” cái giọng đó thì thầm.

Trong khi đó, Rosie Stubbs hét vang:

“Gwyneth xỉu rồi!”

Từ chỗ ngồi của mình ở đầu chiếc bàn dài, giáo sư Bloor ngó xuống trừng trừng. Bà giám thị Yewbeam và cô Chrystal vội bước xuống mấy bậc cấp vô sảnh chính và chạy tới chỗ Gwyneth. Bà giám thị lắc vai Gwyneth, nhưng vì đúng là nữ sinh tội nghiệp này đã xỉu thật nên bà ta bồng con bé lên, có cô Chrystal giúp một tay, và khiêng Gwyneth ra khỏi nhà ăn.

Thầy Boldova đi ra mép bục cao và Charlie chạm phải mắt thầy. Thầy giáo dạy vẽ bèn nhún vai nhẹ, còn Charlie thì lắc đầu.

Ollie đã chuồn đi khỏi, và Charlie biết rằng sẽ rất khó rủ được thằng bé trở lại lần nữa. Mà thật ra, lần này có thể Ollie sẽ bị nhốt kín luôn. Từ đầu bàn khoa kịch, Manfred đang nhìn Charlie đầy nghi ngờ. Hắn đã bắt gặp Charlie ngấm bức chân dung bà Selena Sparks, và hắn biết ngón chân của Ollie vẫn còn hữu hình. Có lẽ hắn sẽ lắp ráp các sự việc lại với nhau và sẽ hiểu ra.

Sau bữa tối, Charlie giải thích kỹ hơn cho Fidelio nghe về việc đã xảy ra với Ollie Sparks. Nó hạ giọng thật khẽ khi hai đứa quây quả bước qua hành lang dài từ nhà ăn ra. Lần này, thậm chí liếc chân dung bà Selena nó cũng không liếc, để phòng Manfred đang theo dõi.

“Ôi thôi,” Fidelio nói. “Lại thêm một rắc rối nữa cho em rồi, Charlie.”

Chúng đã tới phòng để áo khoác xanh da trời, và tại đây, hai người bạn tách ra. Fidelio mang tập vở về phòng học của mình, còn Charlie phải mang bài tập về nhà lên lầu, tới phòng Nhà Vua.

Không hiểu nó loay hoay làm sao mà lúc nào cũng tới trễ, ngay cả khi nó nghĩ mình đã rất hối hả. Tất cả những đứa trẻ có phép thuật khác đều đã có mặt trong phòng trước nó. Khi Charlie vừa bước qua cánh cửa cao đen hù thì Manfred đang thông báo với bọn đàn em:

“Hai trong số những học sinh được ban phép thuật vừa ra trường.”

Rồi Manfred liếc nhìn Charlie khi nó đặt sách vở lên chiếc bàn tròn:

“Im lặng, Bone!... Như anh nói đấy, Beth và Bindi vừa rời chúng ta, nhưng chúng ta có một thành viên mới.”

Quả là một ngày khác thường, Charlie hầu như đã quên bằng Belle. Nhưng cô nàng kia kìa, đang ngồi giữa Asa và Dorcas. Những đường nét như con chồn trên mặt Asa uốn thành một nụ cười kênh kiệu, và mái tóc đỏ bù xù của nó chia ra nhọn hoắt, bôi dầu trơn nhẫy. Nếu không vì đôi mắt vàng của nó, thì người ta thật khó mà tin rằng nó có thể biến thành thú.

“Tên nữ sinh đó là Belle,” Manfred tiếp.

“Belle gì?” Tancred cắt ngang, mái tóc vàng nhiễm điện của nó thẳng đơ lên.

“Không quan trọng,” Manfred vẫy tay.

“Nhưng quan trọng đối với tôi,” Tancred khẳng định. “Tôi lúc nào cũng muốn biết họ tên đầy đủ của người ta.”

Charlie ước gì Tancred nhìn đi nơi khác trước khi Manfred làm cái gì đó kinh khủng. Thăng huynh trưởng đang phóng những tia hần học và thôi miên.

Bạn của Tancred, Lysander, hích nó, cảnh báo:

“Thôi bỏ đi, Tanc.”

Nhưng Tancred khẳng định như con chó giữ cục xương của mình. Nó vừa nói vừa nhìn Belle:

“Họ của tôi là Torsson, thế họ của...”

“Donner,” Belle đột nhiên nói.

“Belledonner à? Đó là cây cà độc dược,” Gabriel Silk lên tiếng. “Nó có thể giết chết người.”

“Đúng rồi, đó là cây cà độc dược,” Belle nói. “Chỉ một lượng nhỏ thôi, nó có thể làm giãn nở đồng tử. Mắt sẽ sáng ngời hơn, linh động hơn và đẹp hơn.”

Ngay lập tức, đôi mắt tròn xanh da trời của con nhỏ nháng lên những tia sáng màu tím.

Hiệu ứng mạnh đến nỗi ngay cả Tancred cũng á khẩu. Khắp các bàn, học trò lục tục mở sách ra, cầm viết lên. Giờ bài tập về nhà bắt đầu trong im lặng.

Phía trên cánh cửa lớn, Vua Đỏ đăm đăm nhìn ra từ bức chân dung. Bức tranh cổ nứt nẻ này luôn khiến cho Charlie phần chần tỉnh thần. Nhưng nó chưa bao giờ nghe được giọng nói của nhà vua. Đôi khi nó thoáng thấy có tiếng ậm ừ, có lúc nó nghe thấy một tiếng rít, hay tiếng áo chùng sột soạt, nhưng sẽ có ngay một mảng đen phủ xuống đằng sau nhà vua, tựa như một vệt đen in lên tấm vải bạt: một dáng hình đội mũ trùm, có thể làm đông máu nếu nhìn vô. Charlie biết rằng cái mảng đen góm ghiếc đó đang ngăn chặn nó liên lạc với nhà vua.

Giờ là mười một người chúng ta, Charlie nghĩ. Học kỳ vừa qua có mười hai đứa trẻ được ban phép thuật. Điều gì sẽ xảy ra nếu như chỉ còn lại mười đứa, giống như mười người con của Vua Đỏ? Liệu khuôn mẫu đó có lập lại, năm người ở phe này và năm người ở phe kia? Và lần này, phe nào sẽ thắng?

“Tiếp tục làm bài tập của mày đi, Bone!” Giọng của Manfred khiến Charlie giật nảy mình.

“Vâng, thưa anh Manfred,” Charlie nhìn xuống cuốn sách để mở.

Sau giờ làm bài tập về nhà, Emma đuổi kịp Charlie khi nó đi về phòng ngủ chung.

“Phải đó là Ollie không?” Emma nói như không thở. “Cái ngón chân dưới gầm bàn ấy?”

Charlie gật đầu. “Mình nghĩ không cách nào thuyết phục nó trở lại được nữa đâu. Nó bị hoảng vía một phen rồi. Mình thấy ổn, nghĩ Manfred biết chuyện rồi.”

“Để mình nói chuyện với thầy Boldova,” Emma nói.

Khi tới được phòng ngủ chung của Emma, chúng thấy hai nữ sinh đang đứng ngoài cửa. Đầu hai đứa con gái đó chụm vô nhau, và tiếng cười rinh rích cùng vẻ lên lút của chúng như ngụ ý rằng chúng đang cùng chia sẻ một bí mật khó chịu nào đấy.

“Belle và Dorcas đấy,” Emma quan sát. “Cứ như là Belle đã yểm bùa Dorcas vậy. Chúng đi khắp nơi với nhau như hình với bóng.”

“Chúc may mắn, Emma,” Charlie lầm bầm khi Emma lướt vô phòng ngủ chung.

“Cố ý làm ngơ tôi phải không, Charlie Bone?” Belle nói khi Charlie bước ngang qua.

“Đâu có,” Charlie nói mà không quay lại. “Tôi thấy là bạn đang bận.”

“Mày ngó lơ tao là liều mạng đó, Charlie!”

Có phải là Belle vừa nói không? Charlie không chắc. Giọng nói là của ai đó già hơn nhiều; của một người mà nếu ta không chịu tuân lệnh thì sẽ rầy rà to.

Charlie vội vã bước đi.

Kể từ hôm đó, bọn trẻ thấy Belle và Dorcas rất hiếm khi tách rời nhau. Charlie bắt đầu tin rằng Belle coi vậy mà không phải vậy. Rồi lại tới chuyện Ollie Sparks. Học kỳ mùa hè này coi bộ không thể thú vị nổi.

“Em nên cẩn thận thì hơn, Charlie,” Fidelio một bữa nói. “Nếu em mà lên gác mái lần nữa, thì chắc chắn sẽ bị cấm túc đấy.”

“Hoặc tệ hơn,” Olivia lẩm bầm.

“Bị thôi miên suốt đời,” Emma tư lự nói. “Giống như Manfred đã tính làm thế với mình.”

Bọn chúng đang ngồi lơ lửng trên một đồng gỗ xẻ, dưới ánh nắng mặt trời chói chang. Mọi thứ đều báo hiệu cho một mùa hè sôi động, một phần chính là do vở kịch toàn trường sẽ diễn ra ngoài trời.

“Belle có vẽ gì giống họa sĩ không?” Charlie hỏi Emma. “Ý mình là nó có biết vẽ không?”

“Ai mà biết!” Emma nhún vai. “Nó làm đạo cụ. Khoa tụi mình được phân công thiết kế trang phục và thực hiện bài trí sân khấu.”

Tiếng còi đi săn nổi lên, bốn đứa trẻ liền bật khỏi đồng gỗ và hướng về phía Học viện.

“Giá mà mình có thể làm được gì đó cho Ollie,” Emma nói khi chúng đi tới cửa vườn. “Có lẽ nếu tụi mình bị cấm túc và ở lại trường đến thứ Bảy thì... Bỏ nghĩ sao, Charlie?”

Charlie thấy lời đề nghị đó thật cảm động, nhưng nó còn có trách nhiệm khác nữa.

“Còn Hạt Đậu nữa, mình cần phải về nhà để chăm nó,” Charlie nói.

Vào đúng lúc chúng ra quyết định là tất cả sẽ hẹn gặp nhau và Chủ nhật để bàn bạc vấn đề Ollie, thì Fidelio tỉnh linh tuyên bố:

“Anh không thể đi được. Anh phải tập luyện với dàn nhạc.”

Charlie vô cùng tiếc nuối khi nghe vậy. Fidelio là người rất thích hợp và hữu ích trong những lúc khủng hoảng. Cậu ta hay có những ý kiến sáng suốt và không bao giờ chịu đầu hàng. Nhưng Fidelio cũng là một nhạc công xuất sắc, Charlie e rằng mình sẽ càng ngày càng gặp ít anh bạn thân trong học kỳ này.

Khi Charlie về nhà vào tối thứ Sáu, có nhiều chuyện lộn xộn xảy ra đến nỗi nó quên khuấy cả Ollie. Nó định ninh là sẽ gặp Ông cậu Paton, nhưng Ông cậu nó vẫn chưa quay về, mà tuyệt nhiên chẳng để lại lời nhắn nào.

“Ngoại hơi lo lo rồi đấy,” ngoại Maisie nói. “Như vậy hoàn toàn là không phải kiểu của Ông cậu Paton. Với lại, ngoại e là có một việc khác còn tệ hại hơn, Charlie. Ngày mai ngoại phải đi có việc.”

“Sao ạ?”

Charlie bỗng lo lắng thật sự. Mẹ nó phải đi làm cả thứ Bảy, và thật ngán ngấm khi nghĩ đến việc phải ở nhà một mình nguyên ngày với nội Bone, đó là nói nhẹ nhất.

“Ngoại đi đâu vậy? Cho con đi với được không?”

“Không được, Charlie.”

Chị của ngoại Maisie, bà Doris, đang bệnh nặng nữa. Nhưng đáng ra mọi người phải tính sao cho con Hạt Đậu chớ. Trong khi Charlie ở trường, đã không có ai trong nhà này cho nó ăn và chăm sóc nó.

“Con dẫn nó đi dạo ngay bây giờ đi,” ngoại Maisie nhắc. “Ngoại chẳng có thời gian. Con không thể nhốt úm nó lâu hơn được nữa đâu, Charlie; cái con chó hoạt bát như thế thể nào rồi cũng bị phát hiện thôi.”

Khi Charlie chạy lên phòng mình, nó nghe thấy tiếng Hạt Đậu đang rên ư ử và cào cửa liên hồi.

“Suuuuuyt!” Charlie la lên, rồi ập vô phòng, đóng sầm cánh cửa lại ngay sau lưng.

Hạt Đậu chồm cả hai chân trước lên vai Charlie và liếm mặt nó.

“Cám ơn mày, nhưng ghê quá,” Charlie nói thầm.

Có một tiếng két vang lên chỗ thiếu ngủ, và một giọng vang lên.

“Phải mày sầm cửa không đó, Charlie?”

“Dạ phải, nội,” Charlie hét vọng ra. “Con đang thay đồ đi học ra.”

Khi Charlie thò đầu ra khỏi phòng, nội Bone đã trở vô phòng bà.

“Đi nào, Hạt Đậu,” Charlie nói khẽ.

Nó chạy xuống lầu, có Hạt Đậu nhảy cộn lên đằng sau. Chúng rời nhà bằng cửa sau và lén lẹ vô con đường hẹp dẫn ra công viên. Một giờ sau, Charlie và con chó về lại nhà số 9, mệt nhoài và đói meo.

Mẹ nó đang nhấp nhồm lo âu, và Charlie giải thích là nó không biết thời gian vì hình như nó để lạc mất đồng hồ đeo tay rồi. Cô Bone thở dài.

“Thế này vậy Charlie. Mẹ nghĩ con nên đeo đồng hồ của mẹ cho đến chừng nào con kiếm ra đồng hồ của con.”

Cô đưa cho con trai chiếc đồng hồ, may là nó không quá giống đồng hồ con gái.

“Mẹ lên giúp ngoại Maisie thu xếp hành lý đây,” cô nói. “Chút nữa mẹ trở lại.”

Charlie lục tìm hộp đồ ăn cho chó mà ngoại Maisie đã giấu. Nó vừa phát hiện ra một hộp cá ngừ Bonio trong kho chứa thực phẩm, thì bỗng có tiếng hét thất thanh nổi lên, và tiếp theo là một tiếng gừ.

Charlie nhìn quanh, thấy nội Bone đang đứng chôn chân tại chỗ, ngay bên trong cánh cửa tủ.

“CÁI THỨ ĐÓ LÀM GÌ Ở ĐÂY?” Nội rít lên, chỉ vô con Hạt Đậu.

“Đó là con chó của Benjamin,” Charlie run rẩy. “Nội biết mà, nó là Hạt Đậu.”

“Đương nhiên là tao biết, nhưng sao nó không ở Hồng Kông?”

Trước khi Charlie kịp trả lời, thì Hạt Đậu đã gừ lên khùng khiếp và xô tới nội Bone. Bà lại kêu thét lên:

“Cút đi!”

“Ề...” Charlie chần chừ.

Con Hạt Đậu nhe hàm răng lởm chởm ra, và táp táp hù vô hai mắt cá chân của bà già.

“Dám hả!” Nội Bone gào như bị bóp cổ.

Rồi bà quay lưng, chạy ra khỏi bếp:

“Tao sẽ gọi cho đội bắt thú... cho trại chó rộng... cho CẢNH SÁT. Họ sẽ phải hạ con chó đó ngay. Quá sức nguy hiểm.”

“Nội Bone, đừng,” Charlie van vãn.

Nhưng nội Bone đã nhắc điện thoại lên rồi, đang phẫn uất cho địa chỉ nhà bà, và nói với ai đó rằng kẻ sát nhân cần phải bị tiêu diệt.

“Họ sẽ đến vào khoảng sáu giờ rưỡi, và tao sẽ không xuống lầu cho đến khi con Nám Đậu chết dẫm ấy cút khỏi.”

Charlie kinh hãi. Nó không biết phải làm gì. Ngoại Maisie và cô Bone cũng chạy xuống coi chuyện gì mà âm ỉ vậy. Nhưng rồi cả họ cũng không biết phải làm sao. Ngoại Maisie đang lo sốt vó về chị ruột của mình, và ngoại bảo ngoại chẳng thể suy nghĩ thông suốt được.

“Phải chi có Ông cậu Paton ở đây,” Charlie rên rỉ. “Ông cậu biết phải làm gì.”

Charlie cảm thấy muốn đem Hạt Đậu ra khỏi nhà, rồi chạy sang nhà Fidelio, hoặc nhà Emma, thậm chí tới tận chỗ Olivia. Nhưng liệu chúng có giấu được, hoặc có muốn giấu con chó đang mang bộ dạng điên dại kia không? Con chó rất ghét bị quát mắng, mắt nó đang trợn ngược lên và từ cổ họng nó không ngớt phát ra tiếng gầm gừ.

“Khi người ta tới, chúng ta sẽ giải thích, chúng ta sẽ giải thích rằng không có lý do gì mà phải hạ nó cả,” cô Bone nói. “Chúng ta sẽ bảo nó chưa bao giờ cắn ai cả, không bao giờ.”

“Có lẽ nó sẽ được đem đến một trại chó hiền hòa, ở đó thì con có thể đi thăm nó,” ngoại Maisie nói, đầy hy vọng.

“Hạt Đậu ghét bị như thế lắm.” Charlie òa khóc.

Nó lôi ra một đĩa patê gan ngỗng to tướng và mười lát thịt cừu hầm mật ong ra khỏi tủ lạnh, rồi đổ vô tô chó mà ngoại Maisie giấu trong bồn rửa chén.

“Đồ ăn đặc biệt của nội Bone đó!” Giọng ngoại Maisie khản đi.

“Con không quan tâm,” Charlie nói.

Nó quỳ xuống bên cạnh Hạt Đậu và vuốt cái đầu bờm xờm của con chó.

Thật khoái làm sao khi nhìn những món ưa thích nhất của bà nội nó bị nuốt trọn xuống một cái cổ họng lù xù.

Bấy giờ là sáu giờ hai mươi lăm phút.

Charlie đứng lên.

“Con quyết định rồi. Con sẽ nhờ Fidelio giấu Hạt Đậu cho tới khi Benjamin trở về.”

“Ồ cái nhà những tay nhạc công ồn kinh khủng ấy á?” Ngoại Maisie thất kinh. “Nó sẽ không sống nổi lấy một phút đâu.”

Vừa lúc đó, có người nhấn chuông cửa.

7. Chương 7

NHỮNG HÒN ĐÁ LẤP LÁNH

“Phải mấy người bắt chó không?” Nội Bone la vọng xuống.

Tim của Charlie thót lại.

“Đừng lo, Charlie, chúng ta sẽ không để họ làm gì mạnh bạo đâu,” mẹ Charlie trấn an nó.

Nội Bone đã xuống tới hành lang. Bà ta mở cửa trước và hét lên hoảng hốt.

Charlie chạy ra hành lang. Một người đàn ông nhỏ thó, trông lông lá, đứng ở ngưỡng cửa. Charlie nhận ra ông ngay tức khắc. Đó là bạn của nó, ông Onimous! Đằng sau ông là ba con mèo trông dữ tợn – nguyên nhân khiến nội Bone hét lên. Bà vốn ghét mèo, nhất là mèo màu cam. Những con này màu cam, màu vàng và màu đồng.

“Ông là người diệt chó?” Nội Bone hỏi, vẻ nghi ngờ. “Hình như trước kia tôi có thấy ông với mấy con mèo kỳ dị này rồi.” Nội Bone lùi lại.

Người đàn ông chìa ra một tấm danh thiếp.

“Orvil Onimous, thưa bà. Đội diệt côn trùng kiêm bắt thú.”

“Ông vô và bắt con chó mắc dịch ấy mau đi,” nội Bone nói. “Charlie, nếu nó có dây xích thì đi lấy ra đây.”

Charlie lao trở lại nhà bếp, theo sau là ông Onimous và lũ mèo.

“Ổn rồi,” nó thì thào với mẹ và ngoại Maisie. “Ông Onimous tới.”

Ngoại Maisie lôi sợi dây xích chó khỏi túi tạp dề của bà và đưa ra.

“Vây là tốt cho con chó,” ngoại nói.

Ông Onimous nháy mắt.

Có tiếng gầm gừ và khè khè như mọi khi giữa chó với mèo trong lúc ông Onimous trông sợi dây xích vô cổ Hạt Đậu, nhưng hình như con chó bự này vui mừng khi gặp lại tất cả bọn họ.

“Làm sao mà ông biết con Hạt Đậu đang lâm nguy?” Charlie hỏi nhỏ.

“Lũ mèo biết,” ông Onimous nói. “Chúng đòi đi thăm cậu, nhưng mãi khi tới đây ta mới biết là việc gì. Nhớ tới thăm tiệm cà phê của chúng tôi nhé, Charlie.”

Nội Bone kêu lên:

“Lẹ lẹ lên! Tổng con chó đó ra khỏi đây mau!”

Ông Onimous dẫn con chó đang hí hửng đi khỏi. Và Hạt Đậu nhìn lại, chỉ một lần, để thấy cho Charlie một tiếng sửa động viên.

“Vui lên đi, các bạn,” ông Onimous nói.

Nội Bone đóng sập cửa lại. May thay, một hồi sau, khi đội bắt chó thật tới nhấn chuông thì chính Charlie ra mở cửa.

“Xong xuôi rồi,” Charlie bảo họ, “chúng tôi đã tìm được cho con chó một ngôi nhà.”

Vấn đề con Hạt Đậu đã được giải quyết xong, Charlie ngủ một đêm ngon lành, đúng ra nó còn ngủ lơ đãng là đằng khác. Nó chỉ tỉnh dậy khi ngoại Maisie lay nó.

“Ngoại đi đây, Charlie. Tắc-xi đang đợi. Mẹ con đi làm rồi, còn nội Bone cũng đã đi đâu đó.”

Ngoại đặt một mẫu giấy lên gối Charlie.

“Đây là địa chỉ của mấy bà cô Yewbeam, phòng trường hợp con cần họ. Dù gì thì họ cũng là mấy bà cô của con. Ngoại phải để con lại một mình, nhóc con ạ, nhưng không còn cách nào khác.”

“Không sao đâu ngoại,” Charlie ngáp. Nó không thể tưởng tượng nổi có lý do gì mà nó phải ghé nhà mấy bà cô Yewbeam.

Ngoại Maisie hôn nhẹ lên đầu nó rồi ra đi.

Căn nhà im lặng khác thường. Charlie không tài nào nhớ nổi nó đã từng bao giờ ở nhà hoàn toàn một mình như thế này chưa. Ông cậu Paton luôn có ở nhà. Luôn luôn. Vậy, điều gì đã xảy ra với ông vậy?

Sau bữa sáng, Charlie ghé chợ gặp mẹ nó. Cô đang cân táo cho một người đàn ông có vẻ thiếu kiên nhẫn, và có một hàng người xếp hàng dài đằng sau ông ta.

“Bây giờ mẹ không thể dừng tay được,” mẹ nó thì thầm. “Bữa trưa gặp con nhé. Con không sao chứ?”

“Không sao. Con đến nhà Emma đây,” Charlie vui vẻ nói.

Emma sống với dì của nó, cô Julia Ingledew, trong một tiệm sách ở đằng sau nhà thờ lớn. Nhưng khi Charlie vừa xuống con đường dốc tới tiệm sách cô Ingledew, bất giác nó lòi từ túi áo ra mẫu giấy mà ngoại Maisie đã đưa cho nó. Mấy bà cô có một địa chỉ thật lạ lùng: số 13 đường Ngách Tối.

“Ngách Tối,” Charlie lăm băm một mình.

Đó là tên một con đường, một con hẻm hay là một thành phố khác? Charlie đi vô một quầy báo. Nó mua một gói kẹo bạc hà và đưa mẫu giấy cho người phụ nữ đằng sau quầy.

“Ngách Tối? Cháu sẽ không tới đó đấy chứ?”

“Cháu nghĩ là cháu phải tới,” Charlie nói.

“Không hay gì đâu. Một nơi quỷ tha ma bắt. Không thích hợp với bọn con nít như cháu đâu.”

Charlie nổi trí tò mò.

“Tại sao vậy?”

“Tối tăm. Không đèn đường.”

“Nhưng giờ là ban ngày mà,” Charlie nêu rõ.

“Có khối chuyện xảy ra ở chỗ ấy rồi, nhóc. Tốt hơn cháu nên thôi đi.”

“Cháu có bà con ở đó,” Charlie nói.

Người phụ nữ chồm ra khỏi quầy, nhìn Charlie trân trân.

“Bà con như thế nào?” Bà hỏi.

“Mấy bà cô. Cháu chắc chắn là không sao đâu. Bác làm ơn chỉ giúp cháu nó ở đâu.”

Người phụ nữ thở dài.

“Được rồi, nhưng đừng có trách là tôi không cảnh báo trước đấy nhé. Quẹo phải ở cuối đường này, sau đó đi tiếp đến khi nào tới Vòng Cung Ụ Xám. Ngách Tối ở đâu đó trong ấy.”

“Cảm ơn bác.”

Charlie vội rời quầy, không để người phụ nữ kịp tuyên bố thêm một lời cảnh báo ảm đạm nào nữa.

Vòng Cung Ụ Xám là một nơi đúng như tên gọi: một vòng cung gồm những toà nhà, cao, xám xịt, đầu mặt vô một bãi cỏ bẩn thỉu, hình bán nguyệt. Một cái cây khổng lồ, rậm rạp đứng ở chính tâm, tạo cho nơi này một bầu không khí âm u, đầy hiểm hoạ.

Rất chính xác, đi được chừng nửa đường quanh vòng cung thì tới một khoảng trống giữa những dãy nhà liên kế, và một tấm biển bạc màu đóng vô một bức tường đề: NGÁCH TỐI. Charlie quẹo vô ngõ hẻm hẹp rí, tối tăm ấy. Hai bên hẻm, những bức tường không cửa sổ, dơ dáy, chìa thẳng lên trời. Một cơn gió nhóp nhép xoáy thẳng vô mặt Charlie. Thật khó mà tin rằng, chỉ mới khoảnh khắc trước đó thôi nó còn đứng dưới ánh mặt trời.

Ngõ hẻm nơi rộng vô một con đường lát gạch, bao quanh là những căn nhà trông âm đạm và cổ kính. Cũng giống như những bức tường khổng lồ kia, những căn nhà hình như đổ vô trong, đuổi sạch ánh sáng đi. Phía trên chúng, lơ lửng những đám mây đen kịt, đen nhất mà Charlie từng thấy.

Charlie rùng mình rồi bắt đầu bước ngang qua những căn nhà, lẩm nhẩm đếm số đánh trên cửa. Hầu như nhà nào cũng vắng tanh. Những cửa sổ che ván kín mít, những cánh cửa loang lổ đóng đinh chặt lại. Cứ như kẻ nào đó, hoặc cái gì đó, vừa mới quét tất cả các cụ cư dân ở đây đi khỏi. Ở căn số 5, một nhóm thanh niên ừa ra cửa, vừa ẩu đả vừa la ó rầm trời. Charlie vội dấn bước. Tới căn số 9, một người đàn ông trông bặm trợn xuất hiện từ tầng hầm. Ông ta rống lên chửi Charlie, lúc này đã dợm chân chạy. Qua căn số 11, một cái nắp thùng rác rớt xuống vỉa hè, và một con chuột chạy luồn qua hai chân Charlie.

Ngách Tối là ngõ cụt, chẳng dẫn tới đâu cả. Cuối con đường lát gạch, một dãy nhà, cao hơn những nhà kia, đứng sừng sững ngay trước mặt Charlie. Chúng có những tháp nhỏ kỳ lạ, những ban công khung sắt, những cửa sổ cao, hình vòm, với trần tường có chạm trổ mặt thần lùn giữ cửa và những con vật kỳ lạ. Căn nhà đầu tiên mang số 13.

Charlie leo lên những bậc cấp bằng đá. Phía trên cùng của cánh cửa đen có một khoen đồng dùng để gõ cửa, mang hình một bàn tay, treo trên số 13. Charlie không gõ cửa, dĩ nhiên! Thay vô đó, nó tì người lên những lan can của ban công và ngó vô một cửa sổ dài. Căn phòng bên trong chất đầy những đồ đạc lờ mờ, tối. Nó nhìn kỹ qua cánh cửa sổ nằm phía kia của cửa chính, thì thấy chân dung của những người nghiêm trang và đầm chiêu treo kín cả ba bức tường. Căn nhà im ắng. Có vẻ như không người.

Khi Charlie quay trở ra, nó nhận thấy căn kế bên cũng mang số 13, và căn kế nữa cũng vậy!

“Tội nghiệp ông đưa thư,” nó lẩm bẩm.

Căn nhà thứ hai cũng im lìm và tối như bưng, nhưng từ căn thứ ba vọng ra âm thanh vo vo rè rè.

Để nhìn cho rõ hơn, Charlie chạy xuống những bậc cấp tầng hầm và leo lên gờ tường hẹp rí bên dưới ô cửa sổ dài. Kiễng chân lên, nó có thể thấy căn phòng bên trong.

Hóa ra cái nó thấy thú vị hơn là nó tưởng. Một chiếc bàn dài hình ô-van chiếm gần hết căn phòng. Bên trên ngổn ngang những mảnh vải, khoen xê-quin, lông chim, nút áo, đinh khuy, những miếng gương nhỏ hình vuông, nhưng, da thuộc, những cục bông gòn. Một hàng đèn có chụp bằng đồng hình quả chuông treo phía trên bàn, soi rõ ba dáng người. Belle ngồi bên trên một bàn máy may, trong khi bà cô Venetia và Dorcas Loom đứng cạnh nhau, nhìn Belle. Bà cô Venetia đang cầm một cái kim cài mũ có gắn hình một con bọ hung ở đầu. Belle nói cái gì đó, và bà cô Venetia ghim chiếc kim cài mũ vô một mảnh vải nhưng đỏ. Mảnh vải lập tức biến thành một mảng lúc nhúc những con bọ cánh cứng, đen thui.

Dorcas nín thở - và cả Charlie cũng vậy.

Belle thỉnh thoảng nhìn ra cửa sổ, và ánh nhìn hung tợn màu xanh da trời của nó hất Charlie té bật ngửa vô dãy thùng rác. Từ bên trên, ngay cửa lớn, đang ngó xuống là Asa Pike.

“Anh làm cái quỷ gì ở đây vậy?” Charlie hỏi, lồm cồm bò dậy.

“Tao phải hỏi mày câu đó mới đúng.”

Asa, trong trang phục hóa trang thảm hại như thường lên, nhìn nó nẩy lửa. Thằng này mặc áo khoác da, sơ mi trắng, cà vạt sọc xanh da trời và quần màu xám. Làm như chưa đủ gây ngạc nhiên, trên tay nó còn cầm một bó hoa tu-lip.

“Mấy bà cô của tôi sống ở đây,” Charlie nói.

“Thế sao mày không vô mà phải dòm trộm?” Asa chất vấn.

“Không phải việc của anh.”

Asa nhún vai và nhấn chuông, trong khi Charlie leo lên những bậc cấp tầng hầm. Khi nó lên tới vỉa hè, một tiếng động từ phía trên khiến nó phải ngược lên nhìn. Một người đàn ông nhìn ra từ một cửa sổ cao có chấn song. Tóc ông ta đen, gương mặt trầm tư. Charlie cảm thấy chắc chắn là ông ta biết nó. Nó có cảm giác người đàn ông này là một tù nhân.

Charlie vội chạy khỏi Ngách Tối, cố gạt bỏ hình ảnh đàn bọ lúc nhúc ra khỏi đầu.

“Bồ vừa xem phim kinh dị à?” Emma hỏi khi Charlie ào vô nhà cô Ingledew. “Trông bồ thất thần quá đấy.”

“Ừ, mình vừa từ một nơi kinh dị về,” Charlie hốt hển. Nó kể cho Emma nghe về đám bọ hung và Ngách Tối.

Mắt Emma tròn xoe, rồi nó nói:

“Thiệt tình mình không ngạc nhiên. Mấy bà cô bồ ác độc quá chừng mà. Dì mình đang làm bánh mì kẹp. Bồ có muốn ăn không?”

Tất nhiên là Charlie đồng ý. Cô Julia Ingledew thường kẹp bánh mì thật khéo, với những đồ kẹp ngon lạ lùng. Hôm nay cũng không là ngoại lệ. Có điều, thứ Bảy là ngày cô Ingledew bận bịu nhất nên tất cả phải ngồi ăn đằng sau quầy, và cô Ingledew cứ chốc chốc phải chạy ra để tiếp khách hàng.

Một người đàn ông coi bộ có gu sang trọng về cả ăn mặc lẫn sách vở vừa rời khỏi tiệm, với một cuốn sách hiếm về cá. Nhưng cô Ingledew lộ vẻ không vui, như đáng lẽ cô phải vui nếu xét về món tiền lớn cô vừa bán được. Cô nhấm nháp một miếng bánh mì, tăng hăng và nói:

“Charlie, có chuyện gì xảy ra với Ông cậu của con vậy?”

“Con không biết. Ông cậu đi đâu đó.”

Cô Ingledew lo lắng, “Thường thì ông ấy tới tiệm sách ít nhất hai lần một tuần, vậy mà giờ chẳng có lời nào.”

Charlie rất vui khi cô hơi đỏ mặt. Như thế có nghĩa là việc Ông cậu nó làm cho cô Ingledew phải lòng chưa hẳn là vô vọng.

“Ông cậu có để lại một mẩu tin nhắn, nói rằng mấy bà cô đang âm mưu chuyện gì đó,” Charlie giải thích, “và Ông cậu phải ngăn ai đó nguy hiểm sắp tới.”

“Chao!” Emma thốt lên. “Mình thắc mắc không biết Ông cậu có thành công không.”

“Mình cũng thế,” Charlie nói.

“Cô hy vọng Ông cậu của con sẽ an bình,” cô Ingledew lo lắng nói. “Cô không biết phải làm gì nếu không... ý cô là, ông ấy thật đáng tin cậy, phải không Charlie?”

“Dạ phải,” Charlie đồng ý.

Charlie về đến nhà đúng giờ ăn trưa, nhưng nó ước gì nó đừng về thì hơn. Nội Bone quyết định ra tay một chút, tức là nó buộc phải xới bánh rau khô thay vì món khoai tây chiên như thường lệ.

Vẫn không có tin tức gì từ Ông cậu Paton, nhưng nội Bone xem ra chẳng có gì bận tâm cả.

“Ta tin là hần đang phởn phơ nghĩ mát,” bà nói.

Điều này càng xác nhận với Charlie là sự thật thì ngược lại. Nó cũng ngấm ngầm nghĩ rằng bà nội biết Ông cậu Paton đi đâu. Về mặt nghiêm nghị của bà chỉ có mỗi một ý nghĩa rằng Ông cậu đang gặp nguy hiểm.

Sau nửa giờ khốn khổ, nội Bone để cho Charlie và mẹ nó rửa chén đĩa.

Charlie thở phào nhẹ nhõm.

“Mẹ à, con lo cho Ông cậu Paton quá. Làm sao chúng ta biết ông đang ở đâu bây giờ?”

“Chúng ta không thể biết được đâu, Charlie. Ông cậu của con biết mình đang làm gì mà,” mẹ nó liếc mình trong gương và phúi phúi vai.

“Mẹ không có bạn trai khác đấy chứ?” Charlie hỏi.

Câu trả lời của mẹ nó không chắc chắn cho lắm.

“Sao con lại nghĩ như vậy?”

“Mẹ đừng quên ba nhe,” Charlie nói.

“Dĩ nhiên là không rồi, Charlie.” Mẹ nó mỉm cười ưu tư.

Chiều Chủ nhật, Charlie tới quán Cà Phê Thú Kiểng như thường lệ. Đó là một nơi lý tưởng để tụ tập bạn bè, miễn là đừng quên mang theo một con thú cưng.

Hôm nay, người bảo vệ quán, Norton Cross, để Charlie vô mà không cần thú.

“Ông Onimous đã kể cho tôi nghe hết về con Hạt Đậu rồi,” người đàn ông lực lưỡng nói.

“Thú cưng của cậu đang chờ cậu kìa, Charlie,” ông chỉ một chiếc bàn, nơi Gabriel ngồi và đang cho con Hạt Đậu ăn bánh bích quy của chó.

Con chó vàng sữa một tiếng hân hoan khi trông thấy Charlie và nhảy lồng lên, suýt nữa thì tông nó lộn nhào. Sau phần đón đả chào mừng với con Hạt Đậu, Charlie ngồi xuống kế bên Gabriel. Trên đùi Gabriel đầy những con chuột đủ màu.

“Em ngạc nhiên là sao con Hạt Đậu không thịt chúng,” Charlie nhận xét.

“Anh nghĩ Hạt Đậu không chén những thứ nhúc nhích được,” Gabriel nói.

Cửa quán Cà Phê Thú Kiểng mở ra, kêu lanh canh, và thêm ba khách hàng nữa bước vô. Olivia với con thỏ trắng, Emma xách một con chim trông lạ mắt bị nhốt ở trong lồng, và một vị khách bất ngờ: thầy Boldova. Thầy cầm con chuột đen của mình, con Rembrandt, và ông bảo vệ Norton Cross khoát tay cho thầy vô quán cà phê.

Trong khi hai cô bé bước tới bàn Gabriel, thì thầy Boldova đi về phía quầy.

“Hôm qua thầy Boldova tới tiệm sách của cô mình,” Emma giải thích. “Thầy muốn nói chuyện về Ollie và con trăn, Charlie. Cho nên mình đưa thầy tới đây.”

Thầy Boldova đi lại bàn với một khay đầy bánh táo và nước cam.

“Để thầy chiêu đãi,” thầy bảo. “Chuyện quanh đi.”

Thầy giáo dạy vẽ ngồi xuống giữa Emma và Olivia, trong khi tụi nhỏ chia bánh thật đều.

“Emma bảo là thầy muốn nói chuyện với con, thưa thầy,” Charlie nói, cắn một miếng bánh thật to.

Thầy Boldova đã mất vẻ hớn hở.

“Ừ, Charlie. Thầy sẽ đi thẳng vô vấn đề luôn. Có một nữ sinh mới trong khoa hội họa, Belle Donner. Rõ ràng, cô này sống với mấy bà cô của trò. Như vậy có nghĩa là cô ấy là bà con với trò, đúng không Charlie?”

Charlie ghen bánh.

“Con hy vọng là không,” nó nói khàn khàn.

“Ấy, có chuyện gì vậy?” Olivia hỏi. “Có gì cho tụi con cùng biết với?”

“Ừ, trò có biết gì về Belle không?” Thầy Boldova hỏi.

“Không ạ,” Charlie nói. “Ngoại trừ việc mắt nó cứ liên tục đổi màu... và... và con thấy...”

“Thấy gì?” Olivia nôn nóng.

Charlie kể cho mọi người nghe về khu Ngách Tối và đám bọ cánh cứng.

“Tuy là một trong những bà cô của con làm nên đám bọ, nhưng con chắc chắn là Belle cũng có dính líu vô đó. Con nhỏ hình như có quyền lực đối với họ.”

“Chắc chắn là bà ta...”

“Bà ta là ai?” Olivia hỏi.

Thầy Boldova mỉm cười nghiêm nghị.

“Emma chắc là đã nói cho các trò biết rằng em trai Ollie của thầy từng là học viên của Học viện Bloor. Cách đây hơn một năm, nó thành linh biến mất. Khi thầy tới Học viện Bloor để tìm hiểu xem chuyện gì xảy ra với nó, thầy buộc phải dùng tên họ hoàn toàn khác. Chắc chắn sẽ có nhiều người trong Học viện Bloor muốn tống khứ thầy đi nếu học biết thầy là ai.”

“Tổng khứ thầy đi!” Emma thất kinh.

“Thầy e là vậy,” thầy Boldova trầm ngâm cắn một miếng bánh. “Bằng cách này hay cách khác.”

“Còn Belle...” Charlie gợi ý.

“À, Belle,” thầy Boldova lau miệng bằng chiếc khăn giấy màu nâu của quán Cà Phê Thú Kiểng, rồi bắt đầu:

“Phía bên kia núi ở miền đông bắc có một toà lâu đài. Nó được xây dựng từ thế kỷ thứ 12 và trước kia từng có một cái tên khác. Ngày nay người ta gọi nó là Lâu đài Yewbeam.”

Nói tới đó, thầy liếc Charlie.

Charlie lặp lại, “Yewbeam,” nhưng nó không ngắt lời thầy.

“Suốt nhiều thế kỷ,” thầy Boldova tiếp, “những hậu duệ của Vua Đỏ sống trong Lâu đài Yewbeam. Hầu hết những chủ nhân của lâu đài này đều được ban phép thuật. Vào năm 1900, một đứa bé gái ra đời tại Lâu đài này. Tên nó là Yolanda. Cha nó là người biến hình, mẹ nó là người thôi miên. Trong ngày sinh nhật lần thứ 21 của mình, Yolanda được thừa hưởng toà lâu đài, mặc dầu...”

Thầy Boldova liếc nhìn những gương mặt há hức chờ đợi của bọn trẻ:

“... Mặc dầu không ai có thể chắc rằng cha của cô ta đã chết hoàn toàn chưa.”

“Chết hoàn toàn,” Olivia kêu lên. “Vậy nghĩa là sao?”

“Tức là, người ta không bao giờ chắc chắn khi nào thì người biến hình ngừng tồn tại. Yolanda bây giờ đã hơn một trăm tuổi, và bà ta vẫn có thể biến thành một nữ sinh mười hai tuổi.”

“Ý thầy là,” Charlie há hốc mồm, “Yolanda là... Belle?”

“Thầy chắc chắn,” thầy Boldova nói. “Và thầy sợ rằng bà ta đã nhận ra thầy. Nhà của thầy ở không xa nhà của bà ta lắm, và bà ta luôn luôn hăm hực với những người ở trong Lâu đài Lấp Lánh. Nơi đó ngày xưa rộn đầy tiếng cười, rất vui, lúc nào ánh sáng cũng lấp lánh. Nhưng kể từ khi Ollie biến mất, thì chúng tôi, tức thầy và cha của thầy, không thích làm cho những đồ vật sáng lấp lánh lên nữa. Phải, cả hai chúng tôi đều có phép thuật. Buồn một nỗi, Ollie lại không được ban phép thuật. Tài năng của nó là âm nhạc, và nó cũng được ban cho trí tò mò vô biên. Và thầy luôn lo sợ rằng điều này sẽ chỉ làm thẳng bé gấp toàn rắc rối.”

“Thưa thầy, có một bức chân dung của bà Selena Sparks. Bà ấy cũng là một người làm lấp lánh được ạ?” Charlie hỏi.

“Bà Selena... à phải, một phụ nữ tuyệt vời, theo ý kiến chung của mọi người. Chúng tôi là con cháu một người em trai của bà, ông không có phép thuật. Bà Selena không lấy chồng. Có quá nhiều niềm vui rồi mà.”

Charlie nhấp nhòm muốn hỏi xem làm thế nào mà tạo được ánh sáng lấp lánh, nhưng nó nghĩ lúc này là không thích hợp. Olivia lại không có mỗi bản khoản như thế.

“Thầy làm được gì ạ, thưa thầy?” Con bé hỏi. “Làm sao thầy làm cho đồ vật lấp lánh lên được ạ?”

“Bạn lòng làm gì chuyện ấy,” thầy giáo đáp.

Nhưng rồi, nhìn những vẻ mặt thất vọng, thầy bảo:

“Ồ, thế này này.”

Thầy thò tay vô túi quần và lôi ra một nắm đá nhỏ. Thầy đặt tay lên bàn, để cho nắm đá lăn nhẹ trong lòng bàn tay mở ra. Bốn cái đầu chụm sát lại, và đột nhiên, những hòn đá bắt đầu toả sáng lấp lánh. Bọn trẻ cảm nhận sức nóng từ những tia lửa lung linh do những hòn đá phát ra. Hạt Đậu, con thỏ, con vẹt, và mất con chuột chọt đồng loạt kêu lên hoặc sửa om.

Con chuột Rembrandt, xem ra đã quen với cảnh tượng này, nên yên lặng theo dõi.

Thầy Boldova nắm nắm tay lại và tia sáng tắt ngúm. Con chim mà Emma mang theo thành linh la lên:

“Ta sẽ bị nguyên rửa!”

“Chúng có thể rất nguy hiểm,” thầy Boldova nói, dứt nắm đá trở lại vô túi.

“Làm sao thầy giữ được chúng khi chúng nóng như vậy?” Gabriel hỏi.

“Thật tình thầy cũng không biết,” thầy giáo đáp.

Ông Onimous xuất hiện bên cạnh bàn, muốn biết xem chuyện gì đang xảy ra.

“Ai làm khách hàng của ta bực mình vậy?” Ông hỏi, ý nói đến mấy con thú.

Thầy Boldova đang tính nhận lỗi thì ông Onimous bỗng đặt ngón tay lên môi.

“Không. Đừng nói với tôi. Chú là một trong số họ phải không?” Ông nháy mắt với Charlie và tiếp, “Cậu thấy anh bạn Hạt Đậu thế nào? Trông anh chàng vui sướng đấy chứ?”

“Trông nó tuyệt lắm, thưa ông Onimous. Nó có hoà thuận được với lũ mèo không vậy?” Charlie nói.

“Không lo. Charlie, chúng là bạn mà. Lại nói về mấy con mèo lửa, dạo này chúng rất quan tâm tới cái trường của cậu đấy. Ở đó tất cả mọi việc vẫn ổn chứ?”

Trong một thoáng, Charlie ngẩn ngừ, rồi, nhìn thầy Boldova, nó nói khẽ:

“Không ổn.”

Nó hạ giọng kể cho ông Onimous nghe về Belle và về Ollie vô hình.

“Ôi trời,” ông Onimous than thở. “Thảo nào mà bọn mèo cứ tò mò.”

Vừa lúc đó, một toán khách hàng rất ồn ào đi vô: bốn con chó đen trùi trùi, bị rọ mõm vuông, và con mắt ngầu lên nguy hiểm. Hai thiếu niên đi kèm chúng trông khá ôn hoà, nhưng Charlie cảm thấy họ có cái gì đó đáng sợ. Cả hai đều béo ù, tóc hoe hoe, gương mặt đỏ bừng, đầy tàn nhang. Nhìn vô, người ta có thể nói rằng bọn này đã không dành nhiều thời gian để huấn luyện đám chó của mình.

“Chó săn,” Gabriel lầm bầm. “Tốt hơn em nên canh chừng con Hạt Đậu. Không chúng đánh nhau tới chết cho coi.”

Ông Onimous nhún nhảy bước đi, để can thiệp đám chó sửa mũi bùng lên, trong khi con Hạt Đậu bắt đầu gầm gừ trong cổ họng. Chắc hẳn nó rất muốn xông vô lũ chó săn, nhưng không dám liều.

Bọn trẻ cũng vừa ăn bánh xong. Và sau vài cái ôm, Charlie dẫn Hạt Đậu vô chỗ an toàn sau quầy.

“Hẹn gặp vào tuần tới nha,” nó nói với con chó vàng.

Khi Charlie bước về phía cửa, nó gặp ngay lũ chó săn ngáng đường. Tiếng gừ của chúng có hơi hăm đe dọa, và trong một thoáng Charlie không dám vượt qua chúng.

“Xin lỗi,” một trong hai thiếu niên nở nụ cười gương gạo và kéo bọn chó săn tránh đường ra.

Gabriel đã mở cửa và Charlie chạy hết tốc lực qua cửa, suýt nữa thì tông vô một con bé đang đứng bên ngoài: Dorcas Loom.

“Chào!” Charlie nói. “Bồ làm gì ở đây vậy?”

“Mình chờ các anh của mình,” Dorcas nói.

“Không có thú à?” Gabriel hỏi.

“Không thích,” Dorcas đáp.

Đúng lúc đó thầy Boldova đi ra khỏi quán. Theo sau là Emma và Olivia.

“Ô!” Mắt Dorcas mở lớn. “Ai mà tưởng tượng được là thầy ở đây, thưa thầy.”

“Chào Dorcas,” thầy dạy vẽ mỉm cười nhẹ.

Và rồi Dorcas trông thấy con chim mà Emma mang theo.

“Đễ thương quá,” nó trầm trồ. “Con gì vậy?”

“Con yểng đó. Mình không...”

Quá trễ để Emma ngăn Dorcas đừng thò tay vô lồng chim.

“Chúu chiu! Chúu chiu!” Dorcas gọi.

Con yểng mổ ngón tay của Dorcas và con bé thét lên một tiếng xé óc.

Một trong hai chủ nhân của lũ chó săn thò đầu ra khỏi cửa, hỏi lớn:

“Chuyện gì vậy, Dorcy? Sao la thế?”

“Con chim thối tha, độc ác, tởm lợm, quái đản đó cắn em!” Dorcas gào.

“Mày không nên nuôi thú nguy hiểm chứ,” thằng thiếu niên gằn giọng, trừng mắt nhìn Emma.

“Đừng lộ bịch thế.” Thầy Boldova vội nói. “Tôi thấy bốn con chó săn kia còn đáng sợ hơn là một con yểng hiền lành này.”

Thằng thiếu niên giờ nắm đầm lên, nhưng nghĩ sao nó lại rút lại và thụt vô sau cánh cửa.

“Tụi anh sẽ ra ngay, Dorc,” nó nói.

Dorcas giờ đã bình tĩnh lại, nhưng khi Emma xin lỗi về hành vi của con yểng, Dorcas thậm chí không thèm nhìn mặt nó.

“Tạm biệt Dorcas,” mấy đứa kia chào rồi đi khỏi.

Dorcas quay lưng lại và mút ngón tay.

Khi chúng ra đến đường cái, thầy Boldova nói:

“Này, nghe đây. Thầy không muốn bắt cứ ai trong các trò cổ cứu Ollie đâu đấy.”

“Nhưng mà...” Charlie lên tiếng.

“Không nhưng gì hết. Quá nguy hiểm,” thầy Boldova dứt khoát. “Tin thầy đi. Thầy rất biết ơn vì sự giúp đỡ của các trò, Charlie và Emma, nhưng cứ để đó cho thầy, được chứ?”

Bọn trẻ miễn cưỡng đồng ý và thầy giáo dạy vẽ bước về phía Học viện Bloor. Emma và Olivia đi theo lối dẫn tới tiệm sách của cô Ingledeew, còn Gabriel và Charlie đi thẳng ra ngã tư.

Trước khi chúng chia tay, Charlie bảo:

“Anh có nghĩ là Dorcas theo dõi tụi mình không? Đạo này nó thay đổi rất nhiều. Kể từ hồi em thấy nó trong ngôi nhà ở Ngách Tối, em có cảm tưởng là nó không phải như tất cả tụi mình vẫn nghĩ về nó.”

“Chắc chắn là nó đã giảm cân,” Gabriel pha trò.

“Không phải thế,” Charlie nói, toét miệng cười.

“Ừm, nó cũng có phép thuật. Nhưng chúng ta không biết nó có tài phép gì. Còn để thám thính thì anh nghĩ đã có Billy Raven làm gián điệp rồi. Tất cả chúng ta đều biết thằng bé về phe Manfred và cái lão Ezekiel Bloor kinh khủng ấy.”

“Chỗ nào cũng có thể có do thám cả,” Charlie trầm tư. “Và Billy có lẽ không còn hữu ích cho họ nữa, bởi vì tất cả tội mình đều đã biết nó rồi. Ngoài ra, em thấy tội tội cho nó sao ấy, một đứa trẻ mồ côi, phải sống một mình trong toà nhà u ám, tối tăm đó suốt. Không bao giờ được về nhà. Thử tưởng tượng coi!”

“Không thể tưởng tượng nổi,” Gabriel thừa nhận, gật gù. “Hẹn gặp lại ngày mai, Charlie.”

Gabriel phóng chồm đi cùng một con chuột bám vào mái tóc loà xoà của nó, trông tức cười đến nỗi Charlie không nhịn được cười, nhưng vừa chợt nghĩ đến Belle, nụ cười của nó tắt ngấm.

8. Chương 8

KỂ BIẾN HÌNH

Vào những ngày chủ nhật, khi mà hầu hết bọn trẻ đang thoải mái ngủ một đêm yên lành ở nhà, thì Billy Raven thường đi vờ vẩn trong những hành lang tối như bưng và những khu vực trống vắng của Học viện Bloor. Chỉ còn một đứa trẻ khác nữa ở trong tòa nhà này là Manfred Bloor, nhưng giờ hắn đã mười tám tuổi, kể như không còn là con nít, và vào những ngày cuối tuần, hắn thường tự giam mình ở trong chái phía tây cùng với cha hắn và lão già Ezekiel, ông cố hắn.

Thỉnh thoảng, nếu Billy tiết lộ cho hắn một mẩu tin thú vị, chẳng hạn như tin gì đó về Charlie Bone, thì Manfred có thể sẽ thưởng cho thằng bé một thanh sô-cô-la. Và nếu thằng bé làm được việc gì mà lão Ezekiel Bloor sai bảo, thì lão già khụ này sẽ đãi nó một ly ca cao vào giữa khuya.

Hôm nay là sinh nhật thứ tám của Billy, nhưng cho đến lúc này thì không ai nhớ ra điều đó. Năm ngoái, bà bếp trưởng đã làm cho nó một chiếc bánh, nhưng gia đình Bloor để mặc cho ngày đó trôi qua chỉ với một câu “Chúc mừng sinh nhật, Billy”, không hơn.

Người ta có lẽ sẽ thắc mắc làm sao mà Billy biết được ngày sinh của nó. Dù gì cũng không ai nhắc tới sinh nhật nó kể từ năm nó một tuổi. Billy biết, vì ngày đó luôn ghi khắc sâu đậm trong đầu nó. Billy biết, bởi vì những con vật biết và chúng đã nói cho nó biết.

Khi cha mẹ Billy mất thì nó vẫn còn ẵm ngửa. Nó được một người cô tử tế nhưng nghiêm khắc nuôi dưỡng. Khi Billy được hai tuổi, một chiếc bánh kem tuyệt đẹp được gửi đến theo đường bưu điện. Con chó của cô nó ăn mất, cả bánh lẫn đèn cầy. Vì tội này mà con chó bị một trận đòn, và kèm theo cả con mèo nữa cũng bị đánh.

Vào ngày 4 tháng 5, khi Billy được ba tuổi, con chó và con mèo đó cùng nhắc nó:

“Ngày bánh, Billy!”

Nhưng chẳng có chiếc bánh nào tới. Sự việc cũng xảy ra tương tự khi Billy bốn tuổi, rồi năm tuổi. Tính cho tới lúc ấy, Billy và các con vật đã thường hay trò chuyện lâu với nhau, mà cô nó không nghe thấy. Khi Billy được sáu tuổi, nó bỗng hỏi cô nó:

“Hôm nay con sẽ có bánh chứ?”

Cô nó hỏi lại:

“Ai bảo cho mày biết hôm nay là ngày sinh nhật của mày?”

“Con chó và con mèo,” Billy thật thà.

Cô nó sững sờ:

“Vậy là, mày có thể nói chuyện được với thú vật?”

“Dạ phải,” Billy xác nhận, nghĩ rằng đó là điều mà tất cả mọi người đều biết làm. “Con nói chuyện với chúng hoài.”

Cô nó không nói thêm gì nữa, nhưng vào đúng tuần sau, Billy được gửi tới Học viện Bloor.

Nó cô đơn trong tòa nhà đồ sộ, tối tăm này. Nó luôn cảm thấy hoang mang, bối rối, và rồi nó bắt đầu nghĩ rằng người ta đang cố ý giấu giếm nó mọi thứ. Họ không muốn nó biết nó thật sự là ai. Tuy nhiên, bà bếp trưởng lại rất nhân từ, và nó thường xuyên nói chuyện với con chó May Phúc, một con chó già, mập ú và có cái đuôi trĩu trĩu.

May Phúc chắc hẳn là rất xấu xí, dẫu vậy Bill rất yêu quý nó. Con chó già này luôn có thời gian để lắng nghe Billy.

Học kỳ vừa rồi Billy đã đá May Phúc, nhưng nó không cố ý. Chỉ là sự việc cứ thế xảy ra, và Billy hối hận ghê lắm. May Phúc có lẽ sẽ không nói chuyện với nó nữa, chỉ còn lũ chuột nhắt, và thỉnh thoảng một con chuột cống, để nói chuyện cùng. Bọn chuột nhắt chán phèo, chúng chỉ quan tâm đến đồ ăn với lại con nít mới sinh. Chuột cống có khá hơn. Thầy Boldova có một con chuột đen hay cà rơn. Tên nó là Rembrandt.

Hôm nay thầy Boldova đã đem Rembrandt đi dạo rồi. Billy tự hỏi họ đi đâu. Hy vọng sẽ được chiêu đãi món gì đó, nó bắt đầu lần mò đi lên lầu trên cùng của chái phía tây, nơi lão Ezekiel Bloor sống. Lão già này có một căn phòng rộng mênh mông, ẩm mốc, chất toàn những đồ cổ lỗ: bình và lọ, xương và gương, cùng những hũ ngâm con gì đó chết. Lão Ezekiel là một phù thủy, nhưng không phải là phù thủy tài giỏi cho lắm.

Billy vừa lên hết một phần cầu thang chật hẹp thì nghe thấy một tiếng rú. Nó ngó xuống hành lang dài, thấp sáng bằng đèn khí, dẫn tới phòng lão Ezekiel. Có cái gì đó đang lao về phía nó : một con chó mập lùn đang ngong cổ tru thảm thiết.

“May Phúc!” Billy ậm ừ bằng ngôn ngữ của chó. “Chuyện gì vậy?”

“Đuôi! Đuôi!” May Phúc hét ầm. “Đuôi đau!”

Con chó già chạy lại chỗ Billy.

“Cậu có thấy không?” Nó đứng lên bằng hai chân sau.

May Phúc đã từng có một cái đuôi trĩu trĩu, xấu chưa từng thấy. Thứ mà hôm nay trông càng xấu tệ. Một mẩu thịt hồng, tí nị lòi ra ở mông.

“Đuôi sót lại không còn bao nhiêu, tao nghĩ thế,” Billy nói. “Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Rắn,” May Phúc nói. “Rắn xanh da trời. May Phúc cắn rắn. Lão Ezekiel bảo ‘không’. Rắn siết đuôi. May Phúc chạy.”

“Hình như nó cắn đứt đuôi mày rồi,” Billy nhận xét.

“Không, không, không! Đuôi vẫn còn đó,” May Phúc tru lên. “Bị nghiền. Bị siết. Ối đau!”

“Thật mà, không có đuôi ở đó mà,” Billy nói.

“Láo!” May Phúc rú vang. “Nói bà bếp trưởng”.

Billy không thích cái vụ con rắn xanh da trời này. Nó quyết định không đi tới chỗ lão Ezekiel nữa. Thay vào đó nó sẽ đi kiếm bà bếp trưởng.

Billy chắc chắn sẽ không bao giờ quên ngày sinh nhật lần thứ tám của mình. Nó không nhận được thiệp hay quà. Nó thậm chí còn không tới được nhà bếp, chỗ của bà bếp trưởng. Có chuyện xảy ra trên đường nó tới đó. Nó đang bước qua chiếu nghỉ phía trên tiền sảnh thì thấy nữ sinh mới, Belle, xuất hiện. Con bé xỏ ra từ một cánh cửa nhỏ dẫn lên tháp nhạc. Hầu như cùng lúc, thầy Boldova bước ra khỏi phòng để áo khoác xanh lá cây ở đầu bên kia tiền sảnh.

Đứa con gái và thầy giáo hội họa trở mắt nhìn nhau một thoáng. Bất thành linh Belle lên tiếng:

“Chào Samuel Sparks.”

Thầy giáo hội họa đáp:

“VẬY bà là...”

“CÓ đoán ra ta là ai thì cũng không có phần thưởng đâu.”

Belle cười khàn khặc. Giọng đứa con gái nghe già và trầm đục.

“Yolanda,” thầy giáo thì thào, như thể thầy sợ cái tên ấy.

“Phải!”

Đứa con gái vung cánh tay lên, và khi nó làm vậy, một bức màn xám giống như làn khói mỏng phụt lên, bắt đầu cuộn cuộn quanh cơ thể.

“Mi thấy ta thì cho mi khỏi thấy luôn”

“Rủi quá, ta vẫn thấy bà,” thầy dạy vẽ lầm bầm.

“Samuel khốn khổ kia. Mi tới để kiểm thằng nhóc em của mi phải không? Hừ, đừng hòng bao giờ kiểm được nó.”

Belle đang biến đổi hình dạng. Những bụi tóc trắng phun vô những lọn tóc vàng, những nét thanh tú giãn ra và méo xệch đi, rồi nó từ từ cao lên, cao lên. Giờ, cô nữ sinh đã biến thành một cụ già da vàng ệch, lông thông nhiều đụn thịt dưới cằm và một chóp mũi to xụ, sần xùi.

Billy không muốn xem tiếp. Nhưng nó không thể điều khiển được bản thân. Nó khụy xuống và lơ mắt nhìn ra giữa những thanh vịn cầu thang bằng gỗ sồi.

Thầy Boldova tiến lại gần cụ phù thủy. Thầy rút cái gì đó ra khỏi túi quần và xòe bàn tay ra. Một nắm đá nhỏ nằm trong lòng bàn tay thầy, từ từ chúng bắt đầu phát sáng, và rồi, một quang sáng đỏ bùng lên khỏi bàn tay thầy.

Billy há hốc miệng, mắt kính tuột khỏi mũi, và nó cố ráng chụp lại kịp. Hai người kia quá tập trung vào nhau nên chẳng ai chú ý tới nó.

“Cái thứ đó sẽ chẳng giúp được mày đâu, Sparks,” cụ Yolanda châm chọc. “Ollie là một thằng quỷ tộc mạch, nó phải bị trừng phạt. Và bây giờ đến lượt ta phải trừng phạt mi.”

“Để coi!”

Thầy Boldova nâng nắm tay lên và liệng mớ đá đang cháy vô cụ già. Cụ ta hét lên khi tóc và một chút quần áo xám của cụ bắt đầu bốc cháy, và rồi, bằng giọng đùng đục, ớn lạnh, cụ ta gầm lên:

“Ồ chết tiệt!”

Cụ nhìn thầy giáo trừng trừng. Trừng mắt rồi lại trừng mắt. Thầy giáo tiến một bước về phía cụ già và cúi nhủi. Thầy bước thêm một bước nữa và dừng lại. Mặt thầy trắng bệch, mắt thầy lộ vẻ hải hùng và dại đi. Tuyệt vọng, thầy lần tay vô túi quần, lần tìm thêm đá lửa, nhưng thầy không thể rút tay ra được. Thầy không thể cử động. Xem ra thầy đã ngừng thở rồi.

“Thế sẽ dạy cho mày một bài học,” Yolanda rít lên.

Cụ vuốt vuốt tóc và phủi phủi những vết cháy xém trên váy, rồi quay gót và biến mất sau cánh cửa dẫn lên tháp nhạc, để lại thầy Boldova im lìm và cứng đờ như một bức tượng.

Thình lình, có một tiếng chít lớn, một con chuột đen nhảy ra khỏi túi quần thầy Boldova và chạy băng qua tiền sảnh. Nó bắt đầu nhảy lên các bậc thang, và khi lên hết cầu thang, nó phóng lẹ tới chỗ Billy.

“Cứu!” Con chuột la chít chít.

“Cứu! Cứu!” Nó ngược nhìn lên Billy khấn nài. “Cứu Rembrandt!” Nó rú lên. “Cứu chủ nhân!”

“Để tao coi,” Billy nói. Nó lượm con chuột lên và bước chầm chậm dọc theo chiều nghiêng. Thầy dạy vẽ vẫn chưa cựa quậy. Billy chạy xuống dãy cầu thang rộng. Những hòn đá cháy nằm vương vãi khắp tiền sảnh và

Billy phải bước lên lối giữa chúng. Lúc này những hòn đá đang dần mất đi màu sắc, vài hòn đá đã ngả màu xám tro, trông xỉn như than.

Thầy Boldova hình như không trông thấy Billy. Thằng bé tóc trắng tiến lại gần hơn và nói:

“Thưa thầy, con chuột của thầy này,” nó trao Rembrandt cho thầy.

“Cái gì?” Thầy Boldova nhìn lom lom Rembrandt. “Cái gì đây?”

“Con chuột của thầy,” Billy lập lại.

“Tôi không có chuột.”

Rembrandt chít lên một tiếng náo nê.

“Đúng nó là của thầy mà, tên nó là Rembrandt.”

Thầy Boldova bắt đầu nhúc nhích, nhưng rõ ràng thầy không còn là thầy nữa. Thầy quay người và bước đi về hướng ngược lại.

“Vứt nó đi!” Thầy hét. “Thầy nó vô thùng rác!”

Nếu chuột có thể ngắt xỉu thì hình như Rembrandt đã xỉu rồi. Dường như thế thật, nó nằm bất động, mềm oặt. Billy nhét con chuột và dưới chiếc áo len chui đầu của nó và chạy lên phòng ngủ chung.

“Đi rồi,” con chuột lào khào khi Billy nằm kênh ra giường.

“Cái gì đi rồi?” Billy nói. “Ý mày là thầy Boldova hả?”

“Chết,” Rembrandt nói. “Ánh sáng đi rồi.”

Billy hiểu ra ý của con chuột muốn nói gì.

“Ý mày là con người thật của thầy phải không? Linh hồn của thầy ấy?”

Rembrandt thở dài.

Billy bàng hoàng trước những gì vừa chứng kiến, đến nỗi nó không sao ngừng run lập cập được. Belle không phải là một nữ sinh gì hết, mà là một bà già, già khú khụ. Bà ta vừa thay hình đổi dạng, nhưng bà ta cũng làm cái gì đó thật kinh khủng với thầy Boldova. Belle là kẻ thô miên, giống như Manfred Bloor.

“Hai phép thuật một lúc.”

Billy lẩm bẩm một mình. Nó nằm ngửa trên giường và nhắm mắt lại. Nó ước gì có thể về nhà và nói chuyện với ai đó. Nhưng nó không có nhà để về. Lão Ezekiel đã hứa với nó là nó sẽ được nhận làm con nuôi, nhưng cha mẹ tử tế mà lão nhắc tới đó không bao giờ tới cả.

“Nói với bà bếp trưởng,” một giọng vang lên.

Billy mở mắt ra. Con chuột đang ngồi trên ngực nó, nhìn nó chăm chăm.

“Nói với bà bếp trưởng,” con chuột nhắc lại. “Bà bếp trưởng biết rất nhiều chuyện.”

Nghe nhắc tới bà bếp trưởng, Billy chợt nhận ra nó đang đói bụng cồn cào. Nó bèn tuột khỏi giường, đút Rembrandt vào dưới lớp áo len, rồi khỏi phòng ngủ chung và rón rén đi xuống lầu.

Khi ra tới tiền sảnh, nó thấy đèn đã bật sáng và những mẩu than cháy lụi đã được dọn dẹp sạch. Thật khó mà tin rằng chỉ một giờ trước thôi, nơi đây đã diễn ra một trận chiến biến hình và quăng đá lửa. Billy vội vã đi về phía sảnh ăn tối. Nhưng khi nó đi ngang qua phòng huynh trưởng thì Manfred Bloor xô ra.

“À, mày đây rồi, Billy,” thằng huynh trưởng nói. “Trông mày lén lút vậy. Có gì xảy ra không?”

Billy lưỡng lự. Nó cảm giác sự kiện Belle biến hình là điều nó không nên nhìn thấy.

“Kh... không, thưa anh Manfred.”

“Không có gì để kể cho anh sao?”

Billy rất muốn kể về Belle và thầy Boldova, nhưng như thế nó sẽ phải nhắc tới con chuột. Mà nó thì tha thiết muốn giữ con chuột lại. Nó lắc đầu:

“Không.”

“Không? Không có tin sốt dẻo gì về Charlie Bone à?” Đôi mắt như than của Manfred nháng lên.

Không thể thôi miên Billy được. Nó đã phát hiện ra điều này ngay từ lúc mới tới học viện Bloor. Manfred đã thử lấy nó để luyện tập phép thuật kinh khủng của hắn, nhưng không bao giờ có tác dụng. Có lẽ là do con mắt đỏ đậm của nó.

“Không có gì để báo cáo cả,” nó nói.

Manfred lộ vẻ thất vọng.

“Cái gì dưới áo mây đó?”

“Bao tay của em, em thấy lạnh.”

“Xời!” Manfred dài giọng, vẻ chế nhạo.

“Hôm nay là sinh nhật em,” Billy nói.

“Tiếc quá. Anh chẳng có gì cho mây cả. Bây giờ, nếu mây có gì kể cho anh nghe, thì, à, anh có thể sẽ tìm được một ít sô-cô-la cho mây.”

Billy rất mê sô-cô-la. Mà lại là ngày sinh nhật của nó nữa. Tất cả những gì nó cần làm chỉ là kể cho Manfred những gì nó đã thấy và đưa con chuột ra. Nhưng Manfred sẽ làm gì với Rembrandt? Billy hơi rùng mình một cái và bảo.

“Thiệt tình là em có một ngày chán phèo.”

“Trường hợp của mây là bó tay. Mây có biết thế không, Billy?” Manfred nói đầy khinh miệt.

“Xin lỗi anh Manfred,” Billy tắt tuổi đi xa khỏi thẳng huynh trưởng.

“Anh e là anh không thể đến dự tiệc sinh nhật của mây,” Manfred hét với theo.

“Tiệc sinh nhật nào?”

Billy lăm bầm khi nó đi qua những bức chân dung, qua ba căn-tin, và xuống, xuống tuốt nhà ăn ở dưới lòng đất.

Và ở đó, nó thấy có người nhớ tới sinh nhật của nó. Một chiếc bánh kem thật lớn nằm ở cuối cái bàn để đàn. Chiếc bánh có tên Billy ở trên, bao quanh là tám ngọn nến sáng lung linh.

Billy há hốc miệng, ngạc nhiên, và ngồi xuống bên cạnh chiếc bánh. Rembrandt thò đầu ra khỏi cổ áo len của Billy, thốt lên:

“Trời! Bánh kem với đèn cây.”

Và rồi bà bếp trưởng xuất hiện, hát bài “Chúc mừng sinh nhật” bằng giọng cao vút, run run.

“Cám ơn bà bếp trưởng,” Billy thổi nến, thầm ước một điều ước bí mật và tự cắt cho mình một lát bánh lớn.

“Ta thấy con đem theo một khách mời,” bà bếp trưởng gật đầu với Rembrandt. “Con tìm thấy nó ở đâu vậy?”

Billy nhìn về mặt phúc hậu, hồng hào của bà bếp trưởng và đột nhiên nó tuôn trào tất cả: cái đuôi của May Phúc, những hòn đá lửa bay, Belle biến hình, và trận chiến kinh hoàng mà nó vừa mục kích.

Bà bếp trưởng vén vạt tạp dề lên lau văng trán đỏ hây của mình và ngồi xuống bên cạnh Billy. Trông bà lo lắng, nhưng không hề ngạc nhiên.

“Vây đúng mụ ta rồi,” bà lầm thầm. “Ta biết ngay là có điều không bình thường ở con bé đó. Thầy Samuel Sparks đến đây vì mục đích gì?”

“Thầy tới để kiểm cậu em nhỏ của thầy,” Billy nói với bà bếp trưởng.

“Ollie Sparks? Vậy ra thằng bé vẫn còn ở đây?” Bà bếp trưởng có vẻ rất ngạc nhiên.

“Dạ phải. Con nghe bà già nói thế. Bà ta còn bảo là không ai có thể kiểm ra cậu bé ấy.”

“Trời ơi, họ nhốt thằng bé ở đâu? Ta luôn lo lắng về nó. Bấy lâu nay nó ăn gì? Phải chi ta biết được.”

“Bà nghĩ là họ vẫn bỏ đói anh ấy à?” Billy nói.

“Ồ, ta hy vọng là không, Billy. Trời ơi. Phải làm gì đây?”

Bà bếp trưởng đứng lên, vuốt lại tạp dề.

“Ta khuyên con không nên ăn hết cả chiếc bánh đó, Billy. Chừng nào con và con chuột ấy ăn thỏa thích rồi, thì ta sẽ tới và cắt phần còn lại đi, để dành cho cuối tuần sau.”

Khi bà bếp trưởng đi về hướng nhà bếp, Billy nói với theo.

“Con biết mọi người nghĩ con là do thám, nhưng con sẽ không nói cho Manfred và lão Ezekiel biết về những gì con thấy đâu, con hứa.”

Bà bếp trưởng quay đầu lại và nhìn Billy.

“Ta chắc chắn là họ biết cả rồi. Về chuyện con làm do thám, ta không trách con, Billy. Một ngày nào đó con sẽ có cha mẹ như con mong ước, nếu gia đình Bloor không kiểm cho con thì ta sẽ kiểm. Nhưng ngay bây giờ, ta phải đi đây, để còn kiểm con chó tội nghiệp bị mất đuôi.”

Khi bà bếp trưởng vội vã đi hết hành lang treo đầy những bức chân dung, một luồng gió lạnh thổi vù quanh mắt cá chân của bà. Như vậy có nghĩa là cổng chính vừa được mở ra. Bà tới tiền sảnh vừa kịp lúc thấy một bóng người lách qua cánh cổng đôi, trước khi gã Weedon đóng sập cổng lại.

“Đó là ai vậy?” Bà bếp trưởng hỏi.

“Việc gì tới bà?” Gã Weedon gắt gỏng.

Bà bếp trưởng rụt vai lại và nói:

“Tôi hỏi một câu lịch sự. Điều tối thiểu ông có thể làm là đáp lại tôi một câu cho lịch sự.”

“Ồóó!” Gã Weedon móm mĩa. “Thôi đi! Thôi đi!”

“Ông có trả lời tôi không?” Bà bếp trưởng hỏi.

“Không,” gã Weedon đóng chốt cổng lại và đi khỏi.

Bà bếp trưởng, vốn có linh cảm cực nhạy, biết rằng một nạn nhân nữa vừa mới bị đưa vô bấy. Và từ những gì Billy kể, bà đoán ra nạn nhân đó là ai.

Và bà đoán đúng.

Thầy Boldova, tay xách va li, bước qua mảnh sân gạch và đi qua cổng vòm giữa hai ngọn tháp của Học viện Bloor. Thầy đi xuống những bậc thang tới quảng trường rải sỏi, và ở đó, ánh mắt thầy bị hút về hướng vòi phun nước hình đàn thiên nga đá ở giữa quảng trường. Thác nước ánh lên như vàng óng trong những tia nắng mặt trời cuối cùng.

Thầy Boldova nhú mày. Tại sao mình lại ở đây? Mình định sẽ đi đâu? Mình là ai?

Một chiếc xe hơi đen đỗ xịch lại ở đầu kia quảng trường. Tài xế, một phụ nữ tóc xám, vẫy thầy Boldova. Thầy bước lại gần bà ta.

“Tôi cho anh đi nhờ được chứ?” Người phụ nữ hỏi.

“Ờ...” Thầy Boldova gãi đầu. “Tôi không biết mình sẽ đi đâu.”

“Tôi biết,” người phụ nữ nói. “Tôi là nhà tiên tri mà. Vô đi, Samuel.”

“Tôi chưa biết...”

“Lẹ lên. Chúng ta không có cả ngày đâu,” tiếng cười của người phụ nữ lạnh tanh và rin rít. “Nhân tiện, tên tôi là Eustacia.”

Thầy Boldova giơ một bàn tay lên che ngang mắt.

Dường như không có nơi nào khác để đi. Thầy bước vòng quanh chiếc xe và leo vô ghế hành khách. Có một việc gì đó thầy phải làm tiếp theo, nhưng đó là việc gì nhỉ?

“Quên dây an toàn đi!” Bà cô Eustacia lại phá ra cười hoang dại, và chiếc xe rồ máy, vọt đi với tốc độ kinh hồn.

Trong giờ nghỉ giải lao đầu tiên, vào sáng thứ Hai, khi Charlie và Fidelio đang treo áo chùng trong phòng để áo khoác xanh da trời, thì Billy Raven vô, với một cục gì phồng lên trong áo len của nó. Chỗ phồng nhúc nhích và Charlie hỏi Billy đang giấu cái gì.

“Không có gì,” Billy bỗng đỏ mặt.

“Ê này, Billy. Không có gì là sao,” Fidelio bảo. “Nó kêu chít chít kìa”

Billy đang định chối biến thì một cái đầu chuột đen ló ra khỏi cổ áo len của nó.

“Đó là Rembrandt,” Charlie nói. “Em làm gì với nó vậy?”

Billy dẫu môi ra, rồi mấp máy:

“Thầy Boldova đưa nó cho em.”

“Anh cá là thầy không hề đưa,” Charlie nói.

Billy vọt ra khỏi phòng, chạy dọc theo hành lang ra cửa vườn, Charlie và Fidelio rượt theo.

“Được rồi, Billy,” Charlie gọi. “Bọn anh sẽ không quy tội gì em hết. Chuột vẫn hay sống ra mà.”

Billy không dừng lại. Nó vẫn chạy cho tới khi biến mất trong biển người nhấp nhô. Cũng từ biển người ấy nhô ra hai nữ sinh chạy về phía hai thằng con trai.

“Có chuyện kinh khủng mới xảy ra.” Emma thở gấp.

“Chuyện gì?” Bọn con trai cùng hỏi.

Trong khi Emma thở hổn hển, Olivia nói:

“Thầy Boldova rời trường rồi.”

“Không đời nào,” Charlie sững sốt. “Nếu đi thì thầy đã nói với tụi mình rồi.”

“Đúng mà.” Emma đã lấy lại hơi. “Có chuyện khủng khiếp đã xảy ra với thầy. Mình biết vậy. Mình có cảm giác ghê ghê là hai đứa kia có liên quan.”

Nó nhìn qua Dorcas và Belle, đang ngồi trên bãi cỏ, thì thảo với nhau.

Bị lỡ mất cuộc hẹn ở quán Cà Phê Thú Kiểng, Fidelio chẳng hiểu đầu cua tai nheo là tụi bạn nó đang nói về cái gì. Cho nên bốn đứa bạn dạo quanh vườn trong khi Charlie thuật lại tỉ mỉ mọi thứ cho Fidelio nghe. Một thoáng sau, chúng đã có thêm Gabriel nhập bọn. Gabriel thông báo là nó vừa thấy Billy đang cho một con chuột đen ăn bánh mì nướng. Có thể nào đó là Rembrandt?

“Có lẽ,” Charlie nói. “Mà đúng là nó thật. Giờ họ nói thầy Boldova đi rồi, nhưng em nghĩ có chuyện gì đó khủng khiếp đã xảy ra với thầy.”

“Có liên quan đến con kia không?” Gabriel nói, mắt nhìn Belle xinh đẹp, tóc vàng óng, giờ đang chải những lọn tóc.

Olivia thành linh đứng sững ngay tại chỗ.

“Nếu con nhỏ đó là người biến hình, thì sẽ khó mà biết chính xác nó đang ở đâu. Nó có thể biến ra bất kỳ người nào.”

“Hay bắt kỳ cái gì,” Fidelio nói một cách ảm đạm.

Ý nghĩ này kinh khủng đến độ cả bọn im thin thít.

Tối đó, trên đường tới phòng làm bài tập về nhà, Charlie đuổi kịp Billy Raven, đang bê đầy sách.

“Em đưa Rembrandt đi cùng à? Charlie hỏi.

“Không. Em cất nó trong tủ âm tường phòng ngủ chung,” Billy nói khẽ.

“Anh nghĩ tụi mình nên kiếm cho nó một chỗ khác,” Charlie nói. “Bà giám thị sẽ nghe tiếng nó cào sột sột, ai mà biết bà ấy sẽ làm gì nếu bắt gặp một con chuột trong phòng ngủ chung.”

Billy rùng mình.

“Chắc chắn con chuột sẽ là một người bạn tốt. Nó đã kể cho em nghe nhiều chuyện mà em không biết.”

“Nó có kể cho em nghe tại sao thầy Boldova rời khỏi trường không?” Charlie hỏi.

Đôi mắt màu hồng ngọc của Billy trợn lên khỏi phía trên cặp kính. Nó nhún vai.

Bất giác Charlie nghĩ rằng Billy hẳn đã nhìn thấy những gì xảy ra với thầy giáo dạy vẽ.

“Em biết điều gì đó, phải không Billy?”

Họ đã tới cánh cửa đen cao nghệu của phòng Nhà Vua, và mặc kệ Charlie, Billy cứ đẩy cửa bước vô. Đồng sách vượt khỏi hai cánh tay nó và đổ nhào xuống sàn.

“Từ từ, Billy Raven!” Manfred quát. “Cái gì mà vội vã vậy?”

Từ chỗ ngồi của mình giữa Asa và Dorcas, Belle mỉm cười với thằng bé bạch tạng.

“Đừng khắt khe thế, Manfred. Nó còn nhỏ mà,” Belle nói.

Manfred ngạc nhiên nhìn con bé.

Khi Charlie cúi xuống giúp Billy thu lượm sách vở lên, nó nhận thấy hai tay thằng bé đang run lẩy bẩy. Billy rất sợ hãi.

Trước kia, mười hai đứa trẻ được ban phép thuật ngồi đồng đều quanh chiếc bàn tròn. Nhưng dần dần, vị trí của chúng đã thay đổi. Bây giờ thì phân thành hai nhóm rõ rệt. Manfred, Asa, Belle và Dorcas ngồi một bên vòng tròn, trong khi Tancred, Lysander, Gabriel, Emma và Charlie ngồi ở phía bên kia. Billy bị dôi ra.

“Ngồi gần anh này, Billy,” Charlie nói nhỏ.

Billy mỉm cười với nó đầy biết ơn, và đặt chồng sách kế bên Charlie.

Sau giờ học bài, Charlie đi kèm sát Billy khi chúng về phòng ngủ chung. Gabriel đuổi kịp hai đứa, và vì vẫn yêu thích thú vật, thằng này hỏi thăm xem điều gì đã xảy ra cho Rembrandt. Khi nghe nói Rembrandt bị nhốt trong tủ âm tường, nó đề nghị bọn chúng nên đem con chuột vô phòng vẽ, nơi thầy Boldova vẫn giữ con này trong một cái lồng rộng, thoáng khí.

“Nhưng em có đi thăm nó được không?” Billy hỏi. “Em không thuộc khoa hội họa.”

“Dĩ nhiên là được,” Gabriel bảo đảm với Billy. “Emma luôn ở trong phòng vẽ. Em cứ hỏi chị ấy.”

“Được,” Billy vọt lên trước.

Và khi những đứa khác về tới phòng ngủ chung thì Billy đang ngồi chờ, cùng với Rembrandt ở dưới vạt áo chùng.

Phòng vẽ ở cùng một tầng với phòng ngủ chung của bọn con trai. Đó là một không gian rộng thênh, mái trần cao, với những cửa sổ dài hướng về phía bắc, nhìn ra khu đồ nát. Những khung vẽ với giá đỡ đủ mọi tư thế dựng khắp phòng, những tấm vải bạt được xếp thành từng chồng ba hay bốn tấm dựa vô khắp các bức tường. Lồng của Rembrandt ở trong một góc, bên cạnh kho chứa màu vẽ.

Không có ai ở trong phòng vẽ, ngoại trừ Emma. Con bé đang vẽ một con chim màu trắng thật lớn, bay qua khu rừng. Nó ngừng vẽ để chỉ cho bọn con trai nơi thầy Boldova cất đồ ăn cho Rembrandt, ở cuối kho màu vẽ.

Khi con chuột đen được đặt vào một chỗ thoải mái rồi, với nước sạch và thật nhiều hạt ngũ cốc, Emma khóa cửa lồng lại.

“Mình không thể không nghĩ tới thầy Boldova,” con bé nói. “Cả khoa học đều nhớ thầy. Bỏ biết đó, hình như thầy luôn đứng về phía tụi mình.”

Không một dấu hiệu báo trước, bất ngờ, nước mắt rơi lã chã trên má Billy.

“Em biết, em biết,” nó sụt sịt. “Em đã trông thấy tất cả.”

“Em đã thấy cái gì?” Charlie hỏi.

Billy quệt tay áo ngang mặt, và bằng giọng khiếp đảm, nghẹn ngào, nó thuật lại những biến cố khủng khiếp trong ngày sinh nhật thứ tám của nó: cái đuôi của May Phúc, người phụ nữ già khụ hiện ra từ thể xác của Belle, những cục than bay, và tình trạng cứng đờ đáng sợ, đột ngột giáng xuống thầy giáo dạy vẽ.

“Thầy không muốn nhận Rembrandt,” Billy nức nở. “Hình như thầy quên hết mọi thứ... Thậm chí quên luôn mình là ai.”

“Bị thôi miên rồi,” Charlie lầm bầm.

Bọn kia kinh hãi nhìn Charlie chằm chằm, và Emma bảo:

“Không gì mà Belle không thể làm được, phải không? Giờ tụi mình sẽ phải giúp Ollie như thế nào?”

“Các anh chị biết anh ấy ở đâu à?” Billy hỏi.

Charlie phân vân không biết có nên cho thằng bé biết hay không. Charlie rất tội nghiệp cho thằng bé bạch tạng này, nhưng nó đã từng là gián điệp cho Manfred. Tốt hơn là không nên cho nó biết quá nhiều thông tin, tới chừng nào cả bọn chắc chắn có thể tin được nó. Mấy đứa bạn Charlie rõ ràng cũng đi đến kết luận tương tự.

“Không, tụi anh không biết nó ở đâu,” Gabriel nói. “Anh nghĩ tụi mình nên về lại phòng ngủ chung đi, không thì bà giám thị sẽ hoạch định cho coi.”

Billy nấn nỉ được ở lại thêm vài phút với Rembrandt, ba đứa lớn để nó ngồi chồm hổm bên lồng chuột, chít chít nhè nhẹ với con chuột đen.

Billy ở lại nói chuyện với Rembrandt lâu hơn nó dự định rất nhiều. Cuối cùng, khi nó chuồn khỏi phòng vẽ thì bà giám thị đã thông báo tắt đèn rồi.

Nó chạy gấp qua hành lang, kẹp chặt kính vô mũ, và bị rú chân, té ngã.

“Mày vừa ở đâu đó, Billy Raven?”

Manfred bước ra từ một ngưỡng cửa, chặn đường thằng bé.

Billy sợ đến nỗi không dám nói dối, nhưng nó quyết định chỉ nói một nửa sự thật.

“Em... em vừa cho con chuột của thầy Boldova ăn,” nó nói. “Em bắt được nó ở trong hành lang.”

“Anh không nghĩ mày nói thật, Billy,” Manfred lạnh lùng.

“Thật, thật mà,” Billy cuống quýt.

“Anh nghĩ mày đã thấy cái gì đó, Billy. Anh nghĩ, mày đã cứu con chuột đen khi thầy giáo hội họa yêu quý đã ra đi của chúng ta bị một tai nạn nhỏ.”

“Không, không!”

Manfred quắc mắt nhìn xuống Billy.

“Mày đã thấy cái gì?”

“Em không thấy gì hết,” Billy lấp bắp, né nhìn con mắt đen thui, đầy vẻ hăm dọa của Manfred.

“Nói láo. Mày đã thấy chuyện xảy ra với ông Boldova, và mày đã nói với Charlie Bone rồi phải không?”

Billy có cảm giác bất an rằng nếu nói ra sự thật thì nó sẽ khiến Charlie gặp rắc rối.

“Không,” nó cương quyết. “Em chẳng thấy gì cả, và em cũng chẳng nói với Charlie cái gì hết.”

Manfred thở hắt ra giận dữ.

“Mày tưởng là anh sẽ rời Học viện Bloor vào cuối học kỳ này sao?”

Billy không hề nghĩ tới điều đó. Nó lắc đầu.

“Tất cả những học sinh lớn khác đều sẽ ra trường. Bây giờ là học kỳ hè. Tụi anh có nhiều bài thi phải học. Cho nên tạm thời lúc này anh đang bận, nhưng anh sẽ không rời khỏi đây đâu. Anh sẽ ở lại đây và sẽ có rất nhiều thời gian để để mắt tới mày.”

“Vâng,” Billy lí nhí.

“Cho nên, tốt hơn mày hãy nhớ là mày đang làm việc cho ai, Billy. Nếu không mày sẽ không bao giờ có được ba mẹ tử tế, dễ thương như mày muốn đâu.”

9. Chương 9

CHIM SÁO ĐÁ

Billy ngồi chờ ở đầu giường. Tất cả mọi người trong phòng ngủ chung hình như đều đã ngủ say, nhưng Billy lại chưa bao giờ thấy tỉnh táo hơn thế này. Trước cuộc trạm chân hải hùng với Manfred, nó đã có một cuộc chuyện thú vị với Rembrandt.

Con chuột đen này đã kể về ngôi nhà đầy ắp tiếng cười và ánh sáng lấp lánh. Một ngôi nhà của sách vở, âm nhạc, và của những bức tranh, nơi trước kia từng có một gia đình hạnh phúc. Ở đó từng có một cậu bé tên là Oliver, một tài năng thổi sáo. Mọi người trông đợi cậu sẽ bộc lộ một tài phép (thậm chí lớn hơn) như tài phép của cha và anh trai cậu, là có thể biến đá thành lửa. Nhưng cậu được gửi đi học xa và không bao giờ trở về nhà nữa.

Billy nhớ lại Ollie Sparks. Cậu này học ở khoa nhạc, và đã từng ở lại với một người bạn vào những ngày cuối tuần. Ollie là một cậu bé vô cùng tò mò, và điều này từng làm nhiều người bức bối. Ollie hay gặp rắc rối vì hay mò tới những nơi mà nó không nên tới.

Rembrandt bảo với Billy rằng Ollie vẫn còn ở trong Học viện này. Con chuột đen nghĩ thấy mùi của Ollie, và đã lần kiếm ra được cậu bé sống trên một trong những căn gác mái, nhưng không thấy được Ollie, ngoại trừ một ngón chân. Ngoài ra còn có một con rắn ở trên khu vực cổ xưa của tòa nhà, một con vật màu xanh da trời dễ sợ. Nó xưa đến nỗi bộ óc của Rembrandt không thể đo lường nổi.

“Thiệt kỳ quái,” Billy lẩm bẩm một mình.

Billy tính nằm kên xuống giường. Nó không nghe thấy tiếng Charlie này giờ rón rén bò lại gần giường nó.

“Em đang nghĩ về con Rembrandt,” Billy thì thầm. “Nó kể với em rất nhiều điều. Em không thể hiểu hết được.”

“Cuối tuần tới em có muốn tới nhà anh và ở lại không?” Charlie hỏi. “Em có thể mang theo con chuột đen đó.”

Charlie kiễ chân trở lại giường mình, trong khi Billy chui vô mền, và ngủ một giấc ngon lành nhất từ xưa tới nay.

Trong những ngày tiếp theo, Charlie dần nhận ra Học viện coi trọng vở kịch mùa hè đến thế nào. Giờ giải lao nào cũng thấy Olivia bước đi loanh quanh sân chơi, lăm lăm học phần thoại của nó. Thỉnh thoảng có Emma đi kế bên, cầm theo một tập bìa cứng chứa đầy những phong cảnh mà Manfred đã cho in ra.

Fidelio càng ngày càng dành nhiều thời gian trong phòng hòa nhạc để tập luyện nhạc nền cho vở kịch, và Charlie thấy rằng đám bạn đi cặp kè với nó trong giờ giải lao chỉ còn có Gabriel Silk và Billy Raven. Chẳng mấy chốc nó cũng nhận ra là, thông qua Rembrandt, Billy đã biết tất cả những gì có thể biết được về cậu bé vô hình. Nhưng hình như thằng bé chưa tiết lộ thông tin này cho Manfred. Như vậy có nghĩa là bây giờ có thể tin cậy được Billy? Có một bữa, Billy thậm chí còn đề nghị là nó sẽ đi kiếm Ollie.

“Ban đêm em được phép đi thăm lão Ezekiel Bloor,” Billy nói. “Vì vậy nếu em bị bắt gặp thì bà giám thị cũng không ngạc nhiên.”

“Anh không thích như vậy, Billy,” Charlie thú nhận. “Bà giám thị có thể sẽ trừng phạt em rất đích đáng.”

“Ngoài ra, còn có một con trăn đang rình mò ở đâu đó,” Gabriel thêm. “Tụi này không muốn có hai thằng bé vô hình bị nhốt trên gác mái.”

“Chắc con trăn đó đã quấn cái đuôi của May Phúc,” Billy nói, vẻ tự lự. “Rembrandt nói rằng con trăn này xưa tới nỗi nó không thể đo lường được.”

“Chuột không hiểu thời gian,” Gabriel nói, vẻ hiểu biết.

“Em cũng không chắc mình có hiểu không?” Charlie lăm bắm.

Nó vừa tính vô bên trong tòa nhà khi hết giờ giải lao thì Olivia chụp lấy tay áo nó.

“Chờ chút, Charlie” Olivia la lên. “Tụi tớ có chút chuyện muốn nói với đằng ấy.”

Charlie nấn ná ở lại, trong khi Billy và Gabriel bị cuốn đi cùng với đám đông học trò đang ủa vô tiền sảnh.

“Gì vậy? Coi chừng tụi mình bị trễ giờ học kèn trumpet bây giờ.”

“Tối nay mình sẽ đi ra ngoài, để kiểm căn phòng tụi mình đã gặp Ollie,” Emma nói nhỏ. “Và mình phải đi một mình.”

“Bỏ tính sẽ bay à?”

Emma gật đầu.

“Mình sẽ nhìn từ bên ngoài nhìn vô. Hoặc mình có thể bay vô nếu có một cửa sổ nào đó để mở. Mình nghĩ mình chưa cứu Ollie được ngay đâu. Mình chỉ muốn cho cậu ấy biết rằng tụi mình vẫn đang cố gắng thôi.”

“Trời tối lắm,” Charlie ngại ngùng. “Làm sao bồ thấy đường.”

“Bọn này sẽ xong xuôi trước khi đèn tắt,” Olivia thì thào. “Tớ nghĩ ý đó hay tuyệt đấy. Nhưng phải bảo đảm cho bọn này có một cửa sổ để mở ở trên lầu của bọn này cho Emma quay trở về. Đằng ấy có làm được vậy không? Charlie? Belle ngủ sát ngay bên tớ. Con đó sẽ đóng hết cửa sổ phòng ngủ chung lại ngay nếu tớ mở ra. Nó canh chừng tớ như điều hâu vậy.”

Rồi con bé liếc nhìn Emma.

“Ừm, có lẽ không phải như điều hâu, mà còn hơn cả rắn độc... Việc quái gì phải bực mình đồ rắn độc.”

Charlie cười toét. Nụ cười của nó tắt ngay khi Asa nhìn ra phía chúng và nạt nộ.

“Ba đứa bay đang làm gì đó? Coi bộ tụi bay thư thả quá hử. Tụi bay sẽ trễ giờ học nếu không chịu lẹ lẹ lên.”

Ba người bạn nhảy tót vô tiền sảnh và rẽ ra, mỗi đứa lao về phòng để áo khoác của khoa mình. Charlie ráng chạy tới lớp kèn sáo của thầy Paltry ngay trước khi ông thầy già này vô tới, ca cẩm về tất cả những công việc thầy phải làm thêm cho vở kịch của trường.

“Trò chả cần phải lo lắng làm gì, Charlie Bone,” thầy Paltry bảo. “Phải mất bao nhiêu năm nữa trò mới mong đạt tới tiêu chuẩn chơi cho dàn nhạc của trường.” Ông xuống giọng nói thêm, “Chắc chắn là không bao giờ đạt được.”

Charlie chỉ nhe răng cười. Chơi kèn trumpet không phải là một trong những mối ưu tiên của nó.

Trước bữa tối hôm đó, Charlie gặp Gabriel và Fidelio đang ra khỏi phòng hòa nhạc. Khi nó kể cho hai thằng nghe sứ mệnh sắp tới của Emma, chúng rất sốt sắng đòi giúp. Fidelio đề nghị cả bọn hãy mở toang tất tần tạt các cửa sổ nào có thể, nhưng Charlie lo như thể là quá lộ liễu. Bà giám thị Yewbeam và các phụ tá chắc chắn sẽ đi quanh tòa nhà, kiểm tra tất cả mọi cửa sổ.”

“Em chỉ cần các anh che chắn cho em khi em rời phòng ngủ chung,” Charlie bảo. “Cứ nói là em đang ở trong nhà tắm gì đó.”

“Bà giám thị không bao giờ tin tôi lấy một lời,” Gabriel ca cẩm. “ Nhưng tội này sẽ cố hết sức.”

Charlie chờ cho đến khi tiếng chuông đồng hồ nhà thờ lớn điểm nửa đêm. m thanh mười hai tiếng chuông ấy không lúc nào không khiến nó lạnh toát sống lưng. Chính vào tiếng gõ thứ mười hai, cách đây tám năm, ba Lyell của nó đã bị đẩy vô một trạng thái hôn mê mà ông không thể nào tỉnh dậy được. Manfred Bloor đã làm việc đó. Dù lúc ấy hắn còn nhỏ xíu, nhưng đã có quyền năng rất lớn. Chiếc xe hơi của ba Lyell được kiểm ra dưới đáy một hầm đá sâu, và tất cả mọi người đều tin rằng ông đã chết, nhưng Charlie biết rằng điều đó không đúng. Nội Bone đã xóa sạch mọi hình ảnh về ba nó, và Charlie không thể nhớ ông như thế nào, nhưng nó tin chắc, một ngày nào đó, nó sẽ dùng tài phép của mình để kiểm ra ba Lyell và đánh thức ông dậy. Đồng thời nó sẽ làm hết sức mình để ngăn không cho gia đình Bloor tác oai tác quái và hủy hoại cuộc sống của mọi người nữa. Charlie ra khỏi giường và khê đi ra cửa. Trong hành lang tối thui tối mù, và nó phải đi men theo tường cho đến khi tới được cầu thang dẫn lên khu phòng ngủ chung của nữ.

Những bậc thang cũ mục rung lên cọt kẹt, cho dù Charlie đã leo bằng những đầu ngón chân. Khi lên tới đầu cầu thang, Charlie thở phào một cái và chạy lẹ tới khoảnh ánh sáng le lói phát ra từ một cửa sổ nhỏ. Nó mở cửa sổ đó ra, đủ rộng cho một con chim nhỏ bay lọt vô. Nhưng nó vừa mới dợm quay trở lại cầu thang thì một bóng đen đập vô mắt nó. Bóng đen lướt ra khỏi khoảng tối từ phía kia của cửa sổ, và Charlie sững sờ đến nỗi không bước đi được.

“Bạn đang làm gì thế?”

Giọng nói này là của một trong những người cuối cùng mà Charlie muốn gặp.

“Belle!” Nó nói. “Tôi không thể ngủ được. Nên tôi quyết định đi dạo một chút.”

“Ở trên lầu của con gái?” Belle tiến lại gần hơn, và Charlie có thể thấy đốm sáng trong đôi mắt thay đổi kinh khủng của Belle.

“Có nghĩ gì đâu,” Charlie lầu bàu.

“Chắc chắc. Cửa sổ mở toang thế này. Hèn chi mà lạnh quá chừng.” Belle đóng sầm cửa sổ và chột lại. “Tốt hơn nên trở về giường trước khi Manfred bắt gặp bạn.”

“À, ừ.”

Charlie bước trở lại cầu thang. Khi nó ngoái lại nhìn, Belle vẫn còn đứng đó. Nó cần phải kiểm một cửa sổ ít gây nghi ngờ hơn mới được.

Tới phòng vẽ, Charlie nghĩ. Lúc kiếm đường lên cầu thang đã khó rồi, nhưng quay trở xuống thậm chí còn khó hơn. Charlie ước gì nó còn cây đèn pin mà bà bếp trưởng cho nó hồi học kỳ trước. Bà giám thị Yewbeam đã tịch thu cây đèn rồi. Chắc chắn bà ta đang giữ nó ở Ngách Tối, Charlie nghĩ. Còn khuya mới có cơ may lấy lại được cây đèn khỏi nơi đó.

Cuối cùng, nó cũng kiểm ra đúng cửa và lên vô phòng vẽ. Nếu không có ánh sao nhợt nhạt luồn qua những cửa sổ dài, chắc hẳn Charlie đã đâm sầm vô một đồng giá vẽ rồi. Quả tình, nó đã kịp đi vòng qua đồng giá vẽ, hướng ra cửa sổ. Tại đây, Charlie nhận ra là chỉ có thể mở được cái khung nhỏ, nằm tuốt trên cùng của mỗi cửa sổ. Nhưng nó không tài nào với tới được cao đến như vậy.

Ở một góc xa, có một cầu thang xoáy tròn ốc dẫn xuống phòng điêu khắc. Hy vọng sẽ kiểm được một cửa sổ dễ mở hơn dưới đó, Charlie mò mẫm đi giữa những giá đỡ và những thùng màu vẽ, và nó vừa tính đi xuống thì chợt nghe thấy một tiếng soạt, rồi một tiếng chít. Nó nhận ra hình hài đen đen của Rembrandt, đang đứng nhổng trên những thanh lồng.

“Không sao đâu, Rembrandt, tao đây mà.”

Charlie ước gì nó có thể nói được ngôn ngữ chuột giống như Billy. Nhưng Rembrandt có vẻ nhận ra giọng nói của Charlie và trở lại tỉ mỉ rửa mấy hạt lúa mì.

Charlie nhón chân đi xuống những bậc thang xoáy ốc bằng thép, lạnh băng. Khi xuống đến chân cầu thang, nó nghe có tiếng búa gõ và nhận thấy có đốm sáng nhỏ xíu phát ra từ một góc xa. Có người nào khác ở trong phòng điêu khắc! Charlie tê cứng người. Thầy Mason, thầy giáo dạy điêu khắc, là một người lạnh lùng. Đáng lý ra Charlie phải không ngạc nhiên khi thấy thầy làm việc vào giữa khuya mới phải.

Một giọng nói vang lên:

“Ai đó?” Và một tia sáng chiếu về phía Charlie. “Charlie hả? Em làm gì ở đây?”

“A... Ai đó?” Charlie hoảng hồn.

“Anh đây, Tancred. Có cả Lysander ở đây nữa.”

“Phùù!”

Charlie bước tới chỗ phát ra ánh sáng. Nó thấy Lysander đang ngồi bên cạnh một khúc gỗ, trong khi Tancred đứng phía sau, tay cầm đèn pin. Cả hai đều mặc áo chùng xanh lá cây khoác ra ngoài bộ đồ ngủ.

“Các anh đang làm gì thế?” Charlie hỏi.

Lysander giải thích là nó đang thí nghiệm.

“Gabriel có nói cho anh biết về Ollie Sparks,” nó nói. Nghĩ coi, nếu anh... ừm... khắc một bức tượng giống như Ollie, thì anh có thể gọi hồn xin tổ tiên của anh và cho cậu bé vô hình ấy một cơ thể... Hiểu chưa?”

Charlie không hiểu. Nó không thể hiểu Lysander đang nói về cái gì.

“Anh có biết Ollie trông như thế nào không?”

“Biết chứ,” Lysander nói. “Anh nhớ thằng bé này rất rõ. Một cậu bé dễ thương, nhưng hay tọc mạch. Quá tọc mạch. Anh có thể trông thấy nó rõ như mới hôm qua.”

“Sander làm được mà,” Tancred nói, vẻ thán phục. “Nó có thể nhớ như in từng chi tiết. Nó sẽ đeo mẫu gỗ này cho đến khi trông hết như thật, tới mức em thấy như đang thở vậy.”

“Vậy à?”

Khúc gỗ đã rõ hình một cậu bé, tuy nhiên, Charlie chưa hiểu cái tượng này sẽ giúp Ollie kiểu gì. Tài phép của anh Lysander quả là tuyệt vời nếu anh ấy có thể biến một khúc gỗ thành một người sống, hít thở được. Nhưng Ollie thật thì đang bị kẹt trên gác mái. Thêm một Ollie nữa thì sẽ làm được gì cho Ollie kia?

“Chúng ta không cần tới hai Ollie,” Charlie bảo.

Lysander giải thích rằng một khi tổ tiên tâm linh của nó trông thấy một hình hài giống hệt Ollie, thì họ có thể phá vỡ cậu bé vô hình kia một hình hài và linh hồn. Tức là, họ có thể làm cho Ollie hữu hình trở lại.

“Chao!” Charlie thốt lên. “Tuyệt thật!”

“Nào, bây giờ thì tụi anh hỏi tại sao em lại ở đây?” Tancred nói.

“Tối nay Emma sẽ ra ngoài,” Charlie kể với hai anh lớn. “Các anh biết đó... nó sẽ bay đi kiểm phòng của Ollie, để báo cho Ollie biết là chúng ta vẫn đang cố tìm cách cứu nó.”

“Tốt hơn hãy khoan nói cho nó biết về thầy B.,” Tancred cảnh báo.

“Phải,” Charlie tán thành. “Có điều Emma không thể trở lại qua những gác mái cũ kỹ đó. Nó sẽ lạc trong đêm tối mất. Cho nên em đang tìm cách để một cửa sổ mở.”

Rồi nó kể cho hai anh lớn về Belle.

“Hừm.”

Tancred nhìn những ô cửa sổ. Chúng cũng hệt một kiểu như những cửa sổ ở trong phòng vẽ, chỉ những khoảng nhỏ ở trên cùng mới có thể mở được, và vào lúc này tất cả đều đóng chặt lại.

“Thỉnh thoảng thầy Mason mở chúng ra bằng một cây sào,” Tancred nói. “Nhưng ở đây không có sào.”

Cậu bé tóc vàng, cao lớn liền sải bước quanh phòng, Charlie có thể cảm nhận có một luồng gió xoáy quanh bàn chân Tancred. Những mẫu gỗ, mảnh giấy, những mẫu đất sét và những cái đục nhỏ bắt đầu lăn đi và xê dịch trên sàn nhà lát ván.

“Coi chừng, Tanc!” Lysander nhắc.

“Rồi, rồi. Mình sẽ chú ý,” Tancred nói. “Bắt đầu nào!”

Kiểm được một khoảng trống ở giữa phòng, Tancred quay tròn, áo chùng của nó xòe ra, quay tít như một bánh xe màu xanh là cây. Charlie nhìn, ngây ra trước những hạt bụi xoay tít, thẩm thấu ánh sao, cho tới khi thân hình quay tròn của Tancred thỉnh thoảng ngừng lại. Tancred giơ một cánh tay cao lên, chỉ vô đỉnh cửa sổ, và một luồng gió lạnh buốt phóng vượt khỏi những ngón tay nó, xé không khí lướt tới. Rồi một tiếng “rắc” thật sắc, một tấm kính rớt ra. Nó rớt gọn gàng xuống vạt áo chùng đang tung lên của Tancred.

“Thấy sao?” Tancred nói, đầy tự hào.

“Tuyệt diệu,” Lysander bảo.

“Lạ lùng,” Charlie suýt xoa.

Tancred giấu tấm kính bể vô một đồng ván dựng ở bức tường cuối phòng.

“Thầy Mason sẽ không phát hiện ra đâu,” nó nói.

Charlie nhìn lên khung cửa sổ trống rỗng.

“Phải chi tội mình nhìn thấy Emma,” nó lầm bầm. “Em chưa bao giờ thấy nó bay hoặc thậm chí lúc biến thành chim.”

“Có những điều nên làm trong bí mật thì tốt hơn,” Lysander nói về huyền bí. “Thôi, tội mình nên thu dọn và trở về ngủ đi, không thì sáng mai sẽ không thể mở mắt ra được.”

Tancred cầm đèn pin dẫn đường leo lên cầu thang thép xoáy ốc, và đi qua phòng vẽ. Phòng ngủ chung của Charlie ở quãng giữa hành lang này. Với giọng thì thào “Chúc ngủ ngon,” hai anh lớn đi về phòng ngủ chung của họ ở cuối hành lang.

Vào lúc đó, Emma đang ở một cửa sổ trong hành lang bên ngoài phòng ngủ chung của nó. Trước khi bay đi, con bé đã phải trải qua những khoảnh khắc sợ hãi đến kinh khủng. Nó không bao giờ chắc được cánh tay mình có trở thành cánh không, hoặc đôi cánh có nâng được mình lên khỏi mặt đất hay không. Nó phải nhắm nghiền mắt lại và nghĩ về một con chim, sau đó phải tin vào chính mình và vào tổ tiên đã ban cho mình tài phép kỳ lạ này.

Tối nay, Emma chọn hình hài một con chim sáo đá. Được một cái tủ đựng chén đĩa che kín đáo, con bé bắt đầu nhún quắt lại và teo rút đi, nhỏ dần, nhỏ dần, trong khi những sợi lông bóng mượt lần lần phủ khắp cơ thể. Emma ngậm mẩu giấy gói cho Ollie vô miệng, và khi việc biến hình đã hoàn tất, nó nâng cánh lên. Nhưng đúng lúc nó bay vụt qua cửa sổ thì có ai đó khoác áo ngủ nhón nhợt bước về phía nó. Emma lao vô bầu trời đầy sao ngay khi cửa sổ đóng lại đánh sầm phía sau lưng.

Emma cố không nghĩ tới chuyện sẽ trở về như thế nào, mà chỉ tập trung vô việc kiểm căn phòng gác mái nơi Ollie Sparks bị giam hãm. Đã hai lần nó bay vòng quanh tòa nhà dữ tợn, buồn thảm, thỉnh thoảng đậu lên một rìa cửa sổ, một trần tường hay một máng xối dưới mái nhà. Nhưng những căn phòng đen ngòm bên trong các cửa sổ của tầng gác mái nhỏ xíu chẳng để lộ thứ gì. Không thấy một ngọn đèn, cũng không thấy một bóng đèn, không thấy giường nhàu nhĩ, không thấy hũ mút hay ngón chân hồng.

Vì vậy, Emma bay thấp xuống bên dưới tầng gác mái, và ở đây nó trông thấy vài thứ: một căn phòng thấp nền, nơi có một lão già được một núi gối đệm chống đỡ, ngồi chìm trong một chiếc giường bốn cọc. Trước kia Emma đã trông thấy gương mặt khô héo, đáng sợ này rồi, lúc nó cũng bị giam giữ trên gác mái. Lão Ezekiel Bloof lúc này đang đội một cái nón ngủ ôm sát đầu, mặc áo ngủ nhung đen cần những hạt đen bóng.

Lão bật cười một mình khi một ngón tay xương xẩu của lão lần khắp một trang sách khổng lồ. Emma vội bay đi.

Ở tầng lầu bên dưới nữa, Emma thấy bà giám thị Lucretia Yewbeam, choàng áo ngủ màu tím, đang chải mớ tóc dài màu xám trắng. Và xa hơn một chút, Emma nhận ra Manfred Bloor, mặc áo dài đen, mái tóc đen xõa khỏi đuôi ngựa, lòa xòa vài lọn quanh mặt hắn. Hắn đang quay lưng lại cửa sổ, nhưng Emma có thể thấy hình phản chiếu của hắn trong chiếc gương dài mà hắn đang nhìn vô chăm chăm. Và rồi, hắn trông thấy Emma.

Manfred chỉ trông thấy một con sáo đá, đậu trên gờ cửa sổ bên ngoài phòng hắn. Nhưng hắn dòm trừng trừng vô hình phản chiếu của con chim và rồi quay ngoắt lại. Emma bay vụt đi, tìm nó đánh loạn xạ. Nó há mỏ ra và thét lên một tiếng kêu sợ hãi. Và mẫu giấy bị cuốn theo gió, trôi đi mất.

Hắn biết đó là mình, Emma nghĩ. Hắn đã thấy mẫu giấy. Bây giờ hắn sẽ làm gì?

10. Phần 1

SỰ TRỞ VỀ CỦA ÔNG CẬU PATON

Sáng hôm sau, Charlie nghĩ mình là đứa cuối cùng xuống ăn sáng, nhưng khi đang vội vàng đi qua những bức chân dung, nó nghe có tiếng ai đó nặng nề bước đằng sau. Nó quay lại và thấy Emma, mặt tái nhợt và mắt thiếu ngủ. Trong khi Charlie chờ con bé đuổi kịp mình, một người nữa xuất hiện. Đó là Olivia. Còn ai mà mang giày vàng chói với vớ đen nữa? Đó là một trong những mốt quần áo quái chiêu mà bọn khoa kịch không hiểu sao lại rất ưa chuộng.

Olivia đang lẩn đi trong tư thế lệch hẳn qua một bên, rất lạ. Con bé giơ một bàn chân trong chiếc giày vàng lên.

“Của mẹ tớ đó. Hy vọng mẹ không nổi tam bành lên.”

Emma ngó xăm xoi chiếc giày và ngáp.

“Tối qua bồ xoay xử thế nào?” Charlie hỏi.

Emma nhăn mặt. “Không sao kiếm được cửa sổ phòng Ollie. Tất cả cửa nào cũng giống cửa nào. Mình làm rớt tờ giấy rồi.”

“Tờ giấy nào?” Olivia hỏi. “Đằng ấy có hé răng về mẫu giấy nào đâu.”

“Mình mang đi để đưa cho Ollie. Nhưng tất cả các cửa sổ gác mái đều đóng.”

“Mang nó ở trong...?”

Charlie tính nói là “mở” nhưng không nói ra được.

“Miệng,” Emma đáp, thấy cho nó một cái nhìn thật tức cười.

“Bồ có kiểm tra cửa sổ phía trên phòng điêu khắc không? Charlie nói khẽ.

“Cuối cùng cũng kiểm tra được. Cám ơn nhé.” Emma lại ngáp cái nữa.

“Đó là nhờ anh Tancred.”

Chúng đã tới nhà ăn lớn, ở đây chúng phải tách ra, mỗi đứa đi về phía bàn ăn của khoe mình. Charlie nhận thấy Emma phải ngồi sát bên Belle. Nó thấy lo lắng cho bạn. Giả sử ai đó kiểm tra tờ giấy Emma viết thì sao? Nếu gia đình Bloor biết Emma đang cố tìm cách cứu Ollie, thì ai mà biết họ có thể sẽ làm gì.

Mình mừng là nó biết bay, Charlie nghĩ.

Ngồi kế bên, Fidelio vừa làm xong muỗng cháo yến mạch cuối cùng của nó.

“Chắc chắn là có việc xảy ra mà anh cần phải biết, Charlie,” nó nói. “m nhạc chiếm hết cuộc sống của anh rồi, nhưng anh vẫn muốn biết việc gì xảy ra với tất cả mọi người.”

“Chủ nhật này anh tới quán Cà Phê Thú Kiểng đi,” Charlie nói. “Tất cả đều sẽ tới đó. Có khi còn có cả anh Tancred và Lysander nữa.”

Nó nhận thấy Billy đang dòm nó từ phía bàn đối diện.

“Và cả Billy,” nó thêm.

“Billy?” Fidelio hạ thấp giọng. “Vậy có khôn ngoan không?”

Charlie nhún vai. “Em nghĩ nó đang đổi chiều, anh hiểu em nói gì rồi đó.”

“Ừm” Fidelio nói.

Giờ nghỉ giải lao đầu tiên, trong khi những đứa khác đang tập tành cho vở kịch, Charlie giúp Emma kiểm mẩu giấy mà con bé đã làm rách. Charlie vừa mới hé nhìn vô bụi cây bên cạnh cửa vườn thì Belle và Dorcas bước lại gần.

“Tôi không biết là bạn quan tâm đến nghề làm vườn đây, Charlie,” Belle lên tiếng.

“Nghề gì?” Charlie hỏi.

“Thôi bỏ. Bạn đang kiểm gì đó?”

“Không kiểm gì cả.”

Charlie dứt hai tay vô túi quần và bước đi khỏi. Nó nhóng tìm Tancred và Lysander nhưng chẳng thấy hai anh đâu. Có lẽ Lysander tranh thủ đi dạo. Cả Billy cũng biệt dạng, nhưng thằng bé còn có con chuột đen để cho ăn và vỗ về.

Một vài phút trước khi hết giờ giải lao, Charlie gặp Emma. Con bé vẫn chưa kiểm ra tờ giấy.

“Mình chắc là nó đã bay vô trong cái sân gạch rồi,” Emma nói.

Đây là tin xấu. Không đứa trẻ nào có thể ra ngoài đó được, một khi cổng chính đã đóng lại sáng thứ Hai.

“Mẩu giấy ghi cái gì vậy?” Charlie hỏi.

Emma cắn môi:

“Đừng mất hy vọng, Ollie. Chúng tôi không quên bạn đâu. E.”

“E? Chỉ E thôi à? Charlie nói. “Vậy thì có gì đáng lo đâu?”

“E tức là Emma,” Emma rầu rĩ. “Họ sẽ biết cho coi.”

“Thôi thì mình cứ hy vọng là họ không kiểm ra nó,” Charlie nói.

Tiết học tiếp theo của Charlie là tiết lịch sử, và như thường lệ, nó thấy khó mà tập trung được. Hên mà thầy Pope không hỏi nó câu nào. Xem ra thầy đã hết đường trông cậy vô nó – mà như vậy cũng được, bởi vì cùng một lúc nó còn phải vật lộn với nhiều vấn đề khác, và không có cái nào trong số đó liên quan tới Napoleon.

Vậy thì, đó là gì? Rõ ràng là gia đình Bloor, và Belle nữa, dĩ nhiên rồi. Nhưng gã Weedon, người làm vườn cũng là một kẻ rầy rà, không đáng tin cậy. Và bà giám thị, bà cô Lucretia của Charlie cũng rõ là kẻ thù. Những giáo viên còn lại thì sao? Thật khó đoán. Phải chi có ông cậu Paton để mà trò chuyện, nhưng Ông cậu vẫn biệt vô âm tín.

Charlie chưa kịp nghĩ cho ra đầu ra cuối thì buổi học đã hết, và thầy Pope đang quát om lên:

“Một bài học nữa vừa trôi qua trước mặt trò đây, Charlie Bone. Ngay sáng thứ Hai tới sẽ có bài kiểm tra về những chiến dịch của Napoleon. Nếu trò không làm được hơn bảy mươi phần trăm thì trò sẽ bị cấm túc.

Quai hàm Charlie trĩ xuống. Điều này có nghĩa là toàn bộ thời gian cuối tuần sẽ phung phí vô việc học thuộc những ngày tháng năm. Nó gom sách vở và âu sầu bước ra khỏi phòng học lịch sử.

Bọn trẻ khác cũng phải đối mặt với cùng một vấn đề. Tin tức về những bài kiểm tra nổi lên khắp nơi. Rõ ràng các thầy cô đều đang trong cơn sốt kiểm tra. Có rất ít những gương mặt hoan hỉ trong bữa ăn tối hôm đó.

“Chắc tội mình không tới được quán Cà Phê Thú Kiểng quá,” Gabriel nói, ngó lom lom một cách ủ dột vô món xúp của mình.

“Em không nghĩ vậy,” Charlie nói.

Billy chồm qua bàn:

“Em vẫn về nhà anh được chứ?” Nó khấn khoản.

Charlie không có lòng dạ nào mà từ chối thẳng bẻ.

“Dĩ nhiên. Em có thể kiểm tra ngày tháng năm giúp anh.”

Billy rạng rỡ:

“Nhất trí.”

Vào thứ Sáu, Charlie nghe tin về tiến triển trong công việc điêu khắc của Lysander. Nó và Emma bị cuốn vô dòng trẻ nít tất tả lao về những phòng ngủ chung để thu dọn túi xách như thường lệ. Bất chấp những bài kiểm tra đang treo trên đầu, tiếng rì rào vui sướng vẫn vỡ òa. Không ai còn chán nản khi trước mắt có tới hai ngày và ba đêm tự do, đáng mong đợi. Những cầu thang được bước hai bậc một, những hành lang tối rộn vang những bước chân cập rập cùng tiếng nói cười hớn hở.

“Tối qua mình trông thấy bức tượng rồi,” Emma thì thào với Charlie. “Tuyệt không thể chê được, y hệt như một cậu bé thật. Anh Lysander vừa bắt đầu sơn. Chỉ còn vài ngày nữa thôi là tất cả đã sẵn sàng.”

“Làm sao anh ấy giấu nó bí mật được?” Charlie hỏi.

“Ban ngày anh ấy chỉ việc phủ một tấm vải lên. Thầy Marson không bao giờ để ý tới. Thầy quá mải mê với tác phẩm điêu khắc của thầy rồi mà.”

“Belle ở khoa hội họa,” Charlie lo ngại.

“Không cần phải nhắc. Nhưng theo như mình biết thì nó chưa trông thấy bức tượng.”

Chúng rẽ ra ở một chân cầu thang khác, và Charlie đi kiếm Billy.

Đúng là Belle chưa trông thấy tác phẩm của Lysander, nhưng con nhỏ đã cảm giác được là có bức tượng. Đơn giản là nó đang chờ thời cơ thôi. Ngay khi tất cả bọn trẻ đã leo hết lên xe buýt trường, Belle đi vô phòng điêu khắc. Thầy Marson đang hí húi đeo một tảng đá ở bên cửa sổ. Thầy thậm chí còn không trông thấy Belle. Nó bước tới tấm trải màu trắng, trườn kín cái gì đó có kích thước cỡ bằng người nó. Belle lật tấm vải ra. Một thằng bé đứng sững ngay trước mặt nó. Không hẳn là một thằng bé, nhưng có cái gì đó giống đến nỗi khó tin đó không phải là người thật.

Thằng bé có mái tóc nâu, mắt xanh thẳm. Miệng hơi nhỏ và cái mũi cũng nhỏ, một cái mũi ưa tọc mạch. Thằng bé mặc áo chùng xanh da trời. Theo như Belle thấy, thì quần áo dưới áo chùng lại chưa được sơn. Giấy và quần là màu gỗ sáng.

“Ra thế,” Belle lăm bắm. “Trò chơi của bọn chúng đây.”

Charlie và Billy xuống xe buýt ở cuối đường Filbert. Rembrandt đã ngủ say dưới chiếc áo len của Billy, nhưng rõ ràng là nó đang gặp ác mộng. Thân hình nó cứ co giật và kêu chít chít trong khi ngủ. Billy đoán rằng con chuột đen bị tổn thương ghê gớm vì bị thầy Boldova khước từ.

“Em sẽ phải đền bù cho nó đấy, Billy,” Charlie nói. “Bây giờ em là người bạn thân thiết nhất của nó.”

Billy lộ vẻ ngạc nhiên lẫn vui mừng:

“Em cũng nghĩ thế.”

“Anh sợ là mẹ anh không biết em tới,” Charlie báo cho nó. “Mẹ anh đi làm suốt ngày thứ Bảy và mãi bốn giờ mới về nhà.”

“Không sao,” Billy vui sướng nói.

“Mẹ có để lại cho tụi mình nhiều đồ ăn.”

“Tốt. Em có thể cho Rembrandt một ít không?”

“Dĩ nhiên. Đừng để bà nội anh trông thấy nó. Bà căm ghét thú vật lắm. Chắc chắn bà sẽ giết nó đấy.”

“Ồi,” Billy sợ hãi.

Còn khoảng hai mươi bước nữa thì về tới nhà, Charlie chợt nhận thấy có một chiếc xe hơi đậu bên lề đường bên ngoài căn số 9. Nhìn màu xe thì có thể bảo nó là màu đen. Nhưng nhìn kỹ lại nó không phải đen. Chắc hẳn là nó màu xanh đậm, nhưng lại lấm đầy bùn với bụi tro... Hình như nó bị rỉ sét nữa? Hay là chiếc xe này đã bị nhấn chìm trong lửa? Thanh cản bị cong vẹo và kính chắn gió vỡ tan.

“Trông như xe từ địa ngục,” Billy nhận xét.

“Hoặc đã đi qua địa ngục,” Charlie nói. “Nó là xe của Ông cậu anh đấy.”

Hai thằng bé phóng suốt con đường Filbert. Khi chúng tới căn số 9, Charlie lao huỳnh huých lên những bậc cấp và bước vô nhà. Billy thận trọng theo sau.

“Không có ai ở nhà,” từ trong bếp, Charlie la lớn.

Billy nhìn Charlie băng qua hành lang và bắt đầu leo lên lầu.

“Em ở đây nha?” Billy rụt rè hỏi.

“Không. Không sao đâu. Lên đây đi.”

Charlie không muốn đi vô phòng Ông cậu một mình. Tấm biển XIN ĐỪNG QUÁY RẦY nằm chổng chơ dưới đất, tay nắm bị vẹo cong gần như bẹp oặt lại, cứ như ai đó đã nắm rì lấy nó để tựa vào. Những dấu hiệu báo điềm gở đến nỗi Charlie không biết phải làm gì, nó nên gõ cửa hay cứ thế bước vô?

“Em thì em gõ cửa,” Billy khuyên.

Charlie gõ. Một lần. Hai lần. Ba lần.

Không có động tĩnh gì bên trong căn phòng.

Charlie nín thở, mở cửa và bước vô. Billy chỉ đặt một chân vô trong, và đứng chờ, tay nó nắm lấy con chuột đen.

Thứ đầu tiên mà Charlie nhìn thấy là cây gậy phép, nó nằm trên bàn viết của Ông cậu Paton. Chiếc gậy trước kia thanh mảnh, trắng ngà, giờ hầu như không thể nhận ra được, nhưng Charlie nhận ra nó nhờ kích thước và cái đầu bịt bạc bị lõm. Phần lớn còn lại của cây gậy bị cháy đen thành than và đen thui.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Nó lẩm bẩm.

Rất chậm, nó quay đầu về phía chiếc giường và ở đó, Ông cậu của nó, toàn thân một màu đen, đang nằm sóng sượt bên trên tấm trải giường, ông cao đến nỗi đôi bàn chân trong đôi giày bầm đầy tro của ông thông ra ngoài.

Gương mặt bên dưới những vệt bồ hóng của Ông cậu Paton lại trắng bợt như người chết. Tệ hơn cả, mái tóc vốn đen nhánh giờ đã chuyển thành màu xám tro.

“Ông ấy chết rồi hả?” Billy thì thào.

“Không.”

Charlie gần giọng đáp, nhưng quả tình, nó cũng không chắc. Nó chạm vô vai Ông cậu. Không có phản ứng.

“Ông cậu Paton,” nó gọi nhỏ và rồi gấp gáp hơn, “Làm ơn đi, Ông cậu Paton, nếu có thể thì tỉnh dậy đi.”

CHUYẾN VIẾNG THĂM SKARPO

Mắt ông cậu Paton vẫn nhắm nghiền. Mặt ông tựa như đá tảng. Không một cơ bắp nào động đậy. Charlie ghé tai vô ngực ông và bắt được tiếng tim đập yếu ớt.

“Ông cậu còn sống. Nhưng đang ngủ rất sâu,” Charlie nói. “Tụi mình sẽ cần phải chờ cho tới khi Ông cậu thức dậy.”

Đó không hề là một giấc ngủ bình thường, nhưng cũng không giống như bị thôi miên. Chắc hẳn Ông cậu Paton đã tới Lâu đài Yewbeam. Nhưng câu chuyện khủng khiếp gì đã xảy ra với ông ở đó? Ông cậu Paton là người duy nhất trong nhà có thể chống lại nội Bone, Charlie rùng mình nghĩ cuộc đời sẽ ra sao nếu như Ông cậu nó không bao giờ tỉnh dậy nữa.

“Tụi mình đi khỏi đây đi,” Charlie nói.

Billy đang đứng chờ người ra bên cạnh cửa, và Charlie nhận thấy cái đầu của Rembrandt thò ra khỏi vạt áo của Billy. Mũi con vật co giật dữ dội. Thành linh, nó chửi một tiếng thật lớn và phóng xuống sàn.

“Bắt lấy nó!” Charlie hét.

Billy bật chạy ra, Charlie theo sau, đóng cửa phòng Ông cậu Paton lại sau lưng. Nó thấy Rembrandt chạy nháo nhào, dọc theo sát bức tường. Billy sắp đuổi kịp Rembrandt thì một cánh cửa bật mở ra ngay giữa nó và con chuột.

Nội Bone ra khỏi phòng riêng của bà và đứng lù lù trước mặt Billy.

“Ủa?” Bà nhướn đôi lông mày đen dài lên. “Charlie mang về nhà một anh bạn nhỏ à?”

Billy nheo mắt ngược nhìn nội Bone.

“Đó là Billy Raven, nội,” Charlie nói. “Nó ở lại đây vào cuối tuần.”

“Tao không mù. Tao cũng thấy nó là Billy Raven mà,” bà nội nói. “Tao mừng là mày đã phát huy được những giác quan của mày, Charlie. Billy là một thằng bé dễ thương. Một cái tiến tuyệt vời so với cái thằng Benjamin hôi hám kia, chứ đừng nói tới thằng Fidelio tầm thường và cái thằng Gabriel khó ưa.”

Charlie ghét bà nội nói về bạn bè nó như thế, nhưng nó đang lo sốt vó về con chuột đen nên chẳng có bụng dạ nào mà đôi co. Không hiểu sao, vì lý do gì đó, con Rembrandt dừng phắt lại ngay đằng sau nội Bone, và giờ đang ngồi nhổng lên và theo dõi họ.

Billy không biết phải làm gì. Nó nhìn chòng chọc vô Rembrandt, miệng há hốc.

“Tại sao mày nhìn hau háu vô giày của ta thế hả, thằng nhỏ kia? Nội Bone nói. “Nhìn vô mắt ta đây này. Ta có cần đâu.”

Chưa ấy chứ, Charlie nghĩ.

Khi Billy rời mắt khỏi con chuột đen, Charlie thở phào khi thấy con chuột chạy xuống cầu thang.

“Nội...” Charlie mở miệng.

“Cái gì?” Nội Bone tì người qua thành cầu thang, nhưng con chuột đen đã biến mất.

“Giờ thế này, Billy,” bà nói. “Cái người hay nấu nướng trong nhà này đã đi nghỉ mát rồi.”

“Không phải,” Charlie cãi. “Nội à...”

“Im,” bà nạt. “Như ta đã nói, chúng ta không có người nấu nướng, nhưng ta sẽ cố hết sức để kiếm món gì đó hấp dẫn cho cháu. Charlie thì chỉ được xơi bánh mì và nước thôi, tại vì nó đã chôm mất món patê gan ngỗng của ta!”

Charlie chỉ lên phòng Ông cậu Paton và hét lên.

“Nội, bà không nhận thấy là Ông cậu Paton đang nằm như chết trên đó sao?”

“Tao hoàn toàn nhận thức được tình trạng của em trai tao,” bà tỉnh rụi. “Hắn xứng đáng nhận tất cả mọi thứ hắn đáng nhận. Nhúng mũi vô chuyện của người khác, đó là điều hắn đang làm. Hừ, lần này hắn đúng là nhai không được còn cắn cho to, đúng chưa? Cắn sức nhé. Ha!Ha!”

Nội Bone phá ra cười khả ố và lướt xuống cầu thang.

“Tao đi kiểm một ít mận đây,” bà nói lớn và đội nón, mặc áo khoác, xong rời nhà.

“Em không thích mận,” Billy nói, nhăn mày vẻ sợ hãi.

“Em không việc gì phải ăn,” Charlie nói. “Thôi nào, đi coi xem có gì khá hơn không.”

Billy nghĩ chúng nên kiểm con Rembrandt trước đã, nhưng mặc dù đã kiểm khắp các phòng dưới lầu trệt, vẫn không thấy bóng dáng con chuột đầu cẩu.

“Chắc là nó cuộn mình ngủ ở đâu đó,” Charlie nói. “Anh tính cho mấy củ khoai tây vô lò nướng.”

Nó chưa kịp làm thì mẹ nó đã về nhà, với một đồng cà rốt. Cô chẳng tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào khi thấy thằng bé tóc trắng, nhỏ xíu ngồi bên bàn nhà bếp. Cô vốn đã quen với những chuyến tới chơi của Benjamin, và rất vui nếu Charlie có mời bạn về nhà vào cuối tuần. Cô đoán chắc là Ông cậu Paton đã trở về, vì cô nghe có những tiếng động lạ hồi khuya đêm hôm trước, nhưng cô không có thời gian để vô thăm ông trước khi cô đi làm.

“Ông cậu bệnh nặng lắm mẹ,” Charlie nói. “Bệnh rất, rất nặng. Tóc Ông cậu chuyển thành màu xám hết. Ông không nói được.”

“Trời đất, mẹ phải lên thăm Ông cậu coi sao.”

Cô Bone chạy ngay lên lầu. Vài phút sau, cô đi xuống, coi bộ rất lo âu.

“Để mẹ kêu bác sĩ tới. Bà nội con có biết Ông cậu bị như vậy không?”

“Bà nói đáng đời Ông cậu vì thói can thiệp vô công việc người khác,” Charlie nói với mẹ.

Cô Bone lắc đầu: “Cái gia đình đó thiệt hết sức.”

Trong khi Charlie chuẩn bị bữa tối, cô Amy Bone gọi điện cho bác sĩ. Cô nói chuyện trên điện thoại khá lâu để mô tả những triệu chứng của Ông cậu Paton. Thật không dễ dàng chút nào để giải thích rằng có một người qua một đêm tự nhiên hóa xám.

“Mẹ không nghĩ bác sĩ tin mẹ,” cô Bone vừa nói vừa đặt ống nghe xuống. “Nhưng ông ấy sẽ tới trong vòng một giờ nữa để khám cho Ông cậu.”

Đúng lúc đó, nội Bone trở về, với một bọc mận. Ngay khi nghe nói là đã kêu bác sĩ tới, bà nhắc điện thoại và hoãn cuộc hẹn lại.

“Sao mẹ lại làm thế?” Cô Bone sững sốt. “ Ông cậu Paton cần bác sĩ.”

“Không cần,” nội Bone quắc lại. “Bác sĩ chẳng làm gì được hết. Chỉ tốn thời gian quý báu của ông ta thôi.”

“Quá đáng! Ông cậu là em trai của mẹ mà,” Cô Bone kêu lên. “Nếu lỡ... nếu lỡ ông chết thì khi đó mẹ cảm thấy như thế nào?”

“Ai mà chẳng chết... khi tới lúc,” nội Bone vừa nói vừa rửa mớ mận khô.

Theo dõi cuộc tranh cãi bằng con mắt tròn tròn, Billy kết luận rằng cuộc sống gia đình không phải hoàn toàn giống như người ta thường ca ngợi.

Bữa tối là một nhiệm vụ chẳng thoải mái chút nào. Chẳng màng tới thịt dăm bông và khoai tây, nội Bone từ đầu tới cuối cứ tì tì chén tô mận, không ngừng tạo nên những tiếng mút nhai kinh khủng.

11. Phần 2

Sau bữa ăn, trong khi cô Bone dọn giường cho Billy, hai thằng bé kể cho cô nghe về Rembrandt.

“Ôi, Charlie, không phải là một con vật nữa đấy chứ,” mẹ Charlie thở dài.

“Nó rất sạch,” Billy nói. “Và không cắn.”

“Nhưng mà chuột...”

“Làm ơn canh chừng nó nha mẹ,” Charlie nài nỉ. “ Con không muốn nội Bone trông thấy nó trước.”

“Ừ thì...” Mẹ nó nói, cười tươi. “Mẹ sẽ cố hết sức nhưng đừng trách mẹ nếu mẹ thét lên khi thấy nó đấy.”

Cô rời phòng ngủ và nói:

“Giờ là chuột. Tiếp theo là gì nữa đây?”

Billy muốn tiếp tục kiểm Rembrandt, nhưng Charlie sợ nội Bone sẽ sinh nghi. Ngoài ra, Ông cậu Paton, người luôn được tin cậy trong những cơn khủng hoảng, giờ lại đang nằm mê man, trong một trạng thái thật hãi hùng, mà không thể kể cho ai hay điều gì đã xảy ra với ông. Không chừng Ông cậu sẽ không bao giờ trở lại là mình nữa.

“Ông cậu của anh có thể kích bẻ bóng đèn, phải không?” Billy hỏi.

“Ông cậu là nguồn tăng điện áp,” Charlie nói. “Cứ hễ ông nhìn vô bóng đèn là có chuyện xảy ra... kiểu như nổ bóng đèn. Chính vì thế mà trời tối ông mới ra ngoài đường. Thế nào cũng có người bắt gặp một lần làm bẻ bóng đèn của Ông cậu cho coi.”

“Có một bóng đèn vẫn sáng trong phòng ông ấy,” Billy nói.

“Cái gì?”

Charlie không nhận ra điều đó. Nó cần phải đi coi có đúng không.

Nó nhìn vô phòng của Ông cậu, và thấy... Đúng là có một bóng đèn sáng rực treo trên trần nhà, ngay phía trên bàn làm việc của Ông cậu.

“Tiêu rồi, Charlie,” một giọng yếu ớt phát ra từ chiếc giường.

Đôi mắt đen của Ông cậu Paton giờ đang mở. Ông nhìn chằm chằm vô bóng đèn với vẻ thất kinh.

“Ông cậu, Ông cậu tỉnh rồi!” Charlie kêu lên.

“Nếu mày gọi đó là tỉnh,” Ông cậu Paton thều thào.

“Charlie, ta bị nạo sạch rồi. Lão ta mạnh lắm, không tưởng tượng nổi.”

“Ai?” Charlie hỏi.

Ông cậu Paton lại nhắm mắt.

“Bà nội của mày gắn bóng đèn vô để kiểm tra ta. Bà ta muốn chắc chắn là ta đã mất hết quyền phép. Hừ... Đúng là ta đã mất rồi.”

“Nhưng ai làm điều đó với Ông cậu vậy? Charlie nôn nóng.

Cái đầu xám của Ông cậu Paton ngoắt qua ngoắt lại.

“Ta tưởng lão ấy chết rồi chứ... tiêu rồi chứ. Nhưng lão ta sẽ không bao giờ chết.”

“Ai cơ?” Charlie hỏi gặng.

“Ta không thể nói tên lão. Có lẽ, ngày mai...” Ông cậu Paton quay mặt vô tường.

Charlie nhận ra rằng nó không thể ép Ông cậu thêm được nữa. Nó đang định rời phòng thì cây gậy phép đập vô mắt nó, đồng thời với một ý nảy ra trong đầu. Nó cầm cây gậy phép bị hủy hoại lên và lên trở về phòng.

Billy đang ngồi trên giường của Charlie, trông rất sầu thảm.

“Đừng lo cho Rembrandt,” Charlie an ủi. “Nó là con chuột thông minh, và em là bạn nó mà. Nó sẽ quay lại ngay thôi, anh bảo đảm đó.”

Charlie thấy là Billy không thật sự lắng nghe nó nói mà đang nhìn trần trời vô bàn tay Charlie, vẻ kinh hãi.

Vội nhìn xuống, Charlie thấy cây gậy phép bị cháy đang biến đổi. Nó có thể cảm nhận cây gậy đang dịch chuyển nhẹ nhàng trong các ngón tay; trơn như lụa và ấm như ánh mặt trời. Đầu gậy bật bạc bóng sáng lấp lánh, và phần gỗ đen nhật gần đi, cho tới khi chuyển thành màu trắng tinh.

“Làm sao chuyện đó xảy ra được?” Billy nín thở.

Charlie lắc đầu. “Không biết.”

Nó ngồi xuống cạnh Billy và rê ngón tay khắp mảnh gỗ láng, trắng.

“Đó là gậy phép phải không?” Billy hỏi. “Hồi này nó đen thui và gãy mà, giờ lại trông như mới toanh. Nó là gậy của Ông cậu anh à?”

“Không,” Charlie thủng thỉnh. “Anh mượn nó từ một người, mà người này lại đánh cắp nó từ một người khác.”

“Trông nó như rất muốn ở bên anh vậy,” Billy nhận xét. “Cứ như nó là của anh vậy.”

“Không có chuyện đó,” Charlie nói. “Không có chuyện đó được. Anh không phải là thầy pháp hay thầy phù thủy.”

“Nhưng anh có phép thuật, giống như em.”

“Không phải theo cách đó,” Charlie lẩm bẩm.

Nó quyết định kể cho Billy nghe về cây gậy phép. Charlie chui xuống gầm giường và lôi ra một bức tranh nhỏ. Bức vẽ một người đàn ông mặc áo chùng đen dài, tóc đen ánh bạc, cùng màu với bộ râu quai nón. Ông ta đang đứng trong một căn phòng được thắp sáng bằng đèn cây, cầm trong một giá đỡ kim loại cao. Cầm một mẫu phấn, ông ta đang vẽ hình một ngôi sao lên một bức tường đá đã đầy những biểu tượng lạ.

“Học kỳ trước anh đã mang bức tranh này vô trường rồi phải không?” Billy hỏi.

“Ồ. Ông này là phù thủy Skarpo. Anh đã lấy cắp cây gậy phép từ ông ta.”

Quai hàm Billy trĩu xuống. Nó quay qua và nhìn Charlie bằng một tia nhìn dài, chăm chăm, màu đỏ đậm.

“Anh...?” Thăng bé lặc giọng.

“Anh đã đi vô bức tranh này,” Charlie nói. “Trước đó anh chưa làm vậy bao giờ, anh chỉ nghe được tiếng nói thôi.”

Bất chợt, Charlie đụng phải ánh mắt của phù thủy Skarpo, nó vội lật úp bức tranh lại.

“Anh cấm không được nhìn ông ta lâu, kéo ông ta lại kéo anh vô nữa.”

Billy lắc đầu thắc mắc:

“Làm sao anh ra được?”

“Cái này hơi rắc rối một chút: Lysander phải phụ anh.”

Charlie liếc nhìn Billy, một lần nữa phân vân liệu mình có thể thật sự tin thăng bé hay không. Và nó quyết định sẽ phải liều thôi.

“Vấn đề là, Billy, anh nghĩ anh phải đi vô đó lần nữa. Thầy phù thủy đó rất hùng mạnh. Ông ta có rất nhiều món ở trong phòng, em có thấy không? Thảo mộc, lông chim và nhiều thứ.”

“Ông ấy có một con dao găm. Em thấy nó kìa.”

Charlie giờ bức tranh lên cho Billy:

“Em còn thấy gì nữa?”

“Tô, sách, hũ đựng nước đủ màu, những cây đèn cây to và những hình vẽ ở trên tường. Ô, có một con chuột lòi ra khỏi túi quần ông ấy, và những thứ linh kinh khác ở trên bàn.”

“Có lẽ ông ta có thuốc chữa cho Ông cậu của anh,” Charlie nói. “Nếu anh trả cây gậy phép cho ông ta, thì ông ta sẽ đưa lại anh cái gì đó. Anh sẽ hỏi ông ta về Ollie. Có thể ông ta cũng biết cách chữa chúng vô hình.”

“Hôm nay không có anh Lysander ở đây,” Billy nói, vẻ nghi ngờ. “Nhỡ anh không ra được thì sao?”

“Chính vì vậy mà anh cần nhờ tới em, Billy. Em chỉ việc nắm chặt cánh tay anh, được không? Nếu anh hành xử kỳ quặc thì em cứ lay anh thật mạnh. Anh không đi vô hắc đầu, em sẽ thấy. Chỉ có tâm trí anh vô đó thôi. Nhưng ông ta có thể nhìn thấy mặt anh, và chắc chắn thấy cả cây gậy phép. Anh sẽ không đi vô sâu như lần trước, anh chỉ đứng ngoài và nói chuyện với ông ta thôi.”

Charlie đứng bức tranh tựa vô chiếc đèn bên cạnh giường. Rồi nó đứng lên và giơ cây gậy phép ra trước mặt.

“Em sẵn sàng chưa?”

Billy tuột khỏi giường và nắm chặt lấy cánh tay của Charlie:

“Sẵn sàng.”

Charlie nhìn thầy phù thủy. Skarpo không cần phải mất nhiều thời gian để thấy Charlie.

“Mày đã trở lại,” một giọng khàn khàn ề ề cất lên.

Charlie cảm thấy mình bị trượt về phía trước, xuyên qua một làn sương mù trắng, trôi lãng đãng. Tất cả những gì nó thấy là gương mặt xương xương của thầy phù thủy. Nó vội hạ mắt xuống để tránh cái nhìn chăm chú ma thuật, vàng khè của Skarpo. Mùi thảo mộc cháy nồng nặc xông vô lỗ mũi, khiến nó hắt hơi ầm ỉ.

“Thôi ngay!” Giọng nói quát lên.

“Hắt... ừ. Ch... cháu xin lỗi. Cháu không ngừng lại được,” Charlie nói.

Nó nhìn sượt qua cái thân hình bận áo chùng đen, và quét một lượt các đồ vật để trên bàn.

“Lần này mày muốn gì, thằng trộm kia?” Skarpo quát.

“Cháu mang trả lại cây gậy phép cho ông,” Charlie bảo. “Và cháu thối mắng...”

“Hả?” Hình như Skarpo nhìn vô cây gậy phép. “Mang nó đi,” ông ta nói bằng giọng trầm.

“Nhưng cháu nghĩ là ông muốn lấy nó,” Charlie nói. “Lúc cháu lấy nó đi, ông đã rất giận dữ. Cháu trở lại để đổi nó lấy... lấy một lời khuyên. Quả thật, ông có rất nhiều kinh nghiệm về phép thuật và tất cả mọi thứ. Cháu nghĩ ông có thể giúp cháu.”

“Cây gậy không phải của ta, thằng nhóc, giờ thì ta thấy như thế rồi.”

Thầy phù thủy vẫn không thể rời mắt khỏi cây gậy phép.

“Ừm... Không bao giờ ta có được nó. Nó luôn luôn là của mày.”

“Cháu không hiểu,” Charlie bối rối. “Nó không phải là của cháu. Nhưng mà, vấn đề là, Ông cậu của cháu bị bệnh, nặng tới nỗi mất cả phép thuật mà ông ấy vẫn có. Chính ông ấy là người đầu tiên nói cho cháu biết về ông, ừm, vì vậy, ông có thứ gì để chữa cho người có phép thuật bị mất phép thuật không ạ?”

“Tao phải gặp Ông cậu của mày,” Skarpo dẫn một bước về phía Charlie.

“Ông không thể làm được vậy,” Charlie lùi lại một bước.

Skarpo tiến lên gần hơn.

“Tao cần phải thế, thằng nhóc kia. Làm sao tao có thể giúp được một người mà tao không thấy? Ngoài ra, tao muốn xem thế kỷ của mày.”

“Không được,” Charlie dứt khoát. “Ông thuộc về cái thời bức tranh vẽ ông.”

“Tao sẽ đi quá giang mày.”

Bàn tay tím tái của thầy phù thủy vươn về phía Charlie, và Charlie cảm thấy có cái gì đó giật mạnh chiếc áo len dài tay của nó. Nó bước giật lại, miệng la:

“Không! Không! Không! Cháu đi đây. Đi ngay! Ngay!”

Và nó lùi lại một lần nữa. Lần này nó trượt chân và té nhào. Giống như bị đẩy vút lên không rồi lộn nhào xuống, xuống, và cứ thế xuống vậy.

Charlie đành nhắm mắt lại để chống lại cảm giác bị quăng liệng và nhồi xóc đang diễn ra trong cơ thể mình. Và rồi, gáy nó chợt đụng phải một vật cứng, kèm theo một tiếng rầm lớn.

Charlie mở mắt ra. Nó đang nằm dưới sàn phòng ngủ của nó, đúng ra không hẳn là dưới sàn, mà là nằm trên một thứ gì đó nhỏ và mấp mô.

Một giọng bị nghẹt lại ngay dưới thân nó kêu lên.

“Charlie, anh dè em!”

Charlie lật qua một bên thì thấy Billy nằm xuôi xị bên cạnh. Cặp kiếng của thằng bé văng đi mất, mắt nó trợn trừng sợ hãi.

“Xin lỗi,” Charlie làu bàu. “ Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Kinh... Kinh khủng quá!”

Billy lấp bắp, ngồi dậy. Nó mò kiếm được mắt kiếng rồi đeo lên.

“Em giữ chặt lấy anh như anh dặn, nhưng anh cứ đổ tới đổ lui, miệng la rầm, ‘Đi ngay! Ngay!’ Sau đó anh đập lên chân em và cả hai cùng té xuống. Em không trông thấy cái gì tại vì anh nằm đè lên em, nhưng có một luồng gió mạnh lắm, và có ai đó dẫm phải tay em, xong cánh cửa bật mở tung.”

Đúng lúc đó, cánh cửa trước đập cái rầm. Hai thằng bé im re, chờ nghe tiếng bước chân trong hành lang. Nhưng chẳng có ai. Charlie nhồm dậy và nhìn ra ngoài cửa sổ. Có mấy người qua lại trên đường, vài chiếc xe vụt qua. Và rồi, ở phía xa, nó trông thấy một mảng tối lướt đi thiệt lẹ, in rõ vô ánh đèn đêm.

Charlie bỗng cảm thấy buồn nôn. Là do bị cụng đầu, hay là do cảm giác rằng có một cái gì đó vừa bị sai lệch – nó không chắc.

“Chuyện gì xảy ra ở đó vậy?” Billy hỏi, chỉ vô bức tranh.

Charlie nhận thấy thầy phù thủy vẫn còn ở trong tranh. Điều này khiến nó yên lòng. Nó đặt bức tranh lật úp xuống trên chiếc bàn ngủ.

“Ông ta muốn ra ngoài,” Charlie nói.

“Hình như ông ta đã ra rồi,” Billy bảo.

“Không. Không thể nào. Chuẩn bị đi ngủ nào. Em dùng nhà tắm trước đi.”

“Hai thằng bé thay đồ ngủ và Billy mang bàn chải, khăn mặt vô nhà tắm. Vài phút sau trở ra, miệng dính đầy kem đánh răng, hai tay đỡ một con chuột đen.

“Coi em kiếm được gì này,” Billy phàn khích.

“Rembrandt! Nó ở đâu vậy?”

“Ở trong nhà tắm, dưới bồn tắm,” Billy đặt Rembrandt lên giường của Charlie. “ Rất vui được gặp lại mày, Rem!”

“Anh nghĩ là anh không muốn con Rem ở trên giường anh đêm nay.”

Charlie nói, đoạn chạy xuống nhà bếp để kiểm một chiếc hộp.

Rủi quá, nội Bone đang ở trong nhà bếp, và đang soàm soạp một tô mặn nữa.

“Mày kiếm gì đấy?” Bà giật giọng hỏi khi Charlie lục lọi trong kho đựng đồ ăn.

“Một cái hộp,” Charlie nói.

“Để làm gì? (Soạt)”

“Để đựng đồ,” Charlie chui ra với cái hộp trong tay và sáu chiếc bánh quy trong túi áo ngủ.

“Đựng gì? Thằng kia!” Nội Bone dộp hực và một trái mặn rớt xuống khăn trải bàn.

“Bụp!” Charlie giả tiếng trái mặn rớt.

“Mày cất gì trong cái hộp đó?”

“Một con quỳ sáu mắt, bốn đuôi và hơi thở hôi hám,” Charlie nói, chạy ra khỏi phòng.

“Đừng có xấc láo,” nội Bone gào.

Nội nhảy đồng ra ngoài hành lang, định thét lác cái gì đó nữa, nhưng thành linh lại đổi ý và nói ngọt xớt.

“Chúc thằng bé đó ngủ ngon cho ta nhé.”

Charlie ớn lạnh vì giọng nói ấy của bà nội, tới độ sém đánh rớt cái hộp. Phải chăng bà nội nghĩ bà có thể dùng Billy để chống lại nó?

“Phùùù, nội thích em đó,” nó nói, đưa cho Billy cái hộp. “Cái này cho Rembrandt. Anh lấy vài cái cho nó ăn tối. Billy? Billy?”

Đôi lông mày Billy nhíu lại gần như giao nhau.

“Em sao vậy?” Charlie hỏi.

“Em đang nói chuyện với Rembrandt,” Billy nói với giọng hoang mang.

“Nhìn bộ điệu nó thì có vẻ nó đang báo cho em tin xấu,” Charlie nhận xét.

“Nó nói có mùi kinh lắm trong nhà tắm.”

“Lúc nào mà chẳng có mùi kinh khủng,” Charlie bảo. “Đó là nội Bone.”

“Không phải, Charlie. Cái này khác.” Billy nói rành rọt. “Rembrandt nói, nó ngửi thấy mùi ma thuật hắc ám và những thứ lẽ ra đã chết rồi.”

Charlie cố cưỡng lại để khỏi phun ra câu, “Anh cũng tính nói thế.” Nó thận trọng đi vô nhà tắm, có Billy đi theo, tay vẫn nắm chặt Rembrandt.

“Chẳng ngửi thấy gì cả,” Charlie nói, mở cửa ra.

“Nhìn kia!” Billy thì thầm. “Dưới bồn tắm ấy.”

Charlie nhìn. Ngồi bên dưới bồn tắm là một con chuột màu nâu. Con chuột bắt đầu kêu chít chít, hoảng loạn, và trong khi con chuột kêu, Rembrandt hòa theo, chít lên thậm chí còn lớn hơn con chuột nâu.

Billy liền diễn dịch những từ rin rít của con Rembrandt cho Charlie nghe, nếu có thể gọi đó là từ.

“Nó nói... con chuột này rất sợ... vì nó không biết... nó ở đâu... hoặc làm sao nó ở đây. Rembrandt nói mùi của con chuột đó là từ xưa, rất xưa, xưa tới nỗi làm đầu óc nó rối loạn.”

“Xưa rất xưa?” Charlie nhìn Billy, mắt thẳng bé chứa đầy nỗi hoang mang pha lẫn nghi ngờ.

“Skarpo có một con chuột ở trong túi,” Charlie chậm rãi nói.

“Vậy, Skarpo đâu?” Billy thì thào.

12. Chương 12

CON CHUỘT XƯA THẬT LÀ XƯA

Cuối cùng, khi tiếng chít dứt hẳn, Billy hỏi:

“Tụi mình để nó đi hay giữ nó lại?”

Charlie tiến một bước về phía con chuột, và điều đó đã quyết định vấn đề: sinh vật nhỏ liền phóng xuống bồn tắm. Khi Charlie hụp xuống, cổ bò theo nó, thì con chuột đã chui tọt vào một cái lỗ dưới sàn.

“Thế đấy” Charlie đứng lên và phủi bụi khắp người.

“Còn vụ ông phù thủy đó, tụi mình làm sao đây?” Billy hỏi.

“Chẳng làm được gì, chỉ chờ thôi”

Charlie hầu như phải thức trọn đêm đó. Billy cứ khịt khịt và nói líu nhíu trong giấc ngủ, trong khi con chuột cứ kêu chít chít rất lạ, như bị kích động. Thỉnh thoảng Charlie cúi tiết kêu lên:

“Im đi, cả hai đứa bay!”

Và những vị khách của nó ngủ tiếp.

Sớm tinh mơ hôm sau, Charlie rón rén xuống lầu để ăn một tô cơm bắp ngâm sữa. Căn nhà và đường phố im lặng đến rợn người. Rembrandt “nói” đúng, có một mùi rất lạ quanh đây. Phải chăng mùi ma thuật hắc ám thì như vậy? Charlie thắc mắc hay là con chuột nâu kia đã mang vận xui cũng như yêu thuật xấu đến căn nhà này.

Khi ăn xong tô cơm bắp, Charlie mang một tách trà và một chiếc bánh quy lên phòng Ông cậu. Ông cậu Paton đang ngồi dựa vào một đồng gối và đệm cao nghệu. Trông ông vẫn trắng bệch như người chết, nhưng hình như đã có một chút sức sống le lói xuất hiện trở lại trên mái tóc xám của ông.

“Chào, nhóc,” Giọng Ông cậu Paton yếu ớt.

“Trông Ông cậu khá hơn rồi,” Charlie nói. “Hôm qua tóc Ông cậu... xám xịt tất cả.”

“Tro đấy,” Ông cậu Paton nói ồm ồm.

Ông sờ lên cổ họng:

“Không nói được nhiều.”

Charlie nhận thấy bóng đèn vẫn sáng. Thỉnh thoảng cái bóng chớp nháy, nhưng không có tiếng nổ nào như Ông cậu thường gây ra.

“Có khi Ông cậu mất... mất phép của ông lại tốt,” Charlie ngần ngừ. “Ừm, ý con là bởi vì giờ đây bóng đèn không còn nổ xung quanh Ông cậu nữa.”

“Nó xóa sạch tâm trí ta,” Ông cậu Paton thều thào. “Không phải chỉ trong một thoáng thôi. Ta nhận ra rằng bị mất phép thuật chẳng bao giờ là điều tốt cả. Một ít con người của ta cũng mất theo nó.”

“Con cũng nghĩ vậy?” Charlie nghiêm trang. “Ông cậu Paton, chuyện gì đã xảy ra với ông cậu vậy?”

Ông cậu nhắm mắt lại.

“Không thể nói được bây giờ, Charlie. Nếu may gặp cô Ingledew, bảo cô ấy... bảo cô ấy...”

“Dạ.” Charlie sốt sắng. “Bảo cô ấy cái gì?”

“Bảo cô ấy ta ước gì...” Ông cậu Paton lắc đầu. “Không, ta e là quá trễ rồi.”

“Quá trễ!”

Charlie hốt hoảng. Điều bộ của ông cậu Paton khiến nó sợ hãi.

“Ý ông cậu quá trễ là sao?”

“Không sao. Giờ ta muốn ở một mình, Charlie.”

Bất kỳ việc gì xảy ra với ông cậu, Charlie cũng sợ là có thể sẽ ảnh hưởng vĩnh viễn, hoặc làm chết người. Charlie lẳng lặng đóng cửa lại và trở về phòng nó. Billy đang ngồi trên mép giường của Charlie, với Rembrandt ở trên đùi.

“Em tưởng tất cả chỉ là một cơn ác mộng chứ.” Thằng bé nói, dụi mắt. “Nhưng đúng là có xảy ra thật phải không? Con chuột và thầy phù thủy ấy?”

“Anh sợ vậy.” Charlie rầu rầu.

“Anh nghĩ Skarpo sẽ làm gì nếu ông ta ở đây... hay ở nơi nào đó?”

“Mình chỉ còn cách đợi xem sao. Billy, em sẽ không nói với bất kỳ ai về chuyện này chứ?”

Billy lắc đầu.

“Em sẽ không nói về Skarpo, nhưng em nghĩ là họ đã biết chuyện anh đi vô bức tranh rồi. Có lần em đã nghe họ, lão Ezekiel và bà giám thị, nói chuyện về bức tranh đó. Họ nói, “Charlie sẽ vô chứ?” Lúc đó em không hiểu họ nói cái gì.

Charlie nhảy lên giường ngồi cạnh thằng bé bạch tạng.

“Anh biết em bị ép buộc phải làm do thám.” Charlie nói “Nhưng đã tới lúc em phải chọn phe rõ ràng, Billy, anh muốn biết bây giờ anh đã tin em được chưa?”

Billy ngừng đầu lên.

“Lão Ezekiel nói lão đã kiếm được những người rất tử tế làm cha mẹ em, nhưng đó là lời nói dối. Em sẽ không bao giờ tin lão nữa.”

“Gia đình Bloor nói dối đủ mọi thứ.” Charlie nói “Nhưng khi mọi chuyện kết thúc, anh chắc chắn sẽ có người muốn làm cha mẹ nuôi cho em.”

“Bà bếp trưởng bảo bà sẽ kiếm, nhưng khi nào mọi chuyện kết thúc đây?”

Charlie không chắc. Có lẽ nó muốn nói đó là khi Ollie Sparks được cứu thoát, và Bella (hay mẹ Yolanda) biến mất; khi ông cậu Paton trở lại chính mình, và Lyell, ba của Charlie, được kiếm thấy. Có thể nó muốn nói đến cuộc đấu tranh giữa những kẻ quyết hủy hoại cuộc sống một khi không có được điều chúng muốn, với những người không nhịn được, phải ra tay chặn chúng.

“Những người con của Vua Đỏ.” Charlie lẩm bẩm. “Đó là cuộc chiến tranh giữa tất cả chúng mình. Ý anh là khi cuộc chiến đó kết thúc.”

Billy có vẻ nghi ngờ.

“Có lẽ sẽ chẳng bao giờ kết thúc đâu. Hoặc là lâu, rất lâu. Em nghĩ mình có thể đợi lâu được; chừng một năm. Em không muốn lớn lên trước khi em có ba mẹ. Ước gì em có thể nhớ được ba mẹ của mình. Phải chỉ em biết được họ chết như thế nào. Không ai giải thích điều đó cho em.”

Charlie nghĩ về ba nó. Tất cả mọi người đều định ninh là ông đã chết. Nhưng Charlie biết họ nói dối. Ít ra Billy còn có 1 tấm hình của ba mẹ nó, Charlie thậm chí còn không có tấm nào.

“Có lần em đã cho anh coi hình ba mẹ em.” Charlie nói “Trông họ dễ mến lắm.”

“Phải.” Billy sâu nảo.

“Thôi, thay đồ đi.” Charlie bảo, với giọng tươi sáng hơn.

Chúng gặp cô Bone trong bếp, đang nấu hai phần điểm tâm đầy ụ.

“Tiếc là mẹ phải đi để các con ở lại một mình.” cô nói “Nhưng có rất nhiều đồ ăn trong tủ lạnh, mẹ sẽ trở về trước giờ ăn trưa. Ồn trời, Ông cậu Paton đã khá hơn rồi.”

Charlie không chắc như vậy về ông cậu Paton.

“Không hoàn toàn là tụi con ở nhà một mình đâu.”

Charlie nói khi một cánh cửa trên lầu sập cái rầm. Nội Bone đang đi tới lui.

Mẹ Charlie ngược nhìn lên trần nhà và nói:

“Con hiểu ý mẹ đây. Ăn sáng ngon miệng nha. Tạm biệt.”

Và rồi cô đi khỏi.

Lúc nội Bone xồng xộc lao vào bếp thì Charlie và Billy vừa ăn sáng xong. Billy đã lén giấu được một ít bánh mì nướng và thịt xông khói vô túi quần.

“Bỏ đói mày một chút thì đâu có tổn hại gì đâu,” bà nói, trừng mắt nhìn Charlie, “thấy món gì trước mắt là chén sạch món đấy mà.”

Suýt nữa thì Charlie bảo bà Hạt Đậu đã ăn món patê chứ không phải nó, nhưng nó nghĩ tốt hơn là thôi. Nó muốn có một kỳ nghỉ cuối tuần yên bình.

“Xin lỗi.” Nó lẩm bầm “Con lỡ mà. Tụi con ra công viên đây nội.”

Charlie mang đĩa ra bồn rửa chén để, nhưng khi quay lại thì thấy bà nội đang ban cho nó một nụ cười hiểm hoi.

“Không được.” Bà nói “Sắp có người quan trọng đến thăm chúng ta.”

“Ai vậy?” Charlie hỏi.

“Ai thì để mình tao biết.” bà nói. “Rửa ráy sạch sẽ và cư xử cho tử tế, nửa giờ nữa họ sẽ tới.”

Billy sợ sệt, len lén đem đĩa của nó ra bồn rửa.

“Rửa đi, nhóc.” Nội Bone quát.

Charlie chờ trong khi Billy ngoan ngoãn rửa đĩa của nó và xếp vô giá.

Trở lại phòng ngủ, Billy cho con chuột đói ăn, và bắt đầu âm ỉ với nó. Rembrandt kêu chít chít tiếp chuyện.

“Nó nói con chuột kia nên quay về nhà.” Billy bảo Charlie “Ở đây không tốt cho nó.”

“Cũng không tốt cho cả tụi mình.” Charlie nói. Nhưng cho là có kiếm được con chuột đó, thì anh cũng không biết phải đưa nó trở về bức tranh như thế nào. Chỉ có cách là anh phải tự đưa nó về, mà anh không muốn vô đó nữa. Anh không tin Skarpo. Có thể ông ấy sẽ làm anh không ra khỏi đó được nữa.

“Nếu ông ta còn ở đó.” Billy bảo.

“Còn mà.” Charlie tuyệt vọng. “Ý anh là nếu ông ấy thoát ra, thì bây giờ tụi mình phải biết rồi chứ. Ông ấy rất nguy hiểm. Toàn nhắm tới chuyện phá hoại thôi. Có lần ông ấy bảo với anh ông ấy chỉ thích ám sát, gây thương tật, hạ độc, đốt cháy, làm teo rút, và làm người ta phát điên lên.”

Billy há hoác ra, bật lên một tiếng “ôôôô” khiếp đảm.

Hai thằng bé thấp thỏm chờ đợi vị khách quan trọng của chúng tới. Thỉnh thoảng chúng nhóng xuống đường nhưng chẳng thấy vị khách cao to kỳ quái nào bước lên bậc cấp cả. Cũng chẳng có chiếc xe hơi sang trọng hay lòe loẹt nào dừng cả.

Và rồi, thỉnh lình Billy run bần bật và kêu lên:

“Kìa. Là lão ta.”

Charlie thấy một chiếc xe hơi đen trùi trùi, với những cửa kính màu khói lao tới, dừng phắt lại trước nhà. Nó nhận ra chiếc xe này ngay lập tức. Chiếc xe đã từng tới đây lần trước, khi Billy tới nhà nó. Charlie

chưa bao giờ thấy người khách trong xe, bởi kỳ trước, khi nó hé mắt nhìn vô, một cây ba toong dài đã thò ra cánh cửa mở vụt vô đầu gối nó... Đó là điều nó sẽ không bao giờ quên.

Một người đàn ông vẻ hung hãn, mặc comple đen chui ra khỏi ghế tài xế, đi vòng sang cửa bên kia xe. Một chiếc mũ đen che giấu cái đầu rụng sạch tóc của người tài xế, nhưng Charlie biết cái mũ bự, gương mặt đỏ gay và đôi mắt hí xếch này. Đó là gã Weedon, người làm vườn, hay người lo việc vặt.

Gã Weedon mở cửa rộng ra hết cỡ rồi chui vô trong xe. Sau một hồi loay hoay xốc vác, gã đứng lên với một đồng găm guốc trên cánh tay. Phần lớn cái đồng ấy bị khăn mền len che hết, nhưng Charlie vẫn còn trông thấy một khuôn mặt khô xác bên dưới chiếc mũ chòm đen, cùng 2 cái giò khẳng khiu trong đôi vớ trắng và dép lê nhưng đỏ xỏ ở bàn chân.

“Đúng là cái người anh nghĩ không?” Charlie hỏi.

Billy gật đầu khỏ sở.

“Lão Ezekiel đấy. Lão tới kiểm em.”

“Có thể không phải. Để chờ coi.”

Charlie vừa nói dứt lời thì một người thứ ba từ trong xe tòi ra, đóng tất cả các cửa lại rầm rầm, rồi đi theo gã Weedon cùng cái đồng của gã.

“Lẽ ra anh phải biết bà ta cũng tới.” Charlie lầm bầm khi thấy bà cô Lucretia bước lên bậc cấp.

“Charlie! Billy! Chúng bay ra đây.” Nội Bone hét.

Billy vội đặt Rembrandt vô trong hộp và theo Charlie xuống lầu. Nội Bone đang chờ chúng bên ngoài phòng khách.

“Vô đi bọn nhóc.Vô đi.” Nội Bone mỉm cười, như thể chúng vừa đoạt vé đi xem một trận đá banh vậy.

Charlie đi vô trước và thấy mình chạm mặt một lão già nhất mà mình từng thấy. Lão ngồi trong chiếc ghế bành lớn nhất, vẫn bọc trong tấm mền len. Khuôn mặt lão khô đét tới nỗi trông như cái đầu lâu, và mái tóc trắng thưa thớt rủ xuống vai như dải sấp. Miệng lão biến hẳn vô cái lỗ mũi dài, đầy mụn cóc, nhưng đôi mắt đen thui của lão lại ánh lên những tia sáng độc ác, đáng sợ.

“Charlie Bone... Rốt cuộc thì...”

Lão chìa bàn tay gân guốc, đầy toàn nốt với hột ra.

Charlie nhìn, tự hỏi liệu bàn tay này có ăn thịt sống không. Nó quyết định tốt hơn nên bắt bàn tay đó, nhưng nó chưa kịp làm gì, thì những ngón tay của nó đã bị nghiền chặt bởi cái gì đó giống như kìm ê – tô. Charlie vội rút tay lại, thở hắt ra đau đớn. Gã Weedon, ngồi trên chiếc ghế đầu bên cạnh lão, toét miệng cười lên một tiếng hiểm ác.

“Bọn ta biết Billy rồi.” lão Ezekiel khọt khẹt “Thật ra bọn ta biết nhau rất rõ là chẳng khác phải không Billy?”

Lão nhặt cây gậy dựa vô ghế của lão lên và vụt xuống sàn, ngay sát bàn chân của Billy.

Billy lặng thình gật đầu.

“Ngồi xuống, bọn nhóc.” Giọng lão Ezekiel hệt như tiếng cưa gỗ.

Charlie và Billy mó xuống chiếc ghế gần nhất và ngồi xuống, cả hai chỉ ghé mông vô cạnh ghế. Nội Bone ngồi bên bà cô Lucretia trên trường kỷ, và bà này nói:

“Thế, thế mới ngoan chứ.”

Charlie nghĩ, còn lâu.

“Nào.” lão Ezekiel xoa hai tay vô nhau. “Để bắt đầu, ta rất vui mừng thấy hai đứa chúng bay kết thân với nhau. Tất cả chúng ta sẽ làm việc với nhau chứ nhỉ? Càng nhiều người càng tốt. Đúng không?”

Charlie cộc lốc:

“Còn tùy.”

Lão Ezekiel nhăn mặt. Nội Bone và bà cô cùng thét lên:

“Láo xược! Cư xử đằng hoàng cho coi.”

“Mày sẽ không giống cha mày chứ?” Lão cao giọng và nhìn Charlie chăm chăm.

“Tao tin rằng mày đã nhận thấy tao không thể đi được. Mày có biết do ai không? Do thằng cha mày đấy, mẹ kiếp hắn. Hắn đã khiến tao thế này. Cho nên hắn đáng chết.”

Charlie nghiêng răng lại, điên tiết đến độ nó sợ sẽ làm cái gì bạo động. Nhưng thay vào đó nó chỉ lẩm bẩm:

“Ông ấy không chết.”

“Cái gì?” Lão tru tréo “Nó nói cái gì?”

“Tôi nói là ba tôi không chết.” Charlie gào tướng lên.

Đôi mắt đen thui của lão lóe lên. Lão dòm Charlie trừng trừng rồi rít lên những tiếng khô khốc.

“Chứng minh coi.” Lão cười khàn khạch.

Charlie chẳng nói gì.

“Hừ, không chứng minh được chứ gì?”

Lão đột nhiên bị một tràng ho túm chặt lấy. Nội Bone vội bật lên, bay đi lấy cho lão một tách trà. Trong lúc bà chạy đi, bà cô Lucretia mắng nhiếc Charlie:

“Mày ngu lắm, Charlie Bone. Tại sao mày không thấy điều phải quấy? Tại sao mày không làm điều đúng đắn?”

Charlie vẫn im re. Còn Billy ngồi nhích sâu hơn vô trong ghế.

Nội Bone quay lại với 3 tách trà và một đĩa bánh quy. Bà phân phát trà và bánh cho lão Ezekiel, cho bà cô Lucretia và cho gã Weedon, nhưng khi Charlie gơ tay về phía chiếc đĩa, bà cô Lucretia liền đập cho nó một cái thật mạnh.

“Úi.” Charlie rút bàn tay nhức nhối của mình lại.

Lão Ezekiel lè nhè:

“Á, chúng ta tuyệt đối không được đánh Charlie. Chúng ta muốn nó về phe chúng ta, đúng không nào?”

“Đôi lúc tôi tự hỏi liệu nó có xứng đáng để chúng ta tốn công thế không?” Nội Bone khụt khịt.

Charlie không nhin được, nó nói:

“Nếu các người muốn tôi về phe các người, thì các người nghĩ thiệt tức cười đó.”

Nội Bone nhướn cặp lông mày lên. Lão Ezekiel húp tách trà của lão, bà cô Lucretia khuấy tách trà của mình. Cuối cùng lão thủng thỉnh nói:

“Chúng ta không bao giờ có ý định làm hại mày, Charlie. Không làm hại mãi mãi. Chúng ta chỉ cần dạy mày một bài học, lúc này hay lúc khác. Mày cần phải được chỉ đường lối.”

“Đường lối gì?” Charlie hỏi.

Lão Ezekiel lắc đầu:

“Ta muốn tất cả chúng ta cùng một phe, Charlie. Nghĩ coi chúng ta hùng mạnh thế nào. Tất cả bọn trẻ có phép thuật tụi bay – những người con của Vua Đỏ. Nghĩ coi mày có thể làm gì. Billy nó hiểu đó, phải không Billy?”

Thằng bé ngo ngoáy trên ghế.

“Billy là một thằng bé ngoan.” Nội Bone phụ họa. “Billy làm những gì nó được bảo. Nó không phá luật.”

“Luật với lệ.” Charlie nói “Ba tôi đã phá luật và các người làm những điều tôi tệ với ông ấy. Ông cậu Paton đi tới chỗ các người không muốn ông ấy tới, và giờ ông bị... hủy hoại. Như vậy là không công bằng.”

Gã Weedon bỗng chồm thân mình ra phía trước.

“Tất cả đều công bằng trong chiến tranh và tình yêu.” Gã tuyên bố bằng giọng trịch thượng.

Ba người lớn kia nhìn gã ngạc nhiên, Charlie bỗng có cảm giác khó chịu rằng, trong tất cả người lớn trong phòng này, gã Weedon là kẻ đáng sợ nhất.

Lão Ezekiel buông một hơi thở dài, giận sôi sùng sục.

“Ta mệt mỏi với điều đó lắm rồi, ta không thích tranh cãi với bọn con nít ranh. Cư xử cho đàng hoàng coi, Charlie Bone. Mày biết tao có thể làm gì với kẻ chống đối mà.”

Charlie đang vắt óc nghĩ ra một đối đáp thông minh, thì con chuột thành linh xuất hiện trên bệ lò sưởi. Tất cả mọi người nhìn con chuột quỳnh quáng chạy quanh giá đỡ đèn cây và những đồ trang trí bằng gốm sứ. Và rồi, nó đứng nhõng lên hai chân sau, kéo cái đồng hồ treo tường và kêu chít chít.

Nội Bone và bà cô Lucretia vừa hét toáng lên thì lão Ezekiel gào:

“Nó nói cái gì, Billy? Nói cho chúng ta biết.”

“Nó nói nó bị lạc đường.”

Billy dịch, mặc dù thật ra con chuột nói rằng Tôi lú cả lên vì lo lắng. Tôi đang ở đâu thế này? Tôi không hiểu tại sao tôi lại ở đây?”

Billy định nói gì trấn an con chuột bé nhỏ, thì gã Weedon chợt vượt nón ra và phang bộp xuống con vật bé nhỏ.

“Bắt được đồ chui nhủi rồi.” Gã nói.

Charlie và Billy kinh hoàng nhìn người đàn ông to lớn giở nón lên, và thò tay chụp lấy đầu con chuột, nhưng thành linh, gã rống lên, thấy cả nón lẫn chuột.

“Nó cắn tôi.” Gã rên rỉ.

Charlie thì thầm với Billy:

“Thế nào cũng bị dịch hạch.”

Con chuột nhảy ra khỏi cái nón và chạy vào trong gầm trường kỷ.

“Đưa ta ra khỏi đây.” Lão Ezekiel rống inh tai. “Weedon, dẹp con chuột quái quỷ đó đi. Billy, lấy túi sách rồi đi về cùng ta.”

“Nhưng cháu đang nghỉ cuối tuần với Charlie.” Billy thất kinh “Cháu không muốn về lại học viện Bloor.”

“Cấm cãi.” Lão Ezekiel thét “Thằng bé đó gây ảnh hưởng rất xấu. Đi lấy giỏ sách mau.”

Billy vịn vẹo ra khỏi ghế rời khỏi phòng, vẻ mặt rất đau khổ.

“Vậy là bắt công.” Charlie phản đối. “Cuối tuần nào Billy cũng phải ở một mình rồi mà.”

“Bắt công, bắt công!” Nội Bone nhắc lại “Không có gì là công bằng với mày sao?”

“Không.”

Charlie kinh tởm tất cả những người này đến nỗi nó ùng ùng ra khỏi phòng, và gầm gừ trong họng:

“Và không công bằng khi nhốt giữ một thằng bé vô hình.”

“Mày nói gì thế, thằng hỗn láo kia.” Bà nội nó thét lên.

Billy đi xuống lầu, xách theo cái cặp và Rembrandt ở trong hộp. Charlie đang định khuyên nó giấu cái hộp đi, thì gã Weedon xông ra khỏi phòng khách, ầm theo lão già.

“Cái gì trong đó hả?” Lão Ezekiel the thé, gõ gõ cái hộp bằng cái ba toong.

“Ừ... Một... Một con chuột.” Billy hoảng vía đến độ không dám nói xạo.

“Hả? Vứt nó đi.”

“Nhưng nó là một người bạn.” Billy nói yếu ớt.

“Nó không được vô nhà tao.” Lão Ezekiel tuyên bố.

“Nhưng nó là con chuột của thầy Boldova.” Billy nói, càng làm tình thế tồi tệ thêm cho mình. “Bây giờ, vì thầy đi rồi, không có ai chăm sóc nó.”

Nội Bone và cô Lucretia vừa ra tới hành lang, cả hai cùng la bai bai:

“Trong nhà?”

“Con chuột?”

“Giết nó đi.”

Nước mắt Billy bắt đầu tuôn trào.

“Các người không... không thể...” Nó khóc nức lên.

“Để anh chăm sóc nó cho.” Charlie thét lên, chụp lấy cái hộp “Đừng lo, Billy.”

“Mày đừng hòng.” Nội Bone gầm vang. “Tao sẽ không cho phép nó trong nhà. Weedon, đập bẹp đầu nó đi.”

Nhưng hai tay gã đang đầy một đồng Ezekiel, và trước khi bất kỳ ai kịp động đậy, Charlie đã mở cửa trước.

“Tạm biệt, Billy.” Nó thét lớn khi lao xuống những bậc cấp. “Anh mang Rembrandt đến nơi nó được an toàn.”

“Quay lại.” Nội Bone réo gọi.

“Thằng bé đó mất dạy quá.” Bà cô Lucretia oang oác.

“Không lâu đâu.” lão Ezekiel nói.

Charlie không nghe thấy câu nói này của lão. Nó chạy hết đường Filbert, ào vô nội ô thành phố, và chỉ dừng lại một lần để nhìn vô cái hộp. Rembrandt trở mắt nhìn ra, hải hùng, mũi nó giần giật liên hồi, ít nhất một trăm lần một giây.

“Xin lỗi Rem.” Charlie thở hồng hộc. “Tao ghét phải làm như vậy với mày, nhưng ở lại thì mày còn lâu mới có cơ may sống sót.”

Nó chạy qua hẻm con ếch và chạy thực mạng qua con hẻm dẫn đến quán Cà Phê Thú Kiểng.

“Chào cậu. Trông cậu hụt hơi rồi.” Norton, người bảo kê nói khi Charlie chạy ào qua cửa.

Nó giơ cái hộp lên:

“Chuột... Nó đang gặp nguy hiểm.”

“Orvil ở trong bếp.” Ông Norton đáp “Cứ ra sau quây.”

Nhảy phắt qua một cái chuồng chim và hai con chó chồn, Charlie hấp tấp quành qua quây và xuyên qua cửa sau. Ông và bà Onymous đang uống trà bên bàn bếp dài. Vài cái nồi đang sôi sùng sục trên bếp lò, cả hai đều đỏ phừng phừng.

“Ủa, chẳng phải Charlie sao?”

Ông Onymous vừa nói, vừa chạm mặt bằng một chiếc khăn tay đỏ.

“Ngồi xuống đây, bạn của ta, và làm một tách trà nhé.”

“Cám ơn, nhưng cháu đang vội.” Charlie nói.

Một tiếng sủa vui mừng và con Hạt Đậu từ dưới gầm bàn vọt lên. Charlie đặt cái hộp lên bàn, để kệ cho con chó liếm mặt mình, trong khi tay nó vò vò cái đầu lờm xờm của con chó. Lúc nó nhìn quanh thì đã thấy Rembrandt đang ngồi bên tách trà của bà Onymous.

“Ôi, ngạc nhiên thú vị làm sao.” bà nói “Con chuột đẹp quá.”

Hạt Đậu gừ gừ, Charlie yêu cầu nó yên lặng được không, bởi con chuột đang hoảng hồn lên kia kìa.

“Cháu mang nó tới đây chứ không nội Bone giết nó rồi.” Charlie giải thích “Cháu nghĩ nó sẽ an toàn khi ở với ông bà. Bà vui lòng chăm sóc nó được không, thưa bà Onymous?”

“Tốt hơn cậu nên kể cho chúng tôi nghe đầu đuôi sự việc đi, cậu Charlie.” Ông Onymous nói.

“Và ăn chút bánh trong khi kể.” bà Onymous thêm “Ngồi xuống đi, Charlie. Cứ tự nhiên như ở nhà nhé.”

Charlie tính không ở lại. Nó lo là mẹ nó đi làm về sẽ thấy nội Bone đang nổi giận xung thiên. Nhưng mùi bánh mới nướng và nụ cười đón mời của ông bà Onymous thật khó chối từ. Vì vậy nó ngồi vô bàn, giữa hai người và liên tục nhai nhóp nhép một khoanh bánh sô-cô-la thật to, trong lúc kể lại cho 2 người bạn lớn nghe về Ollie Sparks, về con trăn xanh da trời, và về tình trạng cô đơn vô hình của Ollie rồi cuối cùng là cảnh tượng khủng khiếp với lão Ezekiel và Billy tội nghiệp.

“Billy muốn giữ con chuột,” Charlie nói, nhón một mẩu bánh cho Rembrandt ăn. “Nó là một người bạn, ông bà thấy đấy. Nó có thể hiểu Billy nói gì. Nhưng lão già độc ác ấy nhất định không cho. Nội Bone bảo gã Weedon đập dập đầu nó.”

“Tội nghiệp con vật,” Bà Onymous ôm ngực “Lại đây với ta nào, cưng.”

Rembrandt phóng khỏi đĩa và đáp xuống đùi bà Onymous. Rõ ràng, Billy không phải người duy nhất con chuột hiểu được.

“Cậu bảo Ông cậu của cậu bị một căn bệnh bí hiểm...” Ông Onymous nói. Ông vốn kính trọng ông cậu Paton Yewbeam.

“Và cậu không biết điều gì gây nên căn bệnh lạ lùng này?”

“Cháu chỉ biết Ông cậu đã gặp ai đó trong lâu đài Yewbeam.” Charlie nói “Và người này đã làm gì đó với ông cậu.”

Ông bà Onymous nhìn Charlie đăm đăm, cả hai đều kinh ngạc.

“Đó là một nơi kinh khủng.” cuối cùng ông Onymous nói.

“Ông bà đã tới đó bao giờ chưa?”

“Không bao giờ,” Ông Onymous lắc đầu “Ngựa điên, ngựa hoang cũng không kéo được ta vào đó. Đó là nơi quái quỷ, Charlie. Ông cậu cậu may mắn lắm mới sống sót.”

“Nhưng có lẽ ông ấy không còn sức sống nữa,” Charlie nói, đầy sợ hãi.

“Chúng ta phải sống trong hy vọng, cháu à,” bà Onymous nói, trông bà tràn trề hy vọng.

13. Chương 13

CÂY GẬY PHÉP

Trên đường trở về nhà, Charlie ghé vô tiệm sách. Emma ngồi sau quầy trông tiệm, trong khi dì nó lo bao sách ở nhà sau.

“Nói với cô Ingledew là Ông cậu đã về nhé,” Charlie nói, “Nhưng trông Ông cậu không được khỏe.”

“Có chuyện gì với ông cậu vậy?” Emma hỏi.

“Khó giải thích lắm. Nhưng rất nặng, Emma à. Mình sợ là ông cậu sẽ không bao giờ bình phục... không bao giờ nữa.”

“Tại sao vậy?” Emma hỏi, nhú mày lo âu. “Chuyện xảy ra như thế nào? Có phải do một con bọ bí hiểm hay gì đó không?”

“Không thể nói được. Mình đi đây. Lúc trước mình ghé đây có chút chuyện rắc rối.”

Charlie biến lẹ, để lại Emma chẳng hiểu gì.

Một bầu không khí yên lặng không yên ả chút nào bên trong căn nhà số 9.

Billy rõ ràng đã bị điệu cổ về học viện Bloor. Không có tăm hơi gì của nội Bone. Đã đến giờ ăn trưa nên Charlie tự lấy đồ trong tủ lạnh ra. Nó nhặt tất cả pho mát, dưa leo, xúc xích mặn và bơ đậu phộng vô giữa hai miếng bánh mì dày. Nó vừa tính ngồi xuống bàn ăn thì chợt nhớ ra Ông cậu, bèn làm theo một ổ bánh mì kẹp khác, y hệt, rồi để cả hai lên một cái khay, cùng một ly nước.

“Vô đi, vô đi!”

Ông cậu Paton bảo, ngay tức khắc, khi Charlie gõ cửa.

“Lạy trời, đồ tiếp tế.”

Ông cậu Paton kêu lên khi thấy cái khay. Ông nhắc mình lên khỏi gối và vỗ vỗ xuống giường.

Charlie đặt cái khay trước mặt Ông cậu. Nó rất vui khi thấy ông đã thay bộ đồ ngủ, như vậy có nghĩa là ông đã xoay sở tắm được, mặc dù vẫn còn cái mùi kỳ kỳ trong phòng.

“Mùi vớ chấy đấy!” Ông cậu bảo khi nhận thấy mũi Charlie kín đáo chun chun lại.

“Ông cậu à, chuyện gì xảy ra vậy?” Charlie hỏi. “Bây giờ ông cậu có thể kể được chưa?”

Ông cậu hớp một ngụm nước dài, súc miệng ầm ĩ và nói:

“Ừm, mày cần phải biết một chút quá khứ của gia đình ta, Charlie. Mọi sự bắt đầu khi ta bảy tuổi. Mày có nhớ là ta đã phát hiện mình có phép thuật đúng vào lần sinh nhật thứ bảy không?”

Charlie gật đầu, nhắc lại:

“Đèn điện nổ tung, tất cả bọn trẻ chạy về nhà, Ông cậu đã ăn tất cả kem của bọn trẻ và bị bệnh.”

“Nhớ tốt đấy,” Ông cậu Paton bình phẩm. “Ừm, ngay sau đó tất cả nhà ta đi thăm bà cô, bà Yolanda, ở lâu đài Yewbeam.”

Charlie chờ, nín thở. Trong khi ông cậu mát xa cái cổ họng của mình.

“Mẹ của ta là người Pháp.” Ông cậu Paton nói “một phụ nữ rất đẹp. Bà là diễn viên, nhưng khi cưới cha ta, bà nhận ra mình rất yêu con nít. Cho nên bà sinh năm người con và từ giã sân khấu. Bà rất tự hào về tài phép của ta. Bên dòng họ của bà có một vài người ‘có tài lạ’.”

“Bà kể cho Yolanda nghe về ta ngay buổi tối đầu tiên nhà ta tới lâu đài. Chúng ta đang ăn tối trong một căn phòng dài và tối ở tầng trệt. Tất cả có 8 người của gia đình ta, kể cả Lyell, cha của mày, lúc đó 2 tuổi. Ông nội của mày là phi công, bị chết khi máy bay đâm xuống sa mạc. Hừ, mẹ của ta lúc đó hân hoan nói: ‘Đoán được gì chưa, bà Yolanda, Paton có phép thuật đó’. Ta còn nhớ như in vẻ mặt bà Yolanda lúc đó. Cái cách con mắt bà ấy sáng lên.”

Ông cậu Paton cắn một miếng bánh mì.

“Và rồi chị của ta, Venetia, lúc đó 12 tuổi nói: ‘Giống như con, giống như chị Eustacia, chị ấy có tài tiên đoán. Nhưng chị Lucretia và chị Grizelda không có phép thuật, tội nghiệp.’ Hai người chị lớn ấy rất buồn rầu, như mày có thể tưởng tượng được, nhưng chị Grizelda bảo: ‘Biết đâu đấy, một ngày nào đó bé Lyell sẽ có phép thuật.’”

“Bà Yolanda nhìn hau háu bọn ta khắp lượt. Trông bà ta như một con thú đói săn mồi.”

Ông cậu Paton dừng lại và cắn thêm miếng bánh mì nữa.

“Ủm cái này ngon khác thường.” Ông khen “Mày kẹp gì trong đó đó?”

“Con quên rồi. Ông kể tiếp đi, Ông cậu Paton.” Charlie nài nỉ.

Trông đột nhiên Ông cậu căng thẳng hẳn lên.

“Lâu đài Yewbeam là một nơi khủng khiếp. Nó được xây bằng một tảng đá mà hình như có sức thu hút màn đêm. Nó xám xịt, cả bên trong lẫn bên ngoài. Và đến bây giờ nó vẫn chưa bắt điện. Những cầu thang hẹp, dốc và tối om. Đúng ngày thứ 2 thì mẹ ta bị té và gãy cổ.”

Ông cậu Paton nhăn mặt đau đớn và lại xoa bóp cái cổ mình.

“Tất cả chúng ta đều ở trong vườn, nếu mày có thể gọi đó là vườn. Nó chỉ là một cánh đồng cỏ dại mọc cao mấp mé bức tường lâu đài. Ta nghe tiếng mẹ ta thét lên, nhưng cha ta là người tới chỗ bà trước tiên... Bà nằm sõng sượt dưới chân một cầu thang rộng... dẫn ra tiền sảnh. Ta nghe bà trần trối ‘Đừng để mẹ ta...’ rồi bà qua đời.”

Ông cậu Paton rút chiếc khăn ở dưới gối và hỉ mũi inh ỏi.

“Bà Yolanda đã xô bà cố té, đúng không?” Charlie nói nghiêm trang.

Ông cậu Paton thở dài thật lớn.

“Ta chắc chắn như vậy. Nhưng ai có thể chứng minh được nào? Ngoài ra các chị ta bị bà ta yểm bùa rồi. Họ sẽ không nghe được một lời nào chống lại bà ta cả. Đúng ra, họ thậm chí không rời khỏi lâu đài sau khi mẹ ta mất. Mẹ Yolanda cũng cố giữ ta. Mẹ van nài, giãy giụa, la hét và ném đồ đạc. Mẹ biến thành con chó điên, con dơi, con rắn... mẹ ta là kẻ biến hình mà, mày biết đấy. Mẹ cố thôi miên cha ta, nhưng ông đã trốn thoát được cùng ta. Kể từ đó ông không bao giờ rời mắt khỏi ta, cho đến khi ông chắc là ta có thể tự lo cho mình.”

“Ông cậu đã đến lâu đài Yewbeam để ngăn mẹ ta đừng tới đây, đúng không?” Charlie hỏi.

Ông cậu gật đầu.

“Ta nghe các bà chị ta bàn luận vào đêm trước khi ta đi. Vì vậy ta quyết định đến thăm mẹ Yolanda một chuyến. Nhưng ta đã quá trễ. Mẹ không có ở đó...”

“Ông cậu Paton,” Charlie ngắt ngang, “Mẹ ta đang ở đây.”

“Hả?”

Ông cậu Paton thả mình chìm xuống đồng gối.

“Ta đã sợ thế mà. Vậy, mẹ ta... Mẹ ta mang hình dạng gì?”

“Một nữ sinh, rất đẹp. Nhưng mắt cứ đổi màu liên tục, như chúng không nhớ chúng mang màu gì ấy. Ngay từ đầu con đã nghĩ có cái gì đó không xong. Bà ấy sống cùng mấy bà cô ở gác tối. Nhưng mà ông cậu à, lần này vì sao bà ta tới đây?”

“Ta tình cờ nghe lỏm được cuộc chuyện trò giữa mấy bà chị ta.” Ông cậu Paton nói “Ta đang ở trong nhà bếp dùng bữa khuya thì họ tới. Ta không ưa mấy chuyện tào lao của mấy bà, nên ta tránh vô kho chứa thực phẩm. Không được đăng hoàng cho lắm, nhưng hên là họ chỉ uống một tách trà. Họ bàn tán chuyện mẹ Yolanda rồi đi khỏi, rồi vô phòng khách. Từ những chuyện ta ráp lại được, thì mẹ Yolanda đã biến hình để giúp lão Ezekiel già... trong một kế hoạch tàng hình gian tà gì đó.”

Charlie há hốc miệng.

“Con trần!” Nó bật kêu lên “Lão Ezekiel có một con trần màu xanh da trời, nó có thể làm mọi thứ trở nên vô hình. Lão đã làm như vậy với một thằng bé tên Ollie Sparks.”

“Chà chà, coi bộ hiện thời đó mới chỉ là vé-một-chiều. Mày có đi mà không có về, mày hiểu ý tao chớ? Nhưng lão Ezekiel lại thích vé 2 chiều kia, lý thường tình mà. Khổ một nỗi, lão chỉ là một phù thủy kém tài và lão không làm được điều đó.”

“Vậy là lão thí nghiệm trên Ollie,” Charlie lẩm bẩm. “Thằng bé bị nhốt trên gác mái.”

“Ui trời, rồi cái gì tiếp theo đây?” Ông cậu Paton thở dài.

Charlie vẫn nôn nóng muốn biết về chuyến đi thăm lâu đài của ông cậu.

“Ông cậu à, chuyện gì xảy ra vậy?” Nó nói nhẹ nhàng “Tại sao Ông cậu bị mất phép thuật?”

Ông cậu nhắm mắt lại, gương mặt như đông chặt lại, vô hồn và đăm chiêu. Tuy nhiên, hình như ông không thể nào nói nổi về biến cố ông vừa trải qua. Quá kinh khủng, không thể kể ra.

Chuông cửa reng.

Nội Bone chắc hẳn vẫn ở nhà từ nãy giờ, bởi vì cửa trước mở và Charlie nghe thấy tiếng chân bà.

“Không ai tiếp mấy người đâu. Làm ơn đi đi.”

Charlie mở cửa sổ và ngó xuống mấy bậc cấp.

“Cô Ingledew,” Nó bảo với Ông cậu Paton.

“Và Emma. Chào Emma.” Nó gọi.

“Julia?” Ông cậu Paton mở bừng mắt. “Vậy là cô ấy muốn thăm ta?”

“Chào,” Emma đáp lại, hướng lên trên và vẫy vẫy một bó hoa hồng.

Cô Ingledew hướng lên.

“Chào cháu, Charlie. Cô tới để...”

Nội Bone lập tức chặn lời cô. Bà ta bước ra khỏi nhà và hét lên:

“Ta bảo mấy người đi đi.”

“Nhưng tôi đến thăm Paton Yewbeam. Tôi nghe nói anh ấy không được khỏe.”

Cô Ingledew giơ lên một túi giấy màu vàng.

“Chúng tôi mua hoa và chuối. Chúng rất tốt cho...”

“Bọn ta có chuối rồi,” Nội Bone quạc lại, tiến về những vị khách không được đón tiếp.

“Paton bệnh nặng lắm. Không thể tiếp khách được.”

“Không phải.” Charlie hét lên.

“Im ngay!”

Nội Bone ngược lên quát Charlie, trong khi cô Ingledew và Emma bị ép bước xuống những bậc cấp, lết xuống vỉa hè.

“Thiệt tình, thưa bà Bone,” cô Julia khấn khoản “Tôi đảm bảo không làm hại Paton đâu. Tôi lo lắng cho anh ấy. Bà không hiểu sao?”

Mặt ông cậu Paton chuyển từ trắng sang hồng, rồi lại trở về trắng khi ông cố gắng ra khỏi giường.

“Julia,” Ông nói gần như không thở nổi. “Đừng để cô ấy đi, Charlie.”

“Đừng có theo đuổi em trai ta,” nội Bone đi theo Ingledew xuống những bậc cấp. “Ở đây không ai muốn tiếp mấy người đâu.”

“Tôi không theo đuổi ông ấy. Trong đời mình, tôi chưa theo đuổi ai cả.”

Rõ ràng là bị xúc phạm bởi lời bóng gió của nội Bone, cô Ingledew quay ngoắt mái đầu màu hạt dẻ xám đi, và kiêu hãnh bước khỏi con đường. Emma ríu rít vẫy Charlie rồi chạy theo cô.

“Cô ấy đi rồi à?” Ông cậu rên rĩ.

“Con e là vậy,” Charlie bảo. “Con nghĩ nội Bone đã xúc phạm cô ấy.”

Ông cậu Paton gục đầu vô hai bàn tay.

“Ta mất hết rồi.” Ông rên rỉ. “Có lẽ ta cũng sẽ chết.”

“Ông cậu đừng nói thế.”

Charlie không thể chịu nổi ông cậu vốn hùng dũng của nó giờ rơi vô tình trạng tội nghiệp như thế.

“Để con đi và cố kéo cô ấy trở lại,” Nó nói.

Nội Bone gặp Charlie ở trong hành lang.

“Mày đi đâu đó hả?” Bà sẵn sảo hỏi.

“Ra ngoài.” Charlie đáp.

“Ra ngoài cái gì mà ra. Mày còn phải học bài. Mày có nhiều bài kiểm tra vào thứ Hai. Nhiều lắm. Lên lầu và lấy sách vở ra. Ngay lập tức!”

Charlie suýt nổ tung vì phẫn nộ.

“Sao bà có thể làm như thế với ông cậu Paton?” Nó chất vấn. “Ông cậu thiết tình muốn gặp cô Ingledew mà.”

“Người phụ nữ đó không tốt cho hần.” Nội Bone bảo. “Nếu mày không đi học bài ngay bây giờ, tao sẽ bảo họ cấm túc mày thứ Bảy tới. Thật ra thì, sau hành động tồi bại của mày sáng nay, tao sẽ ngạc nhiên nếu mày không bị cấm túc.”

“Con... bà thật là...”

Charlie khó nhọc kiềm chế mình, và vội chạy trở lên phòng nó ngay, trước khi lỡ nói gì đó vô lễ với bà nó để đến nỗi sẽ bị cấm túc suốt năm tới.

Liên mấy tiếng đồng hồ, Charlie đánh vật với những ngày tháng năm lịch sử, với những địa danh, với ngữ pháp tiếng anh, với động từ tiếng Pháp. Nó bắt đầu nhức đầu và chợt nhận ra mình đang quên bài học nhiều hơn là nhớ chúng. Thình thoảng nó ngó ra cửa sổ, ao ước thấy Benjamin và Hạt Đậu chạy băng qua đường. Nhưng chẳng có gương mặt thân ái nào xuất hiện, cũng chẳng có sự kiện thú vị nào diễn ra, để phá vỡ nỗi buồn tẻ trong buổi chiều khủng khiếp này của Charlie... Cho đến khi nó ngó thấy cây gậy phép.

Cây gậy nằm dưới gầm giường, hứng một tia nắng mặt trời nhợt nhạt. Charlie lượm nó lên. Cây gậy mang lại cảm giác ấm áp và mượt mà. Thật dễ chịu khi chạm vào nó, giống như thưởng thức một món ăn cực kỳ ngon hoặc nằm trên một chiếc giường nệm lông chim thật êm.

Charlie chợt nảy ra một ý. Thầy phù thủy Skarpo đã lấy cắp cái gậy phép này từ một pháp sư xứ Wales, cho nên, vội vã lấy đi cuốn từ điển xứ Wales mà Ông cậu đã đưa cho nó, Charlie tra từ “Hãy giúp tôi”. Nó kiểm chữ “helpu fi” và nhớ ra: “u” được đọc thành “i”, và “f” được đọc thành “v”.

Charlie ngồi xuống bên bàn, đặt gậy phép lên trên đùi, chăm chú dò một cột động từ tiếng Pháp và những từ tiếng anh tương đương.

“Hãy giúp tôi!” Nó lẩm bẩm “Hãy giúp tôi! Hãy giúp tôi!”

Mất một hồi, chẳng có gì xảy ra cả, và rồi Charlie có một cảm giác rất kỳ dị. Cứ như từ “Ngó đi” được thì thầm thẳng vào não nó vậy. Nó siết chặt cây gậy phép trong tay và ngó những từ trước mặt. Vài phút sau, nó tự kiểm tra lại. Điều kỳ lạ làm sao, nó đọc được tất cả những từ trước mặt.

Charlie sung sướng đến nỗi nó lao vô phòng Ông cậu Paton mà không gõ cửa.

Mắt ông cậu nhắm nghiền, nhưng mặt ông méo xệch đi vì một vết nhúu mày sâu kinh khủng. Charlie đã quên bằng chuyển viếng thăm không may mắn của cô Ingledew.

“Xin lỗi, con quấy rầy Ông cậu,” Charlie khẽ nói bằng giọng cấp bách. “Nhưng có một điều diệu kỳ vừa xảy ra.”

“Cái gì?” Ông cậu Paton thều thào.

“Ông cậu biết đấy, Ông cậu mang theo gậy phép đến lâu đài và nó bị một cái gì đó thiêu cháy. Nhưng rồi không hiểu vì sao nó lại trở lại bình thường, giờ thì tốt hết như mới vậy. Và con đã thử dùng nó để học bài tiếng Pháp thì... tuyệt vời... nó có tác dụng!”

Mắt Ông cậu Paton mở ra. Ông ngó Charlie vẻ chăm chú rồi hướng mắt về phía cây gậy.

“Kỳ lạ,” Ông lẩm bẩm. “Kỳ lạ quá!”

“Con biết nói thế này thì nghe ngớ ngẩn, nhưng Ông cậu có nghĩ là cây gậy này đúng là của con không?” Charlie hỏi.

“Sao lại thế được, hả nhóc? Mà lấy nó từ bức tranh cổ cơ mà.”

“Dạ, nhưng mà...” Charlie miễn cưỡng kể chuyện Skarpo đã từ chối nhận lại cây gậy phép. Ông cậu Paton đã cảnh cáo nó, hơn một lần, rằng không được đi vô bức tranh nữa.

Ông cậu Paton giờ đang ngó trân trối vô đôi bàn chân Charlie, và Charlie có cảm giác nó biết chính xác ông cậu đang nhìn gì. Nó đã quên đóng cửa phòng, và cái đó vừa lên vô. Đúng rồi nó đây này, bên cạnh bàn chân trái của Charlie, và bắt đầu kêu chút lên.

“Con chuột này thật độc ác,” Ông cậu Paton nhận xét. “Ta luôn biết trong nhà này có chuột, nhưng con này trông già khác thường. Ta không biết vì sao.”

“Đúng là nó rất già,” Charlie thú nhận.

Ông cậu Paton ngó thẳng cháu đầy nghi ngờ.

“Nói rõ coi.”

Charlie giải thích, theo cách tốt nhất nó có thể, chuyện nó đã bước một bước, chỉ một phần mười bước, vô bức tranh Skarpo như thế nào.

“Con làm điều đó vì ông, Ông cậu à,” nó phân bua. “Con nghĩ ông ta chắc có cái gì cứu được Ông cậu. Lúc đó ông ấy nói cây gậy phép thuộc về con. Ông ấy muốn gặp Ông cậu, nhưng con không cho ông ấy gặp. Nhưng ông cậu thấy đấy, con đã ra được rồi, nhưng con chuột ở trong túi ông ấy cũng ra theo cùng con luôn.”

“Cái gì?” Đầu ông cậu Paton rớt tòm xuống gối. “Thế thì thầy phù thủy cũng ra luôn rồi!”

“Có lẽ không đâu.” Charlie nói, đầy hy vọng. “Ý con là nếu ông ấy có ra, thì đến giờ này ông ấy đã phá hoại cái gì đó rồi, phải không?”

“Nếu con chuột ra được thì lão ấy cũng ra rồi, đồ ngu.” Ông cậu Paton sẵng giọng quát.

“Nhưng ông ấy vẫn còn ở trong bức tranh mà.”

“Đó là hình ảnh của lão. Nguyên khí của lão, con người sống và thở của lão, cùng với tất cả tà thuật, tính tàn ác, và thói thích gây phẫn nộ cho người khác đã RA NGOÀI.”

Sau một hồi nhũn nhặn im lặng, Charlie nói:

“Vậy thì, mình phải làm gì với con chuột này?”

Con chuột chạy xuống gầm giường.

“Nó không thành vấn đề,” Ông cậu Paton rên rỉ. “Mày đã làm gì thế hả, Charlie? Ta tưởng cuộc đời không thể tệ hơn được nữa chứ. Thế mà bây giờ, ta nằm mẹp ở đây, tàn tật trong khi thằng cha ấy tự do tung hoành.”

Ông cậu nhắm mắt lại.

Charlie chán chán còn muốn đề cập đến cây gậy phép, như rõ ràng ông cậu muốn nó rời khỏi phòng thì hơn.

“Con xin lỗi.” Charlie lì xì.

Nó rón rén đi ra, đóng cửa, để lại ông cậu và có lẽ, con chuột trong phòng.

Cô Amy Bone đi làm về. Charlie nghe thấy tiếng mẹ đang dọn bàn ăn tối. Nó chạy xuống nhà bếp.

“Billy đâu?” Mẹ nó hỏi.

Charlie kể cho mẹ về chuyến viếng thăm của Ezekiel.

“Tội nghiệp thằng bé,” Mẹ nó nói. “Chắc nó cô đơn lắm. Phải làm cái gì chứ. Mẹ chắc chắn ai đó sẽ nhận nuôi nó. Một thằng nhỏ dễ thương mà.”

“Gia đình Bloor sẽ không bao giờ để nó đi,” Charlie công phần “Họ thích sở hữu người khác.”

“Thì họ thế mà,” Mẹ nó nhỏ nhẹ. “Con mang cho Ông cậu một tách trà nhé, Charlie.”

“Ừm... Con nghĩ là không nên.”

“Sao vậy?”

“Ông cậu và con...ừm, con nghĩ Ông cậu đang bực con.”

Theo quan điểm của Charlie, thì một trong những điều hay ở mẹ nó, là không bao giờ trách mắng nó về những cuộc cãi cọ với những thành viên trong gia đình.

“Ôi, hừ,” Cô thở dài. “Để mẹ làm vậy.”

Cô đặt tách trà và vài cái bánh quy vào một cái khay rồi mang lên lầu. Vài phút sau cô trở lại, trông vẻ rất lo lắng.

“Mẹ thực sự lo cho ông cậu của con.” Cô bảo Charlie. “Ông cứ nằm bẹp ra đó, xám ngắt và đau bệnh, lại sâu mụn nữa. Có chuyện gì với ông vậy?”

“Ông cậu đã tới lâu đài Yewbeam.” Charlie nói.

Mẹ nó thở gấp.

“Nơi bà Yolanda khủng khiếp sống hả? Bà ta làm gì Ông cậu Paton?”

“Không phải bà ta, có cái gì khác nữa, nhưng Ông cậu không nói ra. Bà Yolanda đang ở đây. Bà ấy đang sống với mấy bà cô, có điều bà ấy không già, mà trông như cỡ tuổi con. Con nhỏ đã đến đây 1 lần khi mẹ đi làm. Tên nó là Bella.”

Cô Bone vỗ một bàn tay lên trán.

“Tránh xa bà ta ra, Charlie. Bà ta đã cố giữ ba con trong lâu đài đó hồi ba con còn nhỏ. Hên là Lyell không có phép thuật, nên bà ta không buồn quan tâm đến ba con nữa.”

“Có khi thế lại không hên,” Charlie nói “Nếu ba mà có phép thuật thì ba đã tự cứu được ba rồi.”

“Ai mà biết được...” Mẹ nó trầm tư. “Mẹ ước gì con không thuộc máu mủ cái gia đình kinh khủng này.”

“Ừm.” Charlie nói. “Con không quan tâm. Nếu họ muốn quấy rầy con thì họ sẽ hối hận.”

Mẹ nó mỉm cười một nụ cười khích lệ.

*

* *

Vào chủ nhật, Charlie quyết định tới quán café Thú Kiểng. Với sự trợ giúp của cây gậy phép, nó hoàn tất hết bài vở.

“Hạt Đậu đang chờ cậu,” Norton, người gác cửa nói, khi Charlie bước vô quán café. “Đưa nó đi dạo hả?”

Charlie cảm thấy tội lỗi. Nó dường như quên khuấy con Hạt Đậu.

“Công viên ở xa đây lắm.” Nó nói.

“Mang nó ra công viên đi.” Norton nói. “Nó nhớ chú mày thật đấy.”

Charlie định đi vòng qua quầy thì nó nhận thấy Lysander và Olivia đang ngồi bên một chiếc bàn trong góc. Vừa trông thấy Charlie, Olivia liền nhảy ngay khỏi chỗ ngồi và vẫy tay rối rít với nó. Trông con bé bình thường một cách đáng ngạc nhiên, tóc nâu màu lông chuột và mặt mũi không trang điểm hay vẽ với gì.

Charlie lần đường ra chỗ tụi bạn. Phải mất khá lâu, bởi vì một lũ thổ tai cụp cứ nhảy loi choi quanh chân nó.

“Hôm nay không sơn siếc gì cả?” Charlie nói, nhảy vọt qua con thổ trắng của Olivia và túm lấy một chiếc ghế.

“Tớ đang để dành mặt cho vở kịch cuối học kỳ.” Olivia nói. “Tớ nghĩ tớ để bình thường một thời gian thì khi hóa thân, sự thay đổi của tớ sẽ càng kịch tính hơn rất nhiều.”

“Mình không chờ nổi đâu.” Charlie nói “Chà, không ngờ hai người lại tới đây hôm nay.”

“Tớ đang chán mà.” Olivia nói. “Nhưng hình như anh Sander tới đây vì một lý do khác.”

Charlie nhận thấy anh bạn châu Phi thường ngày vốn tươi vui, hôm nay trông cực kỳ u uẩn. Sander cứ liên hồi đảo mắt lo âu khắp căn phòng và con vẹt xám Homer của cậu cứ trượt từ đầu xuống vai, rồi lại quạt cánh bay trở lên đầu mỗi khi cậu nhúc nhích.

“Anh Tancred đâu?” Charlie hỏi Lysander.

“Ba nó bắt ở nhà học bài. Anh học xong bài rồi. Anh cần ra ngoài một chút.”

“Có rắc rối gì vậy?” Charlie hỏi.

Lysander lắc đầu.

“Tổ tiên của anh đang nổi giận,” Nó lầm bầm. “Anh không ngủ được. Suốt đêm, anh nghe thấy tiếng trống, tiếng nói, tiếng thét tức giận của họ cứ dồn dập trong đầu.”

Lập tức con vẹt Homer la lên bải hải:

“Thảm họa! Thảm họa!”

“Con này luôn biết khi có điều gì không ổn.” Lysander nói. “Qua anh mà nó cảm nhận được sự bức tức của họ.”

“Sao họ không nói cho anh biết cái gì làm cho họ nổi sùng?” Olivia hỏi.

Lysander chau mày ngó con bé.

“Anh phải tự tìm hiểu lấy.”

Những tổ tiên tâm linh của Lysander vô cùng hùng mạnh. Họ không phải chỉ là những con ma. Charlie đã từng tận mắt nhìn thấy đôi tay râm nâu, những ngọn thương và những cái khiên của họ. Hơn một lần họ đã cứu sống nó. Nếu họ tức giận thì phải có lý do chính đáng chi đó.

“Tụi mình đi dạo đi.”

Charlie rủ, hy vọng không khí trong lành sẽ làm đầu của Lysander nhẹ nhõm đôi chút.

“Hay đó.” Olivia đồng ý liền, bỗng con thổ của nó lên.

Charlie định ra lấy con Hạt Đậu thì ông Onimous đã xuất hiện cùng con chó. Hạt Đậu nhảy xổ lên người Charlie, trong khi bọn mèo và lũ thổ chạy toán loạn đủ mọi hướng.

“Ôi, nó nhớ cậu lắm, Charlie.” Ông Onimous nói khi con chó bự nhảy chồm lên và bắt đầu liếm mặt, liếm tóc Charlie.

“Con chuột ổn chứ ạ?” Charlie hỏi.

“Khỏe như vâm vậy.” Người đàn ông bé nhỏ hồ hởi. “Thân với bà Onimous như hình với bóng. Còn bọn mèo lửa thì ngưỡng mộ chú ta.”

“Thật bất thường.” Olivia thốt lên. “Mèo mà lại thích chuột.”

“Chúng bắt thường mà, thưa quý cô.” Ông Onimous nói nghiêm trang. “Các cô cậu đi ngay bây giờ đi. Charlie, mang con chó đi dạo thật đã đời đi nhé. Chân cẳng tôi không theo kịp nó.”

Ba người bạn rời quán café và hướng về phía công viên ở rìa thành phố. Olivia xách con thỏ trong giỏ, nhưng con vẹt của Lysander du hành trên vai cậu. Đầu nó cứ chúc lên chúc xuống, bám bỗ theo nhịp những sải chân của chủ nhân.

Khi chúng tới công viên, Charlie tháo xích cổ cho con Hạt Đậu, và con chó chạy bắn qua bãi cỏ, xua nặng xị, vui mừng. Con vẹt Homer cũng tức tốc rời vai Lysander và bay là là trên đầu con chó, la rầm trời.

“Om sòm quá, cứu chó với.”

“Cứu tôi với chó!” Olivia sửa.

“Nó rối loạn đó.” Lysander bảo.

“Em thì thấy nó đang cáu.” Olivia nói, cười khúc khích.

“Không giỡn đâu.” Lysander gắt. “Hể nó cáu là nó đang rối trí. Giống anh. Anh đang rối trí.”

“X... xin... lổiiii.” Olivia dài giọng.

Charlie liếc Olivia. Suýt nữa thì con bé cười òa vô mặt Lysander. Thế là tốt cho nó, Charlie nghĩ. Khi Olivia làm bạn thì đó là một người bạn tốt, có điều Olivia chẳng hiểu được ban phép thuật là có ý nghĩa như thế nào; chẳng hiểu được gánh nặng đó nặng làm sao, và rối rắm làm sao.

“Nghiêm túc coi.” Charlie nói.

Olivia nhướn mắt lên, nhưng hình như nó đã hiểu cái nhìn cảnh báo trong mắt Charlie.

“Ngày mai chắc anh không đi học quá.” Lysander than.

“Sao vậy?” Charlie hỏi.

“Không biết, anh nghĩ tới trường sẽ gặp rắc rối.”

Giọng Lysander chìm thấp đến độ hai đứa kia hầu như không nghe được.

“Nhưng anh phải đi.” Charlie khấn khoản nài. “Còn bức tượng nữa mà? Còn Ollie Sparks thì sao?”

“Sao em quan tâm nhiều quá vậy?” Lysander nói, ngạc nhiên vì vẻ tha thiết của Charlie.

“Thì tại vậy, thế thôi.” Charlie nói. “Em không nhận được. Nghĩ đến Ollie em thấy khó chịu quá. Tại em chưa thử cố cứu nó lần nữa. Có nhiều chuyện khác xảy ra quá. Nhưng nghĩ coi chắc Ollie thấy kinh khủng lắm. Một mình trên gác mái, không biết có bao giờ thoát ra được hay không. Tụi mình phải cứu nó ra ngay đi, anh Sander. Phải cứu thôi. Thôi, anh nói thứ Hai này anh đi học đi mà.”

“Để anh nghĩ đã.” Lysander nói.

Cậu huyết sáo với con vẹt, và con chim xám lượn vòng, bay về đậu trên vai.

“Tạm biệt.” Lysander bảo. Nó quay đi và sải bước ra khỏi công viên.

Con vẹt ngó lại Charlie và Olivia, la lên:

“Coi chừng!”

14. Chương 14

BÒ, CHUÔNG VÀ DỜI BẢNG VÀNG

Khi leo lên đồi dốc về nhà, Lysander bắt đầu cảm thấy khó thở. Điều này trước giờ chưa từng xảy ra. Nó là một cậu bé khỏe mạnh, to cao so với tuổi, một vận động viên chạy nước rút đáng gờm và là nhà vô địch chạy vượt rào.

Chính tiếng trống đã lấy mất hơi thở của Lysander. Đúng thế. Những nhịp trống giận dữ nện thình thình trong đầu nó, tựa hồ như tiếng sấm từ đằng xa, khiến nó giật mình thon thót.

“Nguy khốn!” Đứng trên vai chủ nhân, con vẹt Homer la to.

“Phải, nguy khốn.” Lysander đồng ý.

Nó vừa leo đến đoạn dốc nhất của con đường đồi, một gò đất cong, dài, kết thúc tại một dải đất bằng phẳng trải ra thật dễ chịu. Tại đây nó dừng lại, nhìn ra khắp thành phố. Ngôi nhà thờ lớn, với mái vòm cao ngất, làm cho tất cả các ngôi nhà trong phố lùn hủn đi. Cao bằng nó, có chăng chỉ có tòa nhà tắm tối lạnh lẽo ở phía bắc.

“Học viện Bloor,” Lysander lầm bầm.

Lơ lửng trên những mái nhà xám của học viện ấy, ngay tại bìa rừng bao quanh khu lâu đài bỏ hoang, có một làn khói mỏng bốc lên.

Khi vừa trông thấy làn khói, mắt Lysander bỗng nhiên nhoáng lên, da nó như bốc cháy, cổ nó đau rát như bị sưng tấy. Dứt tung cổ áo ra, nó vội vã chạy nốt mấy mét cuối cùng về nhà. Tới một cánh cổng đôi bằng sắt, cao nghệu, nó xô tung một cánh ra, và lao bắn đi trên lối đi vô một ngôi nhà bề thế, màu trắng, nằm đằng sau những thảm cỏ xanh ngắt và mịn màng như mặt bàn bi-a.

Mẹ nó, cô Jessamine Sage, đang xem một chương trình đồ vui trên truyền hình, đúng lúc cậu con trai đang phóng rầm rầm lên phòng. Cô Sage biết ngay con mình lại gặp rắc rối. Cô đã nghe được tiếng trống hòa theo bước chân của con. Tài phép của Lysander vốn được thừa hưởng từ chính cô. Bản thân cô cũng có những dịp nghe thấy tiếng trống giục và tiếng tổ tiên la hét đòi chú ý tới.

Cô Sage cẩn thận đứng lên khỏi chiếc ghế bành thoải mái của mình. Cô vốn là một phụ nữ uyên bác và vô cùng mạnh mẽ, nhưng dạo này cô luôn cảm thấy nặng nề và uể oải. Không cần tiếng trống báo tin cô cũng biết rằng một đứa bé khác sắp chào đời. Có nhiều dấu hiệu rõ rệt khác báo cho cô điều đó.

Người phụ nữ đẹp và oai vệ đó leo cầu thang lên tầng một. Đằng sau hai cánh cửa hẹp hai bên phòng con trai cô, hai đứa con gái cô – đứa mười tuổi, đứa mười bốn – đang chơi một thứ nhạc âm ỉ, không nhịp điệu, bằng đàn ghi-ta và giọng của chúng. Toàn những tiếng la chói tai, tiếng gõ phùng phùng phùng. Hoàn toàn không có tiếng trống.

“Hortense! Alexandra! Yên lặng!” Cô Sage hét bằng giọng ra lệnh, dứt khoát mà cả 2 đứa bé phải vâng lời ngay tức khắc.

Khi mở cửa phòng cậu con trai, cô Sage đụng ngay phải một hàng rào âm thanh khác, dữ dội đến độ suýt nữa thì hất văng cô bật trở lại chiếu nghỉ.

“Lysander! Yên!” Cô ra lệnh. Cô không bao giờ dùng quá hai từ, hoặc năm từ, cho những vấn đề chỉ cần 1 từ kiểu này.

Lysander đang nằm trên giường, mắt nhắm nghiền, hai tay ôm chặt lấy tai. Dù thế nó vẫn nghe được giọng nói đầy uy lực của mẹ. Nó mở mắt ra.

“Nghĩ đến cái cây.” Cô Sage ngân nga.

“Rễ, lá, cành.”

“Đỡ lấy, nâng lên...”

“Bầu trời...”

“Nghĩ tới Nhà vua.”

Lysander bỏ 2 tay ra khỏi tai.

“Thế,” Mẹ nó cúi người xuống giường. “Đỡ hơn chưa?”

Lần nào cũng có tác dụng. Ngay khi Lysander nghĩ tới cái cây, ngay khi nó nghĩ tới bức chân dung bí hiểm trong phòng Nhà Vua, dù chỉ trong tâm trí, là nó cảm thấy dễ chịu liền. Nó ngồi dậy và dụi mắt. Tiếng trống vẫn còn đó, trong đầu nó, nhưng giờ đã đủ êm cho nó suy nghĩ được.

“Nói,” mẹ Lysander bảo.

“Nguy khôn!” Con vẹt Homer la lên từ chỗ đậu của mình bên cửa sổ.

“Mẹ không hỏi mày,” Lysander nói với nụ cười thăm nảo. “Nhưng đúng là có nguy,” nó nói với mẹ. “Con không biết là cái gì, nhưng nó ở trong Học viện Bloor. Con trông thấy khối, song da con có cảm giác bốc khối. Tổ tiên đang giận dữ mẹ à.”

“Họ luôn có lý do.” Cô Sage nói.

“Thứ Hai này con không muốn đi học. Con không muốn đối mặt với nó, cho dù nó là gì. Trước đây chưa bao giờ con cảm thấy nó như thế này.”

“Con phải đối mặt với nó,” Cô Sage vỗ vỗ hai bàn tay con trai. “Con phải đi học.”

“Charlie Bone cũng nói vậy.”

“Charlie?”

“Dạ phải. Cái thằng tóc như hàng rào ấy, mẹ biết mà. Ông cậu nó tổ chức tiệc cuối học kỳ rồi, mẹ nhớ không? Nó gần như nhỏ nhất đám, nhưng cứ đâm đầu vô mấy vụ rắc rối, và tụi con, Tancred, con và Gabriel, chẳng hiểu sao cứ bị cuốn theo nó. Lần này nó lại lao vô rắc rối nữa, đang cố cứu một thằng bé vô hình.”

“Vô hình?” Cô Sage nhăn trán.

“Con đang tạc một bức tượng,” Lysander tiếp. “Nó hoàn hảo lắm, mẹ à. Bức tượng đẹp nhất con tạc từ trước tới giờ. Con nghĩ tổ tiên chúng ta sẽ đưa thằng bé trở lại được. Nhưng tiếng trống bảo không được, con làm điều sai trái rồi.”

Cô Sage đứng lên.

“Không phải con đâu, Lysander. Có một ai khác đang làm điều gì đó sai trái. Đi học đi con, và sắp đặt lại mọi việc đâu ra đó.”

Cô lướt ra khỏi phòng con trai, chiếc váy hoa dài dập dềnh quanh mắt cá chân như sóng biển.

“Mẹ làm như dễ lắm ấy!” Homer thét lên the thé.

“Với con thì dễ mà,” cô Sage nói, đóng cánh cửa lại.

*

* *

Vào sáng thứ Hai, chẳng cần đợi lâu, nguyên do của điềm báo kinh khủng mà Lysander nói đã lộ rõ.

Sau giờ kiểm tra môn lịch sử, Charlie và Fidelio chạy ra vườn và thấy đám bạn chúng đang tụ tập bên tàn tích của một ngọn lửa. Gã Weedon hay đốt rác trên nền đất, cho nên việc đó chẳng có gì là bất thường – chính cử chỉ, điệu bộ của nhóm bạn mới khiến Charlie chú ý, Lysander đứng như hóa đá, không tin nổi sự việc trước mắt mình; trong khi đó, mái tóc vàng cứng đờ của Tancred nổ lách tách những tia lửa điện.

Đứng sát bên Lysander, cái dáng hươu tay múa chân như điên loạn của Olivia đập ngay vào mắt Charlie. Nó và Fidelio liền co giò lao đến chỗ hai đứa.

Giữa đồng cây cháy xém và giấy bị thiêu rụi, hai con mắt màu xanh da trời ngó ra, ngó chúng lom lom. Đôi mắt này là tất cả những gì còn lại của bức tượng kiệt tác của Lysander.

“Sao họ có thể làm thế?” Emma kêu lên.

Lysander đang run bắn. Hai cánh tay nó ép chặt vô thân mình, bàn tay nắm chặt. Đường như nó đã cắn khấu.

Charlie nhận ra một đám học trò đang ngó nó. Asa Pike với nụ cười mãn nguyện trên mặt, trong khi những đường nét dài ngoẵng của Zelda Dobinski vắn vẹo thành một nụ cười khoái trá kinh khủng. Manfred, tuy nhiên, lại nhìn Lysander trừng trừng, như thể hắn bị sỉ nhục trước cái nỗ lực rất thông minh hầu cứu Ollie của chú bé châu Phi này.

“Có người nào khác biết đâu...” Lysander lẩm nhẩm. “Ai mà...”

“Rõ ràng là có đứa nào đó trong khoa hội họa.” Olivia quả quyết.

Im lặng phủ xuống nhóm con nít, và rồi, hầu như đồng loạt, chúng nhìn về phía những bức tường của khu lâu đài hoang, nơi Bella và Dorcas đang đứng dòm chúng.

“Nhưng tại sao?” Lysander thần thờ.

“Bởi vì tài điêu khắc của anh quá tuyệt vời.” Olivia nói nghiêm trang, “và vì có ai đó không muốn tội mình cứu Ollie Sparks.”

“Đừng bỏ cuộc Sander,” Charlie nói.

“Em không biết bức tượng đó có ý nghĩa như thế nào với Lysander đâu,” Tancred nói. “Nó có thể cũng bị đau đớn, đúng không, Sander? Như thể nó đã đặt một phần trái tim vô khúc gỗ đó. Em có biết như thế là thế nào không, Charlie?”

“Không.” Giọng Charlie ỉu xiu. “Em xin lỗi.”

“Cái gì vậy?” Fidelio bỗng la lên, vò vò đầu. “Mình nghe thấy tiếng trống.”

“Chứ ông nghĩ là cái gì?” Tancred nói, hơi tức giận. “Đi thôi, Sander. Tội mình ra khỏi đây.”

Nó kéo cánh tay bạn và lái đi khỏi đám tàn lửa. Lysander dường như chẳng nhận thức được những gì xảy ra xung quanh mình nữa. Nó cứ để mặc cho Tancred dẫn trở lại trường, và Charlie nghe thấy tiếng trống yếu ớt, như nhịp tim, theo sau Lysander băng qua bãi cỏ.

“Em đâu có kêu anh làm vậy đâu,” Charlie nhìn vô đôi mắt màu xanh da trời trong đồng lửa, mang đầy vẻ buộc tội.

“Anh ấy muốn làm vậy mà. Đó là ý anh ấy chứ bộ,” Nó lẩm bẩm.

“Không phải lỗi của em,” Fidelio nói vui vẻ. “Sander sẽ vượt qua thôi. Tội mình cần phải nghĩ tới những thứ khác nữa.”

“Kinh khủng quá.” Emma rên lên. “Mình cảm tưởng như đang nhìn một thằng bé thật vậy, hay là một thứ giống thằng bé thật vậy.”

“Đi khỏi đây thôi.” Olivia nói, nhìn Bella và Dorcas. “Tội mình đâu muốn để tội nó thưởng thức nỗi đau khổ của tội mình quá lâu đâu, đúng chưa?”

Khi chúng quay khỏi đồng lửa, Gabriel nhảy xò đến nhập bọn với chúng.

“Tôi vừa học xong một tiết dương cầm quái dị,” anh chàng thở hồng hộc. “Kéo dài hàng thế kỷ và...Ồ, không.”

Nó chợt ngừng nói giữa chừng, nhìn trân trân vô đôi mắt xanh da trời.

“Đó là...?”

“Bức tượng Lysander tạc đấy.” Charlie nói. “Tội này biết chắc ai đã làm vậy.”

Trong cố gắng khuấy cả bọn vui lên, Olivia thông báo là nó có mang một chiếc đĩa Frisbee tới trường.

“Chơi thả đĩa đi mấy người.” Con bé đề nghị.

Trong khi tụi nó thấy chiếc đĩa Frisbee đổ cho nhau, Gabriel kể cho bọn chúng nghe về giờ học đàn kỳ lạ của mình.

Thầy Pilgrim, thầy giáo dương cầm, là một người lập dị ngay cả lúc bình thường nhất. Cao, da ngăm, có vẻ vô cảm, hiếm khi người ta thấy thầy bên ngoài phòng học nhạc – cái phòng ở lầu trên cùng của mái tây. Hầu như thầy không bao giờ nói chuyện, thật khó để xin được lời chỉ dạy của thầy, đến nỗi mà thầy mất gần hết học trò. Tuy nhiên vào những giờ học dương cầm thêm của Gabriel, thầy Pilgrim lại nói chuyện rất nhiều (nhiều so với thầy).

“Kể đi, kể cho tụi này xem thầy đã nói cái gì?”

Olivia nhảy lên chụp cái đĩa Frisbee, làm văng một chiếc giày màu vàng giữa chừng cú nhảy.

“Thật quái lạ.” Gabriel nói. “Thầy nói: ‘Ông ấy nói không biết tới đây bằng cách nào. Nhưng tôi không thể giúp đỡ ông ấy.’ Nghe vậy tôi liền hỏi: ‘Ai vậy, thưa thầy Pilgrim?’ thì thầy nói ‘có quá nhiều thứ ông ấy không thể tiếp nhận được – đèn điện, xe cộ, những món đồ nhựa. Ông ấy không thích chúng; chúng khiến ông phát hoảng. Rồi ông sẽ phá hủy chúng cho coi. Ai mà trách được ông ấy nào...?’. Rồi, thầy Pilgrim nhìn xoáy vô tôi, và nói: ‘Tôi thì không biết ông ấy sẽ làm điều đó như thế nào, nhưng trò, trò biết chứ?’ Tôi nói...”

Gabriel chụp lấy cái đĩa Frisbee và thét lên đau đớn.

“Ui da! Thấy mạnh quá, Charlie!”

“Nào, nào.” Olivia giục giã. “Thế, anh đã nói gì nào?”

“Tôi chỉ nói: ‘Không, thưa thầy’. Chứ tôi biết nói gì nữa bây giờ.”

“Lẽ ra anh nên nói: ‘Biết cái gì ạ?’” Fidelio bảo.

Một ý nghĩ kinh khủng thỉnh thoảng bật ra trong đầu Charlie. Nó đứng chờ ra tại chỗ, hai tay nắm chặt chiếc đĩa Frisbee.

“Thầy đi! Lẹ lên! Charlie, thầy lẹ coi.” Bọn bạn nó la í ới.

“Khoan đã,” Charlie nói. “Thầy Pilgrim có mô tả vị khách bí hiểm đó không?”

Gabriel lắc đầu.

“Tôi cũng chẳng moi được cái tên nào từ thầy. Thầy chỉ bảo: ‘Ông ấy làm được, trò biết đấy, ông ấy rất dị thường. Coi ông ấy đã làm gì với bản nhạc đấy!’ Xong tôi nhìn, mấy người biết không! Tất cả những nốt nhạc trên bản nhạc đó đều hóa thành vàng! Chính xác, đó là bản xô-nát số 27 của Beethoven. Sau đó, tôi nhận thấy mấy con dơi ở góc phòng... Luôn có dơi ở trong phòng thầy Pilgrim, nhưng thầy không để ý, tôi cũng không để ý, chúng như những con chuột bay...”

“Những con dơi thì sao?” Fidelio nôn nóng hỏi.

“Chúng cũng biến thành vàng luôn,” Gabriel nói.

“Ồ!” Charlie cảm thấy mắc ói.

“Gì vậy, Charlie?” Emma ngó nó.

“Ờ, không có gì,” Charlie khào khào.

“Cả lũ nhện cũng vậy.” Gabriel vô tình kể tiếp. “Cả mạng nhện luôn. Trông rất đẹp, như đồ trang trí Giáng sinh ấy.”

Charlie vui mừng khi nghe tiếng còi đi sẵn rúc lên. Nó tự hỏi khi nào điều bất ngờ ghê gớm kế tiếp sẽ xảy ra với nó. Lần đầu tiên trong đời, nó chỉ ao ước được vui trong một bài kiểm tra toán thật khó.

“Anh có cảm giác là em biết người đó là ai.” Fidelio vừa nói vừa rượt theo Charlie qua bãi cỏ. “Vị khách của thầy Pilgrim ấy.”

“Suyt!” Charlie nhắc.

“Kể cho tụi này nghe đi, Charlie. Kể đi.” Olivia hét lên.

Chúng chen chúc đi vô tiền sảnh, nơi mà Charlie vô cùng biết ơn vì có luật im lặng. Nó đi về lớp toán, cùng với Fidelio theo sau, trong khi đám con gái đi về phía để áo khoác của chúng, còn Gabriel lê bước lên cầu thang, tới giờ kiểm tra lý thuyết đáng sợ.

Charlie dù đã ao ước được chôn mình trong những phân số, nhưng nó nhận ra là nó không sao làm vậy được. Ý nghĩ của nó cứ quay về với vị khách bí hiểm của thầy Pilgrim. Có ai khác có thể biến nhện thành vàng nào? Còn ai khác có thể sợ đèn điện và xe cộ nào? Cuối bài kiểm tra, Charlie biết mình đã làm rất tệ. Phải chi nó đã dùng cây gậy phép để học toán, chứ không phải học tiếng Pháp.

Có thêm tin tức càng xấu nữa đang chờ nó trong căn-tin. Một bà nhân viên phục vụ bữa trưa đang bắn loạn cả lên, kể là sáng nay bà đã chứng kiến một con bò đực to bành xông ra khỏi tiệm bán thịt, nơi trước đó chỉ treo hai súc thịt bò lớn ở đằng sau quầy.

“Mới đó còn là thịt bò, thoát cái đã thành bò.”

Bà Gill cứ lằm lằm bằm trong khi trao những đĩa khoai tây hầm thịt băm cho bọn trẻ.

“Chuyện gì đang xảy ra với cái thế giới này thế không biết?” Bà nói.

“Chuyện gì là chuyện gì, bà Gill?” Fidelio hỏi, với nụ cười quấy rầy cố hữu của mình.

“Anh đâu có tin lời bà ấy, phải không?” Charlie thì thầm khi chúng đi ra bàn.

“Ừm, thế em tin à?” Fidelio hỏi lại. “Tội nghiệp bà ấy. Bà ấy bị khủng rồi.”

“Thật ra thì em tin bà ấy,” Charlie bảo.

Đúng lúc ấy, Gabriel nhập bọn với bọn chúng, hăm hở kể:

“Mấy đứa có nghe bà Gill...”

“Nghe rồi.” Fidelio ngắt ngang. “Và Charlie tin bà ấy, bởi nó biết tại sao, cái gì, và ai... ừm, chuyện là thế nào Charlie?”

“Các anh biết bức tranh đó chứ?” Charlie bắt đầu. “Bức tranh mà em mang tới trường hồi học kỳ vừa rồi đó.”

Fidelio và Gabriel chột nhìn Charlie chăm chăm, với cái nĩa đồ ăn đang đưa lên miệng nửa chừng.

“Tấm hình thầy phù thủy ấy hả?” Gabriel thì thầm, vẻ bí mật.

Charlie nhìn quanh căn-tin. Chẳng có ai chú ý tới chúng. Tiếng dao nĩa lạch cạch và tiếng trò chuyện náo nhiệt, ồn đến nỗi không một ma nào ngoài cái bàn của chúng có thể nghe thấy chúng. Vả lại, Charlie đã hạ giọng khi kể cho hai bạn nghe về chuyến viếng thăm Skarpo của nó, và chuyện con chuột thoát ra ngoài.

“Tức là, em nghĩ ông ấy cũng đã ra theo?” Fidelio hỏi.

“Chắc chắn,” Charlie nói. “Mới đầu em nghĩ là không thể thế được, vì ông ấy vẫn còn ở trong tranh, nhưng Ông cậu của em nói đó chỉ là hình ảnh của Skarpo thôi, chứ không phải là nguyên khí. Em cứ cố cho là Skarpo không thể ra ngoài được, tại vì em hoàn toàn không muốn tin chuyện ấy.”

“Vậy em nghĩ dơi hóa vàng, bò và các thứ kia đều là ông ấy...?” Fidelio nói.

“Chắc chắn,” Charlie nói. “Và em có cảm giác kinh khủng là ông ấy chỉ mới bắt đầu thôi. Còn những thứ tệ hơn nữa kia.”

*

* *

Quả đúng vậy.

Bọn trẻ ở Học viện Bloor đang sắp sửa ra ngoài nghỉ giải lao buổi chiều thì một đám mây bay ngang mặt trời. Sau đó, một đám nữa, rồi đám nữa. Bầu trời đầy những gợn tím nhạt, ghê rợn. Nó tối dần thành màu chàm và rồi từ từ chuyển thành đen. Đen như hắc ín.

Một đám con nít đứng lớ xớ ở gần cửa vườn, ngại ngần, không đứa nào muốn mình là người đầu tiên bước ra ngoài trời tối đen.

“Trời ơi, lũ ngu.” Zelda Dobinski ré lên. “Đi ra! Lẹ lên! Có tí xíu mây mà chúng mày sợ gì hả?”

Để bày tỏ sự khinh miệt bọn nhóc, nó đẩy dạt đám đông qua một bên và xông vài bước ra ngoài vườn tối thui.

Một con cóc rớt đập xuống đầu nó. Và rồi thêm một con khác. Khi con cóc đầu tiên đáp phịch xuống đầu Zelda, miệng con nhóc há hốc ra. Đến con thứ hai thì nó thét lớn lên và chạy trốn về đám đông.

Thế rồi, trời bắt đầu đổ một cơn mưa ếch nhái.

Vài đứa trẻ rú lên, lùi vô trong tiền sảnh. Mấy đứa khác đưa tay hứng ếch, nhưng lũ sinh vật nhớt nhớt này rơi với lực mạnh đến nỗi có tiếng thét lên:

“Ui da.”

“Cứu với!”

“Ồi!”

cùng những bàn tay rụt lại tức thì.

Từ đằng xa chúng nghe tiếng còi cảnh sát rền vang, tiếng xe cứu thương, xe cứu hỏa inh ỏi khắp thành phố.

Đứng phía sau đám đông, tìm Charlie cứ đập thon thót. Skarpo ở đâu? Làm thế quái nào mà bắt được hắn và đưa trở lại nơi mà hắn phải về bây giờ?

Rõ ràng là quá nguy hiểm để ra chơi ngoài trời đen kịt như thế này. Đèn bật sáng khắp tòa nhà, và bọn trẻ bị lừa về lại các phòng học. Charlie phải về với lớp tiếng Anh của thầy Carp.

Thầy Carp là một ông thầy lực lưỡng, mặt đỏ gay. Thầy hay dựng một cây roi, mỏng mảnh, coi bộ độc ác, ngay cạnh bàn của mình, và người ta biết được một cách tình cờ (dĩ nhiên rồi), rằng cây gậy đó là để búng tai bọn trẻ mỗi khi thầy tức giận. Charlie đã trở nên khá thiện nghệ trong việc né tránh những cú tấn công này, nhưng từ tia nhìn nghiêm nghị ngả ánh lên trong đôi mắt hý của thầy Carp, Charlie dám chắc là thầy đã quyết định trị cho nó một trận, vào một ngày nào đó. Và Charlie nghĩ ngày nào đó là hôm nay.

Từ bàn bên cạnh, Fidelio thì thảo với Charlie:

“Thầy sẽ làm gì tiếp theo đây, Charlie? Em có nghĩ ra không?”

Charlie lắc đầu.

Cất giọng the thé, thầy Carp hét:

“Các trò có nửa giờ để học cách dùng từ trước khi kiểm tra.”

Lo sợ cho đôi tai của mình, hai mươi đứa trẻ vội lấy tập Cách Dùng Từ và lặng lẽ cúi đầu xuống.

Bên ngoài, những đám mây đen đã bay lên cao, mặt trời hiện ra. Loáng sau, bọn trẻ đã thấy gã Weedon và vài trò lớp lớn đi thu dọn ếch bằng lưới, thùng và bao. Charlie tự hỏi không biết ếch rớt xuống khắp thành phố hay chỉ đơn độc Học viện Bloor chịu ơn huệ này? Qua cửa sổ, Charlie thấy Manfred cúi đôi bàn tay của hắn vô quần và mỉm cười một mình. Nụ cười của hắn không kéo dài lâu.

Không ai thấy là bất thường khi chuông nhà thờ lớn bắt đầu đổ. Nhưng khi chuông của năm nhà thờ khác, nhỏ hơn, cùng hòa nhịp thì mọi người bắt đầu lo lắng. Chẳng mấy chốc, tiếng chuông báo tử thổng thiết vang dậy khắp cả thành phố. Và chúng không chịu dừng, cứ đổ hoài, đổ hoài. Các vị linh mục và những người kéo chuông vội vã chạy vô nhà thờ, thấy ở đó những sợi dây thừng đang tự động kéo lên kéo xuống một cách bí hiểm.

Fidelio nhìn Charlie. Charlie đảo tròn mắt và nhún vai. Bỗng, một trong những nữ sinh ngồi hàng đầu giơ tay lên. Khi thầy Carp, hai tay đang bịt chặt tai, không chú ý thì nữ sinh đó – tên là Rosie Stubbs – hét lên:

“Thưa thầy, dạ, có con voi trong vườn kìa.”

Tất cả mọi người đều quay ra ngó. Đúng thế.

Thầy Carp, ửng đỏ loang ra cả hai má, liền chộp lấy cây roi. Rosie vội đưa tay lên che 2 tai.

Tiếng chuông càng lúc càng âm ỉ.

“IM NGAY! IM NGAY! TẤT CẢ BỌN BAY!”

Thầy Carp gầm vang, mặc dù cả lớp đang im phăng phắc.

“Ta không thể nào chịu nổi. Đứa nào làm cái trò này? Phải bắn hết chúng đi!”

Tất cả bọn học trò há hốc miệng.

Chợt nhớ ra mình đang ở đâu, thầy Carp quát:

“Dẹp hết tập vở đi. Ích lợi gì. Không thể tiếp tục được. Cả lớp, giải tán!”

Bọn trẻ tổng hết tập vở vô học bàn với vẻ biết ơn, chen nhau ra khỏi lớp, tràn ra tiền sảnh. Các lớp khác cũng trống dần. Đám giáo viên trông bực bội đang tất tả xuôi theo tiền sảnh xuống phòng giáo vụ, áo chùng đen bay phấp phật, giấy tờ bay tung tóe, sách ôm trên tay rách lả tả.

Những đứa nầy giờ túm tụm trong tiền sảnh, thấy coi bộ không thể nào tuân thủ được luật im lặng, bèn vừa thì thầm, lò xào, vừa kéo nhau xuống căn-tin của khoa mình, hy vọng đã có bữa trưa lớn.

Charlie và Fidelio vừa xoay sở để chộp được một chiếc bánh nhân táo và một ly cam vắt, thì Billy Raven chạy ào tới, hớt hơ hớt hải:

“Anh bị kêu lên văn phòng giáo sư Bloor kìa!”

“Anh?” Charlie hỏi, mặt tái mét.

“Cả đám mình. Cả anh nữa, Gabriel.”

“Cả đám mình?” Gabriel hỏi lại. “Kỳ cục thiệt. Chuyện quái gì vậy?”

15. Chương 15

THẦY PHÙ THỦY TỰ DO TUNG HOÀNH

Charlie chưa bao giờ tới thư phòng của giáo sư Bloor. Dù sợ run, nhưng nó không ngăn nổi tò mò.

“Tôi đã tới đó.” Gabriel bảo khi hai thằng đi theo Billy tới tiền sảnh. “Hồi đó tôi mới vô trường. Tôi phải vô đó để giải thích về vụ quần áo của mình. Phòng đấy thuộc cái kiểu làm mình cảm thấy mình vừa phạm tội xong. Tôi không biết tại sao.”

Manfred và Zelda đang đợi chúng trong tiền sảnh, và dần dần những đứa trẻ có phép thuật khác cũng có mặt: Dorcas và Belle, có Asa kè kè sát đằng sau, thằng này đeo một nụ cười ngờ nghệch; Tancred vẽ hồi hộp, mái tóc vàng nhuộm điện kêu rắc rắc; và Emma với một cây viết chì còn dắt sau tai.

“Bỏ nó xuống!” Zelda sửa. “Chỉnh tề lại coi, con kia. Coi bộ dạng mày giống cái gì kìa?”

Emma có vẻ bối rối, cho đến khi Charlie chỉ vô cây viết chì, con bé vội lấy xuống và dứt vô túi, cố gắng vuốt cho phẳng mái tóc vàng.

“A, nhà điêu khắc vĩ đại tới kìa.” Manfred thông báo khi Lysander ủ rũ, lừ đừ đi vô tiền sảnh. “Vui lên coi, rắc rối gì thế, hả?”

“Ông biết rõ quá mà.” Lysander nói đều đều.

Dorcas cười hình hịch, và đôi mắt khủng khiếp của Belle chuyển từ xanh da trời, sang xám, rồi thành tím. Manfred lúng túng một thoáng, ngay sau đó hấn bảo:

“Billy, dẫn đường. Mà biết ở đâu rồi đấy.”

“Thưa vâng, anh Manfred.”

Billy băng qua tiền sảnh, tới cánh cửa dẫn vô chái phía tây. Cánh cửa cũ mở ra ken két, và Charlie, đi ngay sau Billy, thấy mình ở trong hành lang tối mù, ẩm ướt dẫn lên tháp nhạc.

Chúng tới căn phòng hình tròn ở đáy tháp, và đang định leo lên cầu thang ở lầu một thì thấy thầy Pilgrim đang ngồi trên bậc cầu thang thứ hai.

“Thưa thầy.”

Billy nói, nhưng thầy Pilgrim không nhúc nhích. Hình như thầy không nghe thấy tiếng Billy.

“Tụi con phải tới thư phòng giáo sư Bloor, thưa thầy.” Charlie nói.

Thầy Pilgrim nhìn Charlie chăm chăm, lộ vẻ hoang mang.

“Nhiều chuông quá,” Thầy nói. “Sao đổ chuông dữ vậy? Ai chết vậy? Hay là... ta?”

Charlie tính đáp lời, thì Manfred đột nhiên đẩy nó qua một bên, và trợn trừng nhìn xuống thầy dạy nhạc, hấn nói:

“Làm ơn tránh chỗ, thầy Pilgrim. Lẹ coi. Chúng tôi đang vội.”

Thầy Pilgrim vén một lọn tóc đen dày ra khỏi mắt:

“Thế à?” Thầy nói với giọng bướng bỉnh, đáng ngạc nhiên.

“Phải. Tránh chỗ.” Manfred thô lỗ ra lệnh. “Lẹ lên. Lẹ!”

Khi hấn nhìn trợn trạo vô thầy Pilgrim, con mắt híp ríp của hấn phóng một tia nhìn sắc lẹm, lạnh toát về phía thầy.

Charlie liếc nhìn đôi mắt đen như than của Manfred và nhớ lại cảm giác bị thôi miên như thế nào. Nó rất muốn báo động cho thầy Pilgrim, để thầy chống lại tia nhìn thôi chột khủng khiếp đó. Người ta vẫn có thể chống lại tia nhìn khủng khiếp đó mà. Chính Charlie đã làm điều đó một lần.

Nhưng dường như thầy Pilgrim không có sức mạnh, cũng không có ý định chống lại Manfred. Rên lên một tiếng thăm nào, thầy giáo dạy nhạc đứng dậy và quay lại những bậc cầu thang xoáy hẹp. Bọn trẻ nghe thấy tiếng bước chân của thầy khua tới đỉnh tháp, trong khi Manfred dẫn đường lên lầu một.

Chúng chui qua một cánh cửa thấp, vô một hành lang trải thảm dày nặng. Tại đây, Manfred dừng lại bên ngoài một cánh cửa khác, cánh cửa này được ốp gỗ sồi đen bóng. Hấn gõ cửa hai tiếng và một giọng trầm vang lên:

“Vô đi!”

Manfred mở cửa và lùa tất cả những đứa khác vô phòng.

Đằng sau chiếc bàn cao, rộng, bóng loáng là giáo sư Bloor đang ngồi. Gương mặt rộng xám xịt của ông ta nổi lên dưới ánh đèn bàn màu xanh lá cây. Những tấm rèm đằng sau lưng được kéo lại để che ánh nắng mặt trời, khiến cho căn phòng sách xếp đầy này chìm trong bóng tối âm u. Giáo sư Bloor vẩy tay ra hiệu, và bọn trẻ lệt bệt tiến lên, cho đến khi chúng xếp thành hàng một trước bàn của ông ta.

Con mắt xám lạnh của ông hiệu trưởng quét khắp lượt những khuôn mặt của bọn trẻ, rồi ánh mắt ấy dừng ở chỗ Charlie.

“Tôi muốn biết ai phải chịu trách nhiệm cho chuyện này.” Ông ta ra lệnh bằng giọng lạnh băng.

Cặp giò của Charlie muốn xẹp xuống. Nó ghét cái cách giáo sư Bloor nói như buộc tội nó vậy. Nó biết ông hiệu trưởng không có phép thuật, nhưng ông ta cứ làm người ta ấn tượng rằng ông ta có uy quyền mạnh mẽ, rằng ông ta có thể làm bất cứ gì ông ta muốn, và rằng ý chí của ông mạnh mẽ tới độ có thể đè bẹp tất cả mọi thứ, hoặc tất cả mọi người.

“Những hậu duệ của Vua Đỏ,” giáo sư Bloor nhếch mép. “Hãy nhìn các trò kia! Lũ quỷ sứ! Các trò là vậy đấy.”

Manfred cựa quậy vẻ khó chịu, và Charlie tự hỏi không biết cảm giác bị cha mình gọi là đồ quỷ sứ nó như thế nào.

“Tất cả các trò!”

Giáo sư Bloor nạt, và rồi, liếc qua Belle, sửa lại:

“Hầu hết các trò!”

“Dạ, thưa ngài!” Zelda nói, hơi bạo gan. “Nhưng ý ngài muốn ám chỉ ai phải chịu trách nhiệm cho chuyện tiếng chuông và ếch và vân vân ạ? Tại vì rõ ràng không phải là con. Con bị một con ếch nhảy lên đầu. Đúng là ếch ạ, và chính xác là hai con.”

Charlie biết mình sắp nguy khốn đến nơi, nhưng nó vẫn muốn bật cười.

“Tôi không nghĩ đó là trò, Zelda.” Ông hiệu trưởng lạnh lùng. “Tôi nhận thấy mấy món đó vượt quá khả năng của trò.”

Zelda đỏ rần. Nó ngó xuống đám trẻ nhỏ hơn và nói:

“Con nghĩ đó là Tancred, thưa ngài.”

“Tôi làm ra bão nha.” Tacred giận dữ cãi lại. “Thời tiết.”

“Gió có thể làm cho chuông kêu, làm cho bầu trời đen kịt và mưa ếch.” Manfred nói.

“Nhưng không làm ra voi.”

Tacred kêu lớn, tóc nó bắn ra những tia lửa điện thật lớn. Chiếc áo chùng xanh lá cây bay lên, và một làn gió lạnh thổi tung giấy tờ ra khỏi mặt bàn.

“KIỀM CHẾ COI!” Giáo sư Bloor rống tướng lên.

Tacred nghiêng chặt răng lại, và Dorcas Loom bắt đầu thu dọn giấy má, rồi đặt lại, từng tờ, từng tờ một, lên bàn.

“Tôi biết ai có khả năng và ai không có chứ.” Giáo sư Bloor nói. “Nhưng tôi muốn một lời thú nhận. Các trò hiểu vị trí tôi chứ?”

Ông ta đứng lên và bắt đầu rảo bước đằng sau cái bàn.

“Dân chúng trong thành phố này đều biết tôi đang chứa chấp những đứa trẻ khác thường, và trong vài trường hợp.” Ông nhìn thẳng vào Asa Pike “... có những tài phép không đáng mong ước. Họ chịu đựng các trò là bởi vì họ kính trọng tôi. Chúng tôi là gia đình lâu đời nhất trong thành phố này. Chúng tôi có thể lần theo dấu vết tổ tiên mình tới gần một ngàn năm.”

Ông ta hất hàm về phía những kệ sách.

“Những bức tường sách này đã từng chứng kiến thuật giả kim, thuật thôi miên, thuật bói toán, thuật hóa thân, ma thuật kỳ ảo không thể nào tin nổi, thuật đổi dạng và thậm chí cả...”

Ông húng hắng và hạ thấp giọng:

“... ma quỷ hiện hình.”

Bất thành linh giáo sư Bloor ngừng nhịp bước và quay phắt lại, nhìn thẳng mặt các nạn nhân của mình.

“Nhưng không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ,” ông ta cao giọng “KHÔNG BAO GIỜ để cho những sự kiện trong tòa nhà này ảnh hưởng tới cả thành phố. Không bao giờ để cho cư dân thành phố phải chịu đựng... những thứ lạ đời của chúng ta. Vậy mà bây giờ...”

Ông ta động nắm tay xuống bàn và thét lớn lên:

“... Bất thành linh ngày biến thành đêm, bò chạy lông nhông, chuông đổ rầm rĩ. Các trò có thể tưởng tượng ngoài kia, trong thành phố như thế nào không?”

Ông ta vung một bàn tay ra ngoài cửa sổ.

“Nguy hiểm. Hỗn loạn. Trong mười phút này xảy ra số vụ tai nạn nhiều hơn nguyên năm. Ngài thị trưởng đã gọi cho tôi ngay lập tức. Ô, ông ta thừa biết nguồn cơn những rắc rối này từ đâu ra.”

“Tôi nghĩ chúng ta cũng biết chúng từ đâu ra, thưa ngài.” Một giọng vang lên.

Tất cả mọi người quay lại nhìn Belle, con bé nở một nụ cười rộng ngoác, còn đôi mắt thì đổi thành xanh lá cây đậm, xanh như ngọc lục bảo. Nó nói:

“Đó là Charlie Bone. Đúng không, Charlie?”

Miệng Charlie khô kết lại. Nó thấy mắc ói.

“Tôi không biết.” nó lắp bắp.

“Nói láo.” Manfred hét.

“Đồ hèn.” Zelda rống thêm.

Asa khịt mũi tỏ vẻ không hài lòng.

“Các trò có thể đi.” Giáo sư Bloor nói, xua cả bọn bằng một cái phẩy tay.

Ngạc nhiên trước diễn biến bất ngờ của sự việc, mười một đứa trẻ quay ra cửa, nhưng trước khi Charlie ra được tới đó, ông hiệu trưởng nói thêm:

“Nhưng không phải trò, Charlie Bone.”

Gabriel nhìn Charlie đầy thông cảm, trong lúc bị Manfred đẩy ra cửa, nới đuôi bọn kia. Tiếp theo, còn mình Charlie với giáo sư Bloor. Ông hiệu trưởng đi đi lại lại, cuối cùng thả mình vô cái ghế bành lớn bọc da, chắp hai tay lại với nhau và đặt lên một thếp giấy trên bàn. Ông ta bực bội thở dài và tuyên bố:

“Trò khờ lắm, Charlie Bone. Tôi có nghi ngờ, nhưng khi cả đám đứng đó, thì tôi không phải mất nhiều thời gian để xác định thủ phạm nữa. Tôi đã cho trò một cơ hội để thú nhận. Lẽ ra trò phải biết tận dụng chứ.”

“Dạ... thưa... nhưng con không...” Charlie mở lời.

“Đồ ngu!” giáo sư Bloor rống lớn. “Mày tưởng tao không biết mày có thể làm gì chắc? Tao cũng đã biết về bức tranh mày có thể... đi vô. Tao cũng biết về ‘cái người’ mày đã cầu thả để sống ra. Còn ai khác gây nên tình trạng hỗn độn này? Rõ ràng đang có một thầy phù thủy tự do chạy rong, và ta muốn biết, mày dự định làm gì với chuyện này?”

“Ừm... kiểm cho ra ông ta ạ?” Charlie đề nghị.

“Và mày tính làm điều đó bằng cách nào?”

“Ờ... đi kiểm thôi ạ.” Charlie nói.

“Ồi, thông minh quá!” Giáo sư Bloor nói, vẻ mỉa mai.

“Giỏi quá,” Ông ta cao giọng. “Từ nay tới sáng mai, nếu tình trạng lộn xộn này không dừng lại, thì sẽ có điều tồi tệ hơn thế này dành cho mày.”

“Tệ thế nào, thưa ngài?” Charlie hỏi, cố gắng cho thông cái cổ họng nó.

“Để tao cho mày biết.” Ông hiệu trưởng nói. “Mấy người bà con nổi tiếng của mày đã bảo đảm mày là tài sản của trường này, nhưng cho tới nay thì, mày chẳng là cái quái gì cả, ngoài những phiền toái. Họ rất thất

vọng, và tao biết chắc chắn rằng họ sẽ chấp nhận bất cứ hình phạt nào tao chọn cho mày... thậm chí là họ sẽ phải mất mày vĩnh viễn.”

Charlie rùng mình. Nó nghĩ đến ba nó, mắt tích mãi mãi, không ai biết đến, không ai tiếp xúc được.

“Vâng, thưa ngài.” Nó nói. “Bây giờ con có thể đi và bắt tay vô việc tìm kiếm chưa ạ?”

“Mày nên làm vậy, mày không có nhiều thời gian đâu,” đáp lại là một nụ cười nghiêm khắc.

Charlie lao bắn khỏi cửa phòng, lẹ hết cỡ. Song, một khi ra tới hành lang, nó quyết định không quay lại lối hồi nãy dẫn tới đây, mà đi bộ xa hơn tới những khu hấp dẫn của học viện Bloor. Nó hy vọng rốt cuộc sẽ kiếm ra được một cầu thang dẫn lên gác mái. Vì đó chắc chắn là nơi Sparko đang ẩn trốn, giữa những mạng nhện và căn phòng trống ghê rợn.

Charlie rón rén đi trên hành lang trải thảm đắt tiền. Nó đi qua những cửa gỗ sồi đen bóng, những bức chân dung lồng trong khung mạ vàng (nó tránh nhìn vô chúng), những kệ ken đầy sách bìa bụi, một bộ sưu tập những bộ xương để trong tủ kính nhỏ, và đầu một con gấu đặt trên một cái khiên gỗ.

“Ghê quá,” Charlie buột miệng, và dần bước mau hơn, đi bên dưới những con chim nhồi bông và những chùm thảo mộc khô treo thòng xuống từ những cái móc từ trên trần nhà.

Nó đi tới cuối hành lang và leo lên một cầu thang hẹp dẫn đến lầu hai. Ở đây, nhìn thoáng qua một cái, nó đã thấy một hành lang tối om. Ở đó, phía xa xa, có một thứ gì đó kinh khủng, giống như một cái quan tài dựng thẳng đứng vô tường.

Charlie lật đật đi lên cầu thang kế tiếp, rệu rạo và không trải thảm. Ở tầng trên cùng, nó thấy mình lọt vô một hành lang ngột ngạt, chiếu sáng bằng đèn khí, nó và Emma đã từng đi qua khi kiếm Ollie. Nó nhớ rõ, những bậc thang dẫn lên gác mái, chỉ thả nửa chừng, không chạm tới mặt đất.

Một âm thanh lan về phía nó: âm nhạc. Không phải tiếng đàn dương cầm thánh thót của thầy Pilgrim, mà là một ban kèn đồng, kèm theo giọng khàn khàn, run run. Charlie dừng lại và lắng nghe. Không thể làm được cái giọng này. Lão Ezekiel chắc chắn sống ở nơi tăm tối, âm ỉ của khu nhà này.

Charlie thận trọng tiến lên phía trước, cho tới khi chạm cầu thang dẫn lên gác mái. Nó vừa leo lên vài bậc, thì chợt có cái gì đó khiến nó phải ngược lên nhìn. Kìa, ở trên đầu cầu thang, có vật gì lấp lánh: một cuộn dây thừng dày, xanh da trời, óng ánh. Nhưng, dĩ nhiên, đó không phải dây thừng. Giờ, Charlie có thể nhận ra hình một vảy rắn lở mờ.

Cảm nhận được sự có mặt của Charlie, một cái đầu ngược lên khỏi cuộn dây thừng, một mảnh đẹp hình tam giác với đôi mắt đen thui và những đốm lạ ở mồm chóp. Lạ nhất là, có những lông chim mỏng mảnh, màu xanh da trời tòe ra từ cổ con rắn. Thình lình một tiếng rít, như tiếng nổ ga, bùng ra từ cái miệng chành bành của con vật.

Charlie lùi lại, hụt chân, và rớt phịch xuống hành lang, nằm chèm mẹp. Khi con rắn vừa rít vừa trườn xuống những bậc cầu thang, Charlie ráng đứng dậy và phóng về cuối hành lang. Nó vừa tính chạy xuống lầu hai, thì cái giọng rít rống của Ezekiel cất lên:

“Ai đó? Ai dám phá quấy báu vật của ta? Coi chừng đó, bay có là ai, bay cũng thành BỤI!”

“Bụi?” Charlie vừa lảo bẫm trong họng vừa lao xuống cầu thang xoáy tròn ốc và những dãy cầu thang rung lên kèn kẹt.

“Hư vô. Zê-rô. Không còn gì. Không còn là Charlie.” Nó tự nhủ.

Nó vừa tới chiếu nghỉ phía trên tiền sảnh thì đâm sầm vô gã Weedon.

“Mày làm cái gì trong chái phía tây này hả?” Gã thợ việc ụt ịt. “Đây là nơi cấm vô mà.”

“Cháu đã được phép.” Charlie thở phà phò.

Gã Weedon nhướn mày lên.

“Ai? Ai cho phép mày?”

“Giáo sư Bloor.” Charlie nói.

Dù sao chính giáo sư Bloor là người ra lệnh cho nó kiếm cho bằng được thầy phù thủy Skarpo.

“Cháu đang kiếm một người. Cháu chắc là chú chưa gặp ông ấy? Ông ấy tóc bạc, râu quai nón và mặc áo chùng đen, đội mũ chòm giống như...”

“Ra là mày! Đồ ôn dịch oắt con. Hóa ra, mày phải chịu trách nhiệm cho tất cả đồng rối loạn ngoài kia, làm tao phải nai lưng dọn dẹp. Đừng nhắc tới con voi đó, mẹ kiếp, suýt chút nữa nó giết tao khi tao cố đuổi nó đi.”

“Rồi nó làm sao?” Charlie hỏi, không kìm nổi trí tò mò.

“Biến mất, thế thôi. Nhưng phân của nó không biến mất...Cả những dấu chân xấu xí của nó trên bãi cỏ của tao cũng không mất. Tao mà thấy cái gã phù thủy quái quỷ đó, tao sẽ vụn cổ lão.”

“Ồ, cháu không cố ý.” Charlie định nói.

“Tránh đường cho tao đi.” Gã Weedon hét, “Tao phát bệnh vì tụi bay rồi. Phép thuật cái con khỉ.”

Rồi hần hăm hăm bước về phía chái tây, bước đi, để lại Charlie vừa lo lắng vừa thở phào nhẹ nhõm.

Phía dưới nhà, bọn trẻ đang hướng tới cửa ra vườn, đang dần dần ủa ra đầy tiền sảnh. Giờ nghỉ giải lao buổi chiều vừa mới bắt đầu và Charlie quyết định tiếp tục tìm kiếm ở ngoài vườn.

“Có vụ gì với em vậy?” Fidelio hỏi khi Charlie chạy ra chỗ đám bạn của nó.

“Em phải đi kiếm ra thầy phù thủy trước chín giờ ngày mai, không thì em bị băm chết. Mà còn tệ hơn thế nữa. Em...” Charlie quệt ngang tay qua cổ họng.

Fidelio và Gabriel đề nghị giúp đỡ nó.

“Vô rùng thử coi.” Gabriel đề nghị.

Chúng chập vạt xuyên qua những bụi cây thấp, rậm rạp bên dưới những cây lớn bao xung quanh sân chơi. Nhưng càng đi sâu vô, chúng càng khó phân biệt những bóng đen lướt qua thân cây kia là đặc thật, hay chỉ là bóng của những cành lá chuyển động. Nhiều cái trông rất giống một người đàn ông cao lớn, mặc áo choàng đen.

Khi tiếng còi sẵn gọi chúng vô tiết học cuối cùng, Charlie không biết phải làm gì. Giáo sư Bloor đã giao cho nó một nhiệm vụ. Nếu phải tiếp tục tìm kiếm, không khéo nó sẽ phải liều để cho những giáo viên khác cấm túc nó thôi.

Nó quyết định kiểm tra các phòng ngủ chung. Có tất cả hai mươi lăm phòng ngủ chung nằm rải rác trên ba tầng lầu, và Charlie mới chỉ thám thính được mười phòng thì chuông bữa tối reng. Giờ nó phải làm gì. Chắc chắn nó không muốn bỏ bữa tối. Thế là nó bắt đầu cuộc hành trình từ lầu ba xuống nhà ăn lớn. Khi xuống tới tiền sảnh, nó nghe thấy trong nhà ăn đã rất ồn. Vậy là nó đã xuống rất trễ và hy vọng không bị lỡ món đầu tiên. Khi nó mở cửa ra và bước vô bên trong, tiếng ồn ào đang vang lên chói tai. Và rồi ai đó la lên:

“Nó kìa! Lỗi tại nó hết!”

Charlie bèn cúi gầm đầu xuống, hy vọng không ai thấy nó hết. Nhưng lúc này tất cả mọi người đang nhìn nó. Ai đó đã lan truyền tin tức rồi. Rằng Charlie Bone phải chịu trách nhiệm cho cơn mưa ếch, trời tối, con bò điên, dơi hóa vàng và con voi biến mất. Tệ hơn cả, nó phải chịu trách nhiệm cho bữa tối hôm nay.

Khi Charlie lách vô ngồi trên ghế băng cạnh Fidelio, nó thấy một đụn bắp cải và một lát bánh mì hình như đã thiu nằm trên đĩa nó. Phần ăn của tất cả mọi người cũng tương tự.

“Cái gì đây?” Charlie lăm bắm với Fidelio.

“Có rắc rối trong nhà bếp,” Fidelio hạ giọng giải thích với Charlie. “Đúng ra chúng ta sẽ có món xúp trứng, nhưng một trong những người phụ tá của bà bếp trưởng thấy trong kho đầy gà thay vì đầy trứng. Nghe kỹ sẽ thấy tiếng gà.”

Đúng vậy, Charlie nghe thấy tiếng cục cục sau cánh cửa vô nhà bếp. Tim nó se thắt lại.

Sau khi ngó vô Charlie ngồi vô chỗ, cả đám còn lại bắt đầu trệu trạo nhai phần bánh mỳ và bắp cải của mình. Những tiếng cầu nhàu, cắn nhằn, ghê tởm và tiếng “Èèè!”, “Gồm”, “Tởm”, “Khiếp”... nổi lên xung quanh Charlie.

Nhưng Billy Raven, ngồi đối diện Charlie, thì thầm:

“Thiệt tình, ăn bắp cải cũng không sao hết.”

Và rồi, từ dãy bàn của khoa kịch, Damian Spork hét lạnh lùng:

“Đồ ăn gồm quá. Tao muốn thọc bàn chân vô cổ họng thằng Charlie Bone.”

“Im ngay thằng mập.” Olivia tiếp liền. “Đó không phải lỗi của nó.”

“Chứ còn lỗi của ai. Đồ bắp cải nhũn...”

Tiếng chửi rửa thô lỗ của Damian bị chìm trong tiếng thét lớn của Dorcas Loom:

“Charlie Bone đáng bị ép ăn ốc sên suốt đời.”

Nói đoạn con nhỏ phá lên cười ha hả, và những đứa bạn ngồi kế nó bên khoa hội họa cũng cười hòa theo.

Để bảo vệ Charlie, Tancred phun một câu nhận xét gì đó mà gần như Charlie không nghe được, nhưng rõ ràng câu đó bậy bạ đến nỗi gây ra những tiếng kêu khiếp đảm và sững sờ.

Giáo sư Bloor đứng phắt dậy và nhìn khắp phòng. Ông ta vừa tính nói một câu gì đó thì cơn giận của Tancred trấn áp liền. Một luồng gió mạnh thổi suốt nhà ăn, làm đĩa với li bỗng trượt dài khắp các bàn. Những phần ăn tối bị hất tung xuống đất, và tất cả đội ngũ giáo viên đồng loạt đứng dậy, sững sờ.

“Đủ rồi!” Giáo sư Bloor gầm vang. “Tancred Torsson hãy TỰ KIỂM CHẾ!”

Ông hiệu trưởng đứng mấp me trên rìa bục, hai tay chắp sau hông, quắc mắt nhìn Tancred, trong khi cậu bé giông bão bình tâm lại và những bàn ăn tối từ từ bình thường trở lại.

“Hừ, đi lấy đồ hốt rác và giẻ lau tới đây, ngay!” giáo sư Bloor quát Tancred. “Trò phải dọn dẹp sạch những gì trò gây ra.”

“Vâng, thưa ngài.” Tancred lừ thừ ra khỏi nhà ăn, loay hoay cố giữ cho yên chiếc áo chùng xanh lá cây của mình.

Charlie cảm thấy tội lỗi. Tất cả là do lỗi của nó. Tancred đang phải trả giá cho sự bất cẩn kinh hoàng của nó – để thầy phù thủy thoát ra ngoài. Cho nên, nó gần như nhẹ nhõm khi nghe giáo sư Bloor gọi:

“Charlie Bone. Đứng lên.”

Charlie đứng lên, đầu gối run rẩy, hai tay túm chặt lấy cạnh bàn.

“Trò biết trò phải ở đâu rồi chứ.” Ông hiệu trưởng nói bằng giọng sắt đá.

“Ừm, con không rõ, thưa ngài.” Charlie nói.

“Tìm kiếm, thằng kia, tìm kiếm.”

“Con cố tìm kiếm rồi, thưa ngài. Con không thể kiếm ra nó... à... ông ấy.”

“Tôi chắc chắn có một chỗ trò chưa lùng sục, đúng không?”

Ông ta chờ một câu trả lời, nhưng thấy Charlie không trả lời, ông ta liền lặp lại:

“PHẢI KHÔNG?”

Bằng giọng lí nhí, Charlie đáp:

“Vâng, thưa ngài.”

“Đó là ở đâu?”

“Trong lâu đài hoang, thưa ngài.”

Tất cả mọi dao, nĩa chợt im lìm. Tất cả mọi cái miệng đều bất động. Tất cả mọi con mắt đều dán vô Charlie. Và tất cả mọi người trong phòng đều vui mừng mình không phải là Charlie Bone.

“Thế thì trò nên đi ra ngoài đó, đúng không?” giọng giáo sư Bloor giờ rống lên đầy đe dọa.

“Vâng, thưa ngài.”

Charlie liếc qua đồng bắp cải của nó rồi rời khỏi nhà ăn.

Ngày nắng sáng đã biến thành âm u và ẩm ướt, và Charlie run cầm cập khi chạy về phía khu lâu đài hoang. Đi vô lâu đài hoang vào ban ngày cùng một người bạn là chuyện khác, đi vô đó một mình khi hoàng hôn buông xuống lại là chuyện khác.

Những bức tường cao, đồ quạch bị ngập một nửa trong đám rừng. Và khi Charlie bước qua cánh cửa vòm cao, nó dừng lại để thở, và để ra quyết định. Nó đang ở trong một mảng sân lát gạch đối mặt với năm cổng vòm bằng đá, mỗi cổng là một lối khác nhau đi vô lâu đài hoang. Nên chọn lối nào? Cuối cùng, Charlie quyết định đi qua cổng giữa, vì nó biết lối này dẫn tới đâu.

Nó bước vô một lối đi tối tăm, nơi có những sinh vật nhỏ chạy nhón nháo quanh chân nó, và có những thứ ươn ướt, nhờn nhớt, nhúc nhích giữa những kẽ ngón tay nó khi nó xòe một bàn tay ra để giữ thăng bằng. Cuối cùng, nó ló ra ở một vùng sáng, rồi lại băng qua một khoảng sân gạch khác, đi xuống một dãy cầu thang đá, tới một trắng trống có những bức tượng bề đứng viền quanh. Ở chính giữa trắng trống là một hầm mộ đá. Leo lên nắp mộ rêu phong, Charlie đứng lên và lắng nghe.

Nó hy vọng từ vị trí này, nó sẽ nghe được tiếng cọt kẹt, hay sột soạt gì đó, có thể chỉ ra vị trí của Skarpo. Nhưng thật vô vọng. Những âm thanh ập ra từ tứ phía: tiếng lá xao động, tiếng gạch vỡ, tiếng thờ dài và tiếng những bàn chân tí hon quờ quạng không ngừng.

Charlie nhảy xuống khỏi cái nắp mộ, rồi bước qua cái vòng tròn tượng đá, tới một lỗ trống trong bức tường phía sau những bức tượng. Nó loạng choạng đi xuyên qua những bụi cây mâm xôi và bụi tầm ma gai góc, lảo đảo bước qua những bức tường đổ, té nhào xuống những bậc cấp ngầm, và rồi nó cất tiếng gọi:

“Sarpo! Skarpo! Ông có ở đó không? Làm ơn, làm ơn nói cho tôi biết. Tôi có thể làm bất cứ việc gì cho ông nếu ông giúp tôi vào lúc này.”

Charlie nhận ra như vậy là thật ấu và thật liều, nhưng nó đã tuyệt vọng rồi.

Bóng tối đổ xuống những bức tường, cây cối thở than và chim chóc xao xác, kêu thảm thiết trong gió.

Charlie nhìn đồng hồ đeo tay. 9 giờ. Giờ làm bài tập về nhà đã hết. Tất cả bạn bè nó chắc hẳn đã lên giường nằm cả rồi. Giáo sư Bloor không bảo nó bao giờ thì trở về. Hay là ông muốn nó phải ở trong khu nhà đổ nát này suốt cả đêm?

“Không được rồi.”

Charlie lẩm bẩm một mình. Nó biết cái gì vẫn thỉnh thoảng lén lút đi vô khu lâu đài khi trời tối: một thằng bé không phải thằng bé, là Asa Pike đi trên bốn chân, có lông và răng nanh, mắt lóa lên vàng khè, tiếng cười khẩy hẳn học biến thành tiếng gầm gừ. Đó là một con thú săn mồi, nhanh nhẹn đến chết người.

Charlie bắt đầu quay trở lại theo dấu chân của chính nó. Lao bừa qua những bụi cây thấp, nó ra được những vành đai tượng nhanh hơn mong đợi. Định băng qua trắng trống thì nó thấy một vật di động trên sân gạch phía bên trên. Charlie vội lẩn vô bụi cây đằng sau một bức tượng. Trong chút tia nắng mặt trời còn leo lét, nó thấy một thứ mà khiến da thịt nó nổi gai ốc lên. Một phụ nữ đứng ở đầu những bậc thang, một bà già khú mặc đầm dài màu trắng; mặt xám, da thịt nhăn nheo như mạng nhện, tóc trắng bệt lại thành những lọn lưa thưa, thả trên đôi vai xương xẩu

“Yolanda.” Charlie nín thở. “Belle.”

Ước chi nó đã không đụng phải bà già, và ước chi nó không gặp con thú xám ngồi chầu hầu trong cái bóng đổ xuống của bà ta. Mắt người phụ nữ nheo híp lại, tựa như đang nhìn thẳng vô Charlie. Bà ta bước đi,

con thú liền theo bén gót, như một con chó. Có điều nó không phải là một con chó, một con sói hay một con linh cẩu. Nó là một sinh vật xám, lưng còng, đuôi cụp, mắt vàng và mõm như mõm con lợn rừng đực.

Charlie nhắm mắt lại và nín thở. Chúng giống nhau, nó nghĩ. Asa và Belle. Cả hai kẻ biến hình. Hèn gì, Asa không thể tách khỏi Belle.

Trời tối hẳn khi Charlie cảm thấy đủ an toàn để ra khỏi chỗ nấp. Ngay cả như vậy nó cũng nhích từng chút một. Nhưng khi đã vượt qua những bức tường của khu lâu đài hoang, nó liền phóng như bay qua bãi cỏ và lao mình qua cửa vườn, té nhào xuống những phiến đá của tiền sảnh, như thể nó vừa bị đập bởi búa tạ.

Tòa nhà im như tờ. Charlie lê mình lên phòng ngủ chung và lăn kên ra giường.

“Có được gì không?” Fidelio gà gât hỏi.

“Không.” Charlie đáp.

Nó hoảng loạn nghĩ tới hình phạt đang chờ nó. Giờ thì không nghi ngờ gì nó sẽ bị phạt. Làm sao nó có thể tìm ra Skarpo trước chín giờ? Nó tưởng nó sẽ không thể ngủ vì quá lo lắng, nhưng cơn mệt đã thắng nó, ngay khi nó nhắm mắt lại.

Khi tỉnh giấc, Charlie nghĩ nó vừa gặp ác mộng. Trời vẫn tối và phía bên kia phòng ngủ chung, Billy Raven hình như đang lẩm nhẩm nói chuyện một mình. Có mùi kinh khủng phả khắp phòng.

Damian Smerks lèo nhèo:

“Billy Raven, đuổi con chó ghê ra khỏi đây ngay. Nó hôi như địa ngục ấy.”

Thêm mấy tiếng lẩm bẩm nữa. Có tiếng móng cả trên nền nhà và tiếng cửa đóng mạnh lại.

Charlie nhắm mắt lại tiếp, nhưng lập tức một giọng nói thì thầm bên tai nó:

“Charlie? Charlie anh thức à?”

“Ồ?” Charlie ậm ừ.

“Em đây, Billy. May Phúc đang ở đây. Nó nói là bà bếp trưởng muốn gặp anh. Ngay bây giờ. Rất khẩn cấp.”

16. Chương 16

NHỮNG CON MÈO LỬA VÀ MỘT CHUYẾN DU HÀNH

Ở đằng sau nhà bếp xanh da trời, có một tủ âm tường để chổi. Những thứ chứa bên trong tủ âm tường này, giẻ lau, đồ hốt rác, cây lau nhà và chổi, che giấu cho một cánh cửa thấp, có nắm cửa giống như một cái mắc áo nhỏ bằng gỗ. Một cái chổi lau nhà treo thường trực ở đó để ngụy trang. Nhưng nếu vịn tay nắm thì cánh cửa sẽ mở ra một hành lang sáng lờ mờ.

Ngày trước, khi bà bếp trưởng tới Học viện Bloor, bà được phân một căn phòng lạnh lẽo ở chái phía đông, những bà không hề có ý định ở đó. Gia đình Bloor không hề biết đến tông tích thật sự của bà, họ không bao giờ tưởng tượng được rằng bà bếp trưởng biết rành rẽ về tòa nhà cổ này hơn cả chính họ nữa. Chẳng bao lâu sau, bà chuyển vô căn phòng bí mật dưới lòng đất mà họ không hề biết tới.

Làm sao gia đình Bloor có thể đoán được rằng bà bếp trưởng tới đây với một mục đích duy nhất là giúp đỡ những đứa trẻ, con cháu của Vua Đỏ? Bản thân cũng có phép thuật (một điều nữa mà gia đình Bloor chẳng mấy may biết), bà bếp trưởng luôn có một niềm thôi thúc mãnh liệt là phải bảo vệ những đứa trẻ có thể gặp rắc rối vì tài phép của chúng. Và bà suy đoán chắc chắn rằng trong tất cả những đứa trẻ có phép thuật học ở Học viện Bloor, thì Charlie Bone, với tính nhiệt thành và vụng về khi cố gắng giúp người khác, là đứa cần bà để mắt tới nhất.

Charlie có khuynh hướng cứ đâm đầu vào mọi việc mà không cân nhắc gì cả, và bây giờ nó vừa làm một điều ngu ngốc nhất. Với sự trợ giúp của bà bếp trưởng, nó cần phải sửa chữa lại sai lầm đó.

May Phúc dẫn đường cho Charlie tới nhà bếp, nhưng chỉ thế thôi nó không chịu đi xa hơn nữa. Nó nằm ỉ ra trước cửa, gác đầu lên hai bàn chân trước, rõ ràng con chó này có thói quen canh gác lãnh địa của bà bếp trưởng vào ban đêm.

Charlie mò mẫm qua những tủ âm tường để chỗi. Trước kia nó đã từng vô căn phòng dưới đất của bà bếp trưởng hai lần rồi, nhưng theo như nó biết, thì chỉ có thêm Gabriel là một người nữa trong trường biết về căn phòng này và anh ấy đã thề giữ bí mật.

Charlie khó nhọc lách qua những chai dầu đánh bóng, những thùng can, chổi và những đồng giẻ lau. Nó vịn nắm đấm trên cánh cửa nhỏ. Cửa rít lên, mở ra. Charlie bước vô hành lang đằng sau cánh cửa và chạy về phía một dãy cầu thang. Nó đi vô một tủ âm tường khác và gõ vô một ô ván ở lưng cánh cửa.

“Phải con đó không, Charlie Bone?” Giọng của bà bếp trưởng.

“Dạ,” Charlie đáp khẽ.

“Thế thì vô đi.”

Charlie bước vô một căn phòng trần thấp, với những ghế bành thoải mái, sồn cũ và đồ đạc bằng gỗ bóng sáng. Vào mùa đông, những lò sưởi của bà bếp trưởng rực than hồng nhưng hôm nay lửa tắt và căn phòng có bầu không khí tù túng của mùa hè.

Một trong những chiếc ghế bành quay mặt vô lò sưởi nguội lạnh và, trong ánh sáng đèn dầu, Charlie trông thấy một chiếc giày đen và cái vật áo thun đen. Có người nào đó nữa ở trong phòng.

Bà bếp trưởng đặt một ngón tay lên môi:

“Suýt!”

Charlie rón rén đi vòng qua chiếc ghế và giặt mình, hết hồn hết vía. Kìa, đang ngủ say sưa, là Skarpo, thầy phù thủy.

“Ông ấy tới đây bằng cách nào vậy?” Charlie thì thào.

“Ta cũng định hỏi con câu đó đó. Con đã làm gì vậy, Charlie Bone.”

“Đó không phải là lỗi của con, thật đấy. Con không nghĩ là việc này lại xảy ra được. Bà biết đấy...”

Charlie cảm thấy hơi ngượng ngùng, khai tiếp:

“Con đi vô bức tranh vẽ ông ấy. Và chắc ông ấy đã ra theo cùng con. Nhưng lúc đó con không trông thấy ông ấy”.

“Chắc, chắc!” Bà bếp trưởng lắc đầu. “Người đàn ông đáng thương này trong tình trạng hoảng loạn kinh khủng lúc ta tìm thấy ông ta. Đang nằm bẹp trong tủ âm tường để chỗi của ta, khóc lóc và nài nỉ ta đưa về nhà. Ông ấy không thể chịu nổi ở đây.Ồ ào và đèn điện nhoang nhoáng, quá nhiều người. Ông ấy hoảng sợ.”

“Chính ông ấy đã gây ra những việc khủng khiếp mà,” Charlie nói, quên cả thì thầm.

Mắt Skarpo thỉnh thoảng mở bừng ra.

“Mi!” Ông ta thét lên, nhìn trân trân vô Charlie Bone.

“Phải, là cháu,” Charlie bảo.

Thầy phù thủy xổ ra một tràng những từ gì đó mà Charlie không thể hiểu nổi.

“Ông ấy nói gì vậy ạ?” Nó hỏi bà bếp trưởng.

Bà bếp trưởng mỉm cười nghiêm nghị.

“Ông ấy nói bằng biệt ngữ cổ xưa, nhưng hèn là ta có xuất xứ cùng một nơi trên thế giới với ông ấy. Vì vậy ta có thể hiểu. Người đàn ông tội nghiệp này năn nỉ con đưa ông ấy về nhà.”

“Làm sao con làm được điều đó?” Charlie kêu lên. “Bức vẽ đang ở nhà, đến thứ Sáu con mới ra khỏi đây được.”

Skarpo nhìn chăm chăm vào môi Charlie, quay qua bà bếp trưởng nhíu mày. Rồi bằng giọng lạ lùng như hát, bà bếp trưởng giải thích vấn đề của Charlie.

Skarpo rên rỉ.

“Vì vụ này mà cháu đã bị rầy rà rồi,” Charlie nói.

“Giáo sư Bloor cho rằng đó là lỗi của cháu - tất cả vụ chuồng đồ, và ếch, và gà, và các thứ. Cháu sẽ bị làm thịt ngay nếu những thứ đó không ngừng lại. Vậy tốt hơn, ông hãy ngừng yếm bữa lên các vật, không thì cháu sẽ không sống được để mà giúp ông đâu.”

Skarpo nhăn nhó và lúng búng cái gì đó.

“Ta nghĩ là ông ấy hiểu,” bà bếp trưởng nói.

Rồi bà buông một tiếng thở dài.

“Ta nghĩ phải giữ ông ấy ở lại đây cho tới thứ Sáu. Mặc dù ta thật lòng nói với con rằng, ta chẳng thích thú gì việc phải chia phòng mình với một thầy phù thủy. Tưởng tượng coi! Cha của ông ấy đã giọng buồn từ Ý tới cùng với Rizzo, tức Mary, bạn chí cốt của Nữ hoàng xứ Scots.”

“Chứ không phải ông ấy bị giết à?” Charlie nói.

“Kinh khủng lắm,” bà bếp trưởng hạ giọng xuống.

“Tốt hơn con nên quay về giường đi, Charlie, không thì con sẽ không bao giờ thức dậy nổi vào sáng mai đâu.”

Charlie định đi thì có một vấn đề bỗng bật ra trong đầu nó.

“Ông ấy sẽ rời khỏi đây bằng cách nào để không bị thấy?”

“Bằng đúng cách mà ông ấy đã vô đây,” bà bếp trưởng nói bí hiểm. “Chúc ngủ ngon, Charlie.”

Charlie không tin Skarpo. Sáng hôm sau, nó chờ đợi điều kinh khủng gì đó diễn ra. Nhưng không có voi hay mưa ếch nữa. Bầu trời trong và xanh, xúc xích vẫn là xúc xích, và không có gì xảy ra với ổ bánh mì thịt buổi tối.

“Quá tệ,” Fidelio, kẻ ăn chay, than thở.

Suốt bữa ăn tối, Charlie có thể cảm nhận đôi mắt lạnh băng của Giáo sư Bloor bám theo nó, và nó có cảm tưởng là hình như ông hiệu trưởng thất vọng. Ông ta hẳn đã thích thú suy nghĩ về một hình phạt khủng khiếp nào đó dành cho Charlie.

Trong phòng Nhà Vua sau bữa tối, bầu không khí nặng chịch, tựa như có thể cắt được bằng dao, theo như cách diễn tả của nội Bone. Charlie nghe Zelda thì thầm về “Ngày Thứ Hai Đen Tối Của Bone”, và Asa bật cười hô hô bằng một trong những tràng cười ghê hồn nhất của nó.

Đó là một tiếng đồng hồ thật khó chịu, với những tiếng trống vẫn còn đập thình thịch của Lysander làm nền, và cơn gió rít giận dữ của Tancred thổi giấy bay khỏi bàn. Như để đặt Tancred vô đúng vị trí của mình, Zelda bắt đầu di chuyển sách vở, và bút ra khỏi tầm với của những chủ nhân. Tệ hơn cả là ánh nhìn thôi miên của Manfred dường như cứ chia liên tục vô Charlie.

Belle cũng đang nhìn Charlie. Nhưng gương mặt nó toát lên vẻ sững sờ và hần học. Nó đang âm mưu gì thế nhỉ? Charlie tự hỏi.

Charlie không hé răng với ai về chuyện viếng thăm bà bếp trưởng lúc đêm khuya của mình, nhưng khi nó đang cùng Gabriel và Fidelio trên đường về phòng ngủ chung, Fidelio nói:

“Này, Charlie, chuyện gì xảy ra vậy? Em kiếm được ông bạn cũ rồi hả?”

“Ồ,” Charlie đáp.

Nó ngoái lại phía sau. Không có trong tầm nghe được, vì vậy nó miêu tả cuộc gặp với thầy phù thủy. Đám bạn nó đứng bất động giữa hành lang, đồng tai lên chăm chú nghe.

“Vì thế mà dơi không biến thành vàng nữa,” Gabriel lầm bầm.

Ba giám thị sải bước về phía bọn chúng, la om tởi:

“Tại sao ba đứa bây còn lơ đãng ở đây? Đi ngủ. Ngay!” Bà ta vỗ vỗ tay coi thật hung hãn.

Charlie thở phào nhẹ nhõm, những ngày còn lại trong tuần trôi qua mà không gặp phải những biến cố yêu thuật hay khốn đốn nào nữa. Mọi người thôi không nhìn nó một cách kì cục, cũng không xì xầm sau lưng nó nữa, và cho đến chiều thứ Sáu thì hầu hết cả trường đều bận rộn với vở kịch cuối học kì, họ đã quên hẳn “Ngày Thứ Hai Đen Tối Của Bone” rồi.

Charlie vẫn thường ao ước nó có thể tham gia vở kịch. Tất cả đám bạn đều có tham dự, nếu chúng không diễn xuất, thì cũng trang trí phong nền, may trang phục hay chơi nhạc. Ngay cả Billy Raven cũng được lôi kéo vào vai một tay trống tinh nghịch. Nhưng Charlie thì bị coi là vô dụng khi liên quan đến vui chơi, giải trí.

Thế nhưng hôm nay, Charlie vui mừng vì được ra khỏi trường trong khi nhiều đứa khác phải ở lại để diễn tập. Tuy vậy, khi chiếc xe buýt trường về đến đường Filbert, bụng nó bỗng quặn lên, bồn chồn. Nếu Skarpo đã lên vô nhà mà nội Bone không trông thấy, thì ông ta đang ở đâu? Và ông ta đang làm gì?

Charlie xuống xe buýt và bước đi thật chậm dọc theo đường Filbert. Nó đang nghĩ đến cuộc mặc cả mà nó muốn thực hiện với Skarpo. Nó sẽ chỉ đồng ý vô bức tranh khi nào ông ta có thể khuyên nó cách nào để Ollie Sparks hiện hình trở lại. Chắc chắn thầy phù thủy nào cũng phải biết cách làm điều đó.

Charlie leo lên những bậc cấp nhà số 9, vừa tính đi vô thì cửa đột ngột bật mở ra, và đứng sững trước mặt nó là Skarpo.

“AAAA!” Charlie hét lên.

Thầy phù thủy cười, nhe hàm răng đen, và Charlie vội nhìn quanh xem có ai đang nhìn không. Nhưng chẳng có ai trên đường chú ý tới nó. Họ vốn đã quen với những cảnh tượng lạ lùng xảy ra ở nhà số 9 rồi.

Thầy phù thủy nói cái gì đó, nghe như là “Vút!” và lôi Charlie qua ngưỡng cửa.

“Ông có thấy ai không?” Charlie thì thào. “Một phụ nữ? Một phụ nữ già ấy?”

“Không có phụ nữ nào,” Skarpo đáp.

Ông ta chụp cánh tay Charlie và lôi nó vô nhà bếp, nơi bức tranh đang dựng tựa vô một tô trái cây trên bàn. Skarpo hất đầu về phía bức tranh và nói:

“Ngay!”

“Không phải ở đây,” Charlie nói. “Có người đi vô thì sao. Lên lầu.” Nó chỉ lên trần nhà.

Skarpo chụp lấy bức tranh và đẩy Charlie đi qua cửa. Ông ta vừa đi vừa nói liến thoắng, nhưng Charlie chẳng nhận ra được một từ nào. Vừa lầm rầm trong miệng, thầy phù thủy vừa đẩy Charlie lên lầu và đi dọc theo chiều nghĩ tới phòng riêng của nó. Khi đã vô trong, Skarpo ngồi lên giường, để bức tranh trên đùi, quay mặt nhìn Charlie.

Thật kỳ quặc khi thấy thầy phù thủy ngồi đó, bộ râu quai nón đen bạc nhảy nhót lên xuống trong lúc nói, trong khi Skarpo của bức vẽ đứng bất động hoàn toàn trong căn phòng đầy ánh nến.

“Ngay bây giờ!” Skarpo gầm vang. “Đi mau!”

“Thật ra thì, sẽ không thực hiện theo cách đó được,” Charlie nói. “Ông phải làm một điều cho cháu trước đã.”

“Ậy!” Skarpo quăng bức tranh xuống.

“Ông không nên phá hủy nó, nếu không thì ông sẽ không bao giờ trở về được đâu.”

Thầy phù thủy quắc mắt nhìn Charlie.

Lựa lời thật cẩn thận, Charlie giải thích về tình trạng trở trêu của Ollie.

Skarpo nhăn mặt.

“Cái mà con rần đã làm, con rần phải làm hoàn lại.”

Lần này thì thật không thể hiểu sai lời Skarpo, nhưng để chắc chắn, Charlie hỏi.

“Con rần nào? Con rần phải làm cái gì?”

“Ày ày. Con rần,” Skarpo nói. Rồi ông ta nấn nỉ Charlie:

“Mày phải mang ta da khỏi đây.”

“Từ từ,” Charlie nói. “Còn một việc khác...”

“Không thêm nữa,” thầy phù thủy Skarpo quát.

Charlie đứng tấn chân xuống đất.

“Thêm chút. Ông nói ông có thể giúp Ông cậu cháu nếu ông gặp ông ấy. Ừm, Ông cậu cháu đang ở phòng kế bên.”

“Ày!”

Skarpo gầm gừ, nhưng không la lối thêm nữa, ông ta chỉ nhảy dựng lên và bước ra khỏi phòng.

“Chờ chút!”

Charlie hét lên, sợ Skarpo sẽ đụng phải nội Bone. Nhưng thầy phù thủy đã đi phăm phăm và lọt qua cửa phòng Ông cậu Paton rồi. Sang đến nơi, Charlie thấy ông ta đang dùng dùng xem xét những đồ vật trên chiếc bàn bên cạnh giường, trong khi từ trên giường, Ông cậu Paton há hốc miệng nhìn thầy phù thủy.

Không hề mảy máy môi, Ông cậu Paton hỏi:

“Charlie, phải đây là người ta nghĩ không?”

“È... phải,” Charlie nói. “Ông ấy có thể sẽ giúp Ông cậu.”

“Hắn định sẽ làm điều đó bằng cách nào?” Ông cậu Paton run run hỏi.

Thình lình, Skarpo thò tay vô chiếc áo chùng lưng thụng của mình và lôi ra một sợi dây xích. Ông ta mỉm cười với Ông cậu Paton và quay sợi xích trong không khí.

“Trời ơi! Người không tính trói ta vô giường đấy chứ!” Ông cậu Paton la hoảng.

Nụ cười của Skarpo rộng ngoác ra thêm. Ông ta nhét sợi xích trở vô túi và lôi ra một chiếc chuông nhỏ bằng bạc, rồi rung chuông ở ngay phía trên đôi bàn chân của Ông cậu Paton. Nó kêu leng keng vui tai khi thầy phù thủy bắt đầu hát ngân nga.

“Gì thế? Thần chết giống chuông gọi ta hả?” Ông cậu Paton rên rỉ.

“Con không nghĩ vậy đâu, Ông cậu,” Charlie trấn an. “Ông cậu à, thật tức cười, khi đi vô bức tranh thì con hiểu gần hết ông ấy nói gì, nhưng bây giờ con gần như chẳng hiểu lấy một chữ ông ấy nói.”

“Cả ta cũng chẳng hiểu. Ta đoán là khi mày ‘đi vô’, theo như mày nói, mày sẽ hòa nhập với nơi mày tới. Lúc đó, khi mày nghĩ tới việc gì, thì việc đó cứ thế mà xảy ra thôi.”

“À, con hiểu rồi,” Charlie tư lự.

Skarpo bây giờ đang bước quanh phòng, rung chuông và ề à một bài hát trầm. Đột nhiên ông ta tới tì xuống bên cạnh Ông cậu Paton và ra lệnh :

“Le lữ ra!”

Ông cậu Paton cau có ngược nhìn thầy phù thủy và bắt buộc phải làm theo.

Thầy phù thủy lùi lại, giật giọng:

“Hum rồi ngưi ử đao?”

“Nếu tôi hiểu đúng ý ông muốn nói, thì hôm rồi tôi ở Lâu đài Yewbeam,” Ông cậu Paton nói.

“Quý thân ôi!” Thầy phù thủy kêu lên. Một gia đình trôi dạt – lừa đảo, côn đồ, giết người. Tai ương cho người!”

“Đúng là tai ương thật,” Ông cậu Paton lầm bầm.

“Cỏ roi ngựa!” Thầy phù thủy nói. “Thảo mộc linh thiêng. Tắm, gội đầu, uống, hít nó vô.”

Đúng lúc đó, nắm cửa xoay và trước khi Charlie kịp ngăn lại, thì Skarpo đã xông vút ra mở cửa. Cánh cửa bung ra, để lộ nội Bone. Trong tích tắc, bà ta nhìn trần trời vô thầy phù thủy, rồi không thốt được một lời, bà nhắm mắt lại và từ từ đổ ụp xuống sàn.

“Ngút!” Skarpo tuyên bố.

“Chuyện gì vậy?” Ông cậu Paton hỏi, ông không thể nhìn xa hơn bên ngoài cánh cửa.

“Nội Bone,” Charlie nói. “Bà ấy xỉu rồi. Nhìn thấy Skarpo bằng xương bằng thịt chắc là phải sốc thôi!”

“Đặt bà ấy lên giường bà ấy,” Ông cậu Paton bảo. “Bà ấy sẽ chỉ nghĩ là mình vừa gặp ác mộng.”

Skarpo đang đứng trước họ một bước. Ông ta lẳng nội Bone lên vai, và rồi, với Charlie dẫn đường, ông khiêng người phụ nữ bất tỉnh vô phòng bà, tại đây ông thấy bà xuống giường.

“Cẩn thận,” Charlie la lên. “Xương người già, ông biết đấy.”

Skarpo bật cười hích hích thật lớn rồi ra lệnh:

“Giờ, đưa ta về nhà!”

“Được,” Charlie nói.

Nhưng khi họ trở lại phòng của Charlie, Charlie bỗng nghi ngờ.

“Ông sẽ để cháu ra trở lại chứ?” Nó hỏi thầy phù thủy.

“Cháu không muốn bị kẹt lại với ông mãi đâu.”

“Khong đau,” thầy phù thủy nói. “Ta sẽ cho ngưi ba cú đẩy.”

“Được,” Charlie nói, lòng hồ nghi.

Nó đặt bức tranh tựa vô cây đèn bên cạnh giường và nhìn vô đôi mắt vẽ của thầy phù thủy. Không có gì xảy ra. Thế thì, làm sao được? Charlie nhận ra là, Skarpo thật đang ở đây, bên cạnh nó, đang túm lấy cánh tay nó. Đằng sau những con mắt vẽ kia không có linh hồn, không có ý chí để lôi nó vô bức tranh.

“Cháu nghĩ chắc ông phải muốn cháu đi vô mới được,” Charlie nói.

“Ừm.”

Hai bàn tay xương xẩu bấu chìm vô hai bả vai Charlie. Skarpo bước một bước lại gần bức tranh, và rồi thêm một bước nữa.

“Đẩy đi, đồ ngu, đồ quấy vật,” cái giọng đằng sau tai Charlie thúc giục.

“Ông làm ơn, cháu đang cố...”

Charlie đột nhiên thấy mình bay bổng về phía trước. Đó là một cảm giác quái dị nhất, vì đôi bàn tay ở sau lưng hình như đang thọc hẳn vô cơ thể nó, để chúng có thể vừa kéo vừa đẩy. Charlie lao vùn vụt, lẹ đến nỗi nó không kịp thở. Nó bắt đầu nghẹt thở trong đám mây bụi đang trôi ào ạt vô mặt. Nó nhắm mắt lại và hắt hơi dữ dội.

Hỗn hợp quen thuộc của sáp đèn cầy và đồ thổi rửa xộc đầy lỗ mũi Charlie. Nó dụi mắt và thấy, xa xa phía trước, ánh đèn cây lập lờ. Giờ thì đã gần hơn, và rồi tới căn phòng của thầy phù thủy, chiếc bàn dài, những biểu tượng trên tường, cái đầu lâu dưới sàn. Và ở giữa phòng chính là Skarpo, với ánh nhìn vô hồn trong đôi mắt vàng tối.

Chắc hẳn là mình sẽ rớt vô phòng của thầy phù thủy, Charlie ngạc nhiên thấy mình bỗng dưng đang giật lùi lại. Nó vươn tay ra, cố túm lấy người đàn ông ở trong bức tranh, nhưng hai tay nó chỉ chụp được không khí. Nó đạp hai chân về phía trước, cố gắng chạm cho được mặt đất, rồi với một cú giật choáng váng, nó bị lật úp và rớt xuống.

Nó đáp xuống một cái “bịch”, đau điếng, vấp mặt xuống sàn phòng. Đứng kế bên là thầy phù thủy đang nằm mẹp, với áo thụng trùm ngược lên kín tới đầu. Từ bên dưới áo thụng thoát ra một tiếng rên rỉ bị nghẹt lại.

“Chuyện gì vậy?” Charlie thở dốc.

Thầy phù thủy tóc áo thụng ra khỏi mặt và ngồi lên. Ông ta lắc đầu một hồi và nói:

“Chụt!”

“Cái gì?” Hơi lảo đảo, Charlie đứng lên. “Ý ông muốn nói gì? Chúng ta sắp tới nơi rồi mà. Có chuyện gì vậy?”

“Khung có chụt,” Skarpo nói, giận dữ chỉ vô Charlie. “Người đã ăn cắp chụt.”

“Chụt?” Charlie ngơ ngẩn nhìn thầy phù thủy mất một lúc, cố hiểu lời ông ta, và rồi cuối cùng, nó chợt hiểu ra.

“À, con chuột. Dĩ nhiên rồi, ông không thể trở về nếu không có con chuột. Cháu nghĩ mọi thứ phải đúng y như cũ, hết như lúc ông đi ra.”

“Ừ ừ,” Skarpo rên rầm.

“Lần cuối cùng cháu trông thấy nó là nó ở trong phòng của Ông cậu cháu. Từ đó tới nay cũng lâu rồi.”

Skarpo bật đứng lên, lo lắng, không chịu rời mắt khỏi Charlie. Họ lao sang phòng của Ông cậu Paton. Cả hai cùng đồng thanh nói về con chuột bị mất và chuyến đi bất thành.

“Yên lặng coi,” Ông cậu Paton than van. “Đầu ta đang nứt đôi ra đây này, tại sao cái gã đàn ông này vẫn còn ở đây?”

“Cần phải kiếm con chuột, không thì ông ấy sẽ không thể nào về lại được.” Charlie giải thích.

“Lố bịch,” Ông cậu Paton nói. “Con chuột ấy biệt dạng lâu rồi. Các người sẽ không tìm thấy nó ở đây đâu. Nó ở đâu đó dưới ván sàn ấy. Chắc chắn ở đó có đủ vụn bánh cho nó ăn nhiều tháng liền.”

Skarpo rớt phịch xuống một chiếc ghế, hai tay ôm vùi lấy đầu, và thân mình bắt đầu lắc tới lắc lui, rên lên như còi hụ.

“Ồi trời ơi,” Ông cậu Paton giơ hai tay bịt chặt lấy tai. “Charlie, kiếm cho ta cái điện thoại.”

Ông cậu Paton đã tự sắm cho mình một chiếc điện thoại di động, để đặt hàng qua bưu điện. Ông thường sử dụng để đặt mua sách là chính, mặc dù thỉnh thoảng có những bộ đồ không đúng ni được gửi tới, chỉ để rồi nhanh chóng bị gửi trả lại.

Cuối cùng Charlie cũng tìm thấy điện thoại của Ông cậu, bị chôn vùi dưới một đồng giấy trên bàn.

“Ông cậu tính làm gì vậy?” Nó hỏi, đưa điện thoại cho Ông cậu.

“Ta tính quay số gọi cho ông Onymous,” Ông cậu Paton vừa nói vừa quay số, “những con mèo sẽ kiếm ra.”

“Những con mèo? Chúng sẽ giết nó mất.” Charlie la lên.

Ông cậu không đếm xỉa tới lời nó.

“Alô, ông Onymous đây à,” ông nói, “Paton Yewbeam đây. Chúng tôi gặp chút rắc rối, Charlie và tôi và ề... một người nữa. Tôi rất biết ơn nếu ông vui lòng mang những con mèo lửa nổi tiếng tới chỗ chúng tôi. Nếu chúng có sẵn ở đó, dĩ nhiên.”

Ông dừng lại trong khi một giọng nói nhẹ nhàng, trầm bổng rò rỉ ra khỏi điện thoại.

“Thế à? Tuyệt vời.” Ông cậu Paton liếc nhìn thầy phù thủy. “Nếu lẹ lẹ được thì quý hóa quá. Cảm ơn ông!”

Skarpo đã thôi rên rú và đang ngó Ông cậu Paton với vẻ thích thú.

“Những ngón tay ngưi sờ vô có ma thuật,” ông ta nói, vẩy vẩy ngón tay về phía chiếc điện thoại.

“Ừ. Ông nói thế cũng được,” Ông cậu Paton đồng ý, tránh ánh mắt Charlie. “Giờ thì...ông... ông Skarpo phải không ạ? Đòi hỏi phải kiên nhẫn một chút. Rất mau thôi, một người bạn tốt của chúng tôi sẽ tới... tới giúp. Đồng thời, tôi bắt buộc phải đề nghị ông giữ im lặng. Như ông đã nhận thấy đấy, tôi chẳng được khỏe khoản gì, và thêm một tiếng ồn ào nữa sẽ kết liễu tôi ngay. Cảm ơn!”

Thầy phù thủy chăm chú lắng nghe những lời của Ông cậu Paton. Rõ ràng là Skarpo bị “khớp” lắm. Thỉnh thoảng ông ta lại ậm ừ trong cổ họng, nhưng ngoài những tiếng ấy ra, căn phòng yên lặng đến nỗi có thể nghe được tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường mà Ông cậu Paton để quên trong tủ ly tách.

Cả ngôi nhà cũng yên ắng, cho tới khi mẹ Charlie đi làm về. Charlie xuống lầu, vô nhà bếp kể cho mẹ nó biết những chuyện đang xảy ra. Nó lú lẫm nói mau tới nỗi tất cả những lời nó tuôn ra lộn xộn, nhưng cô Bone cũng nhanh chóng nắm được những ý chính mà Charlie đang cố diễn tả. Cô thả chiếc giỏ mua hàng và ngồi xuống.

“Kỳ lạ thật, Charlie. Ý con nói là một thầy phù thủy thời trung cổ... bằng xương bằng thịt... đang ngồi trong phòng của Ông cậu Paton?”

“Con nghĩ ông ta chắc chắn thuộc thời Tудо[1] hơn là thời trung cổ,”

[1] Tudor: vương triều Tудо (vua nước Anh) từ năm 1485 – 1603.

Charlie nói. “Cha ông ta có liên quan gì đó tới Mary, Nữ hoàng Scots.”

“Mẹ không thể hiểu nổi. Mẹ không ngờ là tài phép của con sẽ lại dẫn tới điều này. Bà nội của con có biết không?”

“Biết. Nhưng bà nội xủ khi nhìn thấy ông ấy.”

“Mẹ chẳng ngạc nhiên.”

Chuông reng và Charlie chạy ra mở cửa.

“Chúng tôi tới đây, Charlie, hân hạnh phục vụ cậu,” ông Onymous nhảy tót vô hành lang, theo sau là ba con mèo.

“Xin chào quý bà,” ông nói khi cô Amy Bone ló đầu ra khỏi cửa.

“Xin ông cứ tự nhiên,” cô nói và rút nhanh vô nhà bếp.

Sự hiện diện của lũ mèo luôn khiến Charlie cảm thấy vui sướng vô kể. Giống như là trông thấy mặt trời hiện ra sau một ngày mưa dầm, u ám. Chúng quần quanh chân nó, cọ đầu vô đầu gối nó, trong khi Charlie giải thích tình hình cho ông Onymous.

“Ông cậu Paton nghĩ những con mèo lửa có thể kiếm được con chuột,” Charlie nói, “nhưng chắc là chúng sẽ giết nó mất?”

“Ồ không. Không hề, nếu chúng biết người ta muốn chúng làm điều gì,” ông Onymous vội bảo. “Lên lầu, những con vật mỹ miều của ta!”

Lũ mèo nhảy phóng lên lầu, con Dương Cừu dẫn đầu, con Sư Tử màu cam theo sau, và con Nhân Mã vàng đi cuối cùng, trông tựa như một quãng sáng đi động.

Rủi thay, nội Bone chọn đúng lúc này để mở cửa phòng bà ra.

“Mèo!” Nội thét âm.

Con Dương Cưu liền quào vô bà, con Sư Tử rú lên và con Nhân Mã gầm gừ.

Nội Bone bước lùi vô phòng và đóng sập cửa lại.

“Ta sẽ không ra cho tới khi những con vật đó cút khỏi nhà,” bà thét vang.

“Vậy càng tốt cho con,” Charlie lẩm bẩm.

Nó dẫn ông Onimous và lũ mèo vô phòng riêng của Ông cậu Paton. Tại đây ông Onimous cúi xuống giường người bệnh và nói:

“Tôi có nghe nói đến nỗi hoạn nạn của ông, ông Yewbeam. Hãy nghỉ ngơi đi. Chắc chắn chúng tôi sẽ làm tất cả để giúp đỡ.”

“Cám ơn, Orvil,” Ông cậu Paton chào. “Nhưng chính người đàn ông kia mới là kẻ cần được giúp nhất,” Ông cậu Paton chỉ Skarpo.

Ông Onimous nhảy lên một cái nhẹ. Ông đã không nhận ra thầy phù thủy, đang ngồi thu lu trên chiếc ghế bành đằng sau bàn làm việc của Ông cậu Paton.

“Ôi! Xin thứ lỗi, thưa ngài. Thật vinh hạnh, Orvil Onimous.”

Ông chìa một bàn tay có móng dài như vuốt ra.

Thầy phù thủy cho phép ông Onimous được bắt tay mình, nhưng dường như ông ta không nhận thấy ông Onimous. Ánh mắt ông ta đang dán tịt vô ba con mèo.

“Những con vật xinh đẹp,” Skarpo lẩm bẩm. “Những sinh vật cổ xưa. Không nghi ngờ, những con báo. Của người hả?”

“Chúng không thuộc về ai cả,” ông Onimous đáp. “Tuy nhiên, chúng đã từng là của nhà Vua. Dĩ nhiên, tôi đang nói về Vua Đỏ.”

“Vua Đỏ. Ủ.” Skarpo gật đầu, mắt ông ta vẫn không rời lũ mèo, nhìn chúng hau háu.

“Ông không thể mang chúng trở lại cùng với ông đâu,” Charlie nói dứt khoát.

Bộ râu quai nón của Skarpo rung rinh.

“Ta không phải ăn trộm, nhóc.”

“Chứ...”

Charlie ráng kìm nén để không nhắc tới cây gậy phép bị đánh cắp. Tình huống này đã đủ rối rắm rồi.

“Thế, bức tranh đâu, Charlie?” Ông Onimous hỏi.

Charlie phóng về phòng nó, mang bức tranh qua. Và ông Onimous, trỏ một ngón tay vô con chuột vẽ rồi nói:

“Thấy chưa, bọn mèo lửa? Cái con chuột đang thò đầu ra khỏi túi này này?”

Lũ mèo nhìn ngón tay của ông Onimous, và rồi hướng ánh mắt quả quyết về phía Skarpo. Ánh mắt sáng quắc của chúng quét từ gương mặt tới một nếp gấp tối phía bên hông chiếc áo thụng của ông ta, nơi mà, bây giờ không có con chuột nào nữa. Ốc tinh hiếu của chúng thật đáng kinh ngạc. Giây sau, chúng đã lung sục khắp căn phòng, dưới gầm giường, và ra khỏi cửa.

Charlie ngó ra hành lang để coi lũ mèo làm gì. Toàn bộ ngôi nhà tràn ngập ánh sáng vàng rực; rồi đây những tiếng vỗ nhỏ, tiếng cào nhẹ, tiếng meo và tiếng gừ gừ. Những móng vuốt khéo léo vặn nắm cửa, mở những ngăn tủ, nâng thảm, nhấc giấy, kéo rèm, lật tấm trải giường, mở ngăn kéo, xê dịch những thùng, hộp, giày, quần áo. Và rồi bộ ba dừng lại hít hít và lắng nghe.

Charlie nín thở và lắng nghe cùng với chúng. Không lâu sau. Một tiếng thụp đột ngột, một tiếng chít và một tiếng ngao. Sau đó, chúng chạy lên lầu. Nhân Mã đi trước, móng kẹp chặt một con chuột.

Lũ mèo lửa tuôn vô phòng Ông cậu Paton và con Nhân Mã meo lên thật to, đặt con chuột hoảng sợ, nhưng không bị xây sát gì, lên đùi thầy phù thủy.

“Chụt!” Skarpo la lên, chớp lấy con chuột. “Giỏi quá, những con vật dũng cảm.”

Ông ta vuốt đầu con mèo vàng, “Cám ơn, mày.”

Đút con chuột vô túi, Skarpo đứng lên, làm cử chỉ cúi chào Ông cậu Paton và ông Onimous.

“Thưa các quý ông, tạm biệt!”

Rồi ông ta dựng bức tranh tựa vô một đồng sách trên bàn làm việc của Ông cậu Paton và quay cho mặt Charlie Bone đầu vô đó.

“Ngay!” Ông ta ra lệnh.

“Được.” Charlie Bone nhìn Ông cậu và ông Onimous. “Các ông giúp con quay lại... nếu con bị kẹt nhé?”

“Bọn mèo lửa sẽ bảo vệ an toàn cho cậu,” ông Onimous nói. Và lũ mèo tiến gần sát Charlie Bone khi toàn bộ quy trình khó chịu, bị đẩy với lôi, bắt đầu lại từ đầu.

Nhưng lần này, trong khi Charlie Bone vút đi, nó cảm thấy có một luồng khí ấm áp bao bọc lấy toàn thân nó, và khi nó nhìn đôi mắt vô hồn của thầy phù thủy, nó vẫn để ý thấy có những chùm ánh sáng đỏ và vàng ở bên cạnh mình. Khi con mắt của thầy phù thủy bắt đầu sống động lên, Charlie biết nó đã mang ông ta về nhà thành công. Bây giờ nó phải rút lui trước khi Skarpo bắt đầu giở trò bịp bợm.

Tuy nhiên, lần này xem ra Skarpo không hề có ý định đổi gạt Charlie Bone.

“Đi đi, Charlie Bone,” ông ta bảo, vẫy tay. “Và nhớ thảo dược cho cái ông đau mắt.”

Những gì xảy ra tiếp theo chắc chắn không phải là lỗi của Skarpo. Đằng sau chiếc bàn của thầy phù thủy có một cửa sổ, và ánh mắt của Charlie Bone bị hút ra dải bờ biển lóng lánh bên ngoài kia. Nó chưa kịp tự lôi mình thoát khỏi, thì đã thấy mình đang bay qua cửa sổ.

Khi trôi trên mặt nước đầy ánh trăng, Charlie một lần nữa lại cảm nhận sự hiện diện ấm áp của những con vật tinh anh, nó không sợ hãi. Mảng tối của một khu rừng nổi lên ở xa xa, và nó cảm thấy ngạt thở vì cố đoán xem việc gì sẽ xảy ra khi nó tiến lại gần hơn. Giờ, nó đang trôi trên rừng cây tối một nơi mà những chiếc lá trên ngọn cao nhất rục rờ ánh lửa.

Nó nhìn xuống một trắng trổng, nơi có một người đàn ông đứng nhen một đồng lửa. Người đàn ông này mặc áo thun đỏ, da ông tiếp với màu nâu ấm áp của đất. Charlie cảm thấy ông là người buồn bã nhất thế giới.

Những tia lửa từ đồng lửa bắt đầu bắn lên bầu trời, và khi người đàn ông ngược nhìn theo chúng thì ông trông thấy Charlie. Những nét buồn rầu rời khỏi gương mặt ông, và đột nhiên ông nhoẻn miệng cười rạng rỡ. Bằng giọng trầm lắng, du dương, ông gọi to ba cái tên, và ba con vật bước ra khỏi bóng tối. Ánh lửa nhảy múa trên bộ lông đốm nhạ của chúng, và chúng giương những đôi mắt vàng nhìn lên Charlie.

17. Phần 1

KHU VƯỜN Ở NGÁCH TỐI

“Những con mèo lửa.” Charlie lẩm bẩm.

“Cậu trở lại rồi sao, Charlie?” Một giọng nói.

Một màn sương bạc bao quanh Charlie, và khi chớp mắt nó thấy mình lọt thỏm trong tầm nhìn của 6 con mắt vàng.

“Ồ.” Nó thốt lên.

Tiếng gừ gừ lúc này tràn đầy trong tai nó bắt đầu im dần và nó cúi xuống vuốt ve ba cái đầu rục rờ.

“Điều đó quả là kỳ diệu, Charlie. Suốt đời tôi, tôi sẽ không bao giờ quên.”

Màn sương tan ra, Charlie thấy ông Onimous đang ngồi trên cái ghế Skarpo vừa bỏ trống.

“Chuyện gì vậy ạ?” Charlie hỏi.

“Cậu đã ở đó, cả ông thầy phù thủy nữa.” ông Onimous nói, chồm ra đầy phần khích. “Chà, cái ông phù thủy, ừm... xuyên thẳng qua người cậu. Xong, ông ta mờ dần, ờm, cho tới khi chỉ còn là một cái bóng và rồi biến hẳn luôn. Phùùù!”

“Có chuyện gì xảy ra với cháu vậy?”

“Cậu á? Cậu vẫn ở lại chỗ cậu đây, Charlie. Cứ đứng trơ ra như một tảng đá và nhìn trừng trừng vô bức tranh. Nhưng lũ mèo thì lại khác. Chúng di chuyển không ngừng. Chúng luẩn quẩn quanh chân cậu, cứ gừ gừ và hát lên theo cái kiểu trước giờ tôi chưa bao giờ nghe thấy.”

“Cháu nghĩ chúng đã đi cùng với cháu,” Charlie nói. “Ý cháu là chúng đi cùng với tâm trí cháu khi cháu vút đi.”

“Vậy à, ừm, tôi không cho là chúng làm được như thế.”

Charlie không nhắc tới cuộc gặp gỡ con báo và người đàn ông mặc áo thụng đỏ. Điều đó quá riêng tư và quý giá, tới nỗi nó không tìm được lời để diễn tả. Thay vào đó, nó quay qua Ông cậu và thấy ông ngủ mê man.

“Ông cậu Paton có trông thấy những gì xảy ra không?” Charlie hỏi.

“Tội nghiệp, ông ấy lịm đi trước khi thầy phù thủy từ biệt chúng ta,” ông Onimous nói. “Ông cậu của cậu bị bệnh rất nặng, Charlie. Thật thảm thương khi chứng kiến một người thông minh và dũng cảm ra tới vậy.”

“Cháu muốn giúp ông cậu.” Charlie quả quyết. “Và cháu sẽ làm. Skarpo bảo Ông cậu phải tắm bằng cây gì đó như cỏ roi ngựa. Ông nghĩ cháu có thể kiếm nó ở đâu?”

“Ừm,” ông Onimous lấy tay day day cái cằm đầy râu. “Để tôi hỏi xem, Charlie. Giờ tôi đi đây. Chúc may mắn”

Với bộ điệu thần tốc như thường lệ, ông Onimous nhảy phắt ra khỏi ghế, ào ra khỏi cửa phòng và phóng ào xuống lầu trước khi Charlie kịp nghĩ ra một câu hỏi khác.

“Chào tạm biệt hai bà Bone.” Ông gọi khi rời ngôi nhà cùng với những con mèo rục rờ nhảy cẫng đằng sau.

“Chúng đi rồi hả?” Nội Bone la lớn.

“Phải ạ, nội,” Charlie thở dài nói.

Nội Bone hiện ra ở ngưỡng cửa.

“Đi hết rồi hả?” Bà nói. “Mày hiểu ý tao chứ?”

“Phải, ông ấy cũng đi luôn rồi.”

“Đội ơn chúa.” Bà ta thụt trở lại vô phòng mình và đóng cửa cái rầm.

Charlie ra bàn dùng bữa cùng với mẹ, nhưng suốt bữa ăn, tâm trí nó cứ vương vất mãi về cuộc hành trình xuyên cửa sổ của thầy phù thủy. Mình đã gặp Vua Đỏ, nó nghĩ. Và ngài cũng trông thấy mình. Mình đã thấy những con báo và khu vườn họ sống. Charlie lại càng tin chắc rằng Dương Cừu, Sư Tử, Nhân Mã đã dẫn nó tới khu vườn xa xăm đó. Nhưng tại sao? Và bằng cách nào?

“Con nghĩ gì mà mãi mê thế, Charlie.” Mẹ nó hỏi.

Charlie ngần ngại: “Con đang suy nghĩ xem mình có thể lấy cỏ roi ngựa ở đâu.”

“Cỏ roi ngựa? Đó là một loại cỏ hay thảo mộc gì đó, nhưng mẹ chưa thấy bao giờ. Con cần nó để làm gì vậy, Charlie?”

“Để giúp ông cậu Paton.”

“Ồ.” Mẹ nó nhướn mày lên nhưng chẳng hỏi gì thêm.

Tối khuya hôm đó, Charlie mang khay đồ ăn lên phòng Ông cậu. Nhưng Ông cậu không hề đụng tới cái khay. Căn phòng chìm trong bóng tối, nên Charlie thấp ngọn đèn cây dựng ở bàn làm việc của ông cậu.

“Ông cậu có ăn đi mà.” Nó nài nỉ. “Con nghĩ rằng ông cậu sẽ khỏe cho coi.”

Ông cậu Paton quay đầu đi.

“Xin lỗi, Charlie. Ta nghĩ ta sắp tàn rồi. Ta cảm nhận điều đó trong đầu, trong xương, và trong linh cảm của ta. Lão ta đã kết liễu ta rồi.”

“Nhưng lão đã làm gì.” Charlie gào lên. “Và lão ấy là ai?”

Ông cậu vẫn thường không chịu nói. Bằng giọng ngắt quãng, ông thều thào nói:

“Julia có lại thăm ta không?”

“Con nghĩ là không.” Charlie buột miệng.

“Ôi.” Ông cậu Paton náo nức.

“Có thể cô ấy tới trong khi con đi học.” Charlie đoán chừng, hối hận vì sự vô ý của mình. “Thật ra là con tin cô ấy có tới, nhưng chắc chắn là nội Bone không cho cô ấy vô.”

“Không phải.” Ông cậu Paton thở dài. “Cô ấy quên ta rồi.”

Charlie chẳng nghĩ ra cái gì để nói. Nó phân vân không biết có nên kể cho ông cậu về chuyện nó đã gặp Vua Đỏ không. Có lẽ chuyện này sẽ làm ông cậu vui lên, nhưng nó vẫn không thể lựa được lời để nói về chuyện đó.

“Ông cậu hãy dùng thử cỏ roi ngựa,” nó nói. “Con nghĩ thầy phù thủy thực lòng muốn giúp ông cậu đó.”

“Cỏ roi ngựa.” Ông cậu Paton làu bàu. “Một loại cây linh thiêng.”

“Ông cậu có biết nó mọc ở đâu không?”

“Trong vườn của bà Eustacia, chắc chắn. Bà ta trồng tất cả những thứ nào mà mày từng nghe nói tới. Nhưng ta khuyên mày đừng có léo hánh đến đấy, Charlie. Đó là một nơi nguy hiểm.”

“Con không sợ.” Charlie nói. “Con đã tới đó rồi.”

“Ôi không, Charlie.” Ông cậu rên rỉ.

Và rồi ông rơi vào một giấc ngủ đầy kích động khác, cứ ú a ú ớ, mắt nhắm nghiền, miệng méo xệch, răng nghiến trề trạo.

Tâm trí Charlie đã quyết, bằng cách nào nó cũng quyết vô vườn của bà cô Eustacia. Nhưng trước hết, nó phải tìm hiểu xem cỏ roi ngựa như thế nào đã. Nó không muốn bứt phải thứ cây nào độc địa và chết người; mà nó vẫn không hề nghi ngờ là những thứ cây đó vẫn được trồng quanh vườn bà cô Eustacia.

Sáng thứ Bảy, sau khi mẹ nó rời nhà đi chợ rồi, Charlie tới thăm cô Ingledew. Trong hiệu sách có một bầu không khí phấn chấn và tất bật thật đáng ngạc nhiên. Đó thường là nơi yên tĩnh, nhưng hôm nay, Charlie thấy Olivia, Tancred và Lysander đi lại đĩnh đạc đằng sau quầy, đầu đội những cái mũ lông kỳ dị.

Emma và Tancred được giao nhiệm vụ thiết kế mũ cho vở kịch, và Tancred rủ Lysander đi cùng để cậu ta vui lên. Rõ ràng là chiều này có tác dụng. Không còn nghe tiếng trống kinh khủng đeo đẳng theo Lysander nữa, thậm chí Lysander còn phá lên cười khanh khách khi Tancred thổi chiếc mũ lông vàng của nó bay lên trần nhà.

“Trông em nghiêm trọng quá vậy, Charlie.” Tancred nhận xét. “Đừng lo, tụi này không quên Ollie đâu. Bọn anh đang lập một kế hoạch, nhưng vở kịch đang cấp bách mà.”

“Chính xác là vở kịch về cái gì vậy?” Charlie hỏi, thắc mắc về những cái nón hoa hòe hoa sói.

“Nó kiểu như một dạng pha trộn giữa Cái hộp quẹt và Mười hai công chúa nhảy múa,” Olivia nói. “Tớ là một trong những nàng công chúa.”

“Thế ai đóng vai lớn nhất?”

“Họ chưa quyết định.” Olivia đáp. “Manfred muốn Lydia Pierman đóng vai chính. Tớ nghĩ hẳn có cảm tình với chị ấy. Zelda sẽ ghen tị tới phát điên mất.”

Dì của Emma xuất hiện và nhắc bọn trẻ vui lòng thử nón ở phòng phía sau.

“Cô không muốn khách hàng nghĩ nơi này biến thành cửa hàng quần áo đâu.” Cô vừa nói vừa mỉm cười.

Charlie giải thích nó tới không phải để thử nón, mà vì một nhiệm vụ khẩn cấp thì đúng hơn.

“Để giúp ông cậu của cháu.” Nó nói.

“Ra vậy.” Cô Ingledew cố tỏ ra không quan tâm, nhưng nó cảm thấy điều ngược lại.

“Bà nội của cháu một hai cho rằng cô đang theo đuổi ông cậu Paton.” Cô nói. “Cô muốn tỏ thái độ rõ ràng là cô hoàn toàn không vậy.”

“Vâng ạ.” Charlie nói. “Vấn đề là, tình trạng của ông cậu Paton đang xấu đi. Bây giờ ông không ăn gì nữa.”

“Ồ, Charlie, cô không hề biết. Ông cậu Paton đáng thương. Cô phải...cô hối hận quá.” Cô Ingledew đột nhiên kích động.

“Cháu nghe nói tới một loại cây thân thảo, gọi là cỏ roi ngựa, có thể chữa được bệnh cho Ông cậu.” Charlie nói

Cô Ingledew nhú mày:

“Cháu nghe thấy điều đó ở đâu?”

“Tớ đảm bảo là từ lão phù thủy.” Olivia chen ngang.

“Đúng không?” Emma hỏi. “Đúng không, Charlie.”

“Kể cho mọi người nghe đi.” Tancred thúc giục. “Không anh thối bứt áo chú mày ra bây giờ.”

Charlie vội túm chặt lấy dây nịt của nó.

“Rồi rồi.” nó đồng ý, miệng cười toét.

“Cô không biết cháu đang nói về cái gì?” Dì của Emma nói. “Và cô cũng không biết chắc mình có muốn biết không.”

“Khổ một cái cháu không biết cỏ roi ngựa nó ra sao.” Charlie nói. “Và cháu nghĩ thể nào cũng có hình của nó ở một trong những cuốn sách tuyệt vời của cô.”

Vừa lúc đó có 2 vị khách bước vô cửa hàng, cô Ingledew bảo bọn trẻ vô kiểm trong đám sách ở trong cửa hàng.

“Tra vắn ‘T’ để kiểm cuốn ‘Thảo mộc với nghề trồng vườn xem.’”

Chính Lysander là người kiểm thấy cuốn sách, một phần do nó là đĩa cao nhất bọn, và tất cả những sách vắn T đều nằm ở quầy trên cùng.

“Đây rồi!” Nó nói, đặt cuốn sách để mở lên bàn, và chỉ vô một bức hình. Cỏ roi ngựa hình như là một loài cây mọc thành bụi, lá màu xanh lá cây – vàng, với những bông hoa li ti màu hoa cà ở đầu những búp chồi.

“Sách ghi rằng, người ta từng tin nó chữa trị được mọi thứ, kể cả tà ma.”

“Thảo mộc linh thiêng.” Olivia đọc ghé qua vai Lysander. “Người La Mã dùng nó để trị bệnh truyền nhiễm, và để ngăn chặn yêu ma, tà thuật.”

“Em biết kiểm nó ở đâu rồi.” Charlie nói, nhìn đăm đăm vô bức tranh.

“Ồ ĐU?” Cả bốn cặp mắt đều chĩa vô Charlie.

“Trong vườn của bà cô em.” Nó nói. “Ồ Ngách Tối.”

“Bọn này sẽ đi cùng đằng ấy.” Olivia sốt sắng.

“Không cần...” Charlie vừa tính nói... thì Lysander đã cương quyết.

“Cần chứ sao không cần. Tụi này sẽ đi. Anh cần phải làm cái gì đó hữu ích, không thì anh phát khùng mất.”

Charlie buộc phải thừa nhận có bạn đi cùng tới Ngách Tối sẽ tốt hơn, dẫu có lo rằng năm đứa trẻ sẽ gây chú ý ở nơi hoang vắng, im lìm đó.

“Em bị dính với tụi này rồi.” Tancred nói thêm.

Năm người bạn rời tiệm sách, bảo với cô Ingledew là chúng đi kiểm cỏ roi ngựa. Cô thận trọng gật đầu, nhưng vì mỗi tiếp hai vị khách đang tìm sách nấu ăn, nên cô không thể hỏi bọn trẻ thêm câu nào nữa. Tuy nhiên, khi các khách hàng đã rời khỏi tiệm, nhìn thấy cuốn sách bọn trẻ xem hồi nãy, cô liền mang nó ra phòng ngoài. Đặt nó lên quầy, cô xem kỹ bức tranh vẽ một loại cây rậm lá, có hoa màu tím tím.

“Một loại cây linh thiêng.” Cô lẩm bẩm đọc. “Tà thuật... yêu ma...”

Cánh cửa mở xịch ra, kèm theo một tiếng “koong” thật to, và hai đứa con gái bước vô tiệm.

“Tôi có thể giúp gì được nào?” cô Ingledew hỏi.

“Chúng cháu không muốn mua sách.” Con bé đẹp hơn, tóc vàng nói. “Chúng cháu đang đi kiểm mấy đứa bạn.”

“Tụi cháu nghĩ tụi cháu vừa thấy bọn nó ra đi khỏi tiệm sách của cô.” Con bé kia tiếp, nó lùn hơn và phúng phính hơn người bạn đồng hành của nó.

“À, vậy các cháu muốn gặp Emma cháu gái của cô.” Cô Ingledew nói.

Hai vị khách giờ đã xộc vô tới quầy, con bé tóc vàng quay ngược cuốn sách để mở lại và đọc.

“Cỏ roi ngựa. Thú vị làm sao!”

“Ồ.” Dì của Emma nói, đóng cuốn sách lại.

“Vậy, cô làm ơn cho cháu biết Emma và tụi kia vừa đi đâu được không?” con bé mập hỏi.

“Tôi không biết.”

“À! Chúng cháu có hẹn gặp nhau mà.” Con bé tóc vàng nói.

“Tiếc quá!” Cô Ingledew nói.

Cô có linh cảm rõ ràng là hai đứa kia đang nói dối. Cô không thích chúng, nhất là đứa con gái mặt đẹp. Hai mắt nó cứ đổi màu liên hồi, đó là điều gây khó chịu nhất.

“Thôi vậy,” con bé tóc vàng thở dài. “Chúng cháu đi đây, xem có đuổi kịp chúng không.”

Nó nhếch một nụ cười rộng ngoác, nhe cả hàm răng trắng bóng.

“Tạm biệt!” Cô kẹp cuốn sách dưới tay và nhìn hai đứa con gái đi khỏi.

“Chúng muốn cái gì không biết nữa?” Cô lẩm bẩm.

Charlie và các bạn vừa tới Vòng cung Ụ Xám, thì thấy một bóng người xộc ra từ một ngõ hẻm tối dẫn tới khúc cua.

“Bà cô Venetia!” Charlie thì thảo với tụi bạn “Lẹ lên! Trước khi bà ấy thấy tụi mình!”

Chúng băng vội qua đường, núp sau cây thông lớn ở giữa khúc cua, trong khi bà Venetia Yewbeam bước đều về phía đường cái. Bà xách một cái giỏ mua hàng bằng da cũ bự, có in chữ “Y” màu vàng chói bên hông giỏ. Khi bà ta tới gần, Charlie kéo tụi bạn núp sâu hơn nữa sau tàn cây. Bà cô của nó dừng lại, và trong khoảnh khắc, Charlie tưởng bà sẽ băng qua đường sục sạo. Nhưng sau vài giây, bà Venetia lại đi tiếp.

Khi bà cô nó quẹo vô đường chính rồi, Charlie dẫn cả đám vô con hẻm ẩm ỉm, mang tên Ngách Tối.

“Nơi gì mà thê lương.” Olivia thì thầm. “Ai mà muốn sống ở đây cơ chứ.”

“Mấy bà cô của mình.” Charlie đáp.

Chúng đi qua những ngôi nhà vô chủ, nơi lũ chuột giật mình phóng ra khỏi thùng rác, và những kẻ lang thang cầu nhàu từ những bậc cấp tầng hầm nhộp nháp, và rồi chúng đối mặt với một loạt căn nhà số 13.

“Căn nào?” Lysander hỏi.

“Ừm, bà Venetia sống ở căn cuối. Nếu tính theo tuổi tác thì bà cô Eustacia chắc phải sống ở căn chính giữa,” Charlie đáp.

“Đằng ấy nghĩ bà ấy có nhà không?” Olivia hỏi.

“Không biết.” Charlie nói gọn. “Nhưng còn lâu mình mới gõ cửa hỏi.”

“Vậy làm sao mình vô vườn được.” Emma nói.

Charlie chưa nghĩ tới điều đó. Hên là Tancred đã nghĩ tới rồi.

“Đằng này này!”

Tancred vẫy gọi cả bọn từ một cánh cổng nhỏ có chấn song sắt. Phía bên kia cổng, một con đường nhỏ chạy giữa nhà số 12 và số 13. Rõ ràng có lối ra những khu vườn phía sau nhà.

Cánh cửa kêu kít một tiếng thật lớn khi chúng bươn bả qua, và Charlie lo lắng liếc vô hông nhà số 13. Nhưng chỉ có 1 cửa sổ, tít trên bức tường cao, lại là cửa sổ có rèm kéo xuống.

Phía sau những ngôi nhà, những mảnh sân và vườn được phân ranh rõ rệt bằng những bức tường đá màu xám cao. Một lối nhỏ hẹp chạy giữa những khu vườn của Ngách Tối và vườn của những khu nhà khác trong vòng cung. Nhưng, không giống như tường của những căn nhà khác, tường của mấy căn nhà số 13 không có cổng.

“Em phải leo vô đi.” Lysander bảo Charlie. “Em có thể đứng lên lưng anh này.”

“Còn tụi này cảnh giới.” Emma nói.

“Anh sẽ đi cùng em.” Tancred nói.

“Không để em.” Olivia hét lên. “LÀM ƠN MÀ!”

“Suyt!” Charlie nhắc nhở, “cả hai cùng đi.”

Ngay khi Charlie leo lên lưng Lysander và leo lên tường, nó nhận ngay ra là nó cần thêm 2 cặp mắt nữa để phụ tìm kiếm. Khu vườn bạt ngàn cây. Những loại thân thảo, loại có hoa, loại cây bụi và loại cỏ dại mọc san sát bên nhau trong khuôn viên những bức tường. Một thảm thực vật thật sự.

“Chao!” Olivia thốt lên khi trông thấy khu vườn. “Tụi mình phải bắt đầu từ đâu đây?”

Chúng quyết định sẽ đi thành hàng, khởi đầu tìm kiếm từ bức tường, đi dài tới ngôi nhà. Charlie thấy ngay là việc chẳng dễ gì. Cây cỏ ken đặc lên nhau đến nỗi thật khó mà không dẫm lên chúng. Olivia, trong đôi giày tím gỗ ghê, tàn phá cây nhiều hơn tụi con trai. Con nhỏ cứ hết trượt vô những bụi cây lớn nhất lại đập vào những bụi cây thanh mảnh nhất. Charlie cố không nhìn Olivia, mà tập trung hướng mắt vô đám cây trước mặt.

Thình thoảng một đứa trong bọn lại phấn khích reo lên. “Đây rồi!”, “Thấy nó rồi!”, và rồi lại “Ồ, không phải!”

Khi chúng tiến tới gần ngôi nhà, Charlie bỗng nghe thấy cái gì rơi xuống bức tường chắn giữa vườn nhà Eustacia và sân nhà kế bên. Nó nhảy qua những lùm cây cuối cùng để xem đó là cái gì.

Một viên đá màu xám, trơn láng đậu trên mặt tường. Trông nó quen đến lạ lùng. Và rồi Charlie chợt nhớ ra.

“Thầy Boldova.” Nó lẩm bẩm. “Những viên đá phát sáng.”

Nhưng viên đá này là từ vườn nhà bà Eustacia hay từ nhà bà cô Venetia kể bên?

“Em kiếm ra rồi à, Charlie?” Tancred khào khào, thì thào gọi.

“Không, em...”

Có tiếng huýt sáo lạnh lạnh từ bức tường và Lysander gọi:

“Coi chừng, Charlie. Có cái gì đó ở trong nhà.”

Charlie nhìn lên tòa nhà im ắng, ám đầy bồ hóng. Từ đây, nó nghe thấy những tiếng nói. Cánh cửa sổ trên cùng đóng lại cái “thình”, và tất cả bọn chúng đều nghe thấy tiếng bước chân chạy vội xuống cầu thang.

“Tội mình ra hết mau.” Olivia nói.

“Nhưng tội mình chưa tìm thấy cỏ roi ngựa.” Charlie lừng khừng.

“Quên đi.” Tancred nói. “Hôm khác bọn mình sẽ tới.”

Nhưng có thể sẽ không có ngày khác. Charlie quyết không bỏ cuộc. Nó quay người lại, đảo mắt liên hồi và ngó chăm chăm vào những bụi cây, trong khi bọn bạn hối hả chạy về phía bức tường.

“Coi chừng!” Tancred hét khi cánh cửa nhà sau bật mở.

Và rồi Charlie trông thấy bụi cây, gần như ngay dưới chân nó. Không có thời gian mà tả cảnh hay lấy búp, nó giật mạnh, nhổ nguyên cả bụi khỏi mặt đất, để cả rễ.

“Mày làm cái gì đấy?” Bà cô Eustacia rít lên từ ngưỡng cửa.

Bà ta chạy ào xuống những bậc cấp khi Charlie phóng lệ qua khu vườn, dẫm bừa lên cây cỏ. Olivia đang bò qua tường thì bỗng có một tiếng “rắc” lớn ngay dưới bàn chân phải của Charlie, và trước khi kịp dừng lại thì nó đã thấy mình trượt dài trên mặt đất.

“Íiii... Ôôô!”

Charlie la lớn, cố túm lấy một bụi cây khẳng khiu. Vô ích. Nó đang lộn nhào càng lúc càng sâu xuống một cái hố đen ngòm.

“Mày không ngó thấy cái bẫy của ta hả, thằng ngu?” Bà cô Eustacia cất giọng khàn đục.

“Charlie, đằng ấy ở đâu?” Olivia gọi.

“Cứu với!” Charlie bấu chặt lấy hai bên thành hố, nhưng đất ở đấy nhót nhọt những con ốc sên và cỏ cây thối rữa.

18. Phần 2

Trong tất cả các bà cô, thì bà Eustacia có giọng cười ma quái nhất. Tiếng cười của bà khàn khạc thật độc địa.

“Ha! Ha! Ha!”

Bà ta đứng sừng sững ngay bên trên Charlie, và nó trông thấy quang cảnh gớm ghiếc là đôi vớ màu nâu cùng đầm lót màu đen.

Nó vội nhắm tịt mắt lại, mồm la yếu ớt:

“Cứu tôi với!”

“Quá trễ mà cứu với kiếc!” bà Eustacia cười ngạo nghễ. “Mày bị kẹt như một con chuột mắc bẫy, Charlie Bone. Giờ tao phải làm gì với mày đây?”

Charlie nhìn lên.

“Mấy bà già không được làm vậy với con nít.” Nó bưng bình trả treo.

“Không được à? Nhưng tao thì được!” bà cô của nó cười khùng khục. “Và nếu mày...”

Bất thành linh, giữa chừng câu nói, bà cô Eustacia bay vọt lên không. Cảnh tượng thật đáng sửng sốt. Khi Charlie nhìn lên thì cái thân hình đồ sộ đã ở trên trời, rồi biến mất vô một đám lá cây. Giờ thì Charlie nghe thấy tiếng gió gào trên đầu, cuốn cành cây, đất lá, bụi rậm và những cành cây nhỏ vô một cơn lốc xoáy dữ dội.

“Tancred.” Charlie thở gấp khi thấy bốn bàn tay xòe về phía nó.

“Leo lên, Charlie.” Giọng Tancred phát ra, mặc dù Charlie không trông thấy cậu ta qua những đồng xà bàn bay vù vù.

“Tancred đang giữ chân con dơi già.” Olivia bảo “nè, lẹ lẹ coi.”

Nhưng Charlie không thể nào với tới những bàn tay đang vẫy kia.

“Mình không lên được! Không lên được!” Nó thét.

Thêm hai bàn tay nữa xuất hiện, một bàn tay rắn chắc, rám nâu, có thể vươn sâu xuống hố.

“Nhảy lên đi, Charlie.” Giọng Lysander. “Hích lên coi, anh chàng. Ra khỏi đó mau.”

Lần này Charlie cạp bụi cỏ roi ngựa vô giữa hai hàm răng và nhảy lên, nhắm tới đôi bàn tay nâu. Hai bàn tay chụp lấy nó và từ từ, nó leo lên.

Tancred và Olivia cùng túm lấy một cánh tay của Charlie, trong khi Lysander túm cánh tay kia. Dần dần, Charlie được lôi lên tới miệng hố. Nó nghe thấy một tiếng hét bị chặn lại đâu đó đằng xa, và khi bò lên được, quăng mình vô cơn gió, nó thấy chắc chắn là bà cô nó, bị bọc trong đồng lá cây, đang giãy giụa chống lại làn gió đang gào thét trong khu vườn bà ta.

“Ngừng lại!” Cái đồng xanh lá cây thét vang khi Charlie và bọn bạn lao ra phía bức tường.

Lysander đẩy móng Charlie một cái, và cả bọn rớt tòm xuống con hẻm, cùng phá ra cười bỏ.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Emma hỏi, nó quá lùn nên không trông thấy gì phía bên kia bức tường.

“Tancred tung bảo bối ra, làm bà cô Charlie trông như một đồng phân trộn.” Olivia nói.

“Bà ta sẽ trút cơn giận lên bồ cho coi, Charlie.” Emma nói. Vì quá lo lắng nên nó chẳng còn nhìn ra cái gì tức cười nữa.

Không nghĩ tới chuyện đó thì tốt hơn, Charlie nhả bụi cỏ roi ngựa ra khỏi miệng, phun bừa ra và phủi bụi đất khỏi người, rồi cả bọn chạy ngược lại con đường nhỏ vô Ngách Tối. Ra tới đó, Emma, là đứa duy nhất biết nghĩ xa, lôi ra một túi ni – lông từ trong túi và đưa cho Charlie.

“Tụi mình biết làm gì nếu không có bồ?” Charlie nói, thả bụi cỏ roi ngựa đầy bừa vô trong bọc.

“Nó có cả rế.” Emma nhận xét. “Bồ có thể trông nó được đó.”

“Mình phải coi xem nó có hiệu nghiệm không đã.”

Chúng lao như bay qua Ngách Tối và ló ra ánh nắng mặt trời của Vòng Cung U Xám. Sự thay đổi nhiệt độ thật sâu sắc. Sau lưng chúng là một nơi mà ánh mặt trời chưa bao giờ chạm tới. Một nơi hiu quạnh, bị bỏ quên, với những phiến đá lạnh tanh và những mảng tối u ám. Tất cả bọn trẻ đều bắt giác rung mình và ngửa mặt lên ngắm mặt trời.

Thế rồi Tancred hỏi:

“Charlie này, lúc bà cô của em chạy qua cửa thì em đang nhìn cái gì thế?”

Charlie hầu như quên bóng viên đá. Charlie rút viên đá từ trong túi quần ra.

“Cái này này.” Nó nói.

Tất cả nhìn vô viên đá xám, nhẵn nhụi nằm trong lòng bàn tay của Charlie.

“Trông quen quen.” Lysander nhận xét.

“Em đảm bảo nó của thầy Boldova.” Charlie nói. “Mấy hòn đá phát sáng trong lòng bàn tay thầy trông cũng giống như thế này.”

“Đúng rồi.” Olivia nói. “Nhưng sao nó lại lọt vào khu vườn của bà cô đằng ấy.”

“Có người nào đó ném nó xuống từ một cửa sổ.” Charlie nói. “Mình nghĩ bà ta đã đánh cắp nó.”

Tất cả đều nhất trí rằng khả năng đó có thể xảy ra. Tuy nhiên, ai đã ném viên đá đó? Tại sao họ lại ném? Đó là một câu đố.

“Có quá nhiều câu đố.” Lysander nói. “Tụi mình hẹn gặp nhau ngày mai nha? Và bàn luận vấn đề Ollie luôn.”

“Thế còn Ông cậu Charlie thì sao?” Emma nhắc cả bọn. “Nhỡ mà cở roi ngựa không có tác dụng thì làm thế nào?”

“Mình sẽ làm bất cứ điều gì.” Charlie nói

Khi chúng ra tới đường cái, năm người bạn tỏa ra, và Charlie chạy về nhà cùng với cở roi ngựa chiến lợi phẩm. Nó nôn nao không thể chờ nổi xem cở có công hiệu hay không. Trước tiên nó sẽ bầm nhỏ một ít lá cở roi ngựa ra và pha cho Ông cậu nó một cốc trà cở roi ngựa. Nó phóng lẹ lên những bậc cấp nhà số 9, mở cửa ra và...tông thẳng vô nội Bone.

“Mày có cái gì đó?” Nội nói, ngó cái bịch nhựa lom lom.

“Chẳng có cái gì... Ờ, mấy trái cây mang từ cửa hàng của mẹ về.” Charlie nói phịa.

“Láo! Tao thừa biết mày vừa làm cái gì. Eustacia đã gọi cho tao. Mày là đồ ăn cắp!”

“Không phải!” Charlie lùi ra khỏi cánh cửa để mở.

“Đưa cái bịch cho tao!” Nội Bone ra lệnh.

“Không!” Charlie thét lên.

Nội Bone giơ tay giật lấy cái bịch, đúng lúc đó, một con chó vàng tổ chẳng lao ù lên những bậc cấp và nhảy lên người bà nội của Charlie, xô bà lui vô nhà.

“Hạt Đậu!” Charlie la lớn. Nó lao xuống những bậc cấp, có con Hạt Đậu bám theo sát gót, trong khi nội Bone gầm rú từ trong nhà ra:

“Đứng lại! Về coi! Chờ coi, Charlie Bone! Mày đừng hòng thoát khỏi tao!”

Charlie chạy suốt con đường, thở hồng hộc:

“Hạt Đậu, mày từ đâu tới vậy? Mày đã cứu mạng tao!”

Và nó chợt trông thấy Fidelio, đang chạy như bay tới chỗ nó.

“Hãy, Charlie!” Fidelio gọi to. “Hạt Đậu bỏ anh chạy mất! Anh nghĩ nó quá sức muốn giúp em!”

Hai thằng bé trò chuyện giữa đường Filbert, và Fidelio giải thích là nó vừa tới quán Café Thú Kiểng, hy vọng sẽ gặp Charlie, ai dè gặp phải ông Norton Cross, và ông ấy cứ nằng nặc bắt nó phải đưa Hạt Đậu đi dạo.

“Em quên mất.” Charlie nói. “Thiệt tình em cứ quên hoài. Xin lỗi mày nhé, Hạt Đậu.” Nó vỗ vỗ cái đầu bồm xồm của con chó.

“Vậy nãy giờ em đi đâu? Có chuyện gì thế?” Fidelio hỏi.

Charlie thuật lại chuyện đi tới Ngách Tối và lý do nó phải búng trộm cở roi ngựa của bà cô.

“Phải chi anh cũng tới đó nhỉ.” Fidelio nói, hơi buồn vì bị gạt ra ngoài mọi chuyện. “Em tới nhà anh đi, trong khi đợi bà nội em nguội bết.”

Charlie nghĩ ý này thật là hay.

Hạt Đậu không nghĩ như vậy, nhưng nó quá vui mừng khi gặp lại Charlie, và nó được chuẩn bị tinh thần để chịu đựng cái nơi mà nó cho là ồn ào nhất thế giới.

Bảy anh chị em của Fidelio, tất cả đều chơi những loại nhạc cụ khác nhau, và vào bất cứ thời điểm nào cũng có ít nhất năm người trong họ đang luyện tập. Thêm vào đó còn có tiếng kèn đồng rộn rã và giọng nữ cao vút của ông bà Gunn. Tất cả hợp thành một âm thanh giống như là tác phẩm của một nhà soạn nhạc dám có những thử nghiệm táo bạo nhất.

“Tụi mình lên lầu đi.” Fidelio hét to ngay khi chúng vừa vô trong nhà. “Ở đó yên lặng hơn.”

Hạt Đậu lê bước lên cầu thang, theo sau hai thằng bé, co rúm lại mỗi khi đi ngang qua một căn phòng có tiếng trống thỉnh thoảng, tiếng kèn trumpet, tiếng tù và rống lên, hoặc tiếng kèn xen-lô cò cửa vọng ra.

Ở tầng trên cùng của ngôi nhà, có một gác mái tối, nơi gia đình Gunn chứa những nhạc cụ hư gãy. Hai đứa ngồi yên vị trên một cái thùng gỗ lớn, và Charlie kể cho Fidelio căn kễ hơn về cách nó giải quyết vấn đề thầy phù thủy Skarpo. Nhưng nó thấy nó vẫn chưa sẵn sàng kể cho thằng bạn thân nhất về cuộc hành trình ra bờ biển của mình.

Fidelio trầm tư lắng nghe câu chuyện của Charlie, rồi nói:

“Bữa nay em nên tránh xa bà nội em ra. Tụi mình sẽ đem những cái cây này vô nước để nó khỏi chết.”

Chúng lại đi xuống cầu thang, ngang qua những đứa trẻ mặt đầy tàng nhang và tóc nâu loăn xoăn. Và tất cả bọn chúng đều vỗ vỗ con Hạt Đậu và hồ hởi chào đón Charlie như đón một người anh em mất tích lâu ngày. Hai đứa đi vô nhà bếp, chỗ bà Gunn vừa hát vừa làm bánh mỳ kẹp chuối và pha nước chanh thứ thiệt.

“Trông có vẻ là một loại cỏ thần dược.” Bà thốt lên khi Charlie lôi cỏ roi ngựa ra khỏi bịch nhựa.

“Con có muốn đặt nó vô một cái chậu không?” Bà nói.

“Mẹ ơi, thật ra thì Charlie muốn giấu cái cây này khỏi bà nội nó.” Fidelio nói. “Cho nên, ở trong chậu không có đất cho nó dẫu. Nó không phải cỏ dại, mà là một thứ thảo mộc rất đặc biệt.”

“À há.” Bà Gunn ngậm nga. “Chúng ta vẫn có thể trồng bằng rễ của nó. Charlie, bác sẽ tỉa cho con vài lá dẫu dưới áo sơ-mi mang về. Phần còn lại thì cứ để ở đây khi nào con cần tới nó.”

Charlie trao cỏ roi ngựa cho bà Gunn và nhận hai ổ bánh mỳ chuối (một cho nó và một cho con Hạt Đậu), sau đó nó và Fidelio mang con chó vàng ra công viên cho rộng cẳng.

Vào lúc 4 giờ, sau vài chiếc bánh mỳ kẹp nửa (phomat Stilton, bơ đậu phộng, trứng và quả lý chua), Charlie rời Mái Ấm Gia Đình Gunn và đem Hạt Đậu trở về quán Café Thú Kiểng. Nó hứa với ông Norton là ngày hôm sau sẽ gọi điện lại, nhưng giờ nó lo quay về nhà trước khi mẹ nó gặp phải nội Bone đang giận dữ.

Tuy vậy, khi Charlie về đến nhà số 9 thì nội Bone đã rời nhà, và mẹ nó đang định pha cho Ông cậu một tách trà.

“Để con làm cho, mẹ.” nó nài nỉ.

Nó lôi một vài búp cỏ từ dưới áo thun ra và đặt lên bàn.

“Con muốn Ông cậu thử uống một ít cỏ này.”

Cô Bone nhú mày.

“Con kiếm nó ở đâu vậy, Charlie?”

“Từ vườn của bà cô Eustacia.” Nó thú nhận. “Đúng ra là con đã bứng trộm, và chắc sẽ có một chút rắc rối đấy.”

Mẹ nó cười, vẻ lo lắng.

“Chắc chắn rồi.” cô nói. “Hy vọng là nó có tác dụng trước khi bà nội trở về.”

Rồi cô ngắt ra vài lá, để vô một cái tách, và đổ đầy nước sôi vào.

Charlie nhìn làn nước chuyển sang màu xanh lá cây tươi sáng. Trông màu nước thật nguy hiểm. Liệu thầy phù thủy Skarpo có lừa họ?

“Mẹ mong là nó lợi nhiều hơn hại.” cô Bone bảo. “Coi bộ nó có đặc tính rất mạnh.”

“Đây là cơ may cuối cùng của Ông cậu Paton, mẹ à.” Charlie nói liều.

Nó chờ cho trà cỏ roi ngựa nguội bớt, rồi đem tách trà lên phòng cho Ông cậu, cùng với số cỏ còn lại kẹp dưới nách.

Ông cậu Paton đang nằm trong cảnh tranh tối tranh sáng. Những bức rèm được kéo xuống, và nhìn luồng ánh sáng heo hắt lọt vô phòng, không ai có thể đoán được rằng ngoài kia là một buổi chiều hè nắng gắt.

Charlie đặt tách trà lên đầu giường Ông cậu và thì thào:

“Ông cậu Paton, con mang trà cho ông cậu nè.”

Ông cậu Paton rên rỉ.

“Làm ơn nhấp một ngụm đi. Nó sẽ làm Ông cậu khỏe hơn.” Charlie nói.

Ông cậu Paton chống một cùi trỏ, nhồm người lên.

“Đây.” Charlie chìa tách trà ra.

Mắt ông cậu Paton vẫn nhắm lơ mơ, và bàn tay ông run rẩy khi cầm lấy cái tách. Charlie nhìn trần trối ông cậu nó nâng tách trà lên môi.

“Nào.” Charlie thúc giục. “Uống đi.”

“Bất cứ ai cũng sẽ nghĩ mày đang cố đánh thuốc độc ta.” Ông cậu Paton phát ra một thứ âm thanh ghen ứ, ngờ ngờ, mà chắc hẳn là một tiếng cười phá lên.

“Con đang cố giúp Ông cậu mà.” Charlie thì thào đầy nhiệt thành.

Ông cậu nó mở hân mắt ra và nhìn Charlie.

“Tốt.” Ông nói, đoạn hớp lấy một ngụm trà.

“Ợ! Cái gì thế này?”

“Cỏ roi ngựa đó.” Charlie đáp. “Ông cậu có nhớ thầy phù thủy Skarpo đã nói rằng nó có thể chữa khỏi cho ông cậu không. Con có mang theo chỗ còn lại đây này.”

Nó đặt mấy cành cỏ có cả lá lên giường Ông cậu.

“Trông như cỏ dại.” Ông cậu quan sát. “Ta có thể đoán chắc chắn mày vừa mới ở đâu về, Charlie.” Ông cười khà khà rồi nhấp thêm một ngụm nữa, một ngụm nữa.

Charlie chờ trong khi Ông cậu uống cạn tách trà.

“Không tệ.” ông cậu Paton lầm bầm. “Không tệ chút nào. Chúa phù hộ cho mày, Charlie.”

Ông nằm lại xuống gối và nhắm mắt lại.

Charlie đón lấy cái tách không từ tay ông cậu và rón rén ra khỏi phòng.

“Có tác dụng không?” Cô Bone hỏi ngay khi Charlie trở lại nhà bếp.

“Con không biết, mẹ. Nhưng Ông cậu có vẻ dịu hơn. Phải đợi một lúc mới biết chắc được.”

Hai mẹ con bỗng nói chuyện thật khê và di chuyển thật nhẹ nhàng hết sức. T.V là đẹp, không bàn tối. Như thể không khí trong nhà bỗng tràn ngập tâm linh huyền bí và mong manh, mà luồng gió nhẹ nhất hay âm thanh nhỏ nhất cũng có thể phá vỡ.

Trời sập tối dần, nhưng nội Bone vẫn chưa về nhà. Charlie tưởng tượng ra một cuộc họp đang diễn ra trong Ngách Tối. Có thể họ đang bàn kế hoạch đặt nó vô đúng vị trí, một lần rồi thôi. Nó liếc nhìn mẹ, đang đọc sách ở bàn bếp, và hy vọng rằng cho dù có chuyện gì xảy ra với nó chẳng nữa, thì cũng sẽ không làm đau lòng mẹ nó.

Thình lình, cô Bone ngược lên khỏi trang sách.

“Con có nghe thấy không?”

Charlie có nghe. Ở trên lầu, một cánh cửa đang mở ra. Ván sàn rung cọt két. Một thoáng sau có tiếng nước chảy. Bồn tắm đang hứng nước.

Khi vòi nước ngừng chảy, không gian im ắng tới độ Charlie có thể nghe thấy cả nhịp tim của chính nó. Và rồi, một mùi hương lạ lẫm lẽ phũ trùm khắp căn nhà, một mùi hương pha lẫn phép thuật.

19. Chương 19

KẾ HOẠCH CỦA LYSANDER

Charlie mở choàng mắt ra và nhìn vô đồng hồ treo tường trong nhà bếp. Đúng nửa đêm. Mẹ nó đang cạo một cái xoong trong bồn rửa chén.

“Mẹ cũng vừa tỉnh dậy,” mẹ nó nói và đặt hai ly cao lên bàn. “Mẹ không biết chuyện gì xảy tới với mẹ con mình, Charlie.”

“Ông cậu Paton tắm.” Charlie nói. “Con nhớ là con nghe thấy tiếng nước chảy, xong con ngủ mê đi.”

“Mẹ cũng vậy,” Mẹ Charlie nói. “Bà nội con vẫn chưa về. Thôi mẹ con mình đi ngủ đi, trước khi bà về.”

Hai mẹ con uống cao rồi lên lầu. Khi Charlie đi ngang qua phòng của Ông cậu, nó dừng lại lắng nghe. Tuyệt nhiên chẳng có động tĩnh gì trong phòng Ông cậu. Ngay cả tiếng ngáy cũng không. Charlie nhẹ nhàng đi vô phòng nó, nhú mào lo lắng.

Nó vừa ngã xuống giường, thì chợt nghe thấy tiếng xe hơi đỗ xích bên ngoài. Một tiếng cửa đóng sầm và tiếng nội Bone oang oang:

“Chúc ngủ ngon, Eustacia. Cứ để ta nắn cái thằng ôn dịch đó, đừng lo.”

Charlie kéo tấm trải giường trùm kín đầu và cố không nghĩ tới cuộc diện kiến nội Bone vào sáng ngày mai.

*

* *

Charlie thức dậy rất sớm, rón rén đi xuống nhà bếp và chén một tô bắp cốm ngâm sữa. Nó nghĩ tới việc sẽ để lại cho mẹ một mẫu tin nhắn, giải thích rằng nó sẽ đi ra ngoài suốt cả ngày, mặc dù nó vẫn chưa quyết định được là sẽ đi đâu. Bất kỳ điều gì cũng tốt hơn phải giáp mặt nội Bone.

Nhưng đã quá trễ để để lại một mẫu tin nhắn. Quá trễ để chuồn khỏi nhà. Charlie tê cứng lại khi thấy có tiếng hai bàn chân to cộ bước thịch thịch xuống cầu thang. Chúng băng qua hành lang và cánh cửa nhà bếp bật mở.

“Tóm được mày rồi!” Nội Bone đứng sừng ngay trước ngưỡng cửa trong bộ áo choàng tắm màu xám trông gớm guốc.

“Chào bà nội!” Charlie cố hết sức để tỏ ra thật tỉnh bơ.

“Tao đảm bảo mày đang tỉnh rồi khỏi nhà trước khi tao tỉnh dậy.”

“Đâu... đâu có!”

“Đừng có láo. Mày rầy rà to rồi Charlie Bone.”

Nội Bone hùng hổ đi vô nhà bếp và quắc mắt ngó xuống Charlie.

“Mày đã làm gì với khu vườn của em gái tao, hả? Mà thôi, đừng mất công trả lời làm chi. Mày ăn cắp chứ còn cái gì nữa. Đám bạn mày cũng chẳng khá hơn. Eustacia đang bị sốc kinh khủng. Suýt nữa thì lên cơn đau tim.”

“Con xin lỗi.” Charlie lúng búng.

“Xin lỗi, xin lỗi cái gì. Mày sẽ phải trả giá!” Nội Bone rống lên. “Tụi tao sẽ báo cáo giáo sư Bloor, và mày sẽ phải ở lại đây cho tới khi chúng tao quyết định xem phải làm gì với mày.”

“Không được ra ngoài?” Charlie hỏi. “Cả đi học cũng không luôn.”

“KHÔNG. Không đi đâu hết ít nhất trong vòng một tháng.”

Bình thường điều này chắc hẳn chẳng làm Charlie lo lắng, nhưng trong tình hình sôi sục như thế này, nó cần phải tới trường. còn có một con trăn xanh da trời để mà thuần hóa. Còn có Ollie Sparks để mà giải cứu.

“Nhưng mà...” Nó há miệng.

“Cả cái con mẹ rách việc ấy nữa.” Nội Bone gầm gừ. “Bắt quả tang một cuốn sách đang nằm trên quầy của mẹ ta, mở ngay trang có in hình thứ cở mà mày đã đánh cắp.”

Charlie không chắc, nhưng nó nghĩ là nó nghe thấy tiếng thủy tinh bể lắc rắc trong khi nội Bone quát tháo. Nó thắc mắc ai đã nhìn thấy cuốn sách ở tiệm cô Ingledew mà loan tin đó ra, thì nội Bone thành linh đập bàn một cái rầm và thét lên.

“BỌN TA SẼ KHÔNG ĐỂ YÊN! ĐỒ PHÁ RỐI DAI DẶNG, ĐỒ... ĐỒ... TẠI SAO MÀY KHÔNG PHỤC TÙNG, HẢ?”

Charlie đang định thốt một câu trả lời ỉu xiu, thì một giọng nói từ ngưỡng cửa vọng vô.

“Ha.”

Kia kìa, ông cậu Paton đứng đó, trong chiếc áo sơ mi trắng lóa cả mắt. Tóc ông đen gấp 2 lần, đen hơn bao giờ hết, và hình như trông ông cao hơn gần cả tấc. Quả là cao, tới nỗi Ông cậu phải cúi đầu mới chui lọt qua khung cửa.

Nội Bone trông như thể vừa dòm thấy ma vậy.

“Khỏi rồi à,” nội ré lên.

“Bà không vui sao?” Ông cậu Paton nói.

Nội Bone hoang mang liếm môi.

“Nhưng mà... nhưng mà...”

“Tuởng lão ta kết liễu tôi rồi chứ gì.”

Ông cậu Paton vừa nói, vừa tiến lại gần bà chị.

“Tuởng lão đã biết tôi thành một kẻ dạ-thừa dật dờ, run rẩy và sống dở chết dở chắc?”

“Tôi không biết cậu đang nói về cái gì.” Nội Bone nói.

“Bà thừa biết ấy chứ.” Ông cậu Paton gầm lên như sấm. “Chính bà đã mưu tính. Chính bà đã lập tất cả kế hoạch. Bà đã đem con mụ biến hình quỷ quái đó sống giữa chúng ta. Bà nhắm tới cái gì thế, HẢ?”

“Im ngay!” Nội Bone gào. “Tôi... tôi có thể yêu cầu cậu ra khỏi ngôi nhà này!”

“Và tôi cũng có thể yêu cầu bà điều tương tự.” Ông cậu Paton hét vang, đứng cao hơn hẳn bà chị.

Charlie thích chí khi nhìn thấy bà nội nó thở hắt ra, nghẹn ngào, và chạy ra khỏi bếp, hai tay bưng lấy đầu.

Ông cậu cười rạng rỡ với Charlie và bắt đầu tự pha cho mình một tách café.

“Công hiệu rồi,” Charlie nói. “Cổ roi ngựa ấy. Nó hiệu nghiệm thật rồi.”

“Có cái gì đó đã phát huy tác dụng. Ta cảm thấy tỉnh táo như một cái bóng đèn vậy.”

Ông cậu Paton nói thế, nhưng trông ông chẳng có cái gì giống cái bóng đèn cả.

“Con cứ sợ thầy phù thủy Skarpo lừa chúng ta.” Charlie nói. “Nhưng bây giờ con đã tin ông ấy rồi. Chao! Ông cậu Paton! Thấy ông khỏe mạnh lại con sung sướng quá.”

“Ừ, sướng thiệt. Cảm ơn mày nhé, Charlie.”

Ông cậu Paton làm điệu bộ hơi cúi người xuống và mang café ra đặt lên bàn.

“Nào, mày sẽ kể cho tao nghe tình hình ở Học viện Bloor như thế nào chứ hả?”

Charlie cố hết sức để cập nhật cho ông cậu tất cả những gì diễn ra trong thời gian ông nằm bẹp trên giường. Nó đang tả lại sự việc trong vườn bà cô Eustacia thì có tiếng người dặm thình thình xuống lầu và bước ra khỏi nhà, sập cửa trước thật mạnh lại sau lưng.

Qua cửa sổ, hai người thấy nội Bone bước rầm rập trên phố, đầu đội chiếc nón rơm mới của bà – cái màu đen có gắn những trái anh đào tím lịm.

“Bà ấy tới Ngách Tối đó, chắc chắn.” Ông cậu Paton nói. “Để manh nha một âm mưu khác đấy mà. Ta bảo đảm việc ta bình phục sẽ làm họ sốc kinh khủng, nhất là cụ phù thủy Yolanda.” Ông cậu cười khà khà.

“Ông cậu Paton, Ông cậu có nghĩ bây giờ kể chuyện xảy ra ở lâu đài đó được chưa?” Charlie dò hỏi.

Ông cậu Paton xoa xoa cái cằm và nói:

“Được, Charlie. Cũng tới lúc rồi.”

Ông uống cạn tách café và đặt nó trở lại xuống bàn. Trong một thoáng ông nhìn đắm đắm vào hư không, và rồi bắt đầu:

“Hãy tưởng tượng cái lâu đài như ta đã mô tả - tối bên trong, tối cả bên ngoài. Ta tới vào lúc bình minh, thế mà không bao giờ có thấy mặt trời lên ở lâu đài Yewbeam. Bầu trời ngả sang màu vàng buồn tẻ, không một tiếng chim hót. Gió than khóc bên những tảng đá. Không hề có cây cối, không hề có lá hay hoa, chỉ rất cỏ chết.”

“Con đường kết thúc ở chỗ cây cầu dành cho người đi bộ, cho nên ta dời xe và cuốc bộ nửa dặm thì tới lâu đài. Mười ba bậc thang khắc hẳn vô trong đá dẫn lên một cánh cửa không bao giờ khóa. Nói cho cùng thì, ai mà muốn héo lánh tới một nơi như thế, hả?”

Ông cậu Paton ngừng lại và vai khom rũ xuống.

“Rồi sao nữa?” Charlie nôn nóng.

“Tất cả bỗng hiện về trong ta, Charlie. Cú ngã khủng khiếp của mẹ ta, rồi cha ta dắt ta chạy trốn. Suýt nữa thì ta quay đầu ù té chạy, nhưng ta cần tìm hiểu xem bà Yolanda đã rời khỏi đó chưa, và tại sao bà ta lại tính xuôi về phía Nam sau ngần ấy năm im tiếng. Ta gọi, nhưng tuyệt nhiên không có ai trả lời. Nơi này cứ như là hoang mạc. Và rồi chuyện bắt đầu xảy ra. Thoạt tiên là tiếng cười ma quái ta chưa từng nghe thấy bao giờ. Giống như tiếng hú thì đúng hơn. Tiếp theo là tiếng gầm, rồi tiếng rú của một ngàn loài thú mà người ta không bao giờ có thể biết hết tên. Và nổi bật trên nền âm thanh khiếp đảm đó, một giọng nói cất lên, “Mày muốn gì, Paton Yewbeam?”

“Ta đứng chôn chân tại chỗ, nhưng ta có thể nói với mày, Charlie, là bụng ta đang bị khuấy tung lên. Ta nói, “Có phải giọng bà Yolanda đấy không?”. “Không phải.” giọng đó đáp. “Yolanda đã nhận một lời mời mà nó không thể chối từ.” Xong rồi chuỗi cười rợn óc lại nổi lên.”

“Ta chạy tới cánh cửa ấy, nhưng có một cái gì đó đẩy ta trở lại. Ta bèn rút cây gậy phép ra và cố chìa vô cái vật vô hình trước mặt mình, nhưng cây gậy rít lên lèo xèo như đồ vật đang cháy và đốt cháy bàn tay ta. Sau đó rồi thì...”

Ông cậu thở dài và lắc đầu.

“Ta không biết mình đã ở đó bao lâu. Ta nằm sõng sượt trên đá, mù mịt và không bao giờ có thể biết được mình đang tỉnh hay đang mơ. Thân thể ta đang cháy hay là đang đông cứng lại. Thỉnh thoảng ta trông thấy lão, nhưng không lần nào thấy giống lần nào. Mới phút trước lão là đứa trẻ, thì phút sau lão đã là một ông già. Một ngày nọ, hình như có một con chó mực to đùng ở cạnh ta, sau đó là một con gấu. Đường như có một con quạ đã rửa đầu ta, và một con sói đang kháo xương ta. Nhưng mỗi lần như thế, ngay khi lão biến hóa, ta lại bò tới gần cánh cửa hơn.

“Cuối cùng, ta tới được cửa. Ta ráng nắm vô cái nắm cửa sắt khổng lồ, đứng dậy, xoay nó và té nhào qua cửa. Ta lão đảo lặn xuống 13 bậc thang, và rồi ta chạy. Đừng hỏi ta chạy như thế nào. Ta có thể cảm thấy lão sau lưng mình, đốt cháy cổ ta, phóng lửa vào giày ta. Ta chạy được tới cái xe và nhảy vô. Cơn ác mộng mới chỉ bắt đầu. Lão nhảy rầm rầm trên nóc xe của ta, dùng nắm đấm động bễ nát tấm kính chắn gió. Ta không biết lão đang hình dạng gì – căn cứ vào âm thanh nó phát ra, thì ta chắc chắn là một con quái vật. Lão lặn khỏi nóc xe và chạy ngay trước mặt ta, liệng đá tảng vô đèn xe. Lão quăng lửa vô bánh xe, con đường phía trước ta sáng bùng lên hàng ngàn tia lửa.”

“Bọn ta tới một cây cầu khác, và khi ta lái xe qua cầu thì lão rút mất. Có lẽ quyền năng của lão không thể phát tán ngoài ranh giới mảnh đất của lão. Nhưng ta nghe tiếng lão tru tréo đằng sau lưng. Và ta biết không bao giờ quên được cái giọng hú hét, kinh hồn đó.”

Ông cậu Paton rùng mình và nhắm mắt lại.

Charlie chờ đợi, nhưng rồi nó không chờ đợi được nữa, nên phải nài nỉ:

“Lão nói gì?”

Ông cậu Paton nháng lên một nụ cười kỳ quặc.

“Lão nói ‘Nếu mày mà làm hại đến con gái yêu của tao thì mày sẽ phải trả giá bằng mạng sống của mày.’”

“Lão ấy là ai vậy?”

“Ô, ta chưa nói sao?” Ông cậu Panton nhăn mặt “Lão chính là cha của mẹ Yolanda, Yorath, lão là một kẻ biến hình già tới nỗi lão không thể giữ được hình hài của chính lão, mà cần phải mượn xác của người khác... à... vật khác.”

Ông cậu nhìn những vết cháy đen trên bàn tay phải của mình và lặp lại:

“Phải, của những vật khác.”

“Trời ơi.” Charlie nói to. “Quá thần kỳ là ông cậu vẫn còn sống.”

Ông cậu gật đầu.

“Thần kỳ thiệt. Ta không biết cái gì giữ cho ta sống, Charlie. Có thể đó là ký ức về mẹ ta và của... một người khác nữa.” ông cậu hắng giọng. “Xem ra mẹ Yolanda tới để trợ giúp lão Ezekiel, nhưng bởi vì mẹ nhận ra mày có khả năng làm gì đó, cho nên thể nào mẹ cũng muốn đem mày trở về, để rồi coi.”

“Về Lâu đài Yewbeam?” Charlie kêu ré lên.

“Chúng ta sẽ không để nó xảy ra.” Ông cậu nói quả quyết. “Nào, bây giờ sang tới nốt nhạc tươi sáng hơn. Mày có việc phải làm đây, Charlie, về kế hoạch giải cứu thằng bé vô hình. Nếu mày hỏi ta, thì Billy Raven là mấu chốt.”

“Billy, nó làm thế nào được?”

“Nó có khả năng nói chuyện với thú vật, phải không? Hãy thuyết phục nó nói với con trăn kia. Mọi chuyện không tới nỗi bí đát đâu.”

Charlie ngồi thừ ra suy nghĩ về chuyện này, trong khi Ông cậu tới bếp lò và tự làm cho mình một bữa sáng thật dồi dào, để đền bù cho những ngày ông nằm một chỗ chẳng ăn gì. Lát sau mẹ Charlie đi xuống từ căn phòng của cô ở lầu trên cùng. Cô không nghe thấy tiếng quát tháo và tiếng sập cửa hồi sáng sớm, nên thấy Ông cậu Paton đi lại linh động và khỏe khoắn hơn bao giờ hết, cô ngạc nhiên tới nỗi suýt nữa thì xỉu.

Chụp vô một cái ghế, mẹ Charlie ngồi xuống và lẩm bà lẩm bẩm.:

“Tê ra cái ông lạ lùng trong bức tranh ấy không tệ hại chút nào.Ồ, Ông cậu Paton, cháu rất mừng khi thấy ông bình phục. Tất cả chúng ta sẽ được ngủ ngon giấc hơn rồi, vì Ông cậu đã trở lại là mình.”

Charlie thắc mắc tại sao thầy phù thủy Skarpo lại thôi không là một kẻ lừa đảo xấu tính nữa mà quyết định tỏ ra hữu ích. Có phải đó là khi ông tìm ra cây gậy phép trong tay Charlie? Và nếu như thế thì, tại sao?

Lúc một giờ, Charlie lễ phép từ chối một bữa trưa đặc biệt của Ông cậu Paton, mà ông đã đặt qua điện thoại từ một nhà hàng lớn nhất thành phố, để lên đường tới quán Café Thú Kiểng. Nó có quá nhiều thứ trong tâm trí, không còn đầu óc đâu để thưởng thức một bữa trưa thịnh soạn. Nước cam và bánh quy sẽ tốt chán.

Tất cả bọn bạn của nó đã có mặt, ngồi quây quanh một cái bàn lớn nhất trong căn phòng, cùng với chim, chuột, thỏ, cùng với con mèo điếc của Fidelio – bọn này đang đậu trên vai, trên đầu và trên đùi lũ trẻ. Con Hạt Đậu mừng Charlie bằng những cú liếm, cào và sữa ướm nhẹ nhàng như thường lệ, cho tới khi Charlie mua một chiếc bánh quy to và thả xuống gầm bàn cho nó.

“Tất cả sẵn sàng rồi chứ,” Lysander nói, hơi trịnh trọng. “Chúng ta có những vấn đề khẩn cấp cần bàn luận. Tancred và anh đã soạn ra một danh sách, và tụi anh cần ý kiến của các em.”

Nó đặt tờ giấy có những gạch đầu hàng ra giữa bàn. Tờ giấy ghi.

1. Phải tìm thấy con trăn xanh da trời.
2. Phải thuần phục con trăn xanh da trời.
3. Phải đưa con trăn xanh da trời ra khỏi Học viện Bloor tới một nơi mà nó có thể chữa trị cho Ollie.
4. Phải tìm ra Ollie Sparks.
5. Ollie Sparks phải rời khỏi Học viện Bloor trong khi vẫn đang vô hình (như vậy sẽ dễ hơn)
6. Con trăn xanh da trời phải làm cho Ollie hiện hình trở lại.
7. Phải đưa Ollie trở về nhà ở lâu đài lấp lánh.

Tất cả bọn đều ngó chăm chăm vô tờ danh sách, được viết bằng nét chữ đẹp thật đáng khâm phục của Lysander. Chúng chuyển tờ giấy khắp bàn, tới khi tất cả đều đã đọc kỹ lưỡng. Đọc xong, gương mặt đứa nào đứa nấy lộ vẻ hoài nghi hoặc là đăm chiêu hết sức.

“Không đến nỗi bế tắc đâu.” Charlie nói. “Tại vì em biết con trăn đang ở đâu và em có thể tìm thấy nó một lần nữa.”

“Nhưng tụi mình có thể thuần phục nó bằng cách nào?” Emma hỏi.

“Billy.” Charlie nói. “Nó biết nói chuyện với thú vật.”

“Rồi, nhưng làm sao tụi mình thuyết phục được Billy đây?” Olivia hỏi. “Ý tớ là liệu người ta có thích nói chuyện với một con trăn quá khổ, có thể làm mình vô hình được không?”

“Bây giờ mình tin Billy rồi.” Charlie nói. “Mình tin là Billy muốn giúp tụi mình.”

“Rembrandt.” Gabriel nói, vẻ tự lự. “Tụi mình sẽ nói với Billy là nếu nó chịu giúp, thì nó sẽ có Rembrandt. Nó sẽ làm bất cứ việc gì để gặp lại con chuột đó. Nó yêu con chuột lắm.”

“Ý hay đấy, Gabriel.” Lysander nói. “Nhưng với gã Weedon và Manfred luôn canh chừng... đó là chưa kể tới Belle khủng khiếp... vậy thì Billy có thể cất giấu con chuột ở xó xỉnh nào được?”

Charlie nghĩ tới bà bếp trưởng.

“Em biết một chỗ.” Charlie nói.

Nhưng khi cả bọn ngó nó, chờ đợi thêm thông tin, nó chỉ buông thông một câu:

“Cứ tin em đi.”

“Được rồi,” Lysander nói. “Giờ chúng ta phải tìm cách đưa con trần ra khỏi học viện.”

“Em có một ý.” Charlie nói. “Và em sẽ thực hiện luôn.”

Đám bạn nhìn nó chăm chú, với những câu hỏi đã hiện trên môi, nhưng Charlie nói thêm liền:

“Em không nói ra được, nhưng em biết mình thực hiện được.”

Một lần nữa, nó nghĩ tới bà bếp trưởng.

“Giờ tới vấn đề Ollie.” Lysander chỉ vô con số 5 trên tờ giấy.

“Thật ra em đã nghĩ tới điều này.” Emma nói. Con bé hơi đỏ mặt lên khi tất cả bọn quay ra nhìn nó, và rồi nó đặt một con nhện to tướng lên bàn.

Vài tiếng hét lớn buột ra, và một luồng không khí hỗn độn thổi tung tờ giấy khỏi bàn khi Tancred la lên:

“Trời! Cái đó thì giúp được gì?”

“Để nó giải thích coi.” Olivia nói, lượm lại tờ giấy.

“Nó không phải nhện thật.” Emma nói, dí ngón tay vô mình con nhện. “Nó giống như một con rối điều khiển bằng ngón tay vậy, có điều Ollie có thể xỏ ngón chân cái của nó vô con nhện. Thế rồi nó có thể bước qua cánh cửa chính bất cứ khi nào có một nhân viên hay giáo viên đi ra ngoài, và họ chỉ trông thấy một con nhện, thay vì là một ngón chân cái.”

“Hay thiệt!” cả bọn thốt lên, trừ Tancred, rõ ràng nó có lẩn cấn gì với nhện.

“Một con nhện nhảy chồm chồm.” Tancred lầm bầm. “Ý anh là sẽ rất khó bước đi giống nhện thật nếu nó ở trên đầu một bàn chân đang bước.”

Lập tức nổi lên tiếng la ó:

“Đừng có kén cá chọn canh thế chứ!”

“Chiêu đó quá tuyệt rồi còn gì!”

“Có cách nào hay hơn không?”

“Sẽ thành công mà.”

“Bỏ không cần phải đeo con nhện đó đâu, Tanc!”

“Còn Ollie thì sao?” Tancred tiếp. “Nó sẽ đi đâu một khi nó đã ra ngoài? Tụi mình không có ở quanh đấy để mà giúp nó. Tụi mình không thể đội lốt nhện mà lên ra được.”

Olivia nói: “Tụi em, em và Emma, đã nghĩ tới điều đó rồi. Ollie có thể đi tới tiệm sách. Chỗ đó rất dễ kiếm vì nó nằm ngay sát nhà thờ lớn, có thể nhận thấy tiệm sách từ bất cứ nơi nào trong thành phố.”

“Mình đã dặn dì mình nếu thấy ai nhấn chuông sau giờ mở cửa, mà không trông thấy ai ngoài đó...”

“Ngoại trừ một con nhện.” Tancred lầu bầu.

“Ừm.” Emma nói tiếp. “Dì mình sẽ chăm sóc cho Ollie cho tới khi tụi mình có thể làm cho nó...hiện hình.”

Tâm trí Charlie đang đua tốc độ. Ông cậu của nó chắc sẽ phải mua ngay một chiếc xe mới. Giả sử ông cậu mua một chiếc xe tải nhỏ thì sao? Kỳ nghỉ giữa học kỳ sắp tới rồi. Liệu có thể thực hiện một cuộc hành trình tới Lâu đài Lấp lánh cùng tám đứa trẻ...và một con chó?

“Anh nghĩ tụi mình đã dàn xếp đủ để bắt đầu chiến dịch nho nhỏ của tụi mình rồi.” Lysander nói. “Bắt đầu từ tối thứ Hai, với vấn đề 1 và 2. Tìm và thuần phục con trần.”

Charlie thấy có một vấn đề. Làm thế nào để đưa Billy tới chái phía tây mà không bị phát hiện?

“Đánh lạc hướng.” Tancred bảo, xem ra anh chàng đã lấy lại được vẻ điềm tĩnh của mình. “Cứ để đấy cho tụi anh, anh và Lysander. Tụi mình làm được chứ, Sander?”

Lysander gật đầu.

Bọn chúng rời khỏi tiệm Café Thú Kiểng với tinh thần sảng khoái, đứa nào cũng hăm hở chờ đón tuần lễ sắp tới. Trong khoảnh khắc đấy, không đứa nào trong bảy đứa trẻ muốn nghĩ tới những cam bẫy có thể gặp trên đường thực hiện sứ mạng. Chúng chỉ tưởng tượng ra Ollie Sparks hiện nguyên hình, và cuối cùng đoàn tụ với cha mẹ đang buồn than của nó.

Trong khi bọn bạn đi về nhà để cho bọn thú kiểng của chúng ăn, hoặc để lo liệu cho vở kịch cuối-học-kỳ, thì Charlie dẫn Hạt Đậu đi dạo. Khi nó mang con chó trở về tiệm Café Thú Kiểng thì ông Onymous chợt phóng bật ra từ sau quầy.

“Có việc sắp xảy ra.” Người đàn ông nhỏ thó nói. “Nếu cậu muốn giúp một tay, Charlie, thì cậu biết phải đến đâu rồi đó.”

Charlie cảm ơn ông Onymous và chạy trở lại đường Filbert, nôn nóng muốn biết xem sự bình phục thần kỳ của Ông cậu có còn kéo dài lâu hay không.

Vẫn còn.

Khi Charlie nhìn vô nhà bếp, nó kinh ngạc thấy mẹ nó và Ông cậu đang dùng bữa trà với nội Bone. Có lẽ nói dùng bữa trắng miệng sẽ chính xác hơn là dùng bữa trà. Đó là một buổi chiều oi ả, và Ông cậu Paton đã gọi nhiều hộp kem pha rượu đủ mùi, cũng từ cái nhà hàng lớn đã mang bữa trưa cho ông.

Charlie được mời vô xơi kem với mọi người, và nó ngồi đối diện với nội Bone – đang ngồi hì hục chén một tô kem to sụ, loại có những sọc nâu và xanh lá cây trên đỉnh có trang trí hạt hạnh nhân. Nội không hề liếc nhìn Charlie lấy một cái, mà vẫn cứ lùa lia lịa những thìa kem với tốc độ hai muỗng một giây, theo ước tính của Charlie.

“Sô-cô-la, trái anh đào, rượu rum và quả óc chó? Táo, kẹo bơ, rượu nho và hạnh nhân? Hay là café, cam, rượu whisky và đậu phộng?” Ông cậu Paton hỏi Charlie.

Charlie chọn loại sô-cô-la và bắt đầu thưởng thức. Đó là món kem mê ly nhất mà nó từng ăn. Nó hy vọng sự bình phục của Ông cậu Paton có nghĩa là thêm nhiều đợt kem như thế này sẽ tới căn nhà số 9 mỗi cuối tuần.

Tô kem của nội Bone giờ đã sạch trơn. Nội nhìn cái tô với vẻ hơi buồn, rồi lấy mu bàn tay quạt ngang miệng. Charlie nghĩ hình như nội Bone đã ngà ngà say. Khi đứng lên, nội hơi liểng xiểng đi tới bồn rửa. Nội vẫn chưa nói một tiếng nào, hay thậm chí nhìn về hướng Charlie. Có chuyện gì xảy ra với nội vậy?

“Đó là món ngon nhất cháu từng được ăn, cảm ơn Ông cậu Paton.” Mẹ Charlie bảo.

“Không có chi.” Ông cậu Paton nháy mắt với Charlie khi nội Bone đứng đĩnh và nghiêm trang đi qua chiếc bàn và ra khỏi phòng.

“Có chuyện gì xảy ra với nội vậy?” Charlie thì thầm.

Mẹ nó đặt một ngón tay lên môi.

Charlie cười toét. Chính lúc ấy thì nó để ý thấy cái giỏ mây đặt ngay bên trong cánh cửa. Và cái giỏ khiến nó nảy ra một ý. Đợi cho tới khi nội chân nam đá chân xiêu lên lầu và đóng cửa phòng lại, Charlie hỏi Ông cậu xem cái giỏ đó từ đâu mà có.

“Nó là giỏ mây đựng thức ăn, Charlie.” Ông cậu Paton nói. “Nhà hàng đựng thức ăn gửi tới đây cho ta.”

Charlie chạy lại xem xét. Cái giỏ vẫn chưa trống rỗng hoàn toàn. Vẫn còn một vài hũ mứt, một cái bánh nhân trái cây và hai gói bánh quy bên trong. Charlie lấy ra một hũ mứt dâu hảo hạng hiệu Dâu Ngon Nhất.

“Toàn dâu nguyên chất.” Charlie lẩm bẩm. “Ông cậu Paton cho con cái hũ mứt này nha.”

“Tất nhiên, Charlie. Ta có thể đoán biết nó dùng để làm gì rồi.”

“Cả cái giỏ mây nữa.” Charlie nói. “Ông cậu nghĩ ông cậu có thể yêu cầu nhà hàng gửi tới cho bà bếp trưởng của Học viện Bloor một cái giỏ mây còn lớn hơn cái này nữa được không? Cái lớn nhất mà họ có ấy.”

“Charlie, làm gì vậy con?” Mẹ nó hỏi.

“Charlie có một kế hoạch.” Ông cậu Paton bảo. “Chúng ta sẽ cứ vậy mà làm theo, và không hỏi quá nhiều, Amy.”

Cô Bone lắc đầu. “Hy vọng là nó không xới tung mọi thứ lên lần nữa.” Cô nói. “Chiều nay đã dọn xếp được với nội Bone quá êm thấm rồi.”

“Quá êm thấm.” Charlie lầm bầm. “Và quá im lặng. Có cái gì đó đang ấp ủ, và con thắc mắc mấy bà cô đang định giở trò gì đây.”

20. Chương 20

ĐÊM CỦA GIÓ VÀ CỦA NHỮNG LINH HỒN

Vào thứ hai, Charlie chớp ngay lấy cơ hội đầu tiên để nói chuyện với bà bếp trưởng. Giữa bữa trưa, nó lên vô nhà bếp, viện cớ là lấy một miếng nùi giẻ để lau ly nước đổ.

Bà bếp trưởng trông thấy Charlie đứng ở cửa, liền ra chỗ nó ngay. Bất cứ ai quan sát họ chắc hẳn đều sẽ tự hỏi tại sao họ lại bàn tán về giẻ lau nhà kĩ tới thế. Nhưng mấy bà, mấy cô phục vụ bữa trưa quá tất bật nên chẳng nhận ra có gì bất thường. Hầu như Charlie nói từ đầu tới cuối và bà bếp trưởng chỉ thỉnh thoảng lại gật đầu. Cuối cùng, bà vỗ vai Charlie kèm một nụ cười trấn an.

“Cảm ơn bà bếp trưởng!” Charlie nói và rời khỏi nhà bếp... không có giẻ lau.

Billy Raven đang ngồi kẹp giữa Gabriel và Fidelio ở bên bàn, và khi Charlie xà vô nhập bọn, nó nhận thấy Billy có vẻ rất u uẩn. Nhưng thằng bé vốn chẳng vui gì kể từ khi con Rembrandt đi mất.

Chính Gabriel là đứa mào đầu về đề tài con chuột đen.

“Em có muốn gặp lại Rembrandt không?” Nó hỏi Billy.

Billy gật đầu buồn rười rượi:

“Nó là bạn thân nhất của em. Em có thể nói với nó gần như về bất cứ chuyện gì. Nó thiệt là thông minh. Nhưng làm sao em gặp nó được? Họ không cho em ra khỏi đây.”

Đôi mắt ngọc ruby của Billy đầm đìa nước.

“Dọn xếp được vụ đó rồi.” Charlie nói. “Bà bếp trưởng nói sẽ giữ nó giùm cho em, và em có thể gặp nó mỗi cuối tuần. Nhưng em phải hứa là không bao giờ, không bao giờ được nói cho bất kỳ ai biết là nó ở đâu đấy nhé.”

“Em không nói đâu!” Billy nói, và thề. “Xin thề!”

“Nếu bọn anh dọn xếp được việc này cho em thì em phải làm cho bọn anh một việc,” Fidelio nói.

“Em sẽ phải làm gì?” Billy lập tức tỏ vẻ lo lắng.

Charlie đề nghị bọn chúng nên thảo luận vụ việc ở bên ngoài.

Olivia và Emma đang ngồi dưới một gốc cây thì thấy Charlie và lũ bạn đi qua cửa vườn. Mấy đứa con gái tính chạy lại nhập bọn, nhưng rồi thấy có cả Billy đi cùng, chúng quyết định ngồi tại chỗ hơn là can thiệp vô một tình huống có vẻ căng thẳng.

Mặt Billy tái mét. Nó lắc đầu liên tục và hồi hộp cắn cắn móng tay. Sau đó Gabriel nói cái gì đó và Billy bình tĩnh trở lại. Nó cười một cái, vẻ cam chịu, gật đầu xuống và cứ thế giữ yên cái đầu.

Khi tiếng còi đi săn rúc lên, hai đứa con gái chạy bỏ về phía Charlie trước khi nó bước vô tiền sảnh.

“Có chuyện gì với Billy vậy?” Olivia hỏi liền.

“Nó chịu làm rồi,” Charlie thì thào. “Tối nay sẽ tiến hành. Đừng có rời phòng ngủ chung và nhớ để mắt tới Belle.”

Emma lẹ làng đưa cho Charlie con nhện.

“Bồ sẽ cần tới cái này,” nó nói.

Suốt thời gian còn lại trong ngày hôm đó, Charlie thấy khó mà tập trung vào cái gì khác ngoài buổi tối sắp tới. Nó biết là nó sẽ phải chờ ít nhất là tới nửa đêm thì nó và Billy mới có thể lên đường đi tìm con trăn xanh da trời. Rồi Billy không liên lạc được với con trăn thì sao? Rồi con trăn quần cả hai đứa thành vô hình thì sao? Và sau đó rồi sao?

Sau giờ làm bài tập về nhà, Charlie đuổi kịp Lysander và Tancred trước khi hai anh lớn này vô phòng ngủ chung.

“Đêm nay các anh sẽ ra tay chứ?” Nó hỏi. “Billy đồng ý rồi.”

“Tụi anh sẽ lo phần việc của mình,” Tancred bảo. “Mấy giờ?”

“Nửa đêm.”

“Anh hy vọng là chúng ta không làm cho thằng bé sợ,” Lysander bảo. “Tổ tiên anh trông có thể dữ tợn lắm.”

“Em sẽ nói với Billy là anh đang kiểm soát mọi việc.” Charlie nói.

“Tuỳ ý em,” Lysander bật cười lớn.

Zelda Dobinski tình cờ băng sượt qua bọn chúng đúng lúc đó. Nó ném cho bộ ba kia một cái nhìn quỷ quyệt, và “hắt” một trong những tập bìa đựng giấy vẽ của Tancred bay tuốt lên trần nhà. Một đám mây giấy rời bung ra, bay lả tả khi chiếc cặp giấy rớt bịch xuống sàn.

“Con nhỏ cứ nghĩ là nó tài giỏi ghê lắm,” Tancred vừa lẩm bẩm vừa thu lượm giấy tờ lại.

“Cứ chờ tới đêm đi,” Lysander bảo khế. “Nó sẽ trở mắt lên sưng sốt cho mà coi.”

“Mấy người đang làm gì đấy?” Lần này chính là Belle đang tiến tới chỗ chúng.

Bọn con trai đứng dạt ra một bên, và Belle đập hấn lên đồng giấy, cố ý giẫm lên từng tờ giấy mà nó trông thấy.

“Coi chừng!” Tancred hét lên. “Mấy bức vẽ của tôi đấy.”

“Cái gì?” Belle liếc nhìn lại Tancred với con mắt đỏ bầm màu trái anh đào.

“Coi chừng chứ sao,” Tancred quát lại, mái tóc vàng của nó nổ lộp bộp.

“Có vụ gì hả?” Một giọng cất lên, và Asa xuất hiện, bước dài dọc theo hành lang tối.

“Không có gì mà tôi không dàn xếp được,” Belle nhõn với Asa một nụ cười cực kỳ mê hồn.

Asa khoái chí nhếch mép cười.

“Lượm cái đồng đó lên rồi về phòng ngủ chung của tụi bay, lẹ lên,” nó quát mấy thằng nhỏ.

Belle hất những lọn tóc vàng ra sau và bước đi, có Asa chạy lon ton theo cái bóng của nó.

“Em nghĩ bọn chúng đã đoán được là sẽ có việc xảy ra đêm nay,” Charlie thì thầm trong khi giúp hai anh lớn thu dọn giấy.

“Nhưng chúng không biết đó là cái gì.” Lysander trấn an nó. “Chúc may mắn, Charlie!”

“Cám ơn!”

Charlie bước tiếp về phòng ngủ chung. Nó thấy Billy Raven đang ngồi thu lu trên giường, trông lo lắng kinh khủng.

“Em không sao chứ, Billy?” Charlie hỏi.

Billy lắc đầu.

“Em sợ,” nó thì thào.

“Đừng sợ. Phe tụi mình ngon mà. Anh sẽ đánh thức em dậy khi tới giờ.”

Nói rồi Charlie trở lại giường của nó và thay bộ đồ ngủ vô.

Ở giường kế bên, Fidelio đang nằm nghiêng, đọc một bản nhạc giống như là cách người ta đọc một cuốn sách.

“Tối nay có cần anh đi cùng với em không?” Nó hỏi Charlie.

“Không cần,” Charlie đáp. “Tốt hơn anh nên ở lại đây và trông chừng các thứ.”

“Ừ,” Fidelio quay lại với bản nhạc của mình, vừa ngâm nga nho nhỏ khi đọc những nốt nhạc.

Gabriel xộc vô ngay trước khi đèn tắt vài phút. Nó thở phì phò và mặt đỏ gay, hoặc là vì chạy hay là có cái gì đó đã làm nó sưng sốt. Nó đang cầm một chiếc áo chùng xanh lá cây cuộn tròn lại.

“Bộ anh chuyển sang khoa hội hoạ rồi à?” Charlie hỏi, có vẻ bông đùa hơn là nghiêm túc.

Gabriel lại lấy đó làm nghiêm túc. Nó ngồi cái phịch xuống đầu giường kia chiếc giường của Charlie.

“Tôi tìm thấy chiếc áo chùng của thầy Boldova,” nó hạ thấp giọng. “Nằm ngay phía sau tủ âm tường của khoa hội hoạ. Từ bữa đó tới nay tôi luôn cố tìm cái gì đó có thể cho chúng ta biết manh mối về vụ biến mất của thầy.”

“Cái áo chùng này... anh biết?”

“Biết chứ,” Gabriel bảo.

Fidelio ngược nhìn lên.

“Chuyện gì đấy?” Nó hỏi.

Gabriel nhìn quanh phòng ngủ chung. Bọn con trai trong phòng đang tấp nập ra vô nhà tắm, vài đứa đang đọc sách trên giường, những đứa khác đang đấu láo hoặc cãi lộn chí choé. Xem ra chẳng có đứa nào chú ý đến Gabriel và chiếc áo chùng xanh lá cây.

“Thầy Boldova đang ở rất gần đây thôi,” nó thì thào. “Thầy không về nhà. Mà thầy... kiểu như là... mất tích vậy. Nó cho tôi cảm giác giống hệt như hồi tôi có cảm giác về ba của cậu vậy, Charlie, nhưng tình trạng của thầy Boldova không đến nỗi xấu như vậy. Có lẽ vì thầy có phép thuật. Thầy vẫn có thể chống lại được.”

Nghe nhắc tới ba khiến Charlie ngẩn cả ra. Tìm ba là điều cuối cùng nó nghĩ tới. Bây giờ, đột nhiên, nó chợt thắc mắc liệu gia đình nhỏ của nó có bao giờ được đoàn tụ hay không. Ba Lyell Bone của nó hiện đang ở đâu? Ở xa thật xa đây, hay là ở gần thật gần, tới nỗi không ai tưởng tượng ra? Gần, nhưng mất tích.

Lo lắng vì thấy Charlie cau mày, Gabriel bảo:

“Đêm nay tôi đi cùng cậu nhé, Charlie.”

“Không cần đâu,” Charlie nói chậm rãi.

“Tôi sẽ đi,” Gabriel nói dứt khoát. “Và tôi sẽ mặc cái này.” Nó nhét chiếc áo chùng xanh lá cây xuống dưới gối. “Thầy Boldova là một người can đảm. Tôi nghĩ chiếc áo chùng này sẽ tiếp cho tôi thêm một chút lòng dũng cảm.”

Trong những tình thế nguy nan, cái cậu Gabriel hơi đáng trí, hay mơ màng này lại thường biến thành đứa điềm tĩnh và mạnh mẽ tới không ngờ. Charlie rất vui vì Gabriel sẽ đi cùng với nó trong cuộc săn lùng con trăn xanh da trời đầy rủi ro này.

Bọn trẻ ở học viện Bloor sẽ còn bàn tán mãi về cái đêm của gió và những linh hồn ấy. Cái đêm sẽ không bao giờ bị lãng quên.

Đúng lúc chuông đồng hồ điểm nửa đêm, cái giờ yêu thuật mà Charlie luôn cảm thấy sống động và đầy quyết tâm nhất, ba thằng nhỏ rời khỏi phòng ngủ chung và bắt đầu cuộc hành trình đi về phía chái phía tây. Billy đi chính giữa Charlie và Gabriel (cậu này bận chiếc áo chùng xanh lá cây của thầy Boldova).

Một làn gió nhẹ vi vu thổi theo bước chân chúng. Dần dần, làn gió nhẹ biến thành một cơn gió mạnh, thổi vi vút xuống những hành lang tối om, làm rung lách cách những cửa cái và cửa sổ, nhấc những tấm thảm lên và thổi phồng những tấm rèm. Trong những phòng ngủ chung, bọn trẻ kéo tấm trải giường lên trùm kín đầu, cố làm bộ như không nghe thấy tiếng hú, tiếng rít và tiếng lách cách bí hiểm đang hoành hành ở bên ngoài những cánh cửa phòng chúng.

Bà Lucretia Yewbeam đã được bà em tiên tri Eustacia cảnh báo trước rằng sẽ có một chuyện rất kỳ quặc xảy ra trong Học viện Bloor vào đêm hôm đó. Ngay khi nghe thấy tiếng gió hú trái với tự nhiên ấy, bà Lucretia liền bật ra khỏi giường, định sẽ ngăn chặn bất cứ “hành vi ngớ ngẩn” nào. Nhưng khi bà ta vừa mở cửa, cơn gió đẩy ngược bà trở vô giường, với một sức mạnh mà bà chỉ còn cách nằm ẹp ra đó, khiếp hãi và không thở được.

Những kẻ khác cũng đang cố gắng rời khỏi phòng mình. Nhưng vô ích! Manfred Bloor đu người rì vô cái nắm cửa, thét gào tức tối, trong khi ở phía bên kia cánh cửa, có hai bàn tay nâu ghì chặt cánh cửa lại.

Lão Ezekiel già khom thậm chí còn không thể lăn bánh xe lăn ra được tới cửa. Một đoàn quân thương giáo đã đột nhập vô căn phòng của lão. Những ngọn thương vây kín xung quanh lão, xất vô không khí bằng những tiếng rít hung bạo bất cứ khi nào lão cố nhúc nhích.

Ở tầng lầu bên dưới, giáo sư Bloor đang hăm hăm bước đi trên hành lang trải thảm dày, thấp đèn sang trưng bên ngoài phòng ông ta. Vừa lao đi được một nửa đường, ông ta chợt húc phải cơn gió, thế nhưng điều này chưa đủ kìm được bước một người đàn ông cỡ như giáo sư Bloor. Ông ta chống trả quyết liệt, găm gờ giận dữ, cho tới khi vấp phải một thế lực quá hùng mạnh để mà vượt qua. Trước tiên, đèn phụt tắt, và rồi ba hình thù như hồn ma lù lù hiện ra trước mặt. Gương mặt của những bóng ma bị che khuất trong một làn sương mù, nhưng những bàn tay sạm màu đang giữ những ngọn thương của họ lại hiện ra rõ mồn một. Những cái bóng ấy phát ra một âm thanh lạ, nghe như tiếng trống đổ dồn từ đằng xa.

Ở tầng chót vót của cái chái phía tây, một người đàn ông hiếm khi ngủ rời tay khỏi phím đàn dương cầm và đặt hai tay lên đùi. Thầy Pilgrim lắng nghe những tiếng chuông lúc nửa đêm. Còn có những âm thanh khác trong không gian: tiếng trống xa xa, một cơn gió hú và hát. Thầy dạy nhạc nhú mày, cố nhớ xem cuộc đời mình trước kia đã từng như thế nào.

Emma và Olivia vẫn chưa chợp mắt chút nào suốt đêm. Chúng nằm im thín thút trên giường từ tối tới giờ, lắng nghe và chong mắt nhìn. Vào đúng lúc tiếng chuông nửa đêm điểm, Olivia nhìn thấy một bóng hình nhọt nhọt lướt về phía cửa. Trong tích tắc, Olivia chồm dậy khỏi giường và phóng theo cái bóng đó. Cái bóng đột ngột quay lại, nhìn thẳng vô mặt nó, và trong ánh sáng lơ mơ của cánh cửa mở giữa chừng, Olivia trông thấy một mụ già quái đản và xấu xí.

“Cút ra xa tao,” mụ già quát.

“Không,” Olivia túm lấy cái cổ tay xương xẩu.

“Cút đi!” Mụ phù thủy tru lên.

“Tôi biết bà là ai, bà phù thủy già kia,” Olivia hét lại. “Tên bà là Yolanda Yewbeam, và tôi không sợ bà đâu, không sợ chút xíu nào.”

“Thế hả?”

Mụ phù thủy bật một tiếng cười khục khục trong cổ họng, và tất cả những nữ sinh trong phòng ngủ chung, trừ hai đứa, đều rụt cổ chui tọt xuống tấm mền của mình.

Olivia, vẫn bám chặt mụ phù thủy, bị lôi xềnh xệch ra ngoài hành lang. Nó đập đá túi bụi, và một cẳng chân nó bỗng bị ngoạm giữa hai quai hàm thép. Olivia thét lên đau đớn khi những cái răng sắc nhọn cắm ngập tới xương, và rồi con bé nhìn thấy cái mặt của một con thú, gớm ghiếc và kinh khủng tới nỗi nó phải nhắm tịt cả mặt lại. Cái cổ tay ngắc của mụ phù thủy tuột khỏi tay Olivia, và qua đôi mắt mở hí ra, Olivia trông thấy mụ phù thủy choàng áo trắng cùng với con thú biến mất vô bóng đêm.

Khi Olivia lết trở vô phòng ngủ chung, nó suýt nữa té đè lên một thân hình nằm chẵn ngay bên trong cánh cửa. Đó là Emma, bị quấn từ đầu tới chân trong một sợi dây dày chắc.

“Emma!” Olivia nín thở. “Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Mình tính giúp bồ,” Emma thở hắt một cái đau đớn. “Mình nghĩ là biến thành chim thì có thể sẽ...”

Olivia thấy những sợi lông chim lú ra ở đầu những ngón tay của Emma đã bị dây nhợ cột chặt lại, đau đớn.

“Ồi, Emma. Ai làm thế này với đằng ấy vậy?” Olivia hấp tấp giằng kéo sợi dây ra.

“Mình không chắc. Nhưng mình nghĩ đó là Dorcas.”

Olivia quay nhìn hai dây giường. Tất cả bọn nữ sinh đều đã chui kín vô trong mền.

“Để tớ giải thoát cho đằng ấy ra khỏi cái này,” Olivia nói gần giọng và tìm thấy một đầu gút, thế là nó bắt đầu dùng răng tấn công mỗi gút ấy.

Emma thở ra một tiếng nhẹ nhõm, những sợi lông đen mềm mại trên đầu ngón tay nó bắt đầu nhật đi.

Charlie, Gabriel và Billy đã tới khu vực bụi bặm, thấp đèn khí, nơi lão Ezekiel già sống suốt một trăm năm nay. Billy giờ đang run lẩy bẩy vì sợ hãi. Gabriel và Charlie mỗi đứa cầm một bàn tay Billy và dắt nó về phía cầu thang mà Charlie đã trông thấy con trăn xanh da trời. Con trăn vẫn còn ở đó, cuộn một cuộn như đồng dây từng xanh da trời, óng ánh bạc, ngay trên đầu cầu thang, thoáng lấp lánh trong ánh sáng lù mù.

Khi ba thằng bé leo lên cầu thang, sinh vật nọ liền ngóc đầu lên, khiến bọn trẻ cứng cả người. Cặp giò của Charlie bỗng nhiên nặng như đeo chì. Nó chẳng thể nhúc nhích nổi. Phía đằng sau, nó nghe tiếng Billy hít thở hì hụi.

“Nói chuyện với nó đi, Billy,” Charlie thì thào.

Im lặng.

“Billy?” Gabriel gọi.

“Em... không... không làm được,” Billy lắp bắp. “Em không biết nói gì.”

“Gì cũng được,” Charlie tuyệt vọng hỏi thúc. “Nói bất cứ chuyện gì đi.”

Bất thành linh con trăn rít lên một tiếng thật lớn. Nó vung thân thật dễ sợ và cái đầu nó thong xuống phía Charlie. Charlie vội lùi lại, suýt nữa thì tông Billy ngã.

Và rồi, trước sự sững sốt của Charlie, Billy dội vọng lên tiếng rít của con trăn, và con vật rồ lên một âm thanh lọc khọc. Và cứ như không thể kìm được, Billy tiến vượt qua Charlie và bắt đầu leo lên chỗ con trăn.

Charlie bước lùi xuống cho tới khi đứng trong hành lang cùng với Gabriel. Nín thở, chúng dòm thằng bé xú bò lên gần hơn, gần hơn nữa cái cuộn từng xanh da trời thoáng ẩn hiện. Tiếng rồ rồ của con trăn nhẹ đi và căng ra, và Billy, xem ra đã nắm bắt được ngôn ngữ của con vật ấy, liền ngậm nga và huyết gió đáp lại. Khi tiến tới bậc thang trên cùng, Billy ngồi xuống khoanh chân xếp bằng, nhìn chăm chăm vô con trăn lạ lùng, có những diềm lông chim như mình. Và, mặc dù không thể hiểu được lời nói của con vật, nhưng Charlie có cảm giác là con trăn đang cảm thấy ấm áp với Billy và đang cố kể cho thằng bé một câu chuyện.

Bằng một giọng lặng lẽ, đứt quãng, Billy dịch lại những lời của con trăn.

“Nó nói... nó được sinh ra cách đây một ngàn năm. Trước kia... nó đã từng sống với một vị vua... Ngài đối xử rất tốt với nó. Nhưng một ngày nọ khi nhà vua đi vắng... và con trai ngài... tra tấn nó, cho tới khi nó thù ghét... thù ghét... thù ghét... và giết chóc. Con gái của nhà vua đã tìm thấy nó... đang chìm trong sự giận dữ... và bà... gần như chữa khỏi cho nó... bằng sự tử tế. Nhưng con trăn không thể nào quên được... cú xiết hết lực của nó... vòng ôm đầy đói khát của nó... nên bà công chúa... cho nó sức mạnh... chỉ biến mất... mà không chết...”

Billy ngó xuống Charlie và Gabriel.

“Nó là một con trăn tốt, thật đấy,” Billy bảo chúng. “Kể từ khi bà công chúa qua đời, nó không nói chuyện với bất kỳ ai... cho tới tận bây giờ... Em nghĩ em đã làm cho nó cảm thấy hạnh phúc.”

“Cẩn thận đấy, Billy,” Charlie nói.

Con rắn đang trườn qua Billy, và thằng bé tóc trắng quay lại đúng lúc con rắn trườn lên đùi nó. Billy há hốc miệng khi con rắn quấn quanh eo nó. Từ từ nguyên phần thân thể phía dưới Billy bắt đầu biến mất.

“Ôi, không!” Charlie thét lên. “Tụi mình đã làm gì vậy này?”

“Suuytt!” Gabriel suyt. “Im nghe.”

Billy đã bắt đầu ư ử và ngậm nga. Nó phụt ra một tràng những tiếng thở ồ ộc ngắn khi con rắn quấn tới cổ nó. Con vật treo lơ lửng ở đó, rõ ràng là đang lắng nghe thằng bé nói, và chậm chậm, cơ thể của Billy lại hiện ra.

“Trời! Nó làm được chuyện ấy,” Charlie thốt lên. “Nó làm được thiệt.”

“Hỏi con rắn xem nó có thể làm được tương tự với một thằng bé khác hay không,” Gabriel nhắc. “Thằng bé mà nó đã quấn thành vô hình đó.”

Billy tiếp tục ngậm nga và con rắn đáp lại bằng tiếng rít và tiếng rồ rồ dồn dập hơn.

“Nó nói... nó sẽ làm...,” Billy bảo chúng, “nếu chúng ta hứa... không nhốt nó vào một cái hũ... Suốt mấy trăm năm nó bị giữ trong chất lỏng xanh da trời... cùng với xương cốt của một con chim... cho tới khi lão Ezekiel làm cho nó tỉnh lại. Chính vì thế mà nó mới có lông chim. Em đã bảo với nó rằng chúng ta sẽ không bao giờ bỏ nó vào trong hũ đâu. Rằng chúng ta sẽ đem nó tới một nơi an toàn.” Billy liếc nhìn Charlie. “Em hy vọng đó là sự thật.”

“Đúng thật mà,” Charlie bảo. “Anh hứa là sẽ không ai làm hại nó.”

“OK,” Billy nói “Giờ thì sao?”

“Tụi mình đem nó tới khu nhà bếp,” Charlie bảo.

Billy đứng lên và thận trọng đi xuống những bậc thang ọp ẹp, cùng với con rắn vẫn vui vẻ quấn quanh cổ nó.

“Hy vọng tụi mình có thể gạt nó ra khỏi thằng nhỏ,” Gabriel thì thào với Charlie khi chúng đi dọc theo hành lang. “Tôi thắc mắc không biết nó ăn cái gì.”

“Ai mà biết?”

Charlie đột nhiên nhớ ra một công việc khác. Nó lôi hũ Mứt Dâu Ngon Nhất ra khỏi túi áo ngủ của nó và gọi khê:

“Ollie Sparks, bạn có ở đó không? Tôi mang cho bạn một ít mứt nè.”

Nhưng toà nhà vẫn đang chìm trong bùa chú của cơn gió và những linh hồn. Những lời của Charlie bị chìm lỉm và không có tiếng đáp lại.

Khi bọn chúng đi tới tiền sảnh, tiếng vi vu và tiếng rú rít của cơn gió đang tới hồi dữ dội. Thỉnh thoảng, một bóng hình nhợt nhạt trôi đi bên cạnh chúng, và một ngọn thương sáng quắc, hay một mũi tên có cắm lông chim bay vào qua đầu chúng.

Billy, chẳng bị ảnh hưởng gì bởi hoạt động của tất cả các thể lực siêu nhiên đó, dẫn đầu, trong khi con rắn vẫn xì xào bên tai nó.

Chúng đi tới chỗ chiếu nghỉ, vừa đi vừa ngó xuống cái tiền sảnh dài, lát những viên đá lớn, nơi nắm giữ nguồn cơn của cái đêm đầy ma thuật này. Có hai hình bóng đang xoáy tít và quay vòng vòng khắp sàn nhà. Chúng di chuyển lẹ tới nỗi những chiếc áo chùng xanh lá cây bay tung cả lên, trông như những đôi cánh chấp chới của một con ruồi. Chắc hẳn sẽ không thể nào phân biệt được đĩa nào với đĩa nào nếu không nhìn vào cái đầu chúng - một đĩa tóc đen và đĩa kia tóc vàng, toé sáng và kêu lắc rắc.

Billy vừa định thò chân đi xuống dãy cầu thang chính thì nó bỗng thét lên kinh khiếp. Một con nhện khổng lồ vừa rớt từ trên trần nhà xuống, và bây giờ đang bò lổm ngổm trên những bậc thang phía trước thằng bé.

“Bình tĩnh,” Gabriel trấn an. “Coi vậy mà nó không ghê gớm đâu.”

Gabriel tiến vượt lên trước cả bọn và bắt đầu bước xuống phía con nhện. Sinh vật khổng lồ đó thành linh búng lên đậu trên thanh gióng cầu thang, và rồi quăng mình xuống tiền sảnh trên một sợi tơ bạc, dày cỡ một ngón tay.

Nó đáp xuống ngay trước mặt Tancred, cơ thể quay tít của Tancred bỗng ngập ngừng và rồi dừng phắt lại. Chiếc áo chùng của nó cụp lại và vai nó thông xuống. Nó nhìn trần trời vô con nhện, gương mặt trắng bạch ra vì sợ hãi, và cơn gió điên cuồng đang thét gào khắp toà nhà cũng im bật.

“Đừng ngưng lại, Tancred,” Gabriel gọi lớn. “Đó là mẹ ta... mẹ Yolanda đó. Đừng sợ. Mẹ không làm hại được cậu đâu.”

Nhưng Tancred không hề động đậy. Mẹ Yolanda đã chọn hình dạng cho mẹ thật là ranh mãnh và xảo quyệt. Tancred tê liệt luôn vì sợ. Vì vậy Gabriel buộc phải tự mình đối phó với con nhện. Quần chặt chiếc áo chùng của thầy Boldova dửng cộm quanh mình, nó chạy vô tiền sảnh, thét to:

“Này, mẹ Yolanda. Đây này mẹ già xấu xí! Mẹ làm gì được ta nào, hử?”

Con nhện quành những chân trước của nó về phía Gabriel, đôi mắt đỏ của nó bùng chói lên. Gabriel nhảy tránh ra, nhưng chỉ một thoáng liếc trúng ánh mắt thôi miên ấy đã khiến nó choáng váng. Và rồi Billy bước ngang qua Gabriel, thét lớn:

“Bà không thể làm như thế với tôi đâu, bà Yolanda. Tôi không thể bị thôi miên, hay bị bất cứ điều gì.”

Và con trần – mà bây giờ cũng chính là Billy, cả thể xác lẫn linh hồn nó - đâm bổ vô con nhện, cùng với một tiếng khè vang khắp tiền sảnh, khiến cho sinh vật bị ấy rùng mình và teo rúm lại.

Tancred mỉm cười và giơ tay lên. Với đôi cánh xanh lá cây, nó khuấy động không khí, và cơn gió quay trở lại, thổi con nhện trôi lốc thốc qua sàn nhà.

Đoàn quân nho nhỏ, với Billy đi đầu, tiếp tục cuộc hành trình của mình tới nhà bếp. Nhưng, ngay trước khi chúng rời khỏi tiền sảnh, một tiếng rú kinh hoàng khiến chúng quay đầu nhìn lại. Con thú mà Charlie đã từng chạm trán trong khu lâu đài hoang đang đứng sững ở đầu cầu thang. Nó bị bao vây bởi những thân hình ma quái, cao lớn mặc áo thụng nhạt nhoà. Trên những cánh tay của họ đeo đầy những vòng xuyên sáng lấp lánh và những mũi giáo dài vươn cao quá đầu.

“Đêm nay con thú đó không đi xa được đâu,” Charlie nói nghiêm trang.

Ba thằng bé bước vội qua hành lang treo đầy những bức chân dung, và Gabriel rút cây đèn pin của nó ra để rọi sáng đường đi. Bà bếp trưởng đang chờ bọn chúng ở cánh cửa của căn-tin xanh da trời, với một cái giỏ mây đặt dưới chân. Ông cậu Paton đã giữ lời. Chiếc giỏ này thậm chí còn cả bánh xe nữa.

“Ô, ô, trời,” bà bếp trưởng mừng rỡ. “Con là một cậu bé thật dũng cảm, Billy. Con có nghĩ là con rắn của con sẽ chịu chui vô cái giỏ này không?”

Billy thì thầm với con trần, nhưng con vật vẫn bám chắc vô nó. Thằng bé ngậm nga và rít lên một tiếng vỗ về nhẹ, và từ từ con trần mới nói lỏng cú siết của mình. Billy nâng con trần ra khỏi cổ nó và nhẹ nhàng đặt vô chiếc giỏ mây.

“Nó sẽ làm điều bà muốn ngay bây giờ,” Billy nói.

“Cám ơn, Billy,” bà bếp trưởng đẩy nắp giỏ lại và cột lại bằng một sợi dây da.

“Em có thứ gì là bị mất thứ ấy.” Billy buồn bã. “Tất cả mọi thứ.” Và nó đầm đìa nước mắt.

“Không phải đâu,” bà bếp trưởng nói. “Con sẽ gặp lại một người bạn của con ngay đây. Rembrandt là tên nó thì phải, nếu ta nhớ không lầm.”

“Thật à?” Billy quệt ngang mũi, sung sướng.

“Thế, có tin gì về Ollie Sparks không? Ta rất hồ thẹn vì tới giờ vẫn chưa thể mang được chút đồ ăn nào cho chú nhóc đáng thương ấy. Cái gã Weedon luôn theo dõi mọi cử động của ta.”

“Tạm thời lúc này tụi con đã để mất cậu ấy,” Charlie thú nhận. “Nhưng tụi con nhất định sẽ kiếm ra cậu ấy. Tụi con sẽ không bỏ cuộc.”

“Tốt nhất là phải kiểm lệ lên, Charlie,” bà bếp trưởng thở dài. “Giờ thì về đi! Cả ba đứa. Cứ để ta lo liệu cái này.”

Rồi bà xách chiếc giỏ mây lên và biến mất vô trong căn-tin.

Với sự hộ tống của tiếng gió hát và một đoàn linh hồn bay vù vù, ba cậu bé chạy vội trở lên lầu. Chúng đi ngang qua Tancred và Lysander, vẫn đang thực hiện phép thuật của mình trong tiền sảnh, nhưng con nhện và con quái thú đã biệt dạng. Gabriel và Billy đi trước Charlie, và khi nó mới vừa quẹo vô hành lang dẫn lên phòng ngủ chung, thì một bàn tay tóm lấy cổ tay nó. Charlie giật bắn cả người.

“Tôi đây,” một giọng nói. “Ollie Sparks.”

“Ollie?” Charlie thì thào. “Tôi có món này cho bạn đây.”

“Mứt chứ gì,” Ollie bảo. “Tôi đã nghe bạn gọi.”

“Loại Dâu Ngon Nhất,” Charlie nói.

“Này.” Nó chìa hũ mứt ra.

“Chao! Thứ tôi thích đây. Cảm ơn Charlie.”

Thật khó thấy được chuyện gì đang xảy ra, nhưng Charlie cảm thấy hũ mứt vượt khỏi tay nó... và biến mất.

“Ollie, tôi có mấy tin tốt lành đây,” nó nói. “Tụi tôi đã tìm ra một cách để giúp bạn hiện hình trở lại. Nhưng, bạn sẽ cần phải làm sao đó để đi ra khỏi toà nhà này. Emma đã làm ra cái này để bao ngón chân cái của bạn lại. Đây này... một con nhện.”

Ollie cười khúc khích, và con nhện được nhón khỏi bàn tay Charlie.

“Cái này được đây, nhưng tôi sẽ không ra ngoài trong khi còn vô hình đâu. Tôi biết đi đâu bây giờ?”

Charlie trao cho nó địa chỉ của cô Ingledew.

“Chỗ này gần nhà thờ lớn và cô ấy sẽ chăm sóc bạn cho tới khi... tới khi bạn được chữa khỏi.”

“Tôi sẽ được chữa khỏi như thế nào?” Ollie hỏi, giọng nghi ngờ.

Charlie nhận thấy nó sẽ phải nhắc tới con trăn. Nó bèn tả lại sự biến mất rồi lại hiện ra kỳ lạ của Billy.

“Sẽ được mà, tin tôi đi,” Charlie bảo.

“Con trăn ấy á?” Ollie kêu thảng thốt. “Không đời nào. Nó sẽ làm tiêu tôi mất.”

“Nhưng mà bạn tiêu rồi còn gì,” Charlie nói. “Về mặt nào đó, ý tôi là, vô hình một cách tồn tại khôn khổ, đúng không? Bạn không muốn về nhà với cha mẹ bạn sao? Hãy nghĩ tới điều đó đi. Bạn không muốn anh bạn thấy bạn là một cậu bé thật và đầy đủ thân hình sao?”

Im lặng kéo dài, tiếp theo là một tiếng thở dài, và giọng của Ollie man mác trong bóng đêm.

“Ừ,” nó nói. “Được, tôi sẽ làm.”

Charlie cảm thấy có lỗi khi nhắc tới thầy Boldova - hoặc Samuel Sparks. Trong thoáng chốc, nó nghĩ tới việc phải nói cho Ollie biết sự thật, rằng thật sự cả bọn không biết anh nó hiện đang ở đâu. Nhưng khi nó gọi tên Ollie thì không có tiếng trả lời nữa, và nó nhận ra rằng thằng bé vô hình đã đi rồi.

Mình hy vọng nó sẽ ra ngoài, Charlie nghĩ, bằng không thì tất cả chẳng có nghĩa lý gì.

Bà bếp trưởng xách chiếc giỏ mây trở lại căn phòng bí mật đằng sau nhà bếp. Khi về tới nơi, bà đứng lên một chiếc ghế đầu và mở ô cửa trời ở trên trần nhà thấp.

“Ừm. Thật là vừa vặn,” bà tự nói với mình.

Từ khoảng tối bên trên, ba cặp mắt sáng ngời đang ngó xuống.

“A, tới rồi,” bà nói. “Lũ mèo ngoan. Ta có một gói hàng cho bọn mi. Nó đây này,” và bà nâng chiếc giỏ mây lên, đút qua ô cửa trời.

Bất cứ công dân không ngủ nào, liếc nhìn qua cửa sổ nhà mình vào buổi sáng đầy sao ấy, chắc hẳn đã chứng kiến được cảnh tượng vô cùng lạ lùng. Ba con mèo lớn chạy qua những đường phố vắng tanh: một con màu vàng, một con màu cam và một con màu đồng đỏ. Bộ lông của chúng nháng lên những tia sáng chói lói và ria của chúng óng ánh như bạc. Mỗi con mèo ngoạm trong miệng một đầu sợi dây da, và kéo phía sau một chiếc giỏ mây có bánh xe. Cái giỏ có thể chứa gì ở trong đó? Một đứa bé bị đánh cắp? Một món trang sức vô giá? Hay đồ ăn cho một bữa đại tiệc? Chắc chắn không ai đoán ra được sự thật.

“Giỏi lắm, các chú mèo đẹp đẽ của ta,” ông Onimous tán thưởng. “Nào bây giờ chúng ta hãy cùng xem báu vật của bọn mi nào!”

21. Chương 21

OLLIE VÀ CON TRẦN

Để thực hiện chuyến đào thoát khỏi Học viện Bloor, Ollie chọn một cánh cửa mà không mấy đứa trẻ biết tới.

Trước khi mất đi lòng háo hức trước tình trạng vô hình đầy mới lạ, Ollie đã kịp tận dụng sự tự do mà vô hình mang lại để thoả mãn trí tò mò khôn cùng của mình. Một đêm nọ nó đã khám phá ra cánh cửa sau lâu đài này. Nhưng cửa khoá, mà cho dù cửa không khoá đi chăng nữa, chắc chắn nó cũng chẳng rời khỏi toà nhà. Trời tối là một chuyện, và còn một chuyện nữa là nó sẽ đi đâu?

Cánh cửa đó toạ lạc ở phía sau nhà bếp xanh lá cây, nơi bà vợ Bertha của gã Weedon trấn giữ. Những khi Bertha không phải nấu nướng, bà ta sẽ ngồi trong một chiếc ghế bành sồn tủa, đọc truyện kinh dị. Bà ta đặc biệt mê những tiểu thuyết của Agatha Christie. Nhưng ngay cả khi có vẻ như đắm chìm hoàn toàn vào cuốn sách, thì chắc chắn Bertha Weedon vẫn để nửa con mắt của mình vô cánh cửa. Bà ta rất thích để ý chính xác xem ai đang đi vô và đi ra.

Bên ngoài cánh cửa đó có một mảnh sân nhỏ làm nơi đặt những thùng rác. Những người lấy rác thường khua những thùng rác ấy ầm ĩ cả lên. Làm sao mà họ lại không làm như thế cho được? Để ra được tới ngoài phố, họ cần phải đẩy những thùng rác nặng chịch lên một đoạn dốc, và sau đó đi qua hai cánh cổng cao, được trang trí bằng đỉnh mũ.

Tất cả hàng hoá được giao tới Học viện đều đi qua cánh cổng đôi này, rồi xuống đoạn dốc, hoặc xuống mấy bậc thang đá vốn được chú đưa thư ưa thích (có lần chú ấy đã té lộn nhào từ trên dốc, thủ phạm là một trái chuối mốc meo).

Sáng thứ ba, Ollie đi xuống nhà bếp xanh lá cây. Con nhện của Emma vừa khít ngón cái bàn chân phải của nó, và nó khoải chí dờm con nhện bung lên trước mặt mỗi khi nó đặt bàn chân phải về phía trước.

Học viện Bloor yên ắng lạ thường, và Ollie cứ tưởng chưa có ai khác thức giấc, cho tới khi nó đi tới nhà bếp xanh lá cây... Bà Weedon đứng ngay bên cạnh cánh cổng sau, trong khi người bán cá và người phụ việc của ông ta ị ạch đi qua với những khay cá đông lạnh thật lớn.

“Vô đó đó! Vô đó đó” Bà Weedon la lớn, tay chỉ chiếc tủ đông khổng lồ. “Lẹ lẹ giùm coi.”

Ollie chờ cho tới lúc hai người đàn ông đẩy trượt những khay cá vô trong chiếc tủ đông thì nó liền chớp thời cơ. Nhưng khi nó vừa đặt bàn chân phải nơi bậu cửa, bà Weedon liền phát hiện ra ngay con nhện và “phụp”... Bà ta đập lên.

“Úi!”

Ollie ré lên. Và gần như không suy nghĩ, nó giơ bàn chân trái lên và đá cho bà Weedon một cái, đúng chỗ đau nhất.

“Áááá!” Bà Weedon rú vang.

“Chuyện gì đó?” Người bán cá, tên là Crabb, hỏi.

“Con nhện chết toi đó... Nó đang chạy mất kia!” Bà Weedon gào như bị bóp họng. “Bắt lấy nó... Lẹ lên... Tôi ngạt thở rồi!”

“Bà giỡn chặc,” ông Grabb nói, giọng vui vẻ.

“Tôi KHÔNG giỡn!” Người phụ nữ cau rít lên. “Tôi bị thương rồi.”

“Không. Ý tôi là bà đang giỡn về con nhện kia,” ông Crabb nói.

“Tôi KHÔNG giỡn!” Bà Weedon gào lên. “BẮT LẤY NÓ.”

“Cái gì... Bắt một con nhện bé xíu hả?” Ông Crabb nói, vẻ ngờ vực.

“NÓ không NHỎ! Nó biết đá hắt hoi,” bà Weedon gào, lạc cả giọng.

“Ra vậy.” Ông Crabb đã nghiêm nghị hơn. “Ê, Brian. Chúng ta đi thôi.”

Hai người bán cá leo lên những bậc cấp bằng đá, mau hơn bình thường, nhưng không đủ mau để trông thấy một con nhện lớn phóng qua cánh cổng sắt và bắn vọt ra ngoài đường.

Ollie đã không ra khỏi Học viện suốt hơn một năm trời. Giờ, nó không thể nhịn nổi, cứ nhảy chồm chồm và búng mình lên khi vội vã băng qua thành phố. Nó được tự do rồi. Mặt trời đã lên và mái vòm của nhà thờ lớn rực rỡ trong ánh ban mai.

“Ra rồi!” Ollie hát vang. “Ra mãi mãi. Và ta sắp lại là ta!”

Khi tới được nhà thờ lớn, nó ngược nhìn chằm chằm vô tòa nhà cổ kính; choáng ngợp trước độ cao và đám tượng đá chi chít từ cái cổng vòm đồ sộ cứ ngó ra trùng trùng.

“Mình tự do rồi!” Ollie hét lên.

Chẳng có ai ở quanh đấy cả, cho nên nó nhảy nhót khắp quảng trường rải sỏi, hát vang:

“Chẳng bao lâu nữa ta sẽ là ta, ta, TA!”

Ánh mặt trời chiếu cho nó thấy một cửa sổ bày hàng nhỏ, nơi trưng bày những cuốn sách bìa da tựa vô nền một bức màn nhung đỏ.

“Tiệm sách Ingledew.”

Ollie đọc tên tiệm ở bên trên cánh cửa. Nó lượn qua và nhấn chuông.

Một phụ nữ nhìn ra từ một cửa sổ trên tầng hai. Cô nhìn vô khoảng không chỗ Ollie đứng. Ngay cả ở khoảng cách xa như vậy, cô vẫn có thể nhìn thấy một con nhện đen to bụi mà đứa cháu gái của cô đã làm cách đây mấy ngày.

“Ollie đó hả?” Cô gọi.

“Xin chào cô!” Ollie lên tiếng. “Vâng. Là con đây ạ.”

“Chờ ở đó nhé! Một giây nữa cô xuống liền,” cô Ingledew nói.

Một thoáng sau, cánh cửa mở ra kèm theo một tiếng kính koong vui tai, và cô Ingledew xuất hiện trong chiếc áo choàng màu xanh da trời. Cô có gương mặt xinh đẹp và tươi cười, và Ollie lập tức cảm thấy dễ chịu.

“Vô đi, Ollie,” cô Ingledew mời con nhện, vì không còn thứ gì khác để cô có thể nhìn vô.

Ollie bước vô cửa hàng và ngó chăm chăm quanh những kệ sách. Trông chúng thật thích mắt với những bìa sách êm ái, đắt tiền cùng những gáy sách ép nhũ vàng.

“Một nơi tuyệt diệu!” Nó trầm trồ.

“Cảm ơn con,” cô Ingledew nói.

Cô lo lắng nhìn quanh căn phòng và thấy con nhện nép mình sát bên quầy.

“Cô nghĩ là con muốn dùng điểm tâm,” cô bảo.

“Vâng ạ!” Ollie thở dài. “Cô có chút mứt nào không?”

“Có nhiều chứ. Emma bảo cô mua một ít mứt cho con đây. Nhưng có lẽ con cũng muốn ăn cả trứng và thịt xông khói nữa nhỉ?”

“Thịt và trứng!” Ollie reo lên sung sướng. “Con chưa hề được ăn một bữa ăn nóng nào hơn một năm nay.”

“Ôi Trời ơi,” cô Ingledew nói. “Chúng ta sẽ phải sửa lại ngay lập tức.”

“Và ăn sáng xong con sẽ được chữa chứ?” Ollie nói. “Con gắp con trần xanh da trời được không? Nó có làm cho con hiện hình lại được không?”

“Cô nghĩ chúng ta nên để việc đó tới tối nay,” cô Ingledew nhỏ nhẹ. “Ban ngày thành phố rất đông đúc và cô không muốn con bị đập bẹp và bị... bị lạc mất.”

“Con cũng không muốn,” Ollie nói. “Dạ. Để đêm nay vậy. Giờ, con thưởng thức món mứt đó được chứ?”

Trong khi Ollie đang xơi bữa ăn nóng đầu tiên của mình sau bao nhiêu tháng trời, thì bọn trẻ và giáo viên Học viện Bloor vừa mới thức giấc.

Trên đường đi ăn sáng, Charlie quan sát thấy một bầu không khí bối rối trong số những giáo viên đi vụt qua nó. Bầu không khí này thậm chí càng rõ rệt hơn nữa trong nhà ăn, khi ban giám hiệu bước bốn bậc thang lên ngồi quây quanh Bàn Danh Dự, trước sự chứng kiến của toàn trường.

Giáo sư Bloor cứ hăng giọng liên tục, như thể sắp sửa thuyết giảng điều gì đó. Nhưng không một lời nào tuôn khỏi môi ông. Trông ông ta thật thê thảm. Mái tóc xám dựng lên nom thật kỳ dị, và gương mặt ông ta ngày thường đã nhợt nhạt thì nay thật tái mét.

Những cái nhìn hoang mang, ngơ ngác dường như đã lan tràn khắp trường. Nơi này vừa trải qua một đêm vô cùng kỳ lạ, nhưng không ai muốn bàn luận về nó. Sự thật thì hầu hết mọi người đều cảm thấy hoặc là xấu hổ vì cái sự hèn nhát của mình, hoặc là, như giáo sư Bloor, nhục nhã vì không thể ngăn chặn được cuộc xâm lăng của những hoạt động bất tự nhiên và kinh khủng như thế.

Bầu không khí kỳ lạ ấy kéo dài suốt cả ngày. Các giáo viên không thể nhìn vô mắt họ trò mình. Bọn trẻ nhìn nhau rồi lại vội vã quay đi. Tất cả mọi người đều đi đứng gấp gáp, không phải là như kiểu để mau chóng tới nơi mình cần tới, mà hình như là để mau mau trốn khỏi cái gì đó ở đằng sau lưng.

Charlie đoán việc này giống như là có bom gài trong toà nhà. Không ai biết trái bom ở đâu, hay khi nào thì nó phát nổ. Cuối cùng, mọi thứ lên tới cao trào ở trong phòng Nhà Vua sau bữa tối.

Tancred đúng là tia lửa, nếu có thể gọi đó là tia lửa. Mặc dù nó một nhòai sau một đêm hao tổn khá nhiều năng lượng, nhưng không ai không nhận thấy rằng nó rất ư hài lòng về bản thân.

Charlie có quá đủ lý do chính đáng để mà mãn nguyện, nhưng nó biết, sẽ thật nguy hiểm nếu bộc lộ ra.

Mười một đứa trẻ được ban phép thuật đang ngồi chỗ thường lệ của chúng quanh chiếc bàn, thì vẻ hơn hớn của Tacred bỗng trở nên quá sức chịu đựng đối với Belle.

“Dẹp cái vẻ hí hửng đó ra khỏi mặt mày đi, Tancred Torsson!” Belle giật giọng. “Mày tưởng mấy con gió vờ vịt của mày là tài giỏi lắm sao. Mày chẳng là cái quái gì cả. CHẴNG LÀ CÁI QUÁI GÌ CẢ!”

“Thế sao?” Tancred nói, ngoác miệng cười rộng hơn. “Ồ, thành thực mà nói, tôi không biết tại sao bà còn mất công đeo cái bộ mặt xinh đẹp đó làm chi nữa. Tất cả chúng tôi đều biết thật ra bà là cái gì rồi, mụ phù thủy kia!”

Một hơi thở hốt hoảng do sợ hãi phả ra quanh chiếc bàn, Asa đứng bật lên, gằm gừ:

“Rút lời đó lại, thằng khốn!”

“Giờ thấy can đảm rồi à, con thú tí nị kia!” Tancred châm chọc.

Asa đang định xông hẳn qua bàn thì Manfred túm lấy phía sau cổ áo nó:

“Câm ngay, tất cả bọn bay!” Nó hét. “Torsson, xin lỗi mau!”

“Tôi? Tại sao tôi phải xin lỗi?”

“Cô ta kiểm chuyện trước,” Lysander lên tiếng bằng một giọng chùng mực.

“Mày có nghe không,” Manfred rít lên. “Ý tao là, Torsson, mày không tài giỏi đến mức không thể bị trừng phạt. Mày biết đấy. XIN LỖI MAU!”

“Quên đi!”

Tancred dựng mái tóc nhuộm điện thẳng đơ của nó lên. Nếu xét về gió thì nó đã kìm được mình một cách đáng nể, nhưng bây giờ, để cho đỡ chán, nó phóng ra một loại thời tiết mới. Vài hạt mưa rớt lộp bộp bên bàn, và cả bọn vội vã rút sách che lên đầu.

“Lộp bộp, lộp bộp,” Zelda Dobinski cười khẩy. “Tôi nghiệp quá. Thế mà cũng gọi là mưa hả?”

Tất cả bọn đều ước gì con nhỏ đừng phun ra câu đó. Phút sau, đụn mây đen nhỏ này giờ trôi lêu bêu ở dưới trần nhà thành linh vỡ bụi ra, và một túi nước trút ào xuống. Nước bắn vô mắt bọn nhỏ, làm ướt sạch quần áo chúng, và ướt sũng hết sách vở.

“Thằng ngu!” Belle rít lên bằng một giọng đùng đục, đầy đe dọa. “Mày nghĩ mày là ai kia chứ?”

Bị làn mưa che mờ, Charlie thấy cái điều mà nó hy vọng mình đừng bao giờ thấy lần nữa. Những nét thanh tú của Belle chuyển thành màu nâu và giống như chó. Hai cái tai phòi ra từ đầu và hai cái cánh to đùng trụ lông bắt đầu toè ra khỏi vai. Belle đang biến thành một con dơi khổng lồ.

Con dơi giang đôi cánh trần trụ của nó ra, và hú lên một tiếng sôi máu, nó bổ nhào tới Tancred. Thằng bé hét lên “Ááááá,” rồi chui thụp xuống gầm bàn. Tất cả bọn còn lại cũng vậy - ngoại trừ Asa, nó ngồi yên chiêm ngưỡng con dơi với một vẻ sùng bái vô bờ.

Con vật kịch cỡm đó bắt đầu lượn vòng quanh căn phòng, đôi cánh của nó quệt vô những kệ sách và những bức tranh. Chiếc đồng hồ treo tường đâm nhào xuống sàn, nguyên một hàng sách bị gạt bay lên, và rồi, khi Charlie hé mắt nhìn ra từ dưới gầm bàn, nó trông thấy bức tranh Vua Đỏ rung lắc dữ dội, đập thành thịch vô tường. Charlie vội nhồm người lên và chạy ra chụp bức tranh đúng lúc nó rớt xuống.

“BỎ NÓ ĐÓ!” Cái giọng dơi kinh khủng vang rền.

Nhưng Charlie không đời nào để cho Vua Đỏ rớt. Nó vừa chụp được bộ khung vàng nặng chịch thì con dơi đâm bổ về phía nó.

Chính giáo sư Bloor là người đã vô tình cứu Charlie. Cánh cửa đột ngột bật mở toang ngay trước mặt Charlie, và con dơi tông sầm vô đó. Một tiếng rú kinh khiếp rú lên, bà dơi rớt đập xuống chân ông hiệu trưởng.

“Ôi trời... cái gì... ai?” Giáo sư Bloor cà lăm.

“Đồ ngu!” Con dơi rít lên.

“Ô! Nó là...? Tôi thiệt tình hy vọng đã không...”

“Tôi không ngủm đâu, đừng lo,” con dơi the thé. “Ông yêu cầu tôi giúp đỡ, nhưng ông đã không làm gì nhiều để giúp mình, đúng không? Ông cứ thế để mọi việc mất hết.”

Trước sự khó chịu khôn cùng của giáo sư Bloor, con dơi bò lên chiếc áo chùng của ông ta, cho tới khi lên tới tận vai, và rồi mụ ta quăng mình bắn qua cửa, hét lên:

“Có người sẽ mang tới một sự ngạc nhiên khủng khiếp.”

Khi con dơi vừa đi khỏi, ông hiệu trưởng lắc lắc vai, vuốt lại chiếc áo chùng và nói với bọn trẻ, giờ đang lồm cồm chui từ dưới gầm bàn lên.

“Tiếng động phát ra từ trong phòng này ồn không thể chịu nổi. Manfred, con không thể kiểm soát mọi việc hay sao?”

“Được chứ, thưa ngài,” Manfred nói, bỗng đỏ tím tái lên, “Đây là trường hợp ngoại lệ, thưa ngài.”

“Trời đất quỷ thần, con ướm nhẹp hết kìa!” Giáo sư Bloor nhận ra.

“Thằng Torsson,” Manfred nói.

“Torsson, đi lấy nùi giẻ. Bọn còn lại lau dọn phòng. Và phải IM LẶNG!”

Khi ông hiệu trưởng đi ra thì đã 8 giờ. Và những đứa lớn không hề có ý định sẽ lau chùi đồng lộn xộn ấy. Billy cáo lỗi là nó bắt đầu ngủ gật rồi, và Dorcas than van là bị nhức đầu. Lực lượng lao động teo lại chỉ còn năm đứa.

“Luôn luôn là tội mình nhỉ?” Emma vừa nói vừa xắn tay áo lên.

“Mình tự hỏi ai sẽ tới để gây ngạc nhiên khủng khiếp vậy,” Charlie lẩm bẩm.

“Anh chắc chắn là không lâu nữa tội mình sẽ biết thôi,” Lysander nói.

*

* *

Vào lúc tám giờ rưỡi, cô Ingledew quyết định là đã tới giờ đưa Ollie tới quán Cà Phê Thú Kiểng. Đường phố lúc đó sẽ vắng và sẽ ít có nguy cơ thằng bé bị đâm phải hay bị húc ngã. Cô đã được báo chắc chắn là tất cả mọi việc ở quán cà phê ấy đã sẵn sàng.

“Sẵn sàng như không còn gì để làm, cô thân mến,” giọng nhẹ nhàng của ông Onymous trên điện thoại.

Khi cô Ingledew đóng cửa tiệm sách, cô không nhận thấy một con dơi bụi cò đang treo mình bên trên cửa nhà thờ lớn.

“Cô nghĩ tốt nhất là con nắm lấy tay cô,” cô Ingledew ân cần bảo Ollie. “Cô không muốn lạc mất con. Con có phiền không?”

“Không, phiền gì đâu cô,” Ollie nói. “Cô làm con nhớ tới mẹ con. Đã lâu lắm rồi con không được nắm lấy tay mẹ con.”

Cô Ingledew hơi hốt hoảng khi thấy những ngón tay mình biến mất khi được bàn tay nhỏ bé của Ollie nắm lấy. Nhưng cô tự nhủ rằng cô phải biết đón nhận những việc đại loại thế này chứ, bởi vì cô đã là một phần trong thế giới kỳ lạ của Emma.

Họ vội vã ngược lên đường chính, và rồi xuôi về phía hẻm con Ếch, và mặc dù không trông thấy con dơi bụi cò đang quạt cánh trong những khoảng tối đằng sau lưng, nhưng cả Ollie lẫn cô Ingledew đều cảm thấy hơi tê tê ở sau gáy, như kiểu người ta vẫn hay thấy mỗi khi cảm giác có cái gì đó không minh bạch đang ở ngay đằng sau mình.

Có tới mấy lần cô Ingledew ngoái lại nhìn, nhưng đó là một con dơi ranh ma, và nó liên tục nguy trang thành một túi rác dựng bên một cột đèn, thành một tấm bảng hiệu, hay một bầu cửa sổ im lìm. Nên nhớ là, đã có vài người trông thấy rõ ràng một con dơi to bất thường vụt ngang qua cửa sổ nhà họ. Một người đàn ông gọi điện tới sở thú; và một người khác gọi cho Đội Cứu Hộ Thú Kiểng. Nhưng kích thước con dơi mà họ mô tả lại quá lớn nên không ai tin cả. Không có sinh vật nào như vậy tồn tại cả, người ta bảo với họ như vậy; và chắc chắn đó là một khinh khí cầu, một con diều, hay thật táo tợn khi dám nói ra, rằng đó là do thị lực quý vị kém.

Khi cô Ingledew và người đồng hành vô hình tới nơi, quán Cà Phê Thú Kiểng, cô nhấn chuông. Cửa sổ tối om, và mất một phút, tìm Ollie như rút tuột xuống. Rồi cánh cửa cái mở ra, Ollie trông thấy một người đàn ông cực kỳ nhỏ bé, và người đàn ông này đang nhìn thẳng vô mắt nó. Thật là dễ chịu. Bao nhiêu lâu nay Ollie chưa được ai nhìn vô mắt cả. Sự việc đó mở đường cho Ollie cảm thấy mình đã là người trọn vẹn trở lại.

“Đây là Ollie,” cô Ingledew nói, giơ những ngón tay bị biến mất của mình lên.

“Đúng rồi,” ông Onymous nói. “Rất vui được gặp cậu, Ollie. Vô đi, cả hai người!”

Ông Onymous dẫn đường băng ngang quán cà phê tối mù, tới một nhà bếp ẩm cúng ở phía sau, tại đây Ollie ngạc nhiên trông thấy ba con mèo rực rỡ đang ngồi trên một tủ đông, một con chó vàng đang ngủ gà gật trong một cái ổ, và một người phụ nữ cao ngều đang làm bánh bột nhào, trong khi một con chuột đen từ trên vai bà ngo ngoé coi.

“A ha!” Người phụ nữ cao nhòng kia nói, bà có cái mũi cực dài. “Kẻ biến mất! Chào mừng cậu, Ollie Sparks. Tên bác là Onoria, cậu nhỏ à, là bác Onymous gái.”

Mắt bà hơi dao động một tí khi kiểm điểm để tập trung nhìn. Rõ ràng bà không xuất sắc bằng chồng trong việc đoán xem người vô hình đang đứng ở đâu. Nhưng sau đó thì bà đã làm được tốt.

Ollie không thể không tự hỏi làm sao mà một người đàn ông nhỏ như thế lại chọn một người phụ nữ cao như vậy làm vợ. Trong những dịp thông thường, ắt hẳn Ollie đã hỏi rồi, nhưng đây không phải là dịp thông thường. Thay vào đó, nó nói:

“Nó ở đây à... con trần ấy?”

“Phải, cậu nhỏ,” bà Onymous chỉ một cái giỏ to ở gần sát chân bà. “Bác luôn phải hát cho nó nghe. Con vật tội nghiệp đó đã sống một cuộc đời chẳng dễ dàng gì.”

“Tôi tự hỏi,” cô Ingledew rụt rè nói, “Có thể uống một tách trà trước khi chúng ta... à... trước khi việc này xảy ra được không?”

“Tôi nghĩ sao mà lại thế này?” Ông Onymous thốt lên. “Phép lịch sự, Orvil, phép lịch sự. Xin mời ngồi, cô thân mến.”

Ông đưa ra một chiếc ghế, và cô Ingledew ngồi xuống với vẻ biết ơn.

Ollie nói nó nên đứng để “chữa trị” thì tốt hơn. Nó nghĩ con rắn sẽ thấy cách đó dễ dàng hơn.

“Con có thể gặp nó bây giờ được không?” Nó hỏi.

Bà Onymous nhắc nắp của chiếc giỏ ra, và Ollie chong mắt ngắm con rắn dễ sợ mà trước kia đã quấn nó thành vô hình. Con rắn này không hoàn toàn giống như Ollie nhớ. Bộ da màu ngọc bích sáng tươi của nó đã nhạt đi, và bây giờ nó có màu xanh da trời óng ánh bạc, dịu mắt. Và hình như nó cũng hơi co lại, có cái gì đó trong dáng điệu của nó tỏ ra thân thiện hơn và nhẹ nhàng hơn.

Cái đầu óng ánh bạc của con rắn đột ngột ngóc lên, và nó kêu chiếp chiếp như chim. Ollie bật lùi lại.

“Con vật dễ thương quá hả?” Bà Onymous thở dài. “Các quý vị dùng trà với sữa và đường nhé?”

“Vui lòng cho sữa thôi,” cô Ingledew nói.

Còn Ollie thì bảo:

“Không ạ, cảm ơn. Hồi nữa con mới khát kìa.”

Trong khi cô Ingledew và gia đình Onymous nhâm nhi trà, Ollie bước đi loanh quanh cái giỏ mây. Con rắn dõng theo thẳng bé bằng đôi mắt đen, tí rì của nó. Rõ ràng là nó có thể trông thấy thẳng bé. Khi Ollie đứng im, con rắn uyển chuyển trườn ra khỏi cái giỏ mây bà bắt đầu quấn quanh hai mắt cá vô hình của thẳng bé. Ollie nín thở.

“Ông có nghĩ là nó biết phải làm gì không?” Bà Onymous thì thầm.

“Thì cứ hy vọng đi,” ông chồng nói. “Cậu đã sẵn sàng rồi chứ, Ollie?”

“Dạ rồi. Rất sẵn sàng,” Ollie đáp. “Con đã nghĩ tới chuyện gặp lại anh của con. Con cũng nghĩ tới chuyện con sẽ về lại Lâu đài Lấp Lánh. Lâu đài đó luôn sáng lấp lánh vì anh và ba của con có thể thắp lửa từ đá, hai bác có biết chuyện đó không?”

“Còn con có thể làm được gì?” Bà Onymous hỏi.

Bà Onymous nghĩ tới Ollie như một bệnh nhân, cần phải được chia trí cho quên đi cái công việc đau đớn đang được thực hiện trên thân thể.

“Con chỉ biết chơi sáo thôi,” Ollie nói, vào lúc này nó chẳng cảm thấy đau đớn gì hết.

“Bác rất mong được nghe con chơi,” bà Onymous nói.

Con trần đang quấn mình thành từng vòng, từng vòng trong không khí. Tuy nhiên, không thấy một cái gì bên trong vòng cuốn của nó.

“Giờ con sẽ nhắm mắt lại,” Ollie nói, “để nếu rủi mà không được gì thì con không bị thất vọng, hai bác với cô biết đó.”

“Đương nhiên,” những người lớn nói.

Cô Ingledew đặt tách trà của mình xuống. Cô không thể quan sát. Thật quá sức. Cuộc thí nghiệm sẽ không thành. Ollie tội nghiệp sẽ vô hình vĩnh viễn. Nhưng cô đã quyết định mình có thể làm được gì. Cô sẽ đưa Ollie đến tiệm sách và gọi điện cho cha mẹ nó. Dẫu sao một cậu bé vô hình vẫn tốt hơn là không có cậu bé nào cả. Và rồi cô trông thấy bàn chân. Trước tiên là bàn chân có con nhện ở ngón cái. Sau đó là chân kia. Chân đất, coi bộ lạnh, hết sức cần có vớ và giày.

“Hai cẳng chân kìa,” ông Onymous nói khẽ.

Đáng ra ông phải la lên kìa, bởi vì con Hạt Đậu, bị xúc động trước những việc tưởng không thể xảy ra được lại đang diễn ra, cứ nhảy chồm lên và bắt đầu sửa.

“Hấp, anh chàng ngoan coi nào,” bà Onymous nói.

Hạt Đậu rừ rừ và nằm xuống, cứ trợn mắt thao láo dòm cái quá trình mà Ollie mỗi lúc mỗi hiện ra rõ. Những con mèo lửa tỏ thái độ như thể trước kia chúng đã từng chứng kiến mấy vụ này rồi. Chúng vẫn im lặng, nhưng cảnh giác.

“Ôi, tội nghiệp thằng bé, trông cái quần nó kìa,” bà Onymous nói, chú ý tới mảnh vải rách te tua gần như không che được hai đầu gối của Ollie.

Con rắn đang leo lên cao hơn, và bây giờ họ có thể thấy một cái áo len chui đầu màu xám sồn tưa, nhỏ hơn cỡ người của chủ nhân ít nhất là hai cỡ, những cổ tay gầy guộc lòi ra thật xa cái ống tay áo mơn xơ xác.

“Trời ơi!” Ông Onymous thốt lên khi cái cổ con rắn cuộn quanh một cái đầu tóc nâu rối tung. Một khuôn mặt hiện ra giữa những món tóc nâu, dài; nó có hai con mắt to, màu xanh da trời, thâm quầng, một cái miệng nhỏ nhắn, và một cái mũi phờ phạc, trông rất tọc mạch.

“Ôi!” Cô Ingledew thở hắt ra. “Ollie!”

Con rắn bao quanh đầu Ollie cho tới khi trông nó giống như một cái khăn xếp^[2] sáng loáng, và lông mày Ollie nhướng lên đầy ngạc nhiên, phấn khích.

[2] khăn xếp: loại khăn đội đầu của người Hồi giáo.

“Con trở lại rồi hả?” Nó hỏi. “Con cảm thấy như mình đã trở lại rồi.”

“Chính thế,” ông Onymous nói. “Cậu rất khỏe mạnh và hiện hình thật rồi, Ollie Sparks. Chúc mừng!”

Có lẽ nên vỗ tay mừng, và thế là, tất cả mọi người đều vỗ tay, kể cả Ollie, tuy rất nhẹ, do nó sợ con rắn.

Con rắn có vẻ kiệt sức sau những cố gắng của mình. Quả đúng là kiệt sức, nó nhắm mắt lại và rút vô một vị trí thoải mái ở trên đầu Ollie.

Bà Onymous nhắc con vật ra khỏi Ollie và đặt nó trở vô trong chiếc giỏ.

“Chúng ta phải ăn mừng thôi,” bà nói. “Orvil, pha thêm một bình trà nữa đi. Để tôi đi kiểm một ít bánh.”

Sau một giờ thật đáng hài lòng, với rất nhiều quyết định được đưa ra, cô Ingledew rời quán Cà Phê Thú Kiểng và bươn bả trở về tiệm sách của mình. Cô biết Ollie đang ở trong những vòng tay chăm sóc tốt - nó đang tắm rửa đầu tiên của mình sau hơn một năm. Bà Onymous đã lo trước hết mọi việc. Thằng bé tội nghiệp sẽ có những bộ quần áo mới. Nó sẽ được cắt tóc, và nó sẽ được tắm rửa, được nghỉ ngơi trước cuộc hành trình dài trở về lại Lâu đài Lấp Lánh, nhà của nó.

Cô Ingledew rất mãn nguyện về kết cục của mọi việc. Cô bắt đầu ngâm nga một bài hát ưa thích nhất của mình. Khi tới ngã tư, suýt nữa thì cô quẹo vô đường Filbert. Chắc chắn cô muốn chia sẻ niềm vui này với Paton Yewbeam, nhưng việc này không thể được, lời buộc tội của nội Bone vẫn còn làm cô lẩn cẩn.

“Mình không phải là kẻ theo đuổi,” cô Ingledew khẽ lẩm bẩm. “Và mình sẽ không để bị coi là kẻ theo đuổi.”

Cô tiếp tục bước đi, giờ có hơi chậm bước một chút, và hơi ngui giận, hoàn toàn không nhận thấy con dơi lớn vẫn đang bám theo cô. Ẩn mình vô bóng tối, nó cứ bay đằng sau cô, tới phố nhà thờ, và rồi nó bám vô một ống thoát nước, quan sát cô Ingledew bước vô tiệm sách và khoá cửa lại.

Con dơi bay tiếp, xuôi xuống Vòng Cung Ụ Xám, và vô hẻm Ngách Tối. Nó lượn loanh quanh và vỗ cánh phành phạch phía mặt ngoài mái nhà, rồi chui tọt vô một cửa sổ để mở ở tầng trên căn số 13 thứ ba.

Một loáng sau, mẹ Yolanda Yewbeam, không còn là con dơi nữa, bước vô phân xưởng may dưới tầng hầm của bà Venetia, chốt gài cửa mẹ.

“Tuyệt”, mẹ lẩm bẩm khi chiêm ngưỡng những bộ quần áo nằm rải rác trên chiếc bàn dài của bà Venetia. Có những chiếc áo chùng xanh da trời và xanh lá cây, những áo đầm lụa, áo khoác và quần chèn nhung, những đôi vớ da đủ màu, áo lót, áo sơ-mi, diềm đăng ten, khăn len đội đầu, cùng tất cả những dây nịt và giày thật đom đàng.

Bà cô Venetia đang bận đính những khoen xê-quin quanh vạt một chiếc váy đen, dài. Phía bên kia, ở mép bàn, là một đống những hộp thiếc, hũ với hộp. Thỉnh thoảng bà ta lại nhúng những ngón tay vô một trong những đồ chứa đó, bốc ra ít hạt bột màu, một chút thảo mộc, hay vài chấm chất lỏng. Bà ta sẽ bôi những thứ đó vô mặt trái của những khoen xê-quin trước khi đơm chúng vô.

“Làm xong áo chùng chưa?” Mẹ Yolanda hỏi.

“Chưa ạ” Bà Venetia ngược lên, hơi giật mình.

“Tao đoán nếu tao là con bé xinh đẹp đó thì mày thích hơn,” mẹ Yolanda nói, tuổi tác và tâm địa độc ác của mẹ đã phơi bày rõ rệt trong đêm nay.

“Không phải, thưa cụ. Cụ làm con ngạc nhiên, thế thôi.”

“Tao mệt quá,” mẹ Yolanda nói. “Tao bám theo cái con mẹ chó mũi đó suốt mấy tiếng đồng hồ. Nó đang giữ thằng bé, tao chắc chắn điều đó. Nó đã nấu mất con ngỗng của bọn ta. Grizelda nói đúng, con đó phải đi đời. Và cả đứa cháu gái khôn kiếp biết bay của nó nữa.”

“Cụ gấn dây nịt chưa?”

“Đứa bạn nhỏ Dorcas của chúng ta đang lo liệu việc đó.”

“Tốt. Cụ ngồi xuống đi. Bỏ mệt nhọc qua một bên nào,” bà Venetia kéo ra một chiếc ghế.

“Tao muốn làm cái áo chùng,” mẹ Yolanda gằn giọng.

Mẹ ngồi xuống đằng sau chiếc máy may và kéo chiếc áo chùng xanh lá cây về phía mình.

“Cái thằng du côn, cái con thú ranh đó nó tưởng nó quáááá... tài giỏi. Hừ, rồi nó sẽ suy nghĩ khác cho coi.”

“Ai vậy, thưa cụ?”

“Cái thằng Torsson. Dám gọi ta là mẹ phù thủy xấu xí. PHÙ THUỶ!” Mẹ Yolanda thét lên.

22. Chương 22

SỢI DÂY NỊT KẾT HẠT HUYỀN

Đứa con gái tên là Belle Donner đã biến mất khỏi Học viện Bloor. Đối với hầu hết bọn trẻ, điều này quả là một cái thở phào nhẹ nhõm.

Nhưng Charlie biết, nó vẫn chưa gặp mẹ Yolanda Yewbeam lần cuối cùng đâu. Nó được tin từ bà bếp trưởng là cuộc gặp gỡ giữa Ollie với con trăn đã thành công mỹ mãn. Tin này quả là tốt lành, nhưng Ollie cứ không ngừng hỏi về anh trai mình. Trong khi đó, không một ai biết chuyện gì đã xảy ra với Samuel Sparks.

Charlie đem vấn đề của Ollie ra bàn luận với Fidelio, thằng này đang cảm thấy mình bị gạt ra rìa trong mọi việc kể từ cái đêm đầy gió và linh hồn.

“Từ đây cho tới cuối tuần tụi mình không làm được gì nhiều đâu,” Fidelio nói. “Với lại ba anh đã đăng ký cho anh chơi đàn vĩ cầm trong đêm đám cưới ông anh họ anh rồi. Anh chịu thua, không giúp em được, Charlie. Mấy người kia hình như cũng đều bận bịu cả.”

Quả đúng vậy. Khi Tancred và Lysander nghe tin mừng về Ollie, bọn chúng cảm thấy như mình đã hoàn tất mọi phần việc cần đến chúng rồi.

Gabriel có rất nhiều bài tập dương cầm phải luyện tập cho kịp, còn Billy thì chắc chắn không thể mong chờ nó trợ giúp được rồi. Nó cứ thơ thẩn đi loay quanh, ngầy ngật về cuộc hạnh ngộ với con trăn, và mong ngóng được đoàn tụ với con Rembrandt.

Nhưng chính Emma mới là đứa trở nên thê thảm nhất. Dorcas đã trói hai bàn tay nó bằng thứ dây mạnh mẽ khác thường, và kể từ đêm hôm đó, những ngón tay đã biến lẹ thành lông chim cứ đau nhức mãi. Đau đến nỗi mà Emma gần như không cầm viết nổi. Nhưng nó đã hứa là sẽ làm cho Olivia một sợi dây nịt vô cùng đặc biệt, và không gì thuyết phục được nó từ bỏ nhiệm vụ ấy.

Cô Marlowe, giáo viên khoa kịch, có ấn tượng tốt về diễn xuất của Olivia trong những buổi diễn tập, đến nỗi cô đã quyết định giao cho con bé đóng vai nàng công chúa chính. Và Emma, quá phấn khởi trước tin vui của Olivia, liền hứa sẽ làm cho đứa bạn nó bộ trang phục đẹp nhất từ trước tới nay.

Cái váy đầm dài đã hoàn tất và đang treo trên mắc ở phía sau lớp may trang phục. Nó được may bằng lụa đỏ, với những rẻo vải nỉ đen bóng. Ống tay áo dài và bó sát, với cổ tay áo bằng vải lưới đen óng ánh, và vạt váy được đính những khoen xê-quin đen nhỏ li ti. Tất cả mọi người đều trầm trồ chiếc đầm ấy, và Olivia cứ thường xuyên ghé thăm lớp của Emma chỉ để đứng nhìn mãi mê bộ đồ xinh đẹp của mình. Giờ cái đầm chỉ cần có một sợi dây nịt.

Lúc này Emma đang tiến hành làm dây nịt, nhưng nó sợ rằng mình sẽ không bao giờ làm xong. Hôm nay nó mới đính được có hai hạt cườm đen vào sợi dây, thế mà tất cả các khớp ngón tay của nó đã nhức nhối dữ dội rồi.

“Tôi có thể giúp bạn chút nào không?” Dorcas hỏi, nó đang ngồi đối diện với Emma bên một chiếc bàn làm việc lớn.

“Không, cảm ơn, cứ để tôi ráng,” Emma nói.

Nó đính vô thêm giọt hạt huyền sáng bóng. Mỗi hạt huyền gắn vô một cái móc kềm nhỏ xíu. Mỗi móc lại được may hẳn lên sợi dây nịt, để cho từng hạt huyền đều chuyển động độc lập được, loé sáng và lấp lánh khi ánh đèn sân khấu chiếu lên. Kết quả thật ngoạn mục: một sợi dây nịt kết hạt huyền.

Emma giơ tay lên:

“Thưa cô, em đi uống nước được không ạ?” Nó hỏi cô Singerlee, giáo viên lớp thiết kế trang phục.

“Ừ. Em bị sao vậy, Emma?” Cô Singerlee lo lắng. Emma trông thậm chí còn nhợt nhạt hơn thường ngày và công việc của nó tiến triển rất chậm.

“Em không sao, chỉ khát nước thôi,” Emma nói.

Nó rời lớp học và bắt đầu một đoạn đường xa tới phòng để áo khoác. Khi uống nước xong, nó dựa người vô dãy bồn rửa mặt và xoa bóp ngón tay. Liệu mình có bao giờ bay được nữa không, nó tự hỏi.

Emma không biết nó đã rời lớp học trong bao lâu, nhưng khi quay trở lại, nó đã thấy ai đó đã đính hết cả một hàng hạt cườm vô sợi dây nịt rồi.

“Tôi nghĩ bạn cần có người giúp,” Dorcas nói.

“Cám ơn.”

Emma không biết phải nghi ngờ hay biết ơn. Dorcas trở nên thân thiện khác thường kể từ khi Belle đi khỏi.

Chuông reng, Emma cẩn thận gấp sợi dây nịt lại và cất vô giỏ xách. Nó sẽ còn phải làm tiếp cho xong vào cuối tuần, cho nên nó gói nắm bột cừm vô chiếc khăn tay và thả chúng vô trong giỏ xách chung với sợi dây nịt.

Hôm đó là thứ Sáu, và Emma ao ước mong ngóng được về để ngủ một giấc thật lâu trong căn phòng thoải mái của nó ở phía trên tiệm sách.

Charlie không thể chờ nổi để gặp Ollie. Thật ra tất cả những người đã góp phần vô việc giải cứu Ollie đều nôn nao muốn gặp thằng bé. Thậm chí cả Tancred và Lysander cũng sẵn sàng liều mạng với dơi và nhện (nếu chúng xuất hiện) để tận mắt nhìn thằng bé vô hình nay đã trở thành hữu hình.

“Con dơi già ấy chắc chắn đã bay tới tận Transylvania rồi,” Gabriel nói khi chúng chạy ra xe buýt trường.

“Đừng có chủ quan như thế,” Charlie lẩm bẩm.

Có một điều ngạc nhiên đang chờ Charlie ở nhà. Ngoại Maisie đã trở về. Bà đang dùng bữa trà với Ông cậu Paton thì Charlie bước vô.

Sau bao nhiêu là cái ôm và nước mắt (về phía ngoại Maisie), bà ngoại yêu quý của Charlie ấn nó ngồi xuống, và nó xới một đĩa cá với khoai tây chiên trong khi bà kể cho nó nghe một điều rất thú vị.

“Nghe đi, Charlie,” Ông cậu nói nghiêm trang. “Việc này có lẽ sẽ giải thích được vài điều.”

“Dạ. Nói đi ngoại Maisie,” Charlie nói.

Ngoại Maisie kéo ghế của mình lại gần nó.

“Thế này, Charlie, con biết đấy, ta vừa mới ở chỗ chị Doris của ta về.”

“Bà ấy có đỡ bệnh không ạ,” Charlie hỏi.

“Khỏe hơn nhiều rồi, cảm ơn con, Charlie. Bà ấy già hơn ta và biết nhiều về gia đình hơn ta. Ta không hiểu tại sao bà ấy lại đợi cho đến khi kẻ cận cửa thần chết mới nói cho ta biết điều này, nhưng...”

Đúng lúc đó, mẹ Charlie bước vô và một quy trình ôm ấp dài khác lại diễn ra.

“Hãy kiên nhẫn, Charlie,” Ông cậu Platon nói. “Đáng phải đợi lắm.”

Không phải đợi đến khi mẹ Charlie đã yên vị với đĩa cá và khoai tây chiên của mình thì ngoại Maisie mới thấy thích hợp để kể tiếp câu chuyện của mình.

“Ngoại đang nói tới đâu rồi nhỉ?” Bà hỏi.

“Chị của bà lúc đang kẻ cận cửa thần chết,” Charlie nhắc.

“À phải. Bất thành linh bà ấy bảo. ‘Maisie à, nếu tôi chết thì hãy cứu lấy những giấy tờ ở trên bàn giấy của tôi. Đừng để họ đốt chúng đi.’ ‘Đương nhiên là tôi sẽ không để như thế,’ ngoại vừa đáp vừa vỗ vỗ bàn tay trắng tội nghiệp của bà ấy. Thế rồi bà ấy khẳng khẳng đòi ngoại lấy giấy tờ ra, và bà ấy bắt đầu phân loại chúng ngay tại chỗ. Thiệt là bừa bộn! Bà ấy đã tích trữ đồng giấy vô dụng đó suốt bao nhiêu năm. Hầu hết chúng nằm vương vãi dưới sàn nhà gần giường của bà ấy, và khi ngoại lượm một túi giấy cũ lên thì thấy rớt ra cuộn giấy cũ này.”

Ngoại Maisie ngừng lại và nhìn Charlie đăm đăm.

“Đó là gia phả, Charlie à, và con đoán được nó ghi cái gì không?”

“Không ạ,” Charlie nói.

“Ừm, ở trên ngọn cây gia phả, là một người có cái tên lạ, rất khó phát âm. Khi ngoại hỏi chị của ngoại về cái tên ấy, bà bảo. ‘Ồ, ông ấy đấy. Ông là một thầy pháp, theo như mọi người nói. Một thầy pháp xứ Wales. Chính vì vậy mà ông có cái tên rất lạ.’”

“Một thầy pháp?” Charlie nói, nhồm người lên. “Bà có chắc không?”

“Chắc chứ!” Ngoại Maisie nói, sáng rõ lên. “Vậy, rốt cuộc dòng họ Jones không hề là vợ vắn chút nào. Chúng ta cũng đặc biệt không kém gì dòng họ Yewbeam. Thế đấy!”

Mẹ Charlie trầm tư khuấy tách trà của mình:

“Nhưng như vậy là Charlie được thừa hưởng ở cả hai dòng họ,” cô nói. “Sức mạnh... hay phép thuật... hay bất cứ cái gì đó.”

“Chính xác,” Ông cậu Paton nói, khoái chí đập bàn đánh rầm. “Mày biết đấy, Charlie. Cây gậy phép đúng là thuộc về mày, chính vì thế mà nó chỉ hiệu nghiệm với mày thôi, không với ai khác. Chắc chắn ông thầy phù thủy già đầy mưu mô đã đánh cắp nó từ tổ tiên của mày. Ta đã tra cứu ngày tháng. Skarpo trẻ hơn nhiều... cho nên hẳn có thể là đệ tử tập sự của thầy pháp đó... Có lẽ hẳn đã ăn cắp cây gậy phép khi ông thầy già qua đời.”

“Có lẽ chính vì vậy mà lần này Skarpo đã không cố lừa phỉnh con, nhờ cây gậy phép và mối liên hệ của con với ông thầy pháp kia.”

“Cũng có thể do hẳn lo ngại không biết con làm được gì với cây gậy phép ấy,” Ông cậu Paton nói.

Charlie cào cào mớ tóc hàng rào của nó.

“Chà!” Nó lẩm bẩm. “Chà! Vậy là con được ban phép thuật gấp đôi.”

Nó không còn chắc được cảm giác của mình nữa, nhưng chắc chắn là rất sững sốt.

“Ông cậu nghĩ nội Bone có biết chuyện này không?” Nó hỏi.

“Có lẽ bà ấy đã đoán ra,” Ông cậu Paton nói. “Đừng quên tài tiên tri của bà Eustacia. Có lẽ bà ta đã có điềm báo.”

Charlie nhìn trân trân vô món cá và khoai tây chiên.

“Mọi người không nói về vụ này một thời gian có được không ạ?” Nó nói. “Con muốn nghĩ thêm về nó.”

“Dĩ nhiên, con,” ngoại Maisie nói. “Có lẽ hơi sốc một chút, đúng không? Nhưng ngoại đưa cho con tờ gia phả này để con coi. Dù gì thì con cũng là nhánh cuối cùng của dòng họ Jones.”

Charlie cầm cuộn giấy da dê nhần nheo lên phòng ngủ của nó. Mất một lúc lâu, nó nhìn trùng trùng vô những cái tên lạ, những ngày tháng năm sinh, những cặp vợ chồng, tự hỏi ai trong số những tổ tiên đó có phép thuật. Họ có sử dụng cây gậy phép không? Và nếu có, thì họ dùng để làm gì?

Nó vừa trải qua một tuần lễ bận rộn, ít ra là thế. Và giờ thì nó nằm xuống, nhắm mắt lại. Ngay bây giờ mà phải nghĩ thêm nữa thì là quá nhiều.

Vào sáng thứ Bảy, cô Julia Ingledew đang định mở cửa tiệm, thì mắt cô chợt dừng lại ở một sợi dây nịt kết cườm tuyệt đẹp. Nó đang nằm trên bàn, ngay chỗ Emma đã bỏ lại hồi đêm hôm trước.

Cô Julia Ingledew không phải là một phụ nữ tự cao, nhưng cô có một vòng eo cực nhỏ, và ai có thể trách khi cô tự hào về nó nào? Cô cầm sợi dây nịt lên. Những viên đá màu đen lấp lánh. Nó là cho con nít, nhưng nếu cô đeo thử thì sẽ ra sao nhỉ? Chắc là nó sẽ vừa vặn với cô.

Cô Julia ướm sợi dây nịt quanh vòng eo của mình. Nó hơi chật nhưng... cô hóp bụng vô... rồi vừa rồi. Cô gài móc khoá lại và ra đứng trước gương soi. Sợi dây nịt trông thật tiệp với chiếc đầm xanh ngọc bích cô đang mặc. Cô Julie xoay nhẹ người và những viên đá chói loà kêu lóc xóc một cách huyền bí.

“Ôôô!” Cô ồ lên. Chưa bao giờ cô thấy mình xinh đẹp hơn thế.

Cô hít một hơi thật sâu nữa... vì sợi dây nịt rất chật... nhưng hình như cô không thể hít đủ không khí vô phổi. Cô ho rũ người. Đầu cô tưởng như bị ép chặt trong một cái bàn kẹp. Cảm giác đó chạy khắp xương

sống, và cô Julia lão đảo vì đau đớn. Cô cố tháo sợi dây nịt ra, nhưng móc khoá không thể mở ra được. Tim cô Julia bắt đầu đập loạn xạ.

“Emma,” cô rên rỉ. “Emma, giúp dì với.”

Charlie đang ăn sáng thì chuông cửa reng. Chuông cứ kêu mãi, kêu liên hồi. Ai đó đã dè cả nắm đầm lên nút chuông, hoặc là nó bị kẹt rồi.

“Từ từ!” Charlie gọi với ra, vẫn đang nhai bánh mì nướng. “Ra ngay đây.”

“Cứu! Cứu! Cứu với!” Một giọng thét lên.

Charlie mở cửa ra và Emma suýt nữa thì té nhào vô hành lang.

“Ồi, Charlie!” Con bé la lên. “Có chuyện rất khủng khiếp xảy ra cho dì mình.”

“Khủng khiếp thế nào?” Charlie nói, quệt miệng.

Chiều ngả phía trên nó lập tức đầy kín bà nội, bà ngoại, cả hai bà cùng hét to:

“Có chuyện gì xảy ra vậy? ”

“Ai làm sao?”

“Gì mà ồn ào vậy?”

“Bồ có muốn uống chút nước không?” Charlie hỏi Emma. Hình như nó chưa thấy tình huống khẩn cấp cho lắm.

“Không,” Emma rên lên. “Mình muốn ai đó tới ngay bây giờ. Mình muốn ai đó giúp với. Mình đã chạy tới phòng khám của bác sĩ, nhưng mình không biết phải nói gì, và chắc họ không coi đây là một vụ nghiêm trọng.”

“Có chuyện gì thế?” Giọng Ông cậu Paton.

“Ồi, ông Yewbeam. Dì của con,” Emma thét lên. “Con nghĩ dì ấy sắp chết.”

“Cái gì? ”

Với bốn bước nhảy, ông cậu Paton đã xuống hết cầu thang.

“Đi nào,” Ông cậu nói.

“Ồ, cảm ơn!” Emma lao bắn ra ngoài cửa.

Khi con bé xuống đến vỉa hè thì Ông cậu đã đi phăm phăm trước nó một quãng rồi.

Charlie đứng nhìn theo và lắc đầu. Mọi việc diễn ra quá nhanh đối với nó. Nhưng nó không quá bàng hoàng để đến nỗi không nhận thấy nụ cười ác nghiệt trên gương mặt nội Bone ngay trước khi nội quay trở vô phòng mình.

“Con đi tới tiệm sách đây,” nó bảo ngoại Maisie.

“Tốt lắm,” ngoại Maisie đáp.

Charlie phóng lên lầu và chộp lấy cây gậy phép dưới gầm giường. Nó không biết tại sao đột nhiên cây gậy phép lại có vẻ quan trọng đến như vậy, nhưng kể từ khi nó biết được lịch sử của cây gậy phép này, nó cảm thấy rằng, có lẽ cây gậy sẽ đóng một vai trò nào đó trong tình huống tuyệt vọng này.

Khi nó ra tới bậc cấp cửa trước thì Ông cậu Paton và Emma đã biến mất. Charlie lao vù trên đường Filbert, dọc theo đường chính, cho tới khi nó va phải ba con chó chồn. Chủ nhân của ba con chó giận dữ quát:

“Coi chừng cây gậy kìa!”

Cánh cửa tiệm sách vẫn để mở, bị gió đập sầm sầm. Charlie gài chốt lại cẩn thận sau lưng, và nhớ treo thêm tấm biển ĐÓNG CỬA lên.

Nó gặp Ông cậu Paton trong phòng cô Ingledew, và đang làm hô hấp nhân tạo cho cô. Bối rối khi trông thấy Ông cậu nó đang làm... cái việc ông đang làm, Charlie nhìn lên trần nhà.

“Làm ơn đừng để dì chết!” Emma khóc. “Ôi, làm ơn.”

Charlie tiến lại gần. Cô Ingledew đang nằm trên ghế trường kỷ. Mặt cô tái xanh, mắt mở trợn tròng, miệng cô ngáp ngáp như con cá.

Việc hô hấp nhân tạo của Ông cậu Paton rõ ràng là không có tác dụng, và giờ ông dùng đến chiêu ẩn hai bàn tay thật mạnh vô ức cô Ingledew.

“Tháo sợi dây nịt đó ra, Emma!” Ông cậu nói.

“Con không làm được!” Emma kêu lên. “Con đã thử rồi.”

“Cái gì?”

Ông cậu Paton kéo cái móc khoá và một tia lửa xanh da trời xẹt ngang qua những ngón tay ông.

“Úi! Cái quỷ gì thế này?”

Ông lôi cái móc khoá một lần nữa, kết quả vẫn vậy. Ông chụp lấy sợi dây nịt bằng cả hai tay và cố dứt nó ra.

“Không được,” ông lầu bầu. “Cái này làm bằng gì vậy? Chúng ta cần một con dao... loại dao cắt dây điện... Loại có thể cắt xuyên qua thép.”

“Vô ích thôi,” Emma nói bằng giọng lạc đi, sợ hãi. “Con nghĩ nó bị ếm bùa rồi. Con đã để nó lại để đi uống nước. Tất cả là lỗi ở con.”

Ông cậu Paton nhìn Emma trừng trừng, vẻ kinh hoàng.

“Đây là cách chúng trừng phạt người ta,” ông gằn giọng. “Nếu Julia...”

Những lời tiếp theo, ông nghẹn lại. Và rồi, ông quỳ xuống, cầm lấy bàn tay lạnh tím của cô Ingledew, đặt nó lên miệng.

“Ôi, em yêu,” ông thở dài. “Ta xin lỗi.”

Charlie nhìn chết trân. Nó sững sờ khi thấy Ông cậu rơi vô tình trạng tuyệt vọng như vậy. Chỉ thế thôi mà Ông cậu chịu bỏ cuộc sao? Hay cô Ingledew chết rồi? Nó không thể tin nổi.

Nó cảm thấy cái gì đó đang động đậy trong bàn tay phải của nó và những ngón tay nó tê lên âm ảm. Charlie nhìn vô cây gậy phép. Tại sao nó lại mang cây gậy phép tới đây, nếu không phải để sử dụng?

“Con nghĩ con có thể giúp,” nó nói.

Ông cậu Paton nhìn nó.

“Mày à, Charlie?”

“Dạ phải,” Charlie nói tự tin.

Nó bước lại gần cơ thể xụi lơ của cô Ingledew và chạm đầu cây gậy phép vô sợi dây nịt kết đá. Một luồng sáng nhá lên. Trong một giây, toàn bộ sợi dây nịt cháy lắc rắc như một cây pháo bông.

“Nó cháy kìa!” Emma thét lên.

“Không phải,” Charlie nói rành rọt. “Torri!” Nó ra lệnh.

Đầu bịt bạc của cây gậy bùng lên như một ngọn lửa, và sợi dây nịt bay vọt đi, vút thành một cơn mưa bụi sáng, băng vèo qua căn phòng.

“Trời ơi, Charlie!” Ông cậu Paton nói với giọng khiếp đảm. “Làm sao mày biết phải nói cái gì?”

Charlie không thể trả lời Ông cậu. Có lẽ cái từ đó đã nằm chờ trong đầu nó suốt bao nhiêu năm, chưa bao giờ có dịp vọt ra, cho tới bây giờ.

Một phút sau, cô Ingledew thở hắt ra một hơi thật dài và ngồi dậy.

“Lạy Chúa,” cô nói. “Hình như tôi vừa mới xỉu hay sao đó?”

“Ôi di. Con tưởng di chết rồi chứ!” Emma bật khóc. Nó vòng cánh tay ôm chặt lấy cổ cô Ingledew.

“Chết!” Cô Ingledew nói, coi bộ hoang mang.

“Ôi em yêu, Julia yêu dấu. Tôi không thể nói với em...”

Không thể nói được điều mình muốn nói, Ông cậu Paton đành hỉ mũi ầm ỉ.

“Paton, anh cứu em đó à?” Cô Ingledew hỏi.

“Ồ không. Charlie đã cứu em đó.”

Cô Ingledew nhìn cây gậy phép đang nằm trên đùi.

“Thật à? Việc tệ đến thế sao? Cám ơn, Charlie.”

“Không có chi ạ,” Charlie nói, lấy lại cây gậy phép. “Không phải chỉ mình cháu. Mà là... chúng cháu. Cháu và cây gậy phép.”

“À ra vậy. Cảm ơn cả hai nhé.” Cô Ingledew mỉm với Charlie một nụ cười tuyệt vời.

“Em thấy khỏe hơn rồi chưa, Julia?” Ông cậu Paton vừa nói vừa đứng lên.

“Rồi,” cô Julia vui mừng nói. “Em xin lỗi đã gây ra rắc rối này.”

“Đừng lo, Julia,” Ông cậu Paton nói rõ. “Không có gì phiền hết. Nhưng nếu em đã khỏe rồi thì tôi đi thôi. Có việc phải làm.”

Ông sai bước ra cửa nói:

“Chăm sóc dì con nhé, Emma. Tôi sẽ trở lại sau.”

Charlie phóng theo Ông cậu, ông đã đi hết nửa đường Phố Nhà Thờ.

“Ông cậu đi đâu vậy?” Charlie gọi.

“Mày biết rõ mà!” Ông cậu Paton la lớn.

Charlie biết thật. Giữa thanh thiên bạch nhật, nhưng Ông cậu Paton chẳng thèm để ý gì. Không hề cẩn thận trước những cửa sổ bày hàng hay những đèn sau xe ô-tô, đôi chân dài đưa ông đi qua thành phố như một cơn lốc gió đen. Có một tai nạn nhỏ ở chỗ đèn giao thông, nhưng hên là chỉ có một bóng đèn trang trí bị nứt bể, và trước khi ai đó kịp nghĩ xem cái gì đã gây ra điều đó, thì Ông cậu Paton đã khuất một đoạn xa rồi.

Charlie thoáng thấy Ông cậu quẹo vô Vòng Cung Ụ Xám, nhưng nhoáng một cái, ông đã biến mất. Phải tới tận Ngách Tối nó mới thấy lại ông, và ở đó, Ông cậu đứng bên ngoài cánh cửa nhà số 13 thứ ba. Không gõ cửa hay nhấn chuông. Thay vào đó, ông giơ bàn chân lên và đạp. Cánh cửa gỗ cũ nứt toác ra, kêu rắc rắc. Ông cậu Paton lại đạp nữa và cả cánh cửa đổ ập vô trong.

Charlie phóng vèo lên những bậc cấp và lướt qua ngưỡng cửa để mở. Ông cậu đang đi xuống cầu thang phía sau nhà. Charlie chạy theo, xuống những bậc thang, băng qua một hành lang hẹp và vô phòng may của bà cô Venetia.

Mụ Yolanda đang ngồi sau một chiếc máy may ở phía bên kia chiếc bàn lớn, chất la liệt những khúc vải màu và những phụ liệu. Có một tấm vải dài màu xanh lá cây đang nằm dưới mũi kim may.

“Paton, cuối cùng chúng ta cũng gặp lại nhau,” mụ già nói. “Ta hy vọng người tới để van xin.”

Ông cậu Paton trừng mắt nhìn mụ ta, gần như không tin nổi.

“Mụ hy vọng à?” Ông cậu nói.

“Dĩ nhiên. Sau vụ từ trần đáng buồn của bạn gái người. Cô ta chết rồi chứ, ta chắc chắn thế? Người không có duyên may với phụ nữ nhỉ, phải không Paton? Trước tiên là mẹ người, và bây giờ là bạn gái người. Tốt hơn người hãy làm việc cho bọn ta đi, người biết đấy.”

“CÁI GÌ?” Ông cậu Paton gầm vang.

“Người nghe ta nói rồi đó, cả cái thằng nhãi ranh đang đứng núp bóng người nữa.”

Charlie nắm chặt cây gậy phép. Nó tự hỏi khi nào thì nó sẽ cần phải sử dụng cây gậy phép, nhưng rốt cuộc lại không cần phải dùng đến. Nó nhìn ra chỗ mà tia nhìn giận dữ điên cuồng của Ông cậu Paton đang hướng tới, và thấy ngay trong chớp mắt, cái mà mẹ Yolanda chưa kịp nhận ra tiếp theo.

Một vẻ sững sốt kinh hoàng hiện lên trên gương mặt của người đàn bà già khú, khi mẹ nhấc hai bàn tay khỏi chiếc máy may... Quá trễ.

Ngọn đèn bên trên bàn máy may nổ tung, và nguyên bộ máy may bùng sáng, trắng xoá và toả hơi nóng. Thét lên khiếp đảm, mẹ già bị điện giật ở sau máy may bay thẳng lên không. Mẹ quay tít như con bông vù, và một chuỗi sinh vật giống như hồn ma đổ tràn ra khỏi người mẹ. Chúng bay dật dờ trên trần nhà – dơi, chim, nhện, chó, mèo, cá, quái vật... và cả Belle xinh đẹp, quơ quào hai cánh tay dài nghều ngoào – và biến mất.

“Có chuyện gì vậy?”

Một giọng thét ầm, và bà cô Venetia xộc bấn vô phòng. Bà ta nhìn trời chết vô chiếc máy may đang cháy, cái bàn bị bén lửa, vãi vốc cháy sém.

“Mày vừa làm gì vậy?” Bà ta quát Ông cậu Paton. “Bà cô của ta đâu?”

“Chứ bà nghĩ mẹ ta đang ở đâu?” Ông cậu hỏi lại.

“Làm sao mà mày...?” Bà ta thét lên, chạy ra xa khỏi Ông cậu. “Sao mày dám? Đồ bạo tàn, quỷ sứ, ác độc. Đồ... đồ ngu!”

“Đáng lý ra ta phải làm điều này từ lâu lắm rồi.”

Ông cậu Paton nói, quệt hai tay làm điệu bộ như đang chùi sạch một vết nhơ tưởng tượng nào đó.

Lúc này, một vệt lửa nhỏ đang liếm vô những thứ quần áo ở trên bàn. Lửa bắt vô những tấm rèm nhung, và căn phòng tràn ngập mùi đồ vật cháy, khủng khiếp, cay xè.

“Đi nào, Charlie. Ra khỏi đây,” Ông cậu Paton nói.

Họ phóng ào lên cầu thang và bươn ra ngoài trời thoáng đặng. Hai người ho sặc sụa vì khói. Liên ngay đó, bà cô Venetia bổ ra theo.

Xe cứu hoả phải vất vả lắm mới chui được vô Ngách Tối, nhưng cuối cùng họ cũng xoay sở được. Lúc đó thì nhà số 13 đã cháy đổ hai tầng lầu. Một đám đông tụ tập lại coi cảnh tượng kinh hoàng. Người ta chỉ tro và bàn tán về sự cố chập điện và gỗ mục. Không ai ngạc nhiên khi thấy ngôi nhà cũ bốc cháy.

Bốn chị em nhà Yewbeam đứng tách xa ra, nhìn mọi việc trong im lặng ảm đạm. Họ thậm chí không thèm ngó tới mặt của ông em trai.

Khi những người lính cứu hoả sắp sửa kiểm soát được ngọn lửa, thì có người phát hiện ra một người đàn ông đang đứng ở cửa sổ lầu trên cùng. Một cái thang nhỏ được nâng lên, và giữa những tiếng reo hò “Giải lắm!” “Ồn thôi!” “Anh ta còn sống!”, khung cửa sổ gãy sụp xuống và kẻ sống sót bước ra cái thang. Đó là thầy Boldova.

Những bà cô nhà Yewbeam giải thích với xung quanh rằng người này vẫn làm cố vấn cho họ về thiết kế trang phục.

“Anh ta là hoạ sĩ mà,” bà cô Eustacia nói.

Thầy Boldova được cứu sống kịp thời. Vài phút sau khi thầy được cứu, mái nhà của bà cô Venetia bốc cháy, những bức tường ở lầu trên cùng rớt xuống. Trong tích tắc, những người đang há hốc miệng chứng kiến

hình thù của một chiếc dương cầm lớn đen, đầu chót vót trên điểm cao nhất của toà nhà đang cháy. Và rồi, khối nhạc cụ ấy rớt lộn nhào, những phím đàn cháy sém tạo nên một chuỗi âm thanh rợn người khi nó đâm nhào xuống những bậc thang tầng hầm.

“Tôi nhớ rồi,” thầy Boldova nói. “Có ai đó đang chơi đàn dương cầm.”

Nhưng không còn ai sót lại trong toà nhà cháy rụi đó. Những người lính cứu hoả đoán chắc điều đó. Vì vậy, bất cứ ai đang chơi cây đàn khuất dạng đó hẳn đã thoát ra được khỏi ngôi nhà trước khi quá trễ.

“Lạ thật,” thầy Boldova nói. “Tôi chưa bao giờ trông thấy người nghệ sĩ dương cầm, chỉ nghe những điệu nhạc. Thế thôi, những giai điệu mê hồn.”

Charlie nghĩ về ba nó. Có lẽ nào ông bị nhốt ở đó, trong gác mái nhà bà cô Venetia, với chỉ một cây đàn dương cầm? Nếu thế thì bây giờ ông đang ở đâu?

Ông cậu Paton vỗ vai Charlie.

“Mày có điều gì muốn nói với Quý ông này, đúng không Charlie?”

“Con hả?” Charlie mơ màng. “Dạ phải. Đúng rồi.” Và nó kể cho thầy Boldova về Ollie.

“Đây là tin tốt lành nhất tôi từng nghe trong cuộc đời mình,” thầy dạy vẽ nói. “Cậu đưa tôi đến gặp nó được không? Ngay bây giờ? Và cậu vui lòng gọi tôi là Samuel được không? Hãy bỏ phần đời mang tên Boldova của tôi lại phía sau.”

“Dạ được, thưa thầy Sparks,” Charlie nói. “Ollie đang ở không xa đây. Ông cậu của con...”

Nó nhìn quanh, nhưng Ông cậu Paton đã đi mất. Charlie đoán là ông đã quay trở lại tiệm sách cô Ingledew.

Vào Chủ nhật, bảy đứa trẻ cùng với bầu đoàn thú cưng của chúng gặp nhau ở quán Cà Phê Thú Kiểng. Tất cả bọn đều muốn gặp cậu bé vô hình. Mặc đồ mới, tắm rửa sạch sẽ, cắt tóc gọn gàng, trông Ollie hoàn toàn bình thường. Bọn trẻ hình như hơi thất vọng. Nhưng nỗi thất vọng không kéo dài lâu.

“Tôi muốn tất cả các bạn tới chơi Lâu Đài Lấp Lánh,” Ollie nói. “Anh Samuel bảo kỳ nghỉ giữa học kỳ sắp tới rồi, vì vậy các bạn có thể đi một tuần. Lâu lắm rồi tôi không có bạn tới chơi, và nếu không có tất cả các bạn thì tôi đã không có mặt ở đây.”

Ai còn màng đến học lời thoại, tập hoà âm hay vẽ phong nền nữa, khi mà cả một tuần lễ sẽ được trôi qua trong một toà lâu đài.

“Nó không hẳn là một lâu đài,” Ollie nói. “Nhưng có rất nhiều phòng. Và có cả núi, cả suối, cả rừng, và cả cánh đồng nữa.”

Nghe sao mà hấp dẫn quá.

Lời ước của Charlie đã được thực hiện. Ông cậu Paton thuê một chiếc xe tải nhỏ. Ông cậu sẽ không mua một chiếc như thế đâu, ông nói, bởi vì nó không hợp với gu của Ông cậu. Nhưng để chở tám đứa trẻ và một thầy giáo dạy vẽ, một cô bán sách, và một con chó... thì đúng là rất cần đến xe tải.

Tất cả mọi người hẹn gặp nhau ở tiệm sách vào thứ Bảy sau đó. Sau khi trời tối, Ông cậu Paton xuất hiện trong chiếc xe tải dài màu bạc. Hành lý và những túi ngủ được gói ghém gọn gàng sau xe, bánh mì và nước uống được tổng dưới gầm ghế và tất cả mọi người dồn vô trong xe.

Cô Ingledew ngồi cạnh Ông cậu Paton ở đằng trước. Charlie và Fidelio ngồi với anh em nhà Sparks ở hàng ghế kế tiếp, với Hạt Đậu nằm vắt ngang qua đầu gối họ. Năm đứa còn lại chen chúc nhau ở đằng sau.

Khi họ rời khỏi thành phố lấp lánh ánh đèn phía sau và đi vô những con lộ nhỏ tối, Ollie nói:

“Còn cậu bé kia đâu rồi? Cậu bé làm cho con trần thay đổi ấy?”

Charlie cảm thấy tội nghiệp Billy.

“Họ không cho nó rời khỏi Học viện,” Charlie nói. “Nhưng một ngày nào đó tụi mình sẽ đưa nó ra. Mọi người biết đấy, Billy có khi còn dũng cảm hơn bất cứ ai trong chúng ta.”

Có tiếng râm ran đồng ý từ mấy đứa kia, nhưng trước khi tâm trạng cả bọn trở nên quá uỷ mị, Gabriel bảo: “Thật ra ngay lúc này Billy rất vui. Anh đã ráng mang Rembrandt vô khu nhà bếp. Anh bảo đảm là chúng đang vui vẻ với nhau. À mà này, May Phúc đã có đuôi trở lại rồi. Bà bếp trưởng đã đem nó tới gặp con trăn.”

Thầy Samuel Sparks nói thầy rất vui khi biết Rembrandt đã có người để chuyện trò. Trước kia thầy không bao giờ biết chắc là con chuột đó có hạnh phúc hay không.

“Thầy nghĩ là nó không thích những cái này,” thầy Samuel nói.

Rồi thầy lôi hai viên sỏi ra khỏi túi và để cho chúng loé sáng trong lòng bàn tay mình.

“Thú vật không thích phép thuật,” Gabriel nói.

Lập tức, con Hạt Đậu nhóm đứng lên đầu gối Charlie và tru lên một tràng dài.

“Mày đồng ý hả?” Gabriel nói, và tất cả mọi người cùng cười.

Đó là một cuộc hành trình dài, và bao nhiêu lần Charlie ngủ thiếp đi. Nó choàng tỉnh dậy mỗi khi Hạt Đậu liếm mặt nó hoặc thay đổi tư thế. Nhưng lần cuối cùng Charlie thức giấc, chiếc xe nảy một cái thật mạnh và dừng lại. Họ đến một ngã ba đường. Và nhìn qua cửa sổ, Charlie thấy một bảng chỉ đường. Có hai cái tên ở trên cùng. Mũi tên bên trái đề ĐÁ LẤP LÁNH và mũi tên bên phải đề ĐƯỜNG YOR.

“Đường Yor?” Charlie nói gà gật. “Nghĩa là gì?”

“Là con đường dẫn tới Lâu Đài Yewbeam,” Ông cậu Paton nói nghiêm trang.

Charlie cảm thấy cái gì đó sợ hãi, ớn lạnh chạy dọc theo sống lưng. Yorath đã nói gì với Ông cậu? “Nếu mày làm hại con gái yêu của ta thì mày phải trả giá bằng mạng sống của mày.” Và Ông cậu Paton đã làm hại mẹ Yolanda. Vậy lão Yorath sẽ làm gì? Tốt hơn không nghĩ đến chuyện đó vội, Charlie quyết định.

Cô Ingledew đặt một bàn tay mình lên những ngón tay răn chắc của Ông cậu Paton, và ông quay qua cô, mỉm cười.

“Đó là con đường chúng ta sẽ không tới,” Ông cậu nói.

Chiếc xe tròng trành tiến lên trước và đi theo mũi tên tới Đá Lấp Lánh. Con đường trở nên dốc và ngoằn ngoèo, nhưng họ chỉ phải đi thêm một chút, Ollie đã thét lên:

“Kia rồi! Chúng ta đã về nhà!”

Và đúng là nó, sừng sững ngay trên đồi dốc đứng trước mặt: lâu đài Lấp Lánh. Và nó sáng lấp lánh thật. Trong mỗi cửa sổ của ngôi nhà lạ kỳ, nhấp nhô đầy những tháp nhỏ ấy đều có một dãy đèn loé sáng, nhấp nháy.

Một cậu bé bị mất tích đang về nhà, và người cha đã tìm lại được tài phát sáng đá của mình.

Hết.

{Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - góc nhỏ cho người yêu sách}

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Góc Sách:

Mai – Hải Bằng –Thi_kute

(Tìm - Chỉnh sửa - Đăng)

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/charlie-bone-va-cau-be-vo-hinh-tap-3>